

Hiếu Biệt Sự Sống

Hiếu Biệt Sự Sống

Mục Lục

[Chương 1: Sự sống là gì?](#)

[Chương 2: Kinh nghiệm sự sống là gì?](#)

[Chương 3: Kinh nghiệm đầu tiên về sự sống – Sự tái sinh](#)

[Chương 4: Những điều nhận được qua sự tái sinh](#)

[Chương 5: Cảm nhận của sự sống](#)

[Chương 6: Sự tương giao của sự sống](#)

[Chương 7: Cảm nhận của Linh và sự nhận biết Linh](#)

[Chương 8: Khác biệt giữa Linh và Hồn](#)

[Chương 9: Ba sự sống và Bốn loại luật](#)

[Chương 10: Luật sự sống](#)

[Chương 11: Tri thức bên trong](#)

[Chương 12: Sự sống tăng trưởng là gì?](#)

[Chương 13: Lùi ra của sự sống](#)

[Chương 14: Sự sáng và sự sống](#)

CHƯƠNG MỘT

SỰ SỐNG LÀ GÌ?

Trước hết chúng ta cần thấy sự sống là gì. Để biết sự sống, chúng ta phải hiểu sự sống là gì. Điều này hơi khó giải thích, vì vậy chúng ta thật cần sự thương xót của Chúa. Theo

sự dạy dỗ của Kinh Thánh, có ít nhất sáu điểm cần được bàn đến để làm sáng tỏ đề tài này.

I. CHỈ CÓ SỰ SỐNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI MỚI LÀ SỰ SỐNG

Để giải thích sự sống là gì, trước hết chúng ta phải được sáng tỏ một điều, ấy là trong cõi vũ trụ này loại sự sống nào có thể được kể là sự sống. 1 Giăng 5:12 nói rằng: “Ai có Con thì có sự sống; ai không có Con Đức Chúa Trời thì chẳng có sự sống đâu”. Giăng 3:36 cũng chép rằng: “Ai tin Con thì có sự sống vĩnh cửu, ai không vâng phục Con thì sẽ chẳng thấy sự sống đâu”. Hai câu Kinh Thánh trên cho chúng ta biết nếu một người không có sự sống của Đức Chúa Trời, người ấy không có sự sống. Điều này bày tỏ cho chúng ta thấy dưới mắt Đức Chúa Trời chỉ có sự sống của Ngài mới là sự sống; ngoài ra, không sự sống nào khác được kể là sự sống. Vậy nên khi sự sống của Đức Chúa Trời được đề cập đến trong Kinh Thánh, sự sống ấy được kể là sự sống duy nhất (Gi. 1:4; 10:10; 11:25; 14:6; v.v...)

Chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời mới là sự sống. Các loại sự sống khác không được kể là sự sống vì chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời mới là thần thượng và vĩnh cửu.

Thần thượng nghĩa là gì? Thần thượng nghĩa là thuộc về Đức Chúa Trời, có bản chất của Đức Chúa Trời, hay là siêu việt và phân biệt hơn hẳn những điều khác. Chỉ có Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, chỉ có Đức Chúa Trời mới có bản chất của Đức Chúa Trời, và chỉ có Đức Chúa Trời mới là siêu việt và phân biệt hơn hẳn mọi sự khác; vì vậy, chỉ có Đức Chúa Trời mới là thần thượng. Sự sống của Đức Chúa Trời là chính Đức Chúa Trời (chúng ta sẽ xét điểm này sau), và vì sự sống ấy là chính Đức Chúa Trời nên tự nhiên sự sống này có bản chất của Đức Chúa Trời. Thí dụ một cái chén bằng vàng là vàng, và vì nó là vàng nên nó có bản chất của vàng. Tương tự như vậy, sự sống của Đức Chúa Trời là chính Đức Chúa Trời và có bản chất của Đức Chúa Trời; Đức Chúa Trời là bản chất của sự sống Ngài. Vì sự sống của Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời và

có bản chất của Đức Chúa Trời nên sự sống của Đức Chúa Trời là thần thượng.

Vĩnh cửu nghĩa là gì? Vĩnh cửu nghĩa là bất thọ tạo [không phải bị sáng tạo], không bắt đầu hoặc chấm dứt, tự hiện hữu và tồn tại bất biến mãi mãi. Chỉ có Đức Chúa Trời là bất thọ tạo; chỉ Ngài mới có “từ đời đời [vĩnh cửu] đến đời đời [vĩnh cửu]” (Thi. 90:2, theo nguyên văn), tức là không có bắt đầu hoặc chấm dứt. Ngài là “Ta là Đấng Ta là” (Đấng Tự Hữu Hằng Hữu) (Xuất. 3:14), và mãi mãi “y nguyên” (không hề biến đổi) (Thi. 102:27). Vì chính Đức Chúa Trời là như vậy nên sự sống, tức là chính mình Ngài, cũng như vậy. Sự sống của Đức Chúa Trời, y như chính Đức Chúa Trời, cũng không phải do sáng tạo, không bắt đầu hoặc chấm dứt, tự hiện hữu, mãi mãi tồn tại và không bao giờ thay đổi; cho nên sự sống của Đức Chúa Trời là vĩnh cửu. Vì lý do đó, Kinh Thánh nói sự sống của Đức Chúa Trời là sự sống vĩnh cửu.

Vì cả thần thượng và vĩnh cửu đều là bản chất của Đức Chúa Trời và đều bày tỏ ra những đặc điểm của chính mình Đức Chúa Trời, nên thần thượng và vĩnh cửu cũng là bản chất của sự sống Ngài và mô tả được những đặc điểm của sự sống Ngài. Tuy nhiên, thần thượng không phải chỉ là một đặc điểm của sự sống Đức Chúa Trời mà lại còn là yếu tố tính của sự sống Ngài, trong khi đó vĩnh cửu chỉ là một đặc điểm của sự sống Ngài. Chúng ta hãy xem lại ví dụ về cái chén bằng vàng. Bản chất của nó là vàng và chúng rất sét. Tuy nhiên, vàng không những chỉ minh định tính chất của cái chén mà vàng cũng chính là yếu tố tính của cái chén, trong khi tính chất chúng rất sét của cái chén là do tính chất vàng mà ra. Cũng vậy, sự sống của Đức Chúa Trời là vĩnh cửu vì sự sống Ngài là thần thượng. (Thần thượng không những chỉ có nghĩa là điểu gì đó thuộc về Đức Chúa Trời mà còn là chính Đức Chúa Trời). Sự sống của Đức Chúa Trời là vĩnh cửu vì sự sống Ngài là thần thượng. Trong vũ trụ không có sự sống thọ tạo nào có bản chất thần thượng; vì vậy, không có sự sống thọ tạo nào là vĩnh cửu. Chỉ có bản chất của sự sống bất thọ tạo của Đức

Chúa Trời mới là th́n thượng và v́nh c_u. Vì b_n ch_t c_a sự s_ng Đức Chúa Trời là như đi_u vừa nói trên nên đương nhiên tự sự s_ng c_a Đức Chúa Trời cũng là như vậy. Sự s_ng c_a Đức Chúa Trời là v́nh c_u vì sự s_ng ́y là th́n thượng. Trong c_ vũ trụ, ch_ có sự s_ng c_a Đức Chúa Trời là vừa th́n thượng vừa v́nh c_u; vì vậy, ch_ sự s_ng c_a Đức Chúa Trời mới được k_ là sự s_ng.

Ch_ có sự s_ng vừa th́n thượng vừa v́nh c_u mới có th_ được k_ là sự s_ng vì sự s_ng ch_ v_ đi_u gì s_ng động. Tất c_ những gì được k_ là sự s_ng ph_i là những gì b_t t_. Đi_u gì b_t t_ thì không bao giờ thay đ_i; đi_u ́y t_n tại y nguyên và cứ ti_p tục s_ng thậm chí sau khi tr_i qua b_t cứ th_m họa hay sự h_y diệt nào. Sự s_ng nào chịu khu_t phục sự ch_t và sự đ_i thay, và cũng không th_ chịu đựng n_i b_t cứ th_m họa hoặc sự tàn phá nào thì sự s_ng ́y không có tính ch_t v́nh c_u, b_t t_, không b_t bi_n, và vì vậy không th_ được k_ là sự s_ng. Sự s_ng ph_i là đi_u gì s_ng còn mãi mãi và không bao giờ thay đ_i. Ch_ đi_u gì có tính ch_t v́nh c_u mới có th_ như th_ được. Th_ thì đi_u gì là v́nh c_u? Ch_ đi_u gì là th́n thượng! Đi_u gì th́n thượng thì thuộc v_ Đức Chúa Trời, và đi_u đó là chính Đức Chúa Trời. Chính Đức Chúa Trời thì không có kh_i đ_u hoặc tận cùng, tự hiện hữu và t_n tại mãi mãi; vì vậy Ngài là v́nh c_u. Vì ch_ đi_u nào th́n thượng mới v́nh c_u và ch_ đi_u nào v́nh c_u mới có th_ s_ng v́nh vi_n không thay đ_i, ch_ đi_u gì vừa th́n thượng vừa v́nh c_u mới có th_ được k_ là sự s_ng.

Tất c_ các loại sự s_ng trong vũ trụ, d_u là c_a thiên sứ, loài người, động vật hay th_o mộc, đ_u ph_i ch_t và thay đ_i; vì lý do đó chúng không v́nh c_u. Chúng không có b_n ch_t c_a Đức Chúa Trời, cũng không th́n thượng. Ch_ có sự s_ng c_a Đức Chúa Trời mới có b_n ch_t c_a Đức Chúa Trời; vì vậy, sự s_ng ́y th́n thượng và v́nh c_u, b_t t_ và b_t bi_n, không th_ bị c_m giữ b_i sự ch_t và không th_ bị h_y diệt (Công. 2:24; Hê. 7:16). D_u ph_i tr_i qua b_t cứ th_m họa hay sự tàn phá nào, sự s_ng ́y cứ t_n tại không thay đ_i và

vấn mãi mãi y nguyên. Trong vũ trụ, ngoại trừ sự sống của Đức Chúa Trời, không sự sống nào khác có thể được như vậy. Vì vậy, từ quan điểm của cõi vĩnh cửu, chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời mới là sự sống. Sự sống ấy không chỉ có danh nghĩa là sự sống mà cũng có thực tại của sự sống và vì thế sự sống ấy hoàn toàn làm trọn ý nghĩa của sự sống. Những sự sống khác chỉ là sự sống trên danh nghĩa, không có thực tại; thế nên chúng không thể đáp ứng được những tiêu chuẩn bất tử và bất biến của sự sống và không thể được gọi là sự sống. Vì thế, theo bản chất thần thượng và vĩnh cửu của sự sống Đức Chúa Trời, sự sống của Đức Chúa Trời là sự sống độc nhất vô nhị trong cõi vũ trụ*. [Vì sự sống của Đức Chúa Trời là sự sống duy nhất nên hễ khi nào Tân Ước nói về sự sống này, trong nguyên ngữ Hi Lạp luôn dùng từ zoe, chỉ về sự sống cao nhất (Gi. 1:4; 1 Gi. 1:2, 5:12; v.v...). Bên cạnh đó, nguyên bản Tân Ước cũng dùng (1) bios để chỉ về sự sống của xác thịt (Lu. 8:43; 21:4; v.v...) và (2) psuche để chỉ về sự sống hồn hay sự sống thiên nhiên của con người (Mat. 16:25-26; Lu. 9:24; v.v...)].

II. SỰ SỐNG LÀ SỰ TUÔN ĐÓNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Vấn đề sự sống là gì, trước hết chúng ta phải thấy rằng chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời mới là sự sống, sau đó, chúng ta phải thấy rằng sự sống là sự tuân phục của Đức Chúa Trời. Khi Thi 22:1-2 nói về sông nước sự sống tuôn chảy từ ngai Đức Chúa Trời và trong dòng sông sự sống ấy có cây sự sống. Cõi sông nước sự sống và cây sự sống đều biểu trưng cho sự sống. Vì vậy, tại đây chúng ta sáng tỏ rằng sự sống là điểu gì tuôn đổ ra từ Đức Chúa Trời. Do đó có thể nói rằng sự sống là sự tuân phục của Đức Chúa Trời.

Chúng ta đã thấy sự sống thì phải là thần thượng và đời đời. Vì Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời nên tất nhiên Ngài là thần thượng. Kinh Thánh cũng nói rằng Đức Chúa Trời là đời đời. Như vậy, vì Đức Chúa Trời vừa thần thượng vừa đời đời nên Ngài là sự sống. Do đó Đức Chúa Trời tuôn đổ ra là sự sống.

Theo bản chết thần thượng và đời đời của chính Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời là sự sống. Nhưng nếu Đức Chúa Trời không tuôn đổ ra thì dù đối với chính Ngài, Ngài là sự sống thật đầy, nhưng đối với chúng ta Ngài không phải là sự sống. Ngài phải tuôn đổ ra thì Ngài mới có thể trở nên sự sống cho chúng ta được. Sự tuôn đổ của Ngài trải qua hai bước. Bước thứ nhất là Ngài trở nên xác thịt. Điều này làm cho Ngài có thể tuôn đổ từ trời vào giữa vòng loài người và bày tỏ chính Ngài là sự sống (Gi. 1:1, 14, 4). Vì vậy, khi Kinh Thánh đề cập đến điều này thì một mặt nói rằng Ngài “đã được tỏ ra trong xác thịt” (1 Ti. 3:16), còn mặt kia thì nói rằng “sự sống duy đã được tỏ ra” (1 Gi. 1:2). Vì thế, khi còn ở trong xác thịt, Ngài đã phán rằng Ngài là sự sống (Gi. 14:6). Mặc dù trong bước thứ nhất của sự tuôn đổ, Ngài có thể bày tỏ chính Ngài là sự sống cho chúng ta, nhưng chúng ta không tiếp nhận Ngài là sự sống được; vì vậy, Ngài phải thực hiện bước thứ hai của sự tuôn đổ. Bước thứ hai của sự tuôn đổ là Ngài chịu đóng đinh trên thập tự giá. Qua sự chết, thân thể xác thịt mà Ngài đã mặc lấy duy đã bị vỡ ra, do đó, từ xác thịt Ngài có thể tuôn đổ ra và trở nên nước sống sinh động để chúng ta tiếp nhận (Gi. 19:34; 4:10, 14). Tổng đá trong Cựu Ước tượng trưng chính Ngài; nó đã bị đập vỡ và từ đó tuôn ra dòng nước sống để dân Israel uống (Êxc. 17:6; 1 Cô. 10:4). Ngài đã trở nên xác thịt để Ngài có thể thành một hạt lúa mì chứa đựng sự sống. Ngài đã bị đóng đinh để Ngài có thể tuôn đổ từ trong lớp vỏ ngoài của xác thịt mà vào bên trong chúng ta là những bông trái của Ngài, và Ngài trở thành sự sống của chúng ta (Gi. 12:24).

Vì thế, sự sống mà chúng ta nhận lãnh từ Đức Chúa Trời là sự tuôn đổ của chính Đức Chúa Trời. Đối với chúng ta, sự sống tuôn đổ vào bên trong chúng ta là sự tuôn đổ ra của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta. Đối với Đức Chúa Trời, sự sống duy là sự tuôn đổ Đức Chúa Trời ra từ chính Ngài. Sau đó, khi sự sống này tuôn đổ từ chúng ta thì, một lần nữa, sự sống duy lại là sự tuôn đổ Đức Chúa Trời. Sự tuôn đổ của Đức Chúa Trời bắt đầu từ Ngài: trước hết sự tuôn đổ đã được tuôn

đổ vào trong Jesus Người Na-xa-rét; sau đó sự tuôn đổ chảy qua thập tự giá rồi tuôn đổ vào trong các sứ đồ; rồi từ các sứ đồ mà tuôn chảy ra như những dòng sông nước sống (Gi. 7:38); rồi chảy xuyên qua các thánh đồ của mọi thời đại, rồi cuối cùng sự tuôn đổ đổ vào trong chúng ta. Từ chúng ta, sự tuôn đổ này chảy ra cho hàng triệu người nữa và sẽ tuôn chảy cho đến cõi vĩnh cửu, tuôn đổ mãi mãi không ngưng nghỉ như đã nói đến trong Khôli Thi 22:1-2 và Giăng 4:14.

Những dòng nước được đổ cập trong Ê-xê-chi-ên 47 tượng trưng cho sự tuôn đổ Đức Chúa Trời. Bất cứ nơi nào những dòng nước này tuôn đổ đến thì tại nơi ấy, tất cả mọi sự đều sẽ có sự sống. Cũng vậy, bất cứ nơi nào sự tuôn đổ Đức Chúa Trời tràn đến, nơi đó sẽ có sự sống, vì sự tuôn đổ này tự nó đã là sự sống rồi. Khi sự tuôn đổ này tuôn chảy đến cõi đời đời thì cõi đời đời sẽ tràn đầy sự sống và trở nên một cõi đời đời của sự sống.

Ngay từ buổi ban đầu, khi nói về sự sống, Kinh Thánh cho chúng ta thấy một dòng sông tuôn đổ (Sáng. 2:9-14). Vào cuối sách Khôli thi, chúng ta được cho thấy rằng đi với chúng ta, tất cả mọi sự liên hệ đến sự sống đều đó là nước sự sống hay cây sự sống, đều tuôn đổ từ Đức Chúa Trời. Điệu này nói lên cách rõ ràng rằng, đi với chúng ta, sự sống là sự tuôn đổ ra của chính mình Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời tuôn đổ từ trời, qua xác thịt Ngài mà tuôn đổ vào giữa chúng ta như sự sống là điệu đã được bày tỏ ra cho chúng ta. Sau đó, từ xác thịt Ngài tuôn đổ vào bên trong chúng ta như sự sống mà chúng ta đã tiếp nhận.

III. SỰ SỐNG LÀ NỘI DUNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Vấn đề sự sống là gì, điệu thứ ba mà chúng ta cần biết ấy là sự sống tức là nội dung của Đức Chúa Trời. Vì sự sống là sự tuôn đổ Đức Chúa Trời, nên sự sống là nội dung của Đức Chúa Trời, và sự tuôn đổ Đức Chúa Trời là từ chính mình Ngài mà chính Đức Chúa Trời là nội dung của Đức Chúa Trời.

Vì nội dung của Đức Chúa Trời là chính Đức Chúa Trời nên nội dung này là tất cả những gì mà Đức Chúa Trời “là”, hay là sự đầy trọn của Đức Chúa Trời Tam Nhất. Kinh Thánh cho chúng ta biết rằng tất cả sự đầy trọn của Đức Chúa Trời Tam Nhất đều ở trong Đấng Christ (Côl. 2:9). Đó là vì Đấng Christ, là hiện thân của Đức Chúa Trời, đã được biểu lộ trong sự sống của con người. Sự sống này chứa đựng trọn vẹn sự đầy đủ của Đức Chúa Trời Tam Nhất, tức là tất cả những gì Đức Chúa Trời là. Tất cả những gì Đức Chúa Trời là đều ở trong sự sống này. Sự kiện Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời tùy thuộc vào sự sống này. Vì vậy, sự sống này là nội dung của Đức Chúa Trời, là sự đầy đủ của Đức Chúa Trời Tam Nhất. Khi chúng ta tiếp nhận sự sống này, chúng ta tiếp nhận nội dung của Đức Chúa Trời, và chúng ta nhận lãnh tất cả những gì có ở trong Ngài. Sự sống này đang ở bên trong chúng ta là tất cả những gì Đức Chúa Trời “là”. Ngày nay, chính trong sự sống này mà Đức Chúa Trời trở nên tất cả của chúng ta và là tất cả của chúng ta. Vì sự sống này ở trong Đấng Christ mà Đấng Christ là sự đầy trọn của Đức Chúa Trời Tam Nhất và là nội dung của chính mình Ngài nên trong chúng ta sự sống ấy cũng là sự đầy đủ của Đức Chúa Trời Tam Nhất và là nội dung của chính Đức Chúa Trời.

IV. SỰ SỐNG LÀ CHÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI

Chúng ta đã thấy rằng sự sống là sự tuân theo Đức Chúa Trời và sự sống là nội dung của Đức Chúa Trời. Sự tuân theo Đức Chúa Trời phát xuất từ chính mình Ngài và nội dung của Đức Chúa Trời cũng là chính Đức Chúa Trời. Vì sự sống vừa là sự tuân theo Đức Chúa Trời vừa là nội dung của Đức Chúa Trời nên tự nhiên sự sống là chính Đức Chúa Trời. Đây là điểm thứ tư chúng ta cần biết liên quan đến vấn đề sự sống là gì.

Trong Giăng 14:6 Chúa Jesus phán Ngài là sự sống. Sau khi phán điều đó, từ câu 7 đến câu 11, Ngài bày tỏ cho các môn đồ biết Ngài và Đức Chúa Trời là một. Khi Ngài phán lời này, ấy là chính Đức Chúa Trời phán trong Ngài. Ngài là Đức Chúa

Trời đã trỏ nên xác thật, và Ngài là Đức Chúa Trời trong xác thật (Gi. 1:1, 14; 1 Ti. 3:16). Khi Chúa Jesus phán Ngài là sự sống, ấy là Đức Chúa Trời phán Đức Chúa Trời là sự sống. Do đó Lời của Ngài bày tỏ cho chúng ta rằng sự sống là chính Đức Chúa Trời.

Chúng ta nên chú ý đến sự kiện Kinh Thánh hiếm khi dùng từ “sự sống của Đức Chúa Trời”. Sự dạy dỗ của Kinh Thánh cốt yếu bày tỏ cho chúng ta rằng Đức Chúa Trời là sự sống; Kinh Thánh thường nói về Đức Chúa Trời là sự sống; hiếm khi Kinh Thánh đề cập đến “sự sống của Đức Chúa Trời”. Kinh Thánh cho chúng ta biết Đức Chúa Trời là sự sống của chúng ta và nói về Đức Chúa Trời là sự sống của chúng ta; hầu như không bao giờ Kinh Thánh nói rằng Đức Chúa Trời muốn chúng ta tiếp nhận “sự sống của Ngài”. Sự sống của Đức Chúa Trời thì khác với Đức Chúa Trời là sự sống hay Đức Chúa Trời như sự sống. Sự sống của Đức Chúa Trời không nhất thiết bao hàm toàn thể chính mình Ngài, trong khi Đức Chúa Trời là sự sống hay Đức Chúa Trời như sự sống thì chỉ về toàn thể chính mình Ngài. Nói đúng ra, khi chúng ta tiếp nhận sự sống, chúng ta không tiếp nhận sự sống của Đức Chúa Trời, nhưng tiếp nhận Đức Chúa Trời như là sự sống. Đức Chúa Trời không ban cho chúng ta sự sống của Ngài mà chính mình Ngài đến làm sự sống của chúng ta. Vì chính mình Đức Chúa Trời là sự sống nên sự sống Ngài là chính Ngài.

Vậy thì sự sống là gì? Sự sống là chính Đức Chúa Trời. Có sự sống nghĩa là gì? Có sự sống là có chính mình Đức Chúa Trời. Sống-bày-tỏ sự sống nghĩa là gì? Sống-bày-tỏ sự sống là sống-bày-tỏ chính mình Đức Chúa Trời. Sự sống hoàn toàn không khác gì hơn là Đức Chúa Trời. Nếu khác thì sự sống không phải là sự sống. Chúng ta cần hiểu điều này rõ ràng. Chỉ biết rằng chúng ta có sự sống thì chưa đủ; chúng ta phải biết hơn nữa rằng sự sống chúng ta có là chính mình Đức Chúa Trời. Chỉ biết mình sống-bày-tỏ sự sống thì chưa đủ; chúng ta cũng phải biết rằng sự sống mà mình cần sống-bày-tỏ đó là chính Đức Chúa Trời.

Anh chị em ơi, sự sùng mà chúng ta nên sùng-bày-t^o thật sự là gì? Khi sùng-bày-t^o sự sùng, chúng ta sùng-bày-t^o đi^u gì? Có phải sùng-bày-t^o tình yêu thương, sự khiêm nhường, tính hi^on lành, và lòng kiên nh^on là sùng-bày-t^o sự sùng không? Không! Vì tình yêu thương, sự khiêm nhường, tính hi^on lành, và lòng kiên nh^on đ^ou không phải là sự sùng; b^ot cứ sự t^ot lành hay mỹ đức nào đó cũng không. Duy chính Đức Chúa Trời mới là sự sùng. Th^o nên sùng-bày-t^o những mỹ đức như vậy không phải là sùng-bày-t^o sự sùng. Ch^o có sùng-bày-t^o chính mình Đức Chúa Trời mới là sùng-bày-t^o sự sùng. N^ou tình yêu, sự khiêm nhường, hi^on lành, và kiên nh^on mà chúng ta sùng-bày-t^o không phải là sự tuân đ^o Đức Chúa Trời hoặc bi^ou lộ Đức Chúa Trời thì chúng không phải là sự sùng. B^ot cứ đi^u t^ot lành hay mỹ đức nào mà chúng ta sùng-bày-t^o đ^ou không phải là sự sùng, trừ phi chúng bi^ou lộ Đức Chúa Trời qua chúng ta. Những đức tính t^ot lành mà chúng ta sùng-bày-t^o phải là sự tuân đ^o Đức Chúa Trời, bi^ou lộ Đức Chúa Trời, và di^on đạt Đức Chúa Trời; khi ^oy chúng ta mới đang sùng-bày-t^o sự sùng; vì sự sùng là chính Đức Chúa Trời.

Cô-lô-se 2:9 và Ê-phê-sô 3:19 cho chúng ta th^oy sự đ^oy trọn c^oa Đức Chúa Trời. Sự sùng mà chúng ta ti^op nhận là Đức Chúa Trời đ^oy trọn này. Vì vậy sự sùng này cũng đ^oy trọn. Trong sự sùng ^oy có tình yêu và ánh sáng, sự khiêm nhường và hòa nhã, sự kiên nh^on và chịu đựng, sự thông c^om và hi^ou bi^ot. T^ot c^o những đi^u t^ot lành và các mỹ đức ^o trong Đức Chúa Trời đ^ou có trong sự sùng này. Vì vậy, sự sùng này có th^o sùng-bày-t^o t^ot c^o các mỹ đức ^oy qua chúng ta. Sùng-bày-t^o những mỹ đức ^oy là sùng-bày-t^o Đức Chúa Trời vì sự sùng này là Đức Chúa Trời. Dù sự sùng này, khi sùng-bày-t^o, có nhi^ou sự bi^ou lộ khác nhau, ch^ong hạn như tình yêu thương, sự khiêm nhường, hi^on lành, và kiên nh^on, nhưng đó là t^ot c^o những sự di^on đạt v^o Đức Chúa Trời, vì t^ot c^o đ^ou được sùng-bày-t^o từ Đức Chúa Trời. Đi^u gì được sùng-bày-t^o từ Đức Chúa Trời là sự bi^ou lộ Đức Chúa Trời, hay bi^ou lộ sự sùng vì Đức Chúa Trời là sự sùng và sự sùng là Đức Chúa Trời.

V. SỰ SỐNG LÀ Đấng CHRIST

Kinh Thánh cho chúng ta thấy sự sống là chính Đức Chúa Trời. Hơn nữa, Kinh Thánh còn bày tỏ cho chúng ta rằng sự sống là Đấng Christ. Sự sống đã là Đức Chúa Trời, sau đó Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, tức là Đấng Christ. Vì vậy, Đấng Christ là Đức Chúa Trời và Đấng Christ cũng là sự sống (1 Gi. 5:12). Sự sống đã là Đức Chúa Trời và là Đức Chúa Trời hiện đang ở trong Ngài (Gi. 1:4). Vì thế, Đấng Christ đã lập đi lập lại rằng Ngài là sự sống (Gi. 14:6; 11:25), và Ngài đến trên đời này để loài người có thể có sự sống (Gi. 10:10). Bởi thế, Kinh Thánh chép rằng hễ người nào có Ngài thì có sự sống (1 Gi. 5:12), và Đấng ở trong chúng ta là sự sống của chúng ta (Côl. 3:4).

Sự sống là chính Đức Chúa Trời như thế nào, sự sống cũng là Đấng Christ y như vậy. Có sự sống là có chính Đức Chúa Trời như thế nào, có sự sống cũng là có Đấng Christ y như vậy. Sống-bày-tỏ sự sống là sống-bày-tỏ chính Đức Chúa Trời như thế nào, sống-bày-tỏ sự sống cũng là sống-bày-tỏ Đấng Christ y như vậy. Sự sống hoàn toàn không có gì khác hơn là Đức Chúa Trời; cũng vậy, sự sống hoàn toàn không gì khác hơn là Đấng Christ. Điều gì chỉ một chút lệch khỏi Đức Chúa Trời thì không phải là sự sống, cũng vậy điều gì chỉ một chút lệch khỏi Đấng Christ thì cũng không phải là sự sống vì Đấng Christ là Đức Chúa Trời dưới dạng sự sống. Vì là qua Đấng Christ và với tư cách là Đấng Christ mà Đức Chúa Trời được biểu lộ ra như là sự sống. Do đó, Đấng Christ là sự sống và sự sống là Đấng Christ.

VI. SỰ SỐNG LÀ THÁNH LINH

Sau khi Chúa Jesus phán rằng Ngài là sự sống trong Giăng 14:6, Ngài bày tỏ cho các môn đồ biết không những Ngài và Đức Chúa Trời là một (cc. 7-11), mà Thánh Linh và Ngài cũng là một (cc. 16-20)* [Trong hai câu 16 và 17, Chúa dùng từ "Ngài" để chỉ về Thánh Linh, nhưng trong câu 18, Ngài đi đại từ "Ngài" thành "Ta". Bằng cách thay đổi từ "Ngài" thành

“Ta” Chúa đã nói rằng “Ngài” là “Ta”. Điều này bày tỏ rằng Thánh Linh mà Ngài đã cấp đón trong những câu 16 và 17 là chính mình Ngài]. Từ câu 7 đón câu 11 Ngài bày tỏ cho chúng ta biết Ngài là hiện thân của Đức Chúa Trời, tức là Ngài ở trong Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời ở trong Ngài. Do đó, Ngài là sự sống nghĩa là Đức Chúa Trời là sự sống. Từ câu 16 đón câu 20, Ngài mặc khải sâu xa hơn rằng Thánh Linh là hiện thân của Ngài, là một dạng khác của Ngài và khi Ngài không còn hiện diện với chúng ta trong thân thể nữa thì Linh của thực tại này, tức là chính mình Ngài như một Đấng an nghỉ khác, sẽ đón vào trong chúng ta và ở với chúng ta. Linh này đang sống trong chúng ta và ở với chúng ta. Linh này là chính mình Ngài đang sống trong chúng ta như là sự sống của chúng ta đón chúng ta có thể sống. Vì vậy hai đoạn Kinh Thánh này bày tỏ cho chúng ta rằng ởy là bởi Đức Chúa Trời ở trong Ngài và Ngài là Thánh Linh mà Ngài là sự sống. Đức Chúa Trời ở trong Ngài là sự sống, và Ngài là Thánh Linh với tư cách là sự sống. Ngài là sự sống tức Đức Chúa Trời là sự sống, và cũng có nghĩa Thánh Linh là sự sống. Vì thế, Giăng 4:10, 14 nói rằng nước sống mà Ngài ban cho là sự sống vĩnh cửu. Hơn nữa, Giăng 7:38-39 nói rằng nước sống tuôn đón từ trong chúng ta là Thánh Linh mà chúng ta đã nhận lãnh. Điều này bày tỏ rằng Thánh Linh là sự sống vĩnh cửu. Thánh Linh mà chúng ta tiếp nhận là sự sống vĩnh cửu chúng ta kinh nghiệm, hay là Đấng Christ mà chúng ta kinh nghiệm như sự sống. Sự sống vĩnh cửu, hoặc Đấng Christ là sự sống, phải được chúng ta kinh nghiệm là Thánh Linh. Vì lý do đó, Thánh Linh được gọi là “Linh của sự sống” (La. 8:2).

Thánh Linh là “Linh của sự sống” vì sự kiện Đức Chúa Trời và Đấng Christ là sự sống tùy thuộc nơi Ngài. Ngài và sự sống hiệp làm một và không thể tách riêng. Ngài thuộc về sự sống, và sự sống thuộc về Ngài. Sự sống là nội dung của Ngài, và Ngài là thực tại của sự sống. Nói một cách chính xác hơn, Ngài không những là thực tại của sự sống mà cũng là chính sự sống.

Tốt cả chúng ta đều biết rằng Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời Tam Nhất – Cha, Con và Linh. Cha ở trong Con; Con là Linh. Cha ở trong Con được bày tỏ ở giữa vòng loài người; vì vậy Con là sự biểu lộ của Cha. Con là Thánh Linh vào trong loài người; vì vậy Thánh Linh là sự “đi vào trong” của Con. Cha là nguồn sự sống, là chính sự sống. Vì Con là sự biểu lộ của Cha (1 Ti. 3:16), Ngài là sự biểu lộ của sự sống (1 Gi. 1:2). Và vì Linh là sự “đi vào trong” của Con nên Ngài là sự “đi vào trong” của sự sống. Từ ban đầu sự sống là Cha; trong Con, sự sống ấy được biểu lộ giữa vòng loài người; và như là Linh, sự sống ấy vào trong con người để con người có thể kinh nghiệm. Vì thế Linh đã trở nên Linh của sự sống. Vì Linh là Linh của sự sống nên con người có thể tiếp nhận sự sống qua Linh và khi con người đặt tâm trí mình vào Linh thì đó là sự sống (La. 8:6). Vì Linh là Linh của sự sống, khi con người vận dụng linh mình để đụng chạm Linh, con người “đụng chạm” sự sống. Khi con người tiếp xúc với Linh, con người tiếp xúc với sự sống và khi con người vâng phục Linh, con người kinh nghiệm sự sống.

Vậy, tóm lại, sự sống là Đức Chúa Trời Tam Nhất. Nhưng đối với chúng ta, sự sống không phải là Đức Chúa Trời Tam Nhất ở trên trời, nhưng là Đức Chúa Trời Tam Nhất đang tuôn đổ ra. Sự tuôn đổ của Đức Chúa Trời Tam Nhất có nghĩa là nội dung của Ngài, tức chính Ngài, trước hết đã tuôn đổ qua Đấng Christ, sau đó tuôn đổ ra như Linh để chúng ta tiếp nhận như sự sống. Thế nên khi chúng ta tiếp xúc với Đức Chúa Trời trong Đấng Christ như là Linh, chúng ta đụng chạm sự sống, vì sự sống là Đức Chúa Trời trong Đấng Christ là Linh.

CHƯƠNG HAI

KINH NGHIỆM SỰ SỐNG LÀ GÌ?

Bây giờ chúng ta nêu câu hỏi thứ nhì: Kinh nghiệm sự sống là gì? Một khi chúng ta đã thấy sự sống là gì, chúng ta có thể dễ dàng biết kinh nghiệm sự sống là gì.

I. KINH NGHIỆM ĐỨC CHÚA TRỜI

Chúng ta đã thấy rằng sự sống là chính Đức Chúa Trời. Chính Đức Chúa Trời tuôn đổ vào trong chúng ta, được chúng ta tiếp nhận và kinh nghiệm, là sự sống. Vì vậy, kinh nghiệm Đức Chúa Trời là kinh nghiệm sự sống. Toàn bộ kinh nghiệm sự sống đều là việc kinh nghiệm và đụng chạm Đức Chúa Trời. Bất cứ kinh nghiệm nào mà không đụng chạm Đức Chúa Trời thì không phải là kinh nghiệm sự sống.

Thí dụ có lúc ăn năn không phải do sự soi sáng của Đức Chúa Trời mà do sự tự xét nội tâm mình. Vì sự ăn năn này không khiến con người đụng chạm Đức Chúa Trời nên nó không phải là kinh nghiệm sự sống. Sự ăn năn phát sinh từ sự soi sáng của Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ khiến con người đụng chạm Đức Chúa Trời và vì vậy đó là một kinh nghiệm sự sống.

Điều gì bắt nguồn từ phạm hạnh riêng của chính con người không phải là kinh nghiệm sự sống. Điều đó là nhân tạo và thuộc về công việc riêng của con người; đó không phải là kết quả do Đức Chúa Trời xuyên suốt qua con người hay con người xuyên suốt qua Đức Chúa Trời, vì vậy, nó không thể được kể là một kinh nghiệm sự sống.

Vậy thì điều gì có thể được kể là kinh nghiệm sự sống? Kinh nghiệm được phát xuất từ việc Đức Chúa Trời xuyên suốt qua con người và con người xuyên suốt qua Đức Chúa Trời mới được kể là kinh nghiệm sự sống. Thí dụ, khi cầu nguyện, chúng ta gặp gỡ Đức Chúa Trời, được soi sáng, chúng ta nhìn thấy lỗi lầm của mình và xử lý lỗi lầm trước mặt Ngài. Tuy không phải là chúng ta tìm tòi ra những lỗi lầm của mình, nhưng thật ra, khi đến gần Đức Chúa Trời, chúng ta được gặp gỡ Ngài bên trong và nhờ đó chúng ta nhìn thấy lỗi lầm của chính mình. Đức Chúa Trời là sự sáng; do đó khi gặp Ngài, chúng ta thấy lỗi lầm mình trong ánh sáng của Ngài. Tự nhiên chúng ta xưng tội với Ngài và cầu xin sự tẩy sạch của huyết Chúa. Kết quả là Đức Chúa Trời xuyên suốt qua chúng ta, và chúng ta cũng xuyên suốt qua Đức Chúa Trời. Từng trải như vậy khiến chúng

ta kinh nghiệm Đức Chúa Trời; vì vậy, đó là kinh nghiệm sự sống.

Tất cả những kinh nghiệm sự sống đều ra từ Đức Chúa Trời và là sự hành động của Ngài bên trong chúng ta; vì thế chúng có thể khi nào chúng ta chạm đến Đức Chúa Trời và kinh nghiệm Ngài. Tất cả kinh nghiệm nào không được như vậy thì không phải là kinh nghiệm sự sống, vì sự sống là Đức Chúa Trời, và kinh nghiệm sự sống là kinh nghiệm Đức Chúa Trời. Do đó, bất cứ kinh nghiệm nào về Đức Chúa Trời như thế sẽ bày tỏ sự sống (Phil. 2:13-16).

II. KINH NGHIỆM ĐẲNG CHRIST

Kinh nghiệm sự sống rõ ràng là kinh nghiệm Đức Chúa Trời, nhưng phải là Đức Chúa Trời ở trong Đấng Christ để được chúng ta kinh nghiệm. Đấng Christ là sự biểu lộ và là hiện thân của Đức Chúa Trời; Ngài là Đức Chúa Trời trở nên kinh nghiệm của chúng ta. Vì thế, tất cả kinh nghiệm của chúng ta về Đức Chúa Trời là kinh nghiệm về Đấng Christ và ở trong Đấng Christ. Như vậy, vì kinh nghiệm sự sống là kinh nghiệm Đức Chúa Trời nên đó cũng là kinh nghiệm Đấng Christ.

Đều Đức Chúa Trời là sự sống, Ngài không thể là sự sống của chúng ta trừ phi Ngài ở trong Đấng Christ và trở thành Đấng Christ, và vì thế, chúng ta kinh nghiệm được Ngài. Để được chúng ta kinh nghiệm, Ngài phải là sự sống của chúng ta. Nhưng Ngài không thể là sự sống của chúng ta khi Ngài ở trên trời, ở trong sự sáng mà không ai có thể đến gần được (1 Ti. 6:16). Hơn nữa, để là sự sống của chúng ta, Ngài phải có bản chất loài người. Sự sống thần thánh của Ngài phải được hòa lẫn với bản chất loài người để sự sống này có thể được kết hợp với chúng ta, tức là những người mang bản chất loài người, và trở thành sự sống của chúng ta. Vì vậy, từ trời Ngài đã đến, trở nên xác thịt, và hòa lẫn với bản chất loài người. Như thế, Đức Chúa Trời đã trở nên Đấng Christ và trở thành sự sống của chúng ta trong bản chất loài người để chúng ta kinh nghiệm Ngài. Khi kinh nghiệm Ngài là sự sống

của mình, chúng ta kinh nghiệm Đấng Christ.

Nói tóm lại, khi kinh nghiệm Đấng Christ, chúng ta sẽ kinh nghiệm những khía cạnh sau đây:

A. Đấng Christ Được Bày Tỏ Trong Chúng Ta (Gal. 1:16)

Đây là kinh nghiệm khi đầu của chúng ta với Đấng Christ khi chúng ta được cứu. Chúng ta kinh nghiệm Đức Chúa Trời bày tỏ Đấng Christ trong chúng ta qua Thánh Linh; do đó, chúng ta có thể biết và tiếp nhận Ngài là sự sống của chúng ta và là tất cả của chúng ta.

B. Đấng Christ Sống Trong Chúng Ta (Gal. 2:20)

Đây là kinh nghiệm liên tục của chúng ta với Đấng Christ sống trong chúng ta như là sự sống của chúng ta sau khi được cứu. Nói cách khác, chúng ta kinh nghiệm Đấng Christ ở trong chúng ta và sống cho chúng ta. Trong đời sống hằng ngày với tư cách là thánh đồ, điều này, tức kinh nghiệm liên tục của chúng ta với Đấng Christ tạo thành phần lớn kinh nghiệm chính yếu của chúng ta với Đấng Christ.

C. Đấng Christ Được Thành Hình Trong Chúng Ta (Gal. 4:19)

Điều này nghĩa là chúng ta để cho tất cả những gì thuộc về Đấng Christ trở nên yếu tố của sự sống bên trong chúng ta, hầu cho Đấng Christ có thể lớn lên và thành hình trong chúng ta. Đấng Christ ở bên trong chúng ta không phải chỉ để chúng ta kinh nghiệm Ngài như là sự sống của chúng ta, là Đấng đang sống thay cho chúng ta, mà cũng để chúng ta có thể kinh nghiệm Ngài hơn nữa như là mọi sự của chúng ta, do đó làm cho Ngài có thể lớn lên và được thành hình trong sự sống của mình hầu cho sự sống Ngài có thể đạt đến tình trạng trưởng thành trong chúng ta.

D. Đấng Christ Được Tôn Đại Trong Thân Thể Của Chúng Ta (Phil. 1:20-21)

Điều này nghĩa là chúng ta để tất cả những gì thuộc về Đấng

Christ trở nên sự biểu lộ trong đời sống bên ngoài của chúng ta, để Đấng Christ có thể được bày tỏ ra bên ngoài. Dù sống hay chết, trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta cũng để Đấng Christ được tôn đại trong thân thể mình. Nói cách khác, đi với chúng ta sống là Đấng Christ. Dĩ nhiên điểu này là một kinh nghiệm có phần sâu xa hơn về Đấng Christ: điểu đó không phải chỉ là kinh nghiệm Ngài thành hình bên trong chúng ta, mà cũng là kinh nghiệm Ngài được tôn đại từ chúng ta ra bên ngoài. Đấng Christ được thành hình bên trong chúng ta là sự trưởng thành của sự sống bên trong; nghĩa là vào lúc đó chúng ta có tất cả những gì thuộc về Ngài như là các yếu tố bên trong của chúng ta. Đấng Christ được tôn đại trong thân thể chúng ta là sự biểu lộ của đời sống bên ngoài; bởi điểu này chúng ta để cho tất cả những điểu gì thuộc về Ngài trở nên sự biểu lộ bên ngoài của mình. Vì thế, trong kinh nghiệm này, chúng ta kinh nghiệm được Đấng Christ không những chỉ là những yếu tố của sự sống bên trong chúng ta mà còn là sự biểu lộ của đời sống bên ngoài chúng ta.

E. Tìm Thức Vóc Giạc Trọn Vẹn Theo Sự Đầy Đủ Của Đấng Christ (Êph. 4:13)

Điểu này có nghĩa là tất cả chúng ta, tức là Thân thể [Đấng Christ], kinh nghiệm Đấng Christ cho đến khi chúng ta có đầy đủ những yếu tố và sự cấu tạo của Đấng Christ; nhờ đó chúng ta lớn lên và được đầy đủ vóc giạc theo sự đầy đủ của Đấng Christ. Dĩ nhiên điểu này là một kinh nghiệm tập thể về Đấng Christ một cách trọn vẹn.

F. Được Biện Đới Nên Hình Ảnh Của Đấng Christ (2 Cô. 3:18)

Kinh nghiệm của chúng ta về Đấng Christ có thể biến đổi chúng ta cho đến khi chúng ta giống như Ngài. Điểu này bắt đầu với kinh nghiệm về Đấng Christ được bày tỏ trong chúng ta và tiếp tục cho đến khi thân thể chúng ta được cứu chuộc (La. 8:23). Càng kinh nghiệm Ngài, chúng ta càng được biến đổi, cho đến khi thân thể chúng ta được biến hóa trở nên hình dạng giống như thân thể vinh hiển của Ngài (Phil.

3:21). Vào lúc đó, chúng ta sẽ hoàn toàn được đấng hóa theo hình ảnh Ngài (La. 8:29) và chúng ta sẽ “giống như Ngài” (1 Gi. 3:2). Rồi chúng ta sẽ kinh nghiệm Ngài một cách trọn vẹn.

Tất cả những gì liên quan đến sự sống bên trong chúng ta và đời sống được thánh hóa bên ngoài chúng ta phải là kinh nghiệm của chúng ta với Đấng Christ. Vì Đấng Christ là sự sống của chúng ta, Ngài cũng là sự thánh hóa của chúng ta (Côl. 3:4; 1 Cô. 1:30). Bất cứ kinh nghiệm nào liên quan đến sự sống bên trong chúng ta phải là Đấng Christ sống bên trong chúng ta; hơn nữa, đời sống thánh hóa bên ngoài của chúng ta cũng phải là Đấng Christ sống-bày-tỏ qua chúng ta. Tất cả những kinh nghiệm sự sống của chúng ta phải là những kinh nghiệm với Đấng Christ. Không phải chỉ những kinh nghiệm lớn lao như đứng chết với Đấng Christ, đứng sống lại và đứng thẳng thiên với Ngài mới là kinh nghiệm của chúng ta, mà ngay cả những kinh nghiệm sự sống nhỏ bé trong đời sống hằng ngày của mình, tất cả cũng phải là kinh nghiệm với Đấng Christ. Dù là sự giải phóng khỏi tội lỗi hay sự đợc thong thả gian, đời sống bày tỏ sự thánh hóa và tình trạng thuộc linh, hoặc đời sống bày tỏ tình yêu thương và sự khiêm nhường, tất cả đều phải là kinh nghiệm với Đấng Christ. Ngay cả một chút kiên nhẫn và chịu đựng của chúng ta đối với những người khác cũng phải là kinh nghiệm với Đấng Christ.

Kinh nghiệm Đấng Christ là để Đấng Christ sống bên trong chúng ta và từ chúng ta mà sống ra bên ngoài. Kinh nghiệm Đấng Christ là nhận Đấng Christ làm sự sống và rồi sống bởi Đấng Christ. Kinh nghiệm Đấng Christ có nghĩa là tất cả đời sống và hành động của chúng ta là chính Đấng Christ sống-bày-tỏ và hành động qua chúng ta. Kinh nghiệm Đấng Christ là kinh nghiệm quyên năng sự sống lại của Ngài (Phil. 3:10) – đây là kinh nghiệm Ngài là sự sống; kinh nghiệm như vậy cũng là kinh nghiệm sự sống.

III. KINH NGHIỆM THÁNH LINH

Trong Giăng chương 14, sau khi Chúa Jesus phán Ngài là sự sống (c. 6), Ngài cho chúng ta thấy rằng không những Ngài và Đức Chúa Trời là một, Ngài ở trong Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời ở trong Ngài và Ngài là sự sống có nghĩa Đức Chúa Trời là sự sống (cc. 7-11); rằng không những Đức Thánh Linh và Ngài cũng là một, Đức Thánh Linh vào trong chúng ta và ở với chúng ta tức Đấng Christ sống trong chúng ta để làm sự sống của chúng ta (cc. 16-19); nhưng Ngài cũng bày tỏ rằng, với tư cách là Đức Thánh Linh, Ngài vào bên trong và sống trong chúng ta có nghĩa là cả Ngài và Đức Chúa Trời, với tư cách là Linh, vào trong và ở với chúng ta như là sự sống của chúng ta (cc. 20-23). Nói cách đơn giản, sau khi Chúa phán Ngài là sự sống, Ngài bày tỏ cho chúng ta ba điều: (1) Đức Chúa Trời ở trong Ngài là sự sống, (2) Ngài là Thánh Linh như là sự sống, (3) Đức Chúa Trời Tam Nhất vào trong chúng ta là sự sống. Vì thế khi chúng ta kinh nghiệm sự sống, không những chúng ta kinh nghiệm Đức Chúa Trời, không những chúng ta kinh nghiệm Đấng Christ mà chúng ta cũng kinh nghiệm Thánh Linh nữa. Thật vậy, Thánh Linh là cả Đức Chúa Trời và Đấng Christ như là sự sống mà chúng ta kinh nghiệm, hay là Đức Chúa Trời trong Đấng Christ như là sự sống mà chúng ta kinh nghiệm.

Như Đấng Christ là hiện thân của Đức Chúa Trời, Thánh Linh cũng là hiện thân của Đấng Christ. Đức Chúa Trời, với tư cách là sự sống, ở trong Đấng Christ; và Đấng Christ, với tư cách là sự sống, chính là Thánh Linh. Chúng ta kinh nghiệm Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, và chúng ta kinh nghiệm Đấng Christ như là Thánh Linh. Vậy, cũng như kinh nghiệm sự sống là kinh nghiệm Đức Chúa Trời và Đấng Christ thì kinh nghiệm sự sống cũng là kinh nghiệm Thánh Linh.

Đức Chúa Trời là sự sống. Đấng Christ là Đức Chúa Trời đến như sự sống. Đức Thánh Linh là Linh ở trong Đấng Christ của Đức Chúa Trời với tư cách là sự sống, hay là Linh của sự sống (La. 8:2). Chính Linh của sự sống này, tức Thánh Linh,

làm cho chúng ta kinh nghiệm được tất cả nội dung của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ như là sự sống. Chính Thánh Linh của sự sống này khiến chúng ta kinh nghiệm được sự cư trú bên trong của Đấng Christ. Chính Thánh Linh của sự sống này khiến chúng ta kinh nghiệm được quyền năng phục sinh của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ (La. 8:9-11). Chính Thánh Linh của sự sống này hướng dẫn chúng ta đặt các việc làm xấu xa của thân thể mình vào chết; và cũng chính Thánh Linh của sự sống này cứu nguyện trong chúng ta (La. 8:13, 26). Tất cả những kinh nghiệm sự sống của chúng ta, dù sâu xa hay nông cạn, đều phát xuất từ Thánh Linh; vì vậy chúng là tất cả những kinh nghiệm của Thánh Linh sự sống này.

La Mã 8:9-11 bày tỏ cho chúng ta rằng không những Thánh Linh là Đấng làm cho chúng ta có thể kinh nghiệm được sự cư trú bên trong của Đấng Christ và quyền năng phục sinh của Đức Chúa Trời, mà cũng là Thánh Linh ở bên trong chúng ta khiến chúng ta kinh nghiệm rằng sự sống là Đấng Christ, và ở là Đức Chúa Trời ở bên trong chúng ta khiến chúng ta kinh nghiệm sự sống. Như thế, qua Thánh Linh, chúng ta kinh nghiệm được sự sống của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Do đó, để kinh nghiệm sự sống này, chúng ta phải kinh nghiệm Thánh Linh; và khi chúng ta kinh nghiệm sự sống này, chúng ta kinh nghiệm Thánh Linh.

Vì vậy, kinh nghiệm sự sống là kinh nghiệm Đức Chúa Trời Tam Nhất hay là kinh nghiệm Đức Chúa Trời trong Đấng Christ và Đấng Christ là Thánh Linh làm sự sống của chúng ta. Thánh Linh hành động trong chúng ta, dẫn dắt chúng ta kinh nghiệm Đấng Christ và kinh nghiệm Đức Chúa Trời trong Đấng Christ – đây chính là kinh nghiệm sự sống. Khi nào, trong Thánh Linh, chúng ta xuyên suốt qua Đức Chúa Trời và Đấng Christ, và để cho Đức Chúa Trời và Đấng Christ xuyên suốt qua chúng ta, đó là kinh nghiệm sự sống. Chỉ có kinh nghiệm như vậy về Thánh Linh, về Đấng Christ và về Đức Chúa Trời mới là kinh nghiệm sự sống. Tất cả những điều gì khác thì không thể được kể là kinh nghiệm sự sống. Anh em có thể nói điều đó là lòng sốt

sống, là nấp sống tôn giáo, là sự tự cải thiện bản thân, nhưng anh em không thể nói rằng đó là kinh nghiệm sự sống. Kinh nghiệm sự sống là kinh nghiệm Đức Chúa Trời, kinh nghiệm Đấng Christ và kinh nghiệm Thánh Linh. Đây không phải là một điều gì mà anh em tự làm, hay nỗ lực để cải thiện; nhưng điều kỳ lạ là kết quả do Đức Chúa Trời chuyển động trong chúng ta, Đấng Christ sống-bày-tỏ qua chúng ta và Thánh Linh xúc động bên trong chúng ta. Nguyện chúng ta theo đuổi điều này.

CHƯƠNG BA

KINH NGHIỆM ĐẦU TIÊN VỀ SỰ SỐNG – SỰ TÁI SINH

Chúng ta đã thấy sự sống là gì và chúng ta đã thấy kinh nghiệm sự sống là gì. Bây giờ chúng ta xem xét đến kinh nghiệm đầu tiên về sự sống, tức là sự tái sinh. Sự tái sinh là bước thứ nhất trong kinh nghiệm của chúng ta về sự sống của Đức Chúa Trời; vì vậy, đó là kinh nghiệm đầu tiên của chúng ta về sự sống của Ngài. Kinh nghiệm này rất cơ bản và vô cùng quan trọng. Chúng ta sẽ xem xét điều này qua các điểm sau đây. Trước hết chúng ta hãy cùng xem:

I. TẠI SAO SỰ TÁI SINH LÀ CẦN THIẾT?

Tại sao chúng ta phải được tái sinh? Có hai lý do khiến sự tái sinh trở nên cần thiết. Thứ nhất, nói trên bình diện thế tục, sự tái sinh cần thiết vì sự sống chúng ta đã bị hư hoại và trở nên gian ác (Giê. 17:9; La. 7:18), và sự sống kỳ lạ không thể nào thay đổi từ ác ra thiện được (Giê. 23:13). Đây là lý do chúng ta thường đưa ra để cho thấy sự tái sinh là cần thiết. Vì sự sống của chúng ta (1) là hư hoại và gian ác, và (2) không thể cải thiện được nên chúng ta cần được tái sinh. Tất cả những nhà hiền triết xưa nay đều ủng hộ học thuyết tự cải thiện bản thân để làm cho con người trở nên tốt hơn. Nhưng sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời không sửa đổi hay cải thiện con người mà tái sinh con người, vì sự sống loài người chúng ta đã bị hư hoại rồi và không thể làm tốt

lên bằng cách cõi thiện. Đây là lý do thứ nhất tại sao chúng ta phải được tái sinh.

Thứ hai, nói trên bình diện cao hơn, có một lý do khác khiõn chúng ta cõn được tái sinh. Nhưng trước hết, chúng ta hãy đặt câu hỏi: Nếu sự sống của chúng ta chưa bị hư hoại và trở nên gian ác, chúng ta có cõn được tái sinh hay không? Vâng, chúng ta vẫn cõn được tái sinh, vì sự sống loài người chúng ta chỉ là sự sống thọ tạo, không phải là sự sống bất thọ tạo của Đức Chúa Trời. Khi được sáng tạo, chúng ta chỉ mới nhận được sự sống thọ tạo; chúng ta chưa nhận được sự sống bất thọ tạo của Đức Chúa Trời. Mục đích của Đức Chúa Trời cho loài người chúng ta là chúng ta phải có được sự sống bất thọ tạo của Ngài và được biến đổi theo hình ảnh của Ngài để trở nên giống như Ngài. Vì vậy, cho dù sự sống loài người của chúng ta chưa bị hư hoại, sự sống ấy vẫn cõn phải được tái sinh.

Thuõ ban đầu, mặc dù sự sống của A-đam chưa bị hư hoại, đó chỉ là sự sống thọ tạo, không phải là sự sống bất thọ tạo; đó chỉ là sự sống loài người, không phải là sự sống của Đức Chúa Trời. Vì vậy, nếu con người không sa ngã hay sự sống con người không bị hư hoại, dù con người có tốt lành và không có điõu ác nào đi nữa, con người vẫn cõn được tái sinh. Mục đích của Đức Chúa Trời khi sáng tạo con người không phải chỉ là để có được một con người tốt, nhưng hơn thế nữa là để có được một THõN-nhân (người-TRõI), tức là người có sự sống và bản chất của Đức Chúa Trời và giống y như Ngài. Nếu Đức Chúa Trời ao ước con người chỉ là một người tốt, và nếu con người đã không sa ngã và bị hư hoại, con người không cõn phải được tái sinh. Nhưng Đức Chúa Trời mong ước một con người, không phải chỉ là một người tốt, mà hơn thế nữa, Ngài muốn con người là một THõN-nhân (người-TRõI), một người giống như Ngài. Vì vậy, ngay cả một người tốt vẫn phải được tái sinh.

Xin đừng xem nhẹ lý do thứ hai này. Đây là một vấn đề rất quan trọng. õi, mục đích của sự tái sinh là để chúng ta có

thì có sự sống của Đức Chúa Trời và giống như Đức Chúa Trời! Không cần phải nói làm gì là chúng ta đã hư hoại và gian ác và không thể cải thiện được; nhưng cho dù nếu chúng ta hoàn toàn tốt lành và có thể cải thiện được thì nên hoàn hảo, chúng ta vẫn cần được tái sinh để có được sự sống của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời sáng tạo con người với mục đích để con người có thể giống như Ngài và làm một THÂN-nhân, sở hữu sự sống và bản chất của Ngài. Nhưng khi tạo dựng con người, Ngài đã không đặt sự sống của Ngài vào trong con người. Ngài muốn con người vận dụng ý chí của mình để chọn lựa và tiếp nhận sự sống của Ngài. Vì vậy, cho dù chúng ta là những con người đã được sáng tạo mà không sa ngã, chúng ta vẫn cần có được sự sống của Đức Chúa Trời cộng vào sự sống loài người nguyên thủy của chúng ta. Điều này có nghĩa là chúng ta phải được sinh lại.

Vì vậy, những lý do khiến sự tái sinh là cần thiết nằm trên hai bình diện: Lý do thuộc bình diện thấp hơn là sự sống của chúng ta hư hoại, gian ác và không thể thay đổi được; vì vậy chúng ta cần một sự sống khác nhờ đó chúng ta có thể sống. Lý do thuộc bình diện cao hơn hơn là ý định của Đức Chúa Trời là con người phải giống như Ngài; vì vậy chúng ta phải có sự sống của Đức Chúa Trời ngoài sự sống riêng của mình. Nguyên tắc tốt nhất chúng ta nhìn thấy được điều trên đây từ nay trở đi mỗi khi nói về sự tái sinh, chúng ta cũng sẽ lưu ý đến bình diện cao hơn này, hy vọng cho những người khác có thể nhìn thấy rằng cho dù chúng ta hoàn hảo và vô tội, chúng ta vẫn cần được tái sinh.

II. SỰ TÁI SINH LÀ GÌ?

Theo Kinh Thánh, được tái sinh là được sinh bởi Linh (Gi. 3:3-6). Linh của chúng ta vẫn đã chết, nhưng vào lúc chúng ta tin nhận Chúa, Linh của Đức Chúa Trời đến để chạm linh chúng ta; vì thế linh chúng ta nhận được sự sống của Đức Chúa Trời và được làm cho sống động. Đây là bằng cách này mà

ngoài lần sinh thiên nhiên đầu tiên của mình, Linh của Đức Chúa Trời đã sinh ra chúng ta. Tóm lại, được tái sinh là được sinh lại một lần nữa, được sinh bởi Đức Chúa Trời (Gi. 1:13), hay là nhận được sự sống của Đức Chúa Trời ngoài sự sống nguyên thủy của con người.

Được tái sinh nghĩa là được sinh lại. Tại sao chúng ta dùng từ ngữ “được sinh lại?” Ban đầu chúng ta được cha mẹ sinh ra; nhưng bây giờ chúng ta lại được sinh ra một lần nữa. Lần này chúng ta sinh bởi Đức Chúa Trời, do đó, kinh nghiệm này được gọi là được sinh lại. Cha mẹ sinh chúng ta ra khi chúng ta nhận được sự sống loài người, trong khi Đức Chúa Trời sinh chúng ta ra khi chúng ta có được sự sống của Đức Chúa Trời. Vì vậy, chúng ta là những người đã được tái sinh có sự sống của Đức Chúa Trời cộng thêm vào sự sống của loài người.

Vì vậy, chúng ta phải thấy rõ rằng được tái sinh là được sinh ra bởi Đức Chúa Trời, hay là có sự sống của Đức Chúa Trời cộng với sự sống nguyên thủy của con người. Ngoài sự sống của chúng ta, Đức Chúa Trời đặt sự sống của Ngài vào trong chúng ta – đó là sự tái sinh.

III. LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC TÁI SINH?

Một con người được tái sinh bằng cách nào? Nói một cách ngắn gọn, Linh của Đức Chúa Trời vào trong linh con người và đặt sự sống của Ngài vào đó; như thế, người ấy được tái sinh.

Làm thế nào Linh của Đức Chúa Trời vào trong linh con người? Khi một người nghe phúc âm hoặc đọc Kinh Thánh, Linh của Đức Chúa Trời hành động trong người ấy, khiến người ấy cảm biết mình đã phạm tội và bị hư hoại; như thế, người ấy bị cáo trách về tội lỗi, về sự công chính và về sự phán xét (Gi. 16:8). Khi người ấy thấy mình là một tội nhân, nhận biết sự bại hoại của mình và muốn ăn năn, Linh của Đức Chúa Trời sẽ giúp người ấy nhìn biết Chúa Jesus là Cứu Chúa của mình, là Đấng đã chết trên thập tự giá, để huyết Ngài ra để chuộc

tội. Ngay lúc ấy, người ấy tự động tin Chúa và tiếp nhận Ngài làm Cứu Chúa của mình. Một khi người tiếp nhận Ngài làm Cứu Chúa, Linh của Đức Chúa Trời vào trong người ấy và đặt sự sống của Đức Chúa Trời trong đó, làm cho người được tái sinh.

Như vậy, nói từ quan điểm của Linh Đức Chúa Trời, ấy là Linh Ngài vào trong linh chúng ta mà đặt sự sống Đức Chúa Trời vào trong linh ấy khi chúng ta được tái sinh. Từ quan điểm của chúng ta thì ấy là vì chúng ta ăn năn, tin và tiếp nhận Chúa Jesus là Cứu Chúa nên chúng ta được tái sinh, có nghĩa là chúng ta nhận lãnh được sự sống Đức Chúa Trời thêm vào sự sống nguyên thủy của mình.

IV. NHỮNG KẾT QUẢ CỦA SỰ TÁI SINH

Các kết quả hay sự thành đạt của sự tái sinh có thể được tóm lược trong ba điều:

1) Sự tái sinh khiến con người trở thành con cái của Đức Chúa Trời. Vì sự tái sinh nghĩa là được sinh bởi Đức Chúa Trời, nên điều này tự động khiến con người trở thành con cái của Đức Chúa Trời (Gi. 1:12,13) và có mối liên hệ sự sống với Đức Chúa Trời. Sự sống được nhận lãnh từ Đức Chúa Trời qua sự tái sinh làm cho con người có khả năng trở nên con cái Đức Chúa Trời; sự sống này cũng là thặng dư quyên đợ con người được làm con cái Ngài. Vì có sự sống của Ngài, bản chất của Ngài và có khả năng trở nên giống hệt Ngài, những người con ấy của Đức Chúa Trời mới có thể hoàn thành mục đích của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo loài người.

2) Sự tái sinh khiến con người trở nên một tạo vật mới. Tạo vật mới là một tạo vật có những yêu tố của Đức Chúa Trời bên trong. Khi một điều gì có những yêu tố của Đức Chúa Trời ở bên trong thì đó là một tạo vật mới. Trong cõi sáng tạo cũ không có yêu tố của Đức Chúa Trời. Chúng ta là loài người vốn không có những yêu tố của Đức Chúa Trời cho nên chúng ta là tạo vật cũ. Cho đến khi những yêu tố của Đức Chúa Trời

được thêm vào trong chúng ta, chúng ta mới trở nên tạo vật mới được. Sự tái sinh đã thực hiện điều này trong chúng ta. Sự tái sinh khiến chúng ta có được sự sống của Đức Chúa Trời và chính yêu tố của Ngài, do đó làm chúng ta nên một tạo vật mới (2 Cô. 5:17). Tạo vật mới này là sự kết tinh của việc Đức Chúa Trời hòa lẫn với con người, và đó là điều kỳ diệu nhất trong vũ trụ: tạo vật mới này có cả những yêu tố loài người và thần thượng, tạo vật này vừa là con người vừa là Đức Chúa Trời, vừa giống con người vừa giống Đức Chúa Trời.

3) Sự tái sinh khiến con người được liên kết với Đức Chúa Trời. Điều này không những khiến con người nhận được sự sống của Đức Chúa Trời và các yêu tố của Ngài, nhưng cũng làm cho con người được hiệp làm một với Đức Chúa Trời. Bởi sự tái sinh, Đức Chúa Thánh Linh ngự vào trong linh con người, khiến con người kết hợp với Ngài nên một linh (1 Cô. 6:17). Đây là mối liên hệ sâu xa nhất giữa con người và chính Đức Chúa Trời mà Ngài đã tác thành để con người được nên một với chính Ngài.

Tóm lại, bởi tin vào Chúa Jesus, Thánh Linh đã đặt sự sống của Đức Chúa Trời vào trong linh chúng ta, làm cho chúng ta được sinh lại bởi Đức Chúa Trời, được trở nên con cái của Ngài, và được hiệp một với Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo mới. Đó là sự tái sinh.

CHƯƠNG BỐN

NHỮNG ĐIỀU NHẬN ĐƯỢC QUA SỰ TÁI SINH

Nếu ao ước tìm kiếm sự tăng trưởng sự sống, chúng ta phải hiểu sự tái sinh là gì, và chúng ta cần biết qua sự tái sinh chúng ta đã nhận được những gì. Sự tái sinh đưa chúng ta đến bước khởi đầu trong sự sống, và những điều nhận được qua sự tái sinh làm cho chúng ta tăng trưởng trong sự sống. Vì thế, nếu chúng ta muốn tìm kiếm sự tăng trưởng trong sự sống, chúng ta cần có một ít kiến thức về sự tái sinh, và cần biết những điều chúng ta đã nhận được qua sự tái sinh.

Những điều nhận được qua sự tái sinh có liên quan mật thiết đến những kết quả của sự tái sinh. Những kết quả của sự tái sinh phát xuất từ những điều nhận được qua sự tái sinh. Điều đầu tiên sẽ dĩ được thành tựu là nhờ điều sau. Kết quả của sự tái sinh là những điều mà sự tái sinh hoàn thành trên chúng ta, trong khi những điều nhận được qua sự tái sinh là những gì chúng ta tiếp nhận qua sự tái sinh. Vì sự tái sinh làm cho chúng ta nhận được một số điều nào đó, nên sự tái sinh có thể hoàn thành được một số điều gì đó trên chúng ta. Sự tái sinh có khả năng làm cho chúng ta trở nên con cái của Đức Chúa Trời vì sự tái sinh khiến chúng ta nhận được sự sống của Ngài. Sự tái sinh có khả năng làm cho chúng ta trở nên một tạo vật mới vì sự tái sinh khiến chúng ta đạt được những yêu tố của Đức Chúa Trời. Sự tái sinh có khả năng kết hợp chúng ta với Đức Chúa Trời vì sự tái sinh khiến chúng ta nhận được Linh của Ngài. Tất cả những thành tựu mà sự tái sinh đã thực hiện trên chúng ta là do những gì chúng ta đã nhận được khi tái sinh. Những điều như vậy không những khiến chúng ta có nhiều kinh nghiệm khác nhau trong đời sống thuộc linh vào thời điểm tái sinh, nhưng sau khi được tái sinh những điều này cũng khiến chúng ta tăng trưởng trong sự sống. Vì thế, nếu chúng ta tìm cách đứng lớn lên trong sự sống, chúng ta cần phải biết rõ mình nhận được những điều gì qua sự tái sinh.

Theo sự dạy dỗ của Kinh Thánh, sự tái sinh khiến cho chúng ta nhận được ít nhất bảy điều. Bảy điều này vừa thần thiêng và lớn lao, vừa rất quan trọng và lại mật thiết với chúng ta. Chúng ta hãy lần lượt xem xét một cách ngắn gọn bảy điều này.

I. SỰ SỐNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Điều đầu tiên chúng ta nhận được qua sự tái sinh là sự sống của Đức Chúa Trời. Chúng ta đã thấy trong chương trước sự tái sinh xảy ra khi Linh Đức Chúa Trời đặt sự sống của Ngài vào trong linh chúng ta. Trong sự tái sinh, điều quan trọng

mà Linh Đức Chúa Trời thực hiện ấy là đặt sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta. Cho nên, điều chính yếu mà sự tái sinh đem lại cho chúng ta là sự sống của Đức Chúa Trời.

Nhưng sự sống của Đức Chúa Trời là gì? Đó là nội dung của Đức Chúa Trời và là chính Ngài. Tất cả những gì trong Đức Chúa Trời và tất cả những gì chính Đức Chúa Trời là đều ở trong sự sống của Đức Chúa Trời. Tất cả sự đầy đủ của Đức Chúa Trời Tam Nhất đều giấu kín trong sự sống của Ngài. Bản chất của Đức Chúa Trời cũng chứa đựng trong sự sống của Ngài. Mọi phương diện của Đức Chúa Trời đều bao gồm trong sự sống của Ngài.

Với bất cứ loại sinh vật nào, tất cả những gì thuộc về sinh vật ấy đều nằm trong sự sống của nó. Tất cả những khả năng và chức năng đều phát sinh từ sự sống của nó. Tất cả những hoạt động và biểu lộ bên ngoài đều bắt nguồn từ sự sống của nó. Nó là loại sinh vật đó vì nó có loại sự sống đó. Sự hiện hữu của nó tùy thuộc sự sống của nó. Đây là một nguyên tắc hiển nhiên.

Đức Chúa Trời là một hữu thể hằng sống tối cao, nên đương nhiên (và còn hơn thế nữa) tất cả những gì Ngài là đều ở trong sự sống của Ngài. Tất cả những gì Ngài là, đều là sự thật, sự thánh khiết, sự sáng hay tình yêu thương, đều xuất phát từ sự sống của Ngài. Tất cả những sự biểu lộ của Ngài, đều là sự tốt lành, sự công chính, sự nhân từ hay sự tha thứ, đều ra từ sự sống của Ngài. Sự sống của Ngài khiến cho Ngài có mọi khả năng và chức năng thần thượng bên trong cùng những hoạt động và sự biểu lộ thần thượng bên ngoài như vậy. Lý do khiến Ngài là một Đức Chúa Trời như thế ấy là vì Ngài có một sự sống như thế. Do đó, sự kiện Ngài là Đức Chúa Trời tùy thuộc nơi sự sống của Ngài.

Vì sự sống của Đức Chúa Trời là nội dung của Đức Chúa Trời, trong sự sống ấy giấu kín sự đầy đủ của Ngài, và trong sự sống ấy chứa đựng bản chất của chính Ngài; cho nên khi tiếp nhận sự sống của Đức Chúa Trời, chúng ta nhận được sự đầy đủ

của Ngài (Côl. 2:9-10), và chúng ta có được bản chất của Ngài (2 Phi. 1:3-4). Vì tất cả những gì Đức Chúa Trời có trong chính mình Ngài và tất cả những gì mà chính Đức Chúa Trời là đều nằm trong sự sống của Ngài, nên khi tiếp nhận sự sống này, chúng ta nhận lãnh tất cả những gì Đức Chúa Trời có trong chính mình Ngài và tất cả những gì chính Đức Chúa Trời là. Vì sự sống của Đức Chúa Trời làm cho Ngài có những khả năng và các chức năng thần thượng như vậy bên trong Ngài, nên sự sống của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta cũng có thể khiến chúng ta có được những khả năng và chức năng giống như vậy trong chúng ta mà vốn đã có trong Đức Chúa Trời. Vì tất cả những gì Đức Chúa Trời "là" và Đức Chúa Trời làm, đều ra từ sự sống của Ngài, nên sự sống này ở bên trong chúng ta cũng có khả năng khiến chúng ta trở nên những gì mà Đức Chúa Trời "là", và làm những điều mà Đức Chúa Trời làm, nghĩa là sự sống ấy có thể làm cho chúng ta trở nên giống như Đức Chúa Trời và sống-bày-tỏ Đức Chúa Trời.

Thưa anh chị em, anh chị em có nhận biết rằng vì sự sống của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta nên chúng ta có bên trong mình tất cả những khả năng và chức năng vốn có trong Đức Chúa Trời không? Anh chị em có nhận biết rằng vì chúng ta có sự sống của Đức Chúa Trời bên trong mình nên chúng ta có thể là những gì Đức Chúa Trời "là" và làm những điều Đức Chúa Trời làm không? Trong Đức Chúa Trời có khả năng sống thánh khiết và chức năng của sự sáng. Vì sự sống của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta, nên khả năng sống thánh khiết và chức năng của sự sáng đó cũng ở trong chúng ta như ở trong Đức Chúa Trời. Như Đức Chúa Trời có thể sống-bày-tỏ sự thánh khiết của Ngài, và chiếu ra ánh sáng từ chính mình Ngài thì cũng vậy vì có sự sống của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta nên chúng ta có thể sống-bày-tỏ sự thánh khiết của Ngài và chiếu ra ánh sáng của Ngài từ chúng ta, nghĩa là chúng ta có thể thánh khiết như Đức Chúa Trời là thánh khiết và chiếu sáng như Đức Chúa Trời chiếu sáng. Điều Đức Chúa Trời "là", ấy là tình yêu thương, và điều Đức Chúa Trời làm, ấy là sự công chính. Vì chúng ta có sự sống của Đức Chúa Trời bên trong

nên chúng ta có thể là những gì Đức Chúa Trời “là”, và làm những điều Đức Chúa Trời làm. Ngay cả như Đức Chúa Trời là tình yêu thương và làm sự công chính, thì cũng vậy, vì có sự sống của Đức Chúa Trời ở bên trong mình, chúng ta cũng có thể là tình yêu thương như Đức Chúa Trời “là”, và làm sự công chính như Đức Chúa Trời làm. Điều đó có nghĩa là chúng ta có thể yêu thương như Đức Chúa Trời yêu thương và có thể công chính như Đức Chúa Trời công chính. Vì thế, chúng ta có thể giống như Đức Chúa Trời và sống-bày-tỏ Đức Chúa Trời.

Chúng ta cần biết thêm rằng sự sống của Đức Chúa Trời là quyền năng lớn lao đã làm cho Chúa Jesus sống lại. Khi Chúa Jesus phục sinh, Ngài đã quăng bỏ và chiến thắng sự chết. Sự chết rất mạnh mẽ (Nhã. 8:6). Trong cả vũ trụ, ngoài Đức Chúa Trời và sự sống của Ngài, không có gì mạnh hơn sự chết. Khi Chúa Jesus bước vào sự chết, sự chết đã dùng tất cả quyền lực của nó để giam cầm Ngài, nhưng Ngài đã bỏ gãy quyền lực của mình giữ của sự chết và sống lại! Thế thì Chúa có thể chiến dậy và không bị sự chết của mình giữ (Công. 2:24) vì trong Ngài có sự sống đầy quyền năng của Đức Chúa Trời. Ý chính là sự sống quyền năng lớn lao của Đức Chúa Trời đã khiến Ngài có thể bỏ gãy quyền lực của mình giữ mạnh mẽ của sự chết. Sự sống của Đức Chúa Trời mà sự tái sinh đem đến cho chúng ta là sự sống đầy quyền năng lớn lao này của Đức Chúa Trời! Sự sống đầy quyền năng lớn lao này của Đức Chúa Trời là năng lực vĩ đại của sự phục sinh bên trong chúng ta ngày hôm nay làm cho chúng ta có khả năng quăng bỏ sự chết và đắc thắng tất cả những gì thuộc về sự chết, y như Đức Chúa Trời đã đắc thắng chúng.

Kinh Thánh bày tỏ cho chúng ta rằng Đức Chúa Trời có hai loại quyền năng lớn lao: một là quyền năng lớn lao của sự sáng tạo, hai là quyền năng lớn lao của sự phục sinh. Quyền năng sáng tạo mạnh mẽ của Đức Chúa Trời làm cho hiện hữu những gì không hiện hữu. Quyền năng phục sinh lớn lao ban sự sống cho những kẻ chết. Đây là điều Áp-ra-ham đã tin (La. 4:17). Quyền năng sáng tạo lớn lao của Đức Chúa Trời nằm

trong tay Ngài có khả năng sáng tạo tất cả mọi sự cho con người. Quyển năng phục sinh lớn lao của Đức Chúa Trời, nằm trong sự sống Ngài và chính là sự sống của Ngài, có khả năng làm cho con người được giải phóng khỏi tất cả những điếu chết chóc là những điếu bên ngoài Đức Chúa Trời để rồi con người có thể sống-bày-tỏ chính Đức Chúa Trời. Ôi, sự sống của Đức Chúa Trời mà chúng ta tiếp nhận qua sự tái sinh là quyển năng phục sinh lớn lao của Đức Chúa Trời! Qua sự tái sinh, Đức Chúa Trời đã ban phát sự sống Ngài vào trong chúng ta, nghĩa là Ngài đã đem quyển năng phục sinh lớn lao của Ngài vào trong chúng ta. Ôi nguyện chúng ta nhìn thấy sự sống của Đức Chúa Trời mà chúng ta tiếp nhận khi được tái sinh là quyển năng phục sinh lớn lao của Ngài! Ngày nay sự sống này đang ở trong chúng ta có thể làm cho chúng ta mạnh mẽ như Đức Chúa Trời. Y như Đức Chúa Trời có khả năng chiến thắng sự chết, chúng ta cũng có khả năng chiến thắng sự chết vì sự sống của quyển năng lớn lao này đang ở trong chúng ta. Sự sống của Đức Chúa Trời mà chúng ta đã nhận được qua sự tái sinh thật lạ lùng làm sao! Sự sống này có thể làm cho chúng ta giống như Đức Chúa Trời đến một mức độ kỳ diệu dường nào! Chúng ta cần phải thờ phượng và cảm tạ Đức Chúa Trời vì sự sống này biết bao!

II. LUẬT SỰ SỐNG

Vì sự tái sinh ban cho chúng ta sự sống của Đức Chúa Trời, nó cũng đem đến cho chúng ta luật sự sống. Vì sự sống của Đức Chúa Trời đã vào trong chúng ta nên luật sự sống vốn hàm chứa trong sự sống ấy cũng được đem vào trong chúng ta.

Mọi loại sự sống có khả năng bươm sinh riêng, tức là chức năng tự nhiên của riêng nó. Và chức năng tự nhiên của mọi loại sự sống là luật tự nhiên hay luật sự sống của nó. Khi sự sống nào vào trong một sinh vật nào, thì sự sống ấy làm cho sinh vật ấy nhận được luật tự nhiên hay luật sự sống của loại sự sống ấy. Cũng vậy, sự sống của Đức Chúa Trời có khả năng thần thượng, tức là những chức năng thần thượng tự

nhiên của sự sống ấy. Và những chức năng tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời là luật tự nhiên hay luật sự sống của sự sống Ngài. Khi sự sống Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, sự sống ấy đem vào trong chúng ta một luật tự nhiên chứa trong chính sự sống ấy, và luật này trở nên luật sự sống trong chúng ta. Thế thì khi sự sống Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, luật sự sống chứa đựng trong đó cũng vào trong chúng ta nữa. Vì sự sống Đức Chúa Trời là điều chúng ta đã nhận được qua sự tái sinh, nên chúng ta cũng nhận được luật sự sống mà sự sống Ngài đem đến qua sự tái sinh.

Trong chương một, chúng ta đã thấy rằng trong sự sống của Đức Chúa Trời chứa đựng bản chất của Ngài, và trong sự sống của Đức Chúa Trời giữ kín sự đầy đủ của Ngài; vì vậy, luật được chứa đựng trong sự sống của Đức Chúa Trời tương hợp với chính Ngài, với những gì Đức Chúa Trời là, và với bản chất của Đức Chúa Trời; do đó, luật này là luật của chính Đức Chúa Trời. Khi sự sống của Đức Chúa Trời đem luật của sự sống ấy vào trong chúng ta, cũng có nghĩa là sự sống ấy đem luật của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta.

Luật sự sống mà sự sống Đức Chúa Trời đem vào trong chúng ta là những điều luật được đề cập trong Hê-bơ-rơ 8:10, đã được Đức Chúa Trời đặt vào trong tâm trí và viết vào tấm lòng chúng ta. Những điều luật này khác với các luật của thời Cựu Ước. Các luật của thời Cựu Ước là những điều luật của Đức Chúa Trời mà Ngài đã viết bằng chữ trên những bảng đá nằm bên ngoài con người (Xuất. 34:1, 28). Còn những luật sự sống là những điều luật của Đức Chúa Trời mà Ngài đã viết bằng sự sống của Ngài trên "bảng lòng" nằm bên trong chúng ta. Những điều luật đã được viết trên các bảng đá là luật pháp bên ngoài, luật văn tự, luật chết, và là luật pháp không có quyền năng; đó là những điều luật không thể hoàn thành được bất cứ điều gì cho con người (La. 8:3; Hê. 7:18-19). Còn những điều luật được viết trên bảng lòng chúng ta là những luật bên trong, những luật sự sống, những luật sống động, và là những luật có quyền năng lớn lao; các luật ấy làm cho

chúng ta không những có khả năng biết được nội ao ước trong lòng Đức Chúa Trời và bước theo ý muốn Ngài, mà cũng biết được chính mình Đức Chúa Trời và sống-bày-tỏ chính mình Ngài.

Những luật tự nhiên chứa trong bất cứ một loại sự sống nào cũng đều luôn luôn khiên cho sinh vật đó tự nhiên biết được cách sinh sống và hoạt động; thế nên chúng trở nên những luật sống động bên trong sinh vật đó. Thí dụ như con gà mái, nó phải sống thế nào và đẻ trứng cách nào là do những luật tự nhiên chứa đựng trong sự sống của con gà mái; những luật đó làm cho nó tự động biết được cách để sống cuộc đời của một con gà mái và rồi nó sống-bày-tỏ những điều ấy ra. Loài người không cần dạy con gà mái về bất cứ một qui luật nào từ bên ngoài. Những luật tự nhiên chứa đựng trong sự sống của con gà mái ấy là những luật sống động bên trong con gà. Những luật này tự nhiên làm cho gà biết được nó phải sống theo cách nào và khiên gà có thể sống được theo cách ấy.

Cũng vậy, những luật tự nhiên chứa đựng trong sự sống Đức Chúa Trời bên trong chúng ta là những khả năng tự nhiên của sự sống đó; những luật ấy làm cho chúng ta tự nhiên biết được Đức Chúa Trời muốn chúng ta hành động và cư xử như thế nào, làm sao để làm vui lòng Ngài, và làm cách nào sống-bày-tỏ chính mình Ngài. Dù đó là bất cứ điều gì hòa hợp hay mâu thuẫn với bản chất của Đức Chúa Trời, dù đó là điều gì Đức Chúa Trời muốn hay không muốn chúng ta làm, những khả năng hay luật tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời khiên chúng ta biết được điều đó, cảm nhận được về điều đó. Vậy những khả năng hay các luật tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời trở nên những luật bên trong chúng ta.

Vì những luật đã được viết bên trong chúng ta là những khả năng và các luật tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời, nên Kinh Thánh gọi chúng là “luật”. “Luật của Linh của sự sống” được đề cập trong La Mã 8:2 là luật của sự sống trong chúng ta. Vì luật này phát sinh từ sự sống của Đức Chúa Trời, và sự sống Đức Chúa Trời tùy thuộc vào Linh của Đức Chúa Trời

và không thể phân rẽ khỏi Linh Đức Chúa Trời, nên La Mã 8 đặt tên luật này là “luật của Linh của sự sống”. Sự sống Đức Chúa Trời ở trong Linh Đức Chúa Trời và kết hợp với Linh Đức Chúa Trời; Linh Đức Chúa Trời chứa đựng sự sống Đức Chúa Trời; đó là Linh của sự sống của Đức Chúa Trời. Vì luật này phát sinh từ sự sống của Đức Chúa Trời, cho nên luật này ra từ Linh của sự sống của Đức Chúa Trời. Vì đó là luật của sự sống Đức Chúa Trời, nên đó cũng là luật của Linh của sự sống Đức Chúa Trời.

Sự sống của Đức Chúa Trời đầy quyền năng; Linh của Đức Chúa Trời cũng đầy quyền năng. Luật của Linh của sự sống vì phát sinh từ sự sống và từ Linh đầy quyền năng của Đức Chúa Trời nên cũng đầy quyền năng. Chúng ta có thể nói rằng sự sống của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta là nguồn phát sinh ra luật này, và Linh của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta là Đấng thi hành luật này. Thế nên bên trong chúng ta luật này đặc biệt mạnh mẽ và quyền năng; không những luật này làm cho chúng ta có thể nhận được những sự hiểu biết thần thượng, nhưng luật này còn làm cho chúng ta có được quyền năng thần thượng. Một khi chúng ta đã được tái sinh và có được sự sống của Đức Chúa Trời, Ngài muốn chúng ta trở thành dân của Ngài và sống trong Ngài theo luật mạnh mẽ và quyền năng này, tức là luật của năng quyền lớn lao. Sau khi chúng ta được cứu, Đức Chúa Trời muốn chúng ta sống trong sự sống của Ngài và sống-bày-tỏ sự sống của Ngài cũng như sống theo luật này trong mình, tức là luật của sự sống, là luật sống động.

III. MỘT TÂM LÒNG MỚI

Ê-xê-chi-ên 36:26 chép rằng khi Đức Chúa Trời tẩy sạch, cứu rỗi hay tái sinh chúng ta, Ngài ban cho chúng ta một tâm lòng mới. Vì vậy, theo sự dạy dỗ của Kinh Thánh, sự tái sinh cũng ban cho chúng ta một tâm lòng mới.

Tâm lòng mới là gì? Tâm lòng mới có nghĩa là tâm lòng cũ đã trở nên mới; tâm lòng mới ra từ sự làm mới lại tâm lòng cũ của chúng ta. Đối với Đức Chúa Trời, Ngài ban cho chúng ta

một t_{âm} lòng mới có nghĩa là Ngài làm mới lại t_{âm} lòng cũ c_{ủa} chúng ta. Sau khi Ê-xê-chi-ên 36:26 nói Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một t_{âm} lòng mới, câu này nói tiếp rằng Ngài c_{ắt} t_{âm} lòng bằng đá c_{ủa} chúng ta đi và ban cho chúng ta một t_{âm} lòng bằng thịt. Qua câu Kinh Thánh này, chúng ta thấy rõ rằng Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một t_{âm} lòng mới bằng cách làm mới lại t_{âm} lòng cũ c_{ủa} chúng ta.

T_{âm} lòng chúng ta v_{ẫn} ch_{ằng} nghịch Đức Chúa Trời từ đ_{ầu}, không khao khát Ngài, và chai cứng như đá đ_{ối} với Đức Chúa Trời; vì vậy, nó tr_ở thành một “t_{âm} lòng bằng đá”. Khi Thánh Linh tái sinh chúng ta, Ngài khi_{ên} lòng chúng ta ăn năn tội lỗi và tr_ở nên m_{ềm} mại đ_{ối} với Đức Chúa Trời. Do đó, sau khi tái sinh, t_{âm} lòng bằng đá c_{ủa} chúng ta tr_ở nên một “t_{âm} lòng bằng thịt”. T_{âm} lòng chai đá đó là t_{âm} lòng cũ mà chúng ta v_{ẫn} có, còn t_{âm} lòng m_{ềm} mại bằng thịt là t_{âm} lòng mới mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta. Đi_{ều} đó có nghĩa là khi chúng ta được tái sinh, Đức Chúa Trời làm mới lại t_{âm} lòng cũ c_{ủa} chúng ta và khi_{ên} nó tr_ở nên m_{ềm} mại.

T_{âm} lòng chúng ta là cơ quan chứa các khuynh hướng, s_ự thích và c_{ảm} tình đ_{ối} với các sự việc. Nó đại diện chúng ta trong các khuynh hướng, c_{ảm} tình, vui thích, và khao khát đ_{ối} với các sự việc. Tất c_ả những xu hướng, c_{ảm} tình, vui thích và khao khát c_{ủa} chúng ta đ_{ều} là các chức năng c_{ủa} t_{âm} lòng. Trước khi được tái sinh, t_{âm} lòng chúng ta xu hướng v_ề tội lỗi, yêu m_{ềm} th_ờ gian, và khao khát nhi_{ều} đi_{ều} thuộc v_ề dục vọng; tuy nhiên, đ_{ối} với Đức Chúa Trời, t_{âm} lòng _lạnh lẽo và cứng c_{ỏi}, không hướng v_ề Ngài và không yêu m_{ềm} Ngài. Đ_{ối} với những đi_{ều} thuộc v_ề Đức Chúa Trời và những đi_{ều} thuộc linh, t_{âm} lòng _lạnh không m_{ấy} vui thích và thi_{ều} h_{ết} sự khát khao. Nên khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta, Ngài làm mới lại t_{âm} lòng chúng ta và khi_{ên} nó tr_ở nên một t_{âm} lòng mới, với một khuynh hướng mới, một c_{ảm} tình mới, một niềm vui thích mới và một n_{iềm} khao khát mới. Vậy, một khi chúng ta đã được tái sinh và được cứu, t_{âm} lòng chúng ta xu hướng v_ề Đức Chúa Trời, yêu m_{ềm} Ngài và khao khát Ngài; T_{âm} lòng

Chúng ta cũng yêu thích và khao khát về những điều thuộc về Đức Chúa Trời, những điều thuộc linh, và các điều thuộc cõi thiên thượng. Bất cứ khi nào những điều như vậy được đề cập đến, lòng chúng ta cũng vui mừng, hưng ứng và ước ao.

Anh chị em ơi, anh chị em đã thấy điều này chưa? Lý do Đức Chúa Trời làm mới lại tâm lòng chúng ta và ban cho chúng ta một tâm lòng mới vào thời điểm chúng ta được tái sinh bởi là Ngài muốn chúng ta hướng về Ngài, tôn kính Ngài, khao khát Ngài và yêu mến Ngài. Trước kia, chúng ta không yêu mến Ngài, và không thể yêu Ngài được vì tâm lòng chúng ta cần cỏi và cứng cỏi. Bây giờ Ngài đã làm mới lại, làm mềm mại, và xoay lòng chúng ta; vì thế, chúng ta vừa có khả năng và vừa muốn yêu mến Ngài. Vì tâm lòng của chúng ta nhờ Ngài làm cho mới lại bởi đã trở nên một tâm lòng mới nên bây giờ nó có một chức năng mới. Chức năng mới này là xu hướng về Đức Chúa Trời, yêu mến Ngài và những điều thuộc về Ngài.

Vì sự tái sinh ban cho chúng ta một tâm lòng mới, nó khiến cho chúng ta có một khuynh hướng và một tình yêu mới, một niềm khát khao và ao ước mới. Khuynh hướng mới, tình yêu mới, lòng ước ao mới và niềm khao khát mới này, tất cả đều hướng về Đức Chúa Trời và là những điều thuộc về Ngài. Đó là chức năng của tâm lòng mới. Đó cũng là mục đích của Đức Chúa Trời khi ban cho chúng ta một tâm lòng mới.

IV. MỘT LINH MỚI

Sau khi Ê-xê-chi-ên 36:26 nói Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một tâm lòng mới câu này nói tiếp rằng Đức Chúa Trời cũng đặt một linh mới vào trong chúng ta. Vì vậy, sự tái sinh không những chỉ khiến cho chúng ta có một tâm lòng mới, mà nó cũng khiến chúng ta có được một linh mới.

Một linh mới là gì? Nói đến một linh mới nghĩa là linh cũ kỹ chết chóc của chúng ta đã được làm mới lại và làm cho sống động trở lại. Y như lòng mới là lòng cũ đã được làm cho mới lại, linh mới cũng là linh cũ được làm cho mới lại. Tâm lòng

cũ khi được làm mới lại thì trở nên mềm mại, trong khi linh mới được làm mới lại thì trở nên sống động. Lý là vì nan đề của tâm lòng cũ là cứng cỏi, trong khi nan đề của linh cũ là chết chóc. Vì vậy, khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta, Ngài làm mới lại linh cũ kỹ chết chóc của chúng ta bằng cách làm cho nó sống động để trở nên một linh mới, y như Ngài làm mới lại tâm lòng cũ kỹ cứng cỏi của chúng ta bằng cách làm cho nó mềm mại để trở nên một tâm lòng mới vậy.

Thuở ban đầu, linh thọ tạo của con người vốn là một cơ quan để con người tiếp xúc với Đức Chúa Trời. Con người đã tương giao và trò chuyện thân mật với Đức Chúa Trời qua linh mình và bằng linh mình. Sau đó, vì sự sa ngã của loài người, linh con người bị hư hoại bởi sự ô uế, dơ bẩn của tội lỗi. Vì vậy, nhân linh (linh con người) mất đi chức năng của nó đối với Đức Chúa Trời và trở thành một linh chết. Vì linh lý đã chết nên nó trở nên cũ kỹ. Khi chúng ta được tái sinh, vì huyết của Chúa Jesus tẩy sạch những ô uế mà linh chúng ta phải chịu, nên Linh của Đức Chúa Trời đặt sự sống của Ngài, tức là yêu tố của Đức Chúa Trời, vào trong linh chúng ta và làm cho linh lý sống động (xin xem Côl. 2:13). Bằng cách này linh chết chóc cũ kỹ của chúng ta được làm cho mới lại và trở nên một linh mới sống động.

Thuở ban đầu, linh của chúng ta vốn là một tạo vật cũ, không có yêu tố của Đức Chúa Trời bên trong linh lý. Sau đó, không những nó không có yêu tố của Đức Chúa Trời mà hơn nữa nó còn bị ô uế bởi tội lỗi; vì thế, nó trở nên cũ kỹ. Có hai nguyên nhân khiến cho một điều nào đó trở thành một phần của cõi sáng tạo cũ: một là khi được sáng tạo điều lý không có yêu tố của Đức Chúa Trời, hai là điều lý bị ô uế và hư hoại bởi Tội và Sa-tan. Lý cũng là vì hai nguyên nhân trên mà linh của chúng ta đã trở nên một linh cũ. Vì vậy, để làm mới lại linh cũ của chúng ta và khiến linh lý trở nên một linh mới, khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta, Ngài hành động theo hai phương diện. Về một mặt, Ngài dùng huyết của Chúa Jesus tẩy sạch sự dơ bẩn của linh chúng ta để linh chúng ta trở nên

trong sạch. Về mặt khác, Ngài dùng Linh của Ngài đặt sự sống của Ngài vào trong linh chúng ta để linh ấy có thể có yêu t của Ngài. Vì thế, Ngài làm mới lại linh cũ của chúng ta và khiến linh ấy trở nên một linh mới. Điều này nghĩa là Ngài đặt một linh mới trong chúng ta.

Vào lúc chúng ta được tái sinh, Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta một tâm lòng mới, vậy tại sao Ngài còn tiếp thêm nữa mà đặt một linh mới trong chúng ta? Ấy là vì tâm lòng chúng ta có thể khao khát Đức Chúa Trời và yêu mến Ngài nhưng nó không thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời và đụng chạm Ngài. Vì vậy, đối với Đức Chúa Trời, chúng ta ban cho chúng ta một tâm lòng mới thì không đủ; Ngài cũng phải đặt một linh mới trong chúng ta. Nếu Đức Chúa Trời chỉ ban cho chúng ta một tâm lòng mới, Ngài chỉ có thể khiến chúng ta khao khát Ngài và yêu mến Ngài; Ngài không thể làm cho chúng ta có khả năng tiếp xúc với Ngài. Cho nên Ngài phải đặt một linh mới trong chúng ta để chúng ta có thể tiếp xúc và tương giao với Ngài.

Chúng ta đã đề cập tâm lòng là cơ quan của các sự thích, khuynh hướng và tình yêu thương. Cho nên chức năng của tâm lòng đối với Chúa là xu hướng về Đức Chúa Trời và yêu mến Ngài. Kinh Thánh nói rằng tâm lòng tha thiết mong muốn Đức Chúa Trời, tâm lòng khao khát Ngài (Thi. 42:1-2). Tâm lòng có thể tha thiết mong muốn Đức Chúa Trời và khao khát Ngài, nhưng nó không thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời và đụng chạm Ngài được. Tâm lòng chỉ có chức năng yêu mến Đức Chúa Trời và khao khát Ngài; nó không có khả năng tiếp xúc với Đức Chúa Trời và đụng chạm Ngài. Cơ quan có thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời không phải là tâm lòng mà là linh. Tâm lòng chỉ thích hợp để chúng ta yêu Đức Chúa Trời, nhưng linh thì thích hợp để chúng ta tiếp xúc với Đức Chúa Trời và tương giao với Ngài.

Giống như tôi có tại đây một cây viết rất tốt. Lòng tôi rất thích cây viết ấy; nhưng lòng tôi không thể đụng đến nó và cầm lấy nó được, vì lòng tôi không có khả năng đó. Khả năng ấy thuộc về bàn tay của tôi. Bàn tay tượng trưng cho linh.

Mặc dầu tâm lòng chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời và khao khát Ngài sâu xa, nhưng tâm lòng ấy không tiếp xúc Ngài cũng không thể tương giao với Ngài. Duy chỉ linh chúng ta có thể làm được điều đó. Vì vậy, khi chúng ta được tái sinh, Đức Chúa Trời không những ban cho chúng ta một tâm lòng mới, Ngài cũng đặt một linh mới bên trong chúng ta.

Với một tâm lòng mới, chúng ta có thể khao khát và yêu mến Đức Chúa Trời, và với một linh mới, chúng ta có thể tiếp xúc và đụng chạm Ngài. Tâm lòng mới làm cho chúng ta có thể có được sự vui thỏa và các xu hướng mới, những cảm xúc và sở thích mới hướng về Đức Chúa Trời và những điều thuộc về Ngài. Linh mới làm cho chúng ta có thể có được những sự tiếp xúc và nhận thức mới, khả năng thuộc linh và chức năng thuộc linh mới hướng về Đức Chúa Trời và những điều thuộc về Ngài. Trước kia, chúng ta không yêu mến Đức Chúa Trời, cũng không ưa thích những điều thuộc linh thuộc về Ngài; hơn nữa, chúng ta không thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời hoặc hiểu được những điều thuộc linh thuộc về Ngài. Nhưng bây giờ chúng ta có một tâm lòng mới và một linh mới; vì vậy, không những chúng ta có thể yêu mến Đức Chúa Trời và những điều thuộc về Ngài, mà còn có thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời và nhận biết Ngài cùng những điều thuộc về Ngài nữa. Trước đây, chúng ta không có cảm xúc gì đối với Đức Chúa Trời và không quan tâm đến Ngài; chúng ta yếu đuối và không có bất cứ khả năng nào để hướng về Đức Chúa Trời và những điều thuộc về Ngài. Nhưng bây giờ, với một tâm lòng mới và một linh mới, chúng ta không những có cảm xúc và sự quan tâm đến Đức Chúa Trời cùng những điều thuộc về Ngài, mà còn có thể mạnh mẽ tiếp xúc và hiểu biết những điều ấy. Vì vậy, khi lòng chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời thì linh chúng ta đụng chạm Ngài; khi lòng chúng ta vui thích trong những điều thuộc về Đức Chúa Trời thì linh chúng ta hiểu biết những điều ấy. Đó là ý định của Đức Chúa Trời khi Ngài ban cho chúng ta một linh mới cùng với một tâm lòng mới.

V. ĐỨC THÁNH LINH

Sau khi Ê-xê-chi-ên 36:26 nói rằng Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một t^{âm} lòng mới và đặt bên trong chúng ta một linh mới, câu 27 nói tiếp rằng Đức Chúa Trời đặt chính Linh c^{ủa} Ngài vào trong chúng ta. Vì vậy, trong những đi^{ều} chúng ta nhận được qua sự tái sinh cũng có Linh c^{ủa} Đức Chúa Trời nữa.

Ban đ^{ầu} chúng ta v^{ẫn} không có Linh c^{ủa} Đức Chúa Trời. Và không những chúng ta không có Linh c^{ủa} Ngài, nhưng chính linh c^{ủa} mình cũng ch^{ết} đ^{ối} với Ngài nữa. Khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta, v^ề một mặt, Ngài khi^{ến} Linh Ngài đặt sự s^{ống} c^{ủa} Ngài vào trong linh chúng ta, vì th^ế, làm cho linh ch^{ết} c^{ủa} chúng ta được s^{ống} động; và v^ề mặt khác, Đức Chúa Trời cũng đặt Linh Ngài vào trong linh chúng ta, nghĩa là Ngài khi^{ến} Linh Ngài cư ngụ trong linh chúng ta là linh mới và đã được làm cho s^{ống} động. Vì th^ế, bên trong chúng ta là những người đã được tái sinh, không những ch^ỉ có một linh mới và s^{ống} động, tức là linh có y^{ếu} t^ố c^{ủa} sự s^{ống} Đức Chúa Trời, mà còn có Linh c^{ủa} Đức Chúa Trời cư ngụ trong linh mới c^{ủa} chúng ta*. [La Mã 8:9 nói rằng: “Linh c^{ủa} Đức Chúa Trời ^ở trong anh em”, và câu 16 chép rằng: “Chính Linh Ngài cùng linh chúng ta đ^{ang} chứng”. Từ hai câu Kinh Thánh này chúng ta th^{ấy} rằng Linh c^{ủa} Đức Chúa Trời ^ở trong chúng ta có nghĩa là Ngài cư ngụ bên trong linh chúng ta; Ngài ^ở với linh chúng ta].

Tại sao Đức Chúa Trời đặt Linh Ngài vào bên trong chúng ta? Linh c^{ủa} Đức Chúa Trời cư ngụ trong linh chúng ta có chức năng gì? Theo Kinh Thánh, chức năng chính y^{ếu} c^{ủa} Linh Đức Chúa Trời ^ở trong chúng ta có ít nh^{ất} b^ộy phương diện:

A. Là Linh Cư Ngụ Bên Trong

Đức Chúa Trời đặt Linh c^{ủa} Ngài trong chúng ta đ^ể Linh Ngài có th^ể tr^ở nên Linh cư ngụ bên trong chúng ta, khi^{ến} cho chúng ta có th^ể nhận bi^{ết} Đức Chúa Trời và kinh nghiệm t^{ất} c^ả những gì mà Đức Chúa Trời trong Đ^{ấng} Christ đã hoàn thành

cho chúng ta (La. 8:9-11). Đây là phước hạnh đặt biệt được Đức Chúa Trời ban cho trong thời đại Tân Ước; phước hạnh này không có trong thời Cựu Ước. Trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời chỉ khi nào Linh Ngài đến từ bên ngoài để hành động trên con người, Ngài không khi nào Linh Ngài đến cư ngụ bên trong con người. Chỉ sau khi Chúa chết và sống lại, Đức Chúa Trời mới ban Linh của Ngài cho chúng ta và khi nào Linh Ngài đến trong chúng ta làm Linh cư ngụ bên trong (Gi. 14:16-17). Vì thế Ngài có thể bày tỏ của Đức Chúa Trời và Đấng Christ cho chúng ta từ bên trong, để chúng ta chỉ trong Đấng Christ có thể tiếp nhận và vui hưởng sự đầy đủ của Đức Chúa Trời (Côl. 2:9-10).

B. Là Đấng An Ủi

Chúa nói với chúng ta về Đấng An Ủi trong Giăng 14:16-17. Ngài nói rằng Ngài sẽ cầu xin Cha ban Đức Thánh Linh cho chúng ta để Ngài ngự bên trong chúng ta như là một Đấng An Ủi khác. Từ ngữ “Đấng An Ủi” trong nguyên văn giống như từ ngữ “Đấng Biện Hộ” chép trong 1 Giăng 2:1, mà khi chuyển tự là “Paraclete”, hoặc là “một người biện hộ chỉ bên cạnh”. Khi đó, Đức Chúa Trời đã ban Con Ngài làm Đấng An Ủi cho chúng ta, tức là Paraclete của chúng ta. Khi Con Ngài trở về với Ngài, Ngài ban Linh của Ngài cho chúng ta làm Đấng An Ủi khác, một Paraclete khác. Điều này cũng có nghĩa là Ngài sai Linh của Ngài đến là hiện thân của Con Ngài để làm Đấng An Ủi của chúng ta. Vì vậy, Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta chính là hiện thân của Đấng Christ bên trong chúng ta. Ngài chăm sóc chúng ta từ bên trong, hoàn toàn chịu trách nhiệm về chúng ta, y như Đấng Christ chịu trách nhiệm cho chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời.

C. Là Linh Của Sự Thật

Trong Giăng 14:16-17 Chúa nói với chúng ta rằng Thánh Linh đến cư ngụ trong chúng ta như Đấng An Ủi là “Linh của sự thật”. Vì thế, Linh của Đức Chúa Trời đang cư ngụ trong chúng ta cũng là Linh của sự thật. Từ ngữ sự thật trong nguyên văn nghĩa là thực tại. Vì vậy, Linh của Đức Chúa Trời

đang cư ngụ trong chúng ta là “Linh của sự thật” hay là “Linh của thực tại”, khiến tất cả những gì Đức Chúa Trời và Đấng Christ là đều trở nên thực tại ở bên trong chúng ta. Tất cả những gì mà Đức Chúa Trời là và tất cả những gì Ngài dọn sẵn trong Đấng Christ, tất cả những gì mà Đấng Christ là và tất cả những gì Ngài đã hoàn thành cho chúng ta bởi sự chết và sự phục sinh của Ngài, đều được bày tỏ và truy cập cho chúng ta như một thực tại bằng Linh của Đức Chúa Trời, là Đấng cư ngụ bên trong chúng ta. Vì thế chúng ta có thể đụng chạm và kinh nghiệm những điều kỳ diệu chúng ta trở nên những thực tại của mình.

D. Là Linh Của Sự Sống

La Mã 8 gọi Thánh Linh, Đấng cư ngụ bên trong chúng ta là “Linh của sự sống” (cc. 9, 2). Điều này bày tỏ cho chúng ta rằng Linh của Đức Chúa Trời, Đấng cư ngụ trong chúng ta cũng là Linh của sự sống của Đức Chúa Trời. Mặc dù sự sống của Đức Chúa Trời ở trong Đấng Christ (Gi. 1:4), nhưng chúng ta được biết và được kinh nghiệm sự sống kỳ diệu là nhờ Thánh Linh, Đấng cư ngụ bên trong chúng ta. Tất cả mọi vấn đề liên hệ đến sự sống đều được bày tỏ cho chúng ta qua Thánh Linh, Đấng cư ngụ trong chúng ta. Tất cả những kinh nghiệm sự sống được trở nên kinh nghiệm của chúng ta bởi Thánh Linh là Đấng ở trong chúng ta.

E. Là Con Chứng Hay Con Dâu

Ê-phê-sô 1:13 và 4:30 bày tỏ cho chúng ta rằng Thánh Linh mà chúng ta nhận lãnh lúc được tái sinh đang ở bên trong chúng ta như là con chứng hay con dâu. Khi Đức Chúa Trời đặt Linh của Ngài trong chúng ta, điều kỳ diệu có nghĩa là Ngài đặt Linh của Ngài vào trong chúng ta như đóng một con dâu. Khi một con dâu được đóng lên trên một món đồ, nó không chỉ là dấu hiệu bày tỏ chỉ quy định trên món đồ kỳ diệu, mà nó còn in một dấu hằn trên món đồ kỳ diệu như một con tem được dùng để đóng dấu. Đây là chức năng của Linh Đức Chúa Trời ở trong chúng ta như là một con dâu. Linh Đức Chúa Trời cư ngụ bên trong chúng ta

không những là một dấu hiệu bày tỏ rằng chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời và chúng ta được đánh dấu để được biệt riêng giữa muôn người trên thế giới, mà hơn nữa, Linh Ngài là hiện thân của Đức Chúa Trời và Đấng Christ, Ngài đóng dấu trên chúng ta theo hình ảnh Đức Chúa Trời và Đấng Christ để chúng ta trở nên giống Đức Chúa Trời và Đấng Christ.

F. Là Cửa Đặt Cọc

Ê-phê-sô 1:14 và 2 Cô-rin-tô 1:22 cho chúng ta biết rằng Thánh Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta là cửa đặt cọc. Cửa đặt cọc là một vật làm tin hay một sự cam kết, bảo đảm. Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta không phải chỉ là một con dấu, đánh dấu chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời và in trên chúng ta hình ảnh của Đức Chúa Trời, mà Ngài cũng là cửa đặt cọc, bảo đảm rằng Đức Chúa Trời và tất cả những gì thuộc về Ngài đều là phần cơ nghiệp và di sản của chúng ta để chúng ta vui hưởng.

G. Là Sự Xức Dầu

1 Giăng 2:27 nói rằng bên trong chúng ta có “sự xức dầu” mà chúng ta đã nhận lãnh từ nơi Chúa. Sự xức dầu trong Kinh Thánh chỉ về Linh của Đức Chúa Trời (Lu. 4:18). Vì vậy câu Kinh Thánh này cho chúng ta biết rằng Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta là sự xức dầu. Sự xức dầu này ở bên trong chúng ta thường xuyên xức dầu chúng ta. Sự xức dầu là sự chuyển động của Linh Đức Chúa Trời bên trong chúng ta. Linh của Đức Chúa Trời chuyển động trong chúng ta hoặc xức dầu chúng ta có nghĩa là Ngài xức chính Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, để yêu tất cả của Đức Chúa Trời có thể trở nên yêu tất cả bên trong của chúng ta, và chúng ta có thể nhận biết Đức Chúa Trời, ước muốn và ý muốn của Ngài trong mọi sự*. [Lời giải thích chi tiết cho điểm này được trình bày trong sách Kinh Nghiệm Sự Sống (do Living Stream Ministry xuất bản), chương bảy].

Bảy chức năng này vinh hiển và cao trọng dường nào! Không

những chúng bày tỏ cho chúng ta những chức năng của Linh Đức Chúa Trời là Đấng đang cư ngụ trong chúng ta, nhưng còn cho chúng ta biết Linh của Đức Chúa Trời mà chúng ta đã tiếp nhận qua sự tái sinh là một Linh như thế nào.

VI. Đấng CHRIST

La Mã 8:9-10 bày tỏ cho chúng ta rằng Linh của Đức Chúa Trời đang cư ngụ trong chúng ta là Linh của Đấng Christ đang cư trú bên trong chúng ta; và Linh của Đấng Christ cư ngụ bên trong chúng ta là chính Đấng Christ đang cư ngụ trong chúng ta. Điều này mặc khải rằng Linh của Đức Chúa Trời trong chúng ta là hiện thân của Đấng Christ. Vì sự tái sinh khi chúng ta có Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ bên trong mình nên sự tái sinh cũng khi chúng ta có Đấng Christ cư ngụ bên trong.

Khi chúng ta tin nhận Chúa, Đức Chúa Trời qua Linh của Ngài mặc khải Đấng Christ trong chúng ta (Gal. 1:16). Vì vậy, một khi chúng ta tiếp nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa, Ngài cư ngụ trong chúng ta với tư cách là Linh (2 Cô. 13:5). Đấng Christ cư ngụ bên trong chúng ta với mục đích gì? Ý là để Ngài có thể làm sự sống của chúng ta. Mặc dù Đấng Christ ở trong chúng ta là tất cả mọi sự của chúng ta, nhưng lý do chính yếu khi Ngài cư ngụ bên trong chúng ta là để Ngài có thể thành sự sống của chúng ta.

Trong sự cứu rỗi của Ngài, Đức Chúa Trời đã tái sinh chúng ta để chúng ta có thể tiếp nhận sự sống của Ngài, có được bản chất của Ngài, và do đó trở nên hoàn toàn giống như Ngài. Ngài đặt sự sống Ngài ở trong Đấng Christ để chúng ta tiếp nhận (Gi. 1:4; 1 Gi. 5:11, 12). Nói cách khác, Ngài muốn Đấng Christ thành sự sống của chúng ta (Gi. 14:6; Côl. 3:4). Mặc dù ý là Linh của Ngài đặt sự sống Ngài trong chúng ta, và mặc dù ý là Linh của Ngài khi chúng ta có khả năng hiểu biết, kinh nghiệm và sống-bày-tỏ sự sống của Ngài, nhưng sự sống của Ngài chính là Đấng Christ. Mặc dù nhờ Linh của Ngài, Ngài khi chúng ta tiếp nhận, hiểu biết

và kinh nghiệm sự sống của Ngài, nhưng Ngài làm cho Đấng Christ trở nên sự sống của chúng ta. Đức Chúa Trời qua Linh của Ngài bày tỏ Đấng Christ trong chúng ta nghĩa là Ngài muốn Đấng Christ làm sự sống của chúng ta. Đấng Christ cư ngụ trong chúng ta nghĩa là Ngài sống trong chúng ta như sự sống của chúng ta (Gal. 2:20) và muốn sống-bày-tỏ sự sống Ngài ra từ chúng ta (2 Cô. 4:10-11). Vì thế, Ngài muốn chúng ta lớn lên theo hình ảnh Ngài và trở nên giống như Ngài trong sự sống Ngài (2 Cô. 3:18). Khi chúng ta lớn lên trong sự sống của Ngài theo hình ảnh Ngài và trở nên giống như Ngài thì chúng ta lớn lên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời và trở nên giống như Đức Chúa Trời vì Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời (Côl. 1:15).

Chúng ta đã thấy rằng sự sống của Đức Chúa Trời là tất cả những gì Đức Chúa Trời là; vì vậy, khi Đức Chúa Trời đặt sự sống của Ngài trong Đấng Christ, Ngài đặt tất cả những gì Ngài là vào trong Đấng Christ. Đấng Christ là sự nhập thể của Đức Chúa Trời, là hiện thân của Ngài. Tất cả những gì Đức Chúa Trời là và mọi sự đầy đủ của Đức Chúa Trời Tam Nhất đều hiện thân trong Đấng Christ (Côl. 2:9). Vì vậy, Đấng Christ cư ngụ trong chúng ta làm cho chúng ta được đầy đủ mọi sự đầy đủ của Đức Chúa Trời (Êph. 3:17-19).

Đấng Christ cư ngụ bên trong chúng ta là sự sống của chúng ta khiến cho chúng ta không những có thể vui hưởng mọi sự đầy đủ của Đức Chúa Trời ngày nay mà còn được bước vào trong vinh quang của Đức Chúa Trời trong tương lai (La. 8:17; Hê. 2:10). Vì vậy ngày nay, khi cư ngụ trong chúng ta, và một mặt Ngài là sự sống của chúng ta và một mặt khác Ngài là niềm hy vọng của chúng ta và vinh quang (Côl. 3:4; 1:27). Việc Ngài cư ngụ trong chúng ta làm sự sống của chúng ta ngày nay có nghĩa là nhờ sự sống của Đức Chúa Trời ở trong Ngài, Ngài sẽ khiến chúng ta tăng trưởng và trở nên giống như Đức Chúa Trời, lớn lên và được biến hóa theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, rồi cuối cùng trở thành vinh quang của Đức Chúa Trời.

VII. ĐỨC CHÚA TRỜI

Đấng Christ là hiện thân của Đức Chúa Trời. Vì sự tái sinh làm cho chúng ta nhận được Đấng Christ nên cũng làm cho chúng ta có được Đức Chúa Trời. Hơn nữa, Đấng Christ là hiện thân của Đức Chúa Trời, và Thánh Linh là thực tại của Đấng Christ. Đức Chúa Trời ở trong Đấng Christ và Đấng Christ ở trong Thánh Linh. Cho nên, sự tái sinh làm cho chúng ta có được Thánh Linh, sự tái sinh cũng khiến chúng ta không những có được Đấng Christ, mà cũng có được Đức Chúa Trời.

Từ khi tái sinh chúng ta, Đức Chúa Trời trong Đấng Christ qua Linh của Ngài liên tục cư ngụ trong chúng ta. Sứ đồ Giăng nói rằng chúng ta biết Đức Chúa Trời ở trong chúng ta ấy là bởi Thánh Linh tức là Đấng mà Ngài đã ban cho chúng ta (1 Gi. 3:24; 4:13). Chúa Jesus cũng nói rằng Ngài và Đức Chúa Trời cùng ở bên trong chúng ta (Gi. 14:23). Vì vậy, dù Thánh Linh hay Đấng Christ ở bên trong chúng ta, ấy chính là Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta. Đức Chúa Trời ở trong Đấng Christ, và Đấng Christ là Linh. Vì vậy, Linh ở trong chúng ta là Đấng Christ ở trong chúng ta; và Đấng Christ ở trong chúng ta là Đức Chúa Trời ở trong chúng ta. Đức Chúa Trời ở trong Đấng Christ cư ngụ bên trong chúng ta, và Đấng Christ là Linh cư ngụ bên trong chúng ta. Vì vậy, hễ có Linh ở trong mình, chúng ta có Đấng Christ và Đức Chúa Trời cư ngụ bên trong chúng ta. Linh, Đấng Christ và Đức Chúa Trời, cả ba đều ở trong chúng ta như một, nghĩa là Đức Chúa Trời Tam Nhất đang cư ngụ trong chúng ta.

Nhưng khi được cập đấng Thánh Linh cư ngụ trong chúng ta, Kinh Thánh nhận mạnh đấng sự xúc động của Ngài bên trong chúng ta (1 Gi. 2:27); khi được cập đấng Đấng Christ cư ngụ trong chúng ta, Kinh Thánh nhận mạnh đấng việc Ngài sống trong chúng ta đó là sự sống của chúng ta (Gal. 2:20); và khi được cập đấng Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta, Kinh Thánh nhận mạnh đấng sự hành động của Ngài trong chúng ta (Phil. 2:13; Hê. 13:21; 1 Cô. 12:6). Kinh Thánh phân biệt rất rõ ràng về ba vị đấng này. Liên hệ đấng Thánh Linh cư ngụ trong chúng ta,

Kinh Thánh nói về “sự xúc động”; liên hệ đến Đấng Christ cư ngụ bên trong chúng ta, Kinh Thánh nói về “sự sống”; và liên hệ đến Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta, Kinh Thánh nói về “sự hành động”. Kinh Thánh không bao giờ nói rằng Đấng Christ hay Đức Chúa Trời đang xúc động chúng ta, hoặc nói rằng Thánh Linh hay Đức Chúa Trời đang sống trong chúng ta, hoặc nói rằng Thánh Linh hay Đấng Christ đang hành động trong chúng ta. Nhưng Kinh Thánh chỉ nói rằng Thánh Linh xúc động trong chúng ta, Đấng Christ sống trong chúng ta, và Đức Chúa Trời hành động trong chúng ta. Ba cách nói này không thể hoán đổi với nhau được. “Sự xúc động” liên quan đến Thánh Linh tức là xúc động trong chúng ta; “sự sống” liên quan đến Đấng Christ là sự sống trong chúng ta, và “sự hành động” liên quan đến Đức Chúa Trời đang hành động trong chúng ta.

Thánh Linh ở trong chúng ta như là xúc động; vì vậy, “xúc động” là việc Ngài làm trong chúng ta. Đấng Christ ở trong chúng ta là sự sống; vì vậy, “sống” là việc Ngài làm trong chúng ta. Đức Chúa Trời ở trong chúng ta là vận động thuộc “hành động”; cho nên “hành động” là điều Ngài thực hiện trong chúng ta. Bằng cách xúc động chúng ta, Thánh Linh xúc động tâm của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta. Bằng cách sống trong chúng ta, Đấng Christ sống-bày-tỏ sự sống của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta và ra bên ngoài chúng ta. Bằng cách hành động trong chúng ta, Đức Chúa Trời thực hiện ý muốn của Ngài trong chúng ta để ý muốn này có thể được hoàn thành qua chúng ta.

Vì vậy, chúng ta phải thấy rằng những điều mình nhận được qua sự tái sinh là quá lớn lao, quá cao cả, quá phong phú và quá vinh hiển. Qua sự tái sinh chúng ta nhận được sự sống của Đức Chúa Trời và luật của sự sống này. Qua sự tái sinh chúng ta nhận được một tâm lòng mới và một linh mới. Hơn thế nữa, qua sự tái sinh chúng ta nhận được Thánh Linh, Đấng Christ và chính Đức Chúa Trời. Những điều này thật sự đầy đủ cho chúng ta, để làm cho chúng ta thánh khiết và thuộc linh, để làm cho chúng ta được thanh và vượt lên trên mọi

sự, và đ⊂ đ⊂ làm cho chúng ta tăng trư⊂ng và trư⊂ng thành trong sự s⊂ng.

CHƯƠNG NĂM

C⊂M NHẬN C⊂A SỰ S⊂NG

Chúng ta đã th⊂y sự s⊂ng là gì và kinh nghiệm sự s⊂ng là gì. Chúng ta cũng đã nhìn th⊂y kinh nghiệm đ⊂u tiên c⊂a sự s⊂ng là sự tái sinh, và những đi⊂u khác nhau mà chúng ta đã nhận được qua sự tái sinh. Bây giờ khi đã th⊂y những đi⊂u này, chúng ta có th⊂ bàn đ⊂n v⊂n đ⊂ c⊂m nhận c⊂a sự s⊂ng.

Như chúng ta bi⊂t, c⊂m nhận c⊂a sự s⊂ng là một đi⊂u thuộc kinh nghiệm riêng, có tính cách cá nhân và r⊂t thực t⊂. Vì vậy, n⊂u việc tìm ki⊂m sự s⊂ng là một đi⊂u thi⊂t y⊂u, chúng ta ph⊂i lưu ý đ⊂n c⊂m nhận c⊂a sự s⊂ng và bi⊂t rõ c⊂m nhận ⊂y. T⊂t c⊂ những ai có kinh nghiệm sự s⊂ng đ⊂u bi⊂t m⊂i liên hệ sâu xa giữa c⊂m nhận c⊂a sự s⊂ng và kinh nghiệm sự s⊂ng. Vì vậy, n⊂u mu⊂n nghiên cứu v⊂ sự hi⊂u bi⊂t sự s⊂ng, chúng ta ph⊂i xem xét v⊂n đ⊂ c⊂m nhận sự s⊂ng.

I. N⊂N T⊂NG KINH THÁNH

Mặc d⊂u không đ⊂ cập đ⊂n c⊂m nhận c⊂a sự s⊂ng một cách rõ ràng, Kinh Thánh thật sự có nói đ⊂n đi⊂u này. La Mã 8:6 nói: “Vì tâm trí đặt vào xác thịt là sự ch⊂t; nhưng tâm trí đặt vào linh là sự s⊂ng và bình an”. Câu này bày t⊂ rõ v⊂ c⊂m nhận c⊂a sự s⊂ng, vì sự bình an được đ⊂ cập ⊂ đây rõ ràng là v⊂n đ⊂ c⊂m nhận. Sự bình an ⊂ đây không liên quan đ⊂n hoàn c⊂nh bên ngoài, nhưng đ⊂n tình trạng bên trong; cho nên, sự bình an ⊂y ch⊂c ch⊂n là một v⊂n đ⊂ thuộc v⊂ c⊂m giác. Vì sự bình an được đ⊂ cập ⊂ đây là một v⊂n đ⊂ thuộc v⊂ c⊂m giác, nên sự ch⊂t và sự s⊂ng ⊂ đây cũng là v⊂n đ⊂ thuộc v⊂ c⊂m giác.

C⊂m nhận v⊂ sự ch⊂t làm cho chúng ta c⊂m nhận được y⊂u t⊂ c⊂a sự ch⊂t. Những y⊂u t⊂ c⊂a sự ch⊂t là: y⊂u đ⊂i, tr⊂ng

rỗng, chán nản, tối tăm, và đau đớn. Sự chết bao gồm ít nhất năm yếu tố này, và có thể nói năm yếu tố này cộng lại tương đương với sự chết. Sự chết làm cho người ta yếu đuối; và khi yếu đuối cùng cực, người ta chết. Sự chết làm cho người ta trống rỗng, vì sự chết tiêu diệt hết mọi sự. Sự chết làm cho người ta phiến muộn, chán nản và ngã lòng; những người phiến muộn, chán nản và im lặng hơn hết là những người chết. Sự chết cũng làm cho người ta tối tăm; những người ở sâu trong bóng tối hơn hết là những người đã bước vào sự chết. Đồng thời sự chết cũng làm cho người ta đau đớn; những người chịu đau đớn nhất là những người đã rơi vào sự chết. Tất cả những điều này là những yếu tố của sự chết; vì vậy khi cảm thấy những điều này, chúng ta cảm thấy sự chết.

Những cảm nhận về sự chết là hậu quả của việc chú tâm vào xác thịt. Bất cứ khi nào chú tâm đến xác thịt, ngay lập tức chúng ta sẽ có những cảm giác của sự chết. Ví dụ như vào một buổi chiều Chúa nhật, nếu anh em chú tâm về xác thịt chút ít, khi đến buổi nhóm bánh vào buổi tối anh em sẽ cảm thấy mình rất yếu đuối bên trong và không chịu dậy nữa. Đồng thời anh em sẽ cảm thấy trống rỗng, chán nản, và có lẽ ngay cả tối tăm, đau đớn. Tất cả những cảm giác này là cảm giác của sự chết. Đôi khi anh em cảm thấy điều này mạnh hơn điều kia; đôi khi anh em cảm thấy năm điều này bằng nhau. Tuy nhiên, lý do là vì chú tâm đến xác thịt mà chúng ta cảm biết sự chết.

Cảm nhận về sự sống trái ngược với cảm nhận về sự chết. Cảm nhận về sự chết làm cho chúng ta cảm thấy yếu đuối và trống rỗng trong khi cảm nhận về sự sống làm cho chúng ta cảm thấy mạnh mẽ và thỏa mãn. Cảm nhận về sự chết làm cho chúng ta cảm thấy chán nản, tối tăm và đau đớn. Cảm nhận về sự sống làm cho chúng ta cảm thấy sống động, tươi sáng và dễ chịu. Vì cảm nhận của sự sống làm cho chúng ta cảm thấy mạnh mẽ, thỏa lòng, sống động, tươi sáng và dễ chịu, nên cảm nhận này cũng làm cho chúng ta cảm thấy bình an, tức là cảm thấy tốt đẹp và thoải mái.

Chúng ta cần ý thức rằng những điều được đề cập đến trong La Mã 8:6 đều tương phản với nhau. Xác thịt tương phản với linh, sự chết tương phản với sự sống và sự bình an. Trái ngược với sự chết không những là sự sống mà còn là sự bình an. Như vậy, sự chết không những bao gồm sự yếu đuối, trống rỗng, nản lòng, tối tăm mà còn sự đau đớn nữa. Sự yếu đuối, trống rỗng, nản lòng, và tối tăm tương phản với sự sống, trong khi sự đau đớn tương phản với sự bình an.

Chúng ta cảm nhận sự chết là do chúng ta chú tâm vào xác thịt, trong khi cảm nhận sự sống và bình an là do chúng ta chú tâm vào linh. Khi chúng ta sống trong linh, bước theo linh, và chú tâm vào linh, chúng ta cảm thấy mạnh mẽ và thoải mái bên trong; đồng thời chúng ta cũng cảm thấy sống động, tươi sáng, thoải mái và dễ chịu. Chẳng hạn như khi Thánh Linh ban cho anh em một cảm giác bên trong, nếu quan tâm và vâng theo cảm giác ấy, anh em sẽ cảm thấy mạnh mẽ và thoải mái; đồng thời anh em sẽ cảm thấy sống động, tươi sáng, thoải mái và dễ chịu. Như vậy, anh em cảm giác được sự sống và sự bình an vì anh em chú tâm vào linh.

Lý do La Mã 8:6 đề cập đến cảm nhận sự sống là vì trước đó có ba điều đã được nhắc đến: Linh, sự sống và luật sự sống. Linh ở trong chúng ta đã trở nên một với linh của chúng ta: sự sống bao hàm trong Linh là nội dung của Linh; và luật là khả năng và chức năng tự nhiên của sự sống. Ba điều này kết hợp với nhau trở nên luật của linh sự sống là luật chịu trách nhiệm về mọi vấn đề liên quan đến sự sống trong chúng ta, ban cho chúng ta một cảm nhận nào đó vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ nơi nào. Bất cứ khi nào chúng ta chú tâm vào linh, hành động và sống theo linh, luật này sẽ ban cho chúng ta một cảm thức về sự sống và bình an. Cảm nhận sự sống là cảm thấy mạnh mẽ, thoải mái, sống động, tươi sáng và tươi mới. Cảm thấy bình an là cảm thấy thoải mái, dễ chịu, tốt đẹp và tự nhiên. Nếu chúng ta chú tâm vào xác thịt, hành động và sống theo xác thịt, luật này sẽ làm cho chúng ta cảm thấy yếu đuối, trống rỗng, chán nản, tối tăm và đau đớn.

Vì vậy, điếu La Mã 8:6 nói hoàn toàn là vắn đố cảm thức, và cảm thức này được ban cho chúng ta bởi luật của Linh sự sống. Vì luật của Linh sự sống thuộc về sự sống, cảm thức mà luật này đem độn cho chúng ta cũng thuộc về sự sống. Như vậy, vì cảm thức đố cập độn trong La Mã 8:6 được ban cho chúng ta bởi luật này, cảm thức ấy cũng là cảm nhận của sự sống.

Phấn Kinh Thánh thứ nhì đố cập độn vắn đố cảm nhận sự sống là Ê-phê-sô 4:19. Câu này nói về người ngoại bang: “Họ đã bở qua cảm giác, buông mình vào sự dâm dục, ham làm mọi sự ô u”. Câu này nói lý do khiến người thố gian phạm tội và cố tình làm những điếu gian ác là vì họ đã từ bở mọi cảm giác. Thật vậy, khi người ta phạm tội và làm những điếu gian ác, chốc chốn họ đã bở qua mọi cảm giác bên trong. Khi một người phạm tội và làm điếu ác, chúng ta không thố nói người ấy không có cảm giác, nhưng ít nhốt chúng ta có thố nói người ấy đã gạt bở mọi cảm giác qua một bên. Nếu không gạt bở mọi cảm giác, nếu bị hạn chố bởi những cảm giác bên trong, làm sao người ấy có thố phạm tội và làm điếu ác? Tất cố những người phạm tội và làm điếu ác là những người đã gạt bở cảm giác của mình. Khi một người lừa gạt, trộm cồp, hành hung, cướp bóc người khác hoặc làm bởt cứ hành vi xồu xa, gian ác nào, chốc hốn người ấy đã bở qua cảm giác của mình. Càng phạm tội ác bao nhiêu, chốc hốn người ấy càng phố bở qua cảm thức bên trong bố nhiêu. Vì vậy, người gian ác là người không có cảm giác, còn một người tốt lành, nhân hậu là người rốt đố dồ cảm giác.

Thố thì giữa Cơ Đốc nhân và người ngoại bang, ai là người có cảm nhận bở trong mạnh mẽ hơn? Nếu chúng ta so sánh Cơ Đốc nhân với người không tin Chúa, ai là người có cảm thức mạnh hơn? Chúng ta phố trố lời là cảm giác của chúng ta mạnh hơn nhốu. Bởi vì ngoài những cảm giác mà họ có, chúng ta còn có cảm giác của sự sống bên trong, là điếu mà họ không có. Vì vậy, nếu chúng ta phạm tội và làm điếu ác, chốc hốn chúng ta đã gạt bở cảm giác của chúng ta nhốu hơn họ gồp bội nữa. Vì

lý do này, Kinh Thánh khuyên chúng ta không nên bỏ qua mọi cảm giác như người ngoại bang. Kinh Thánh này khuyên chúng ta phải quan tâm đến cảm nhận bên trong. Dĩ nhiên Kinh Thánh muốn nhấn mạnh đến việc chú ý đến cảm nhận bên trong. Sau khi khuyên chúng ta không nên bỏ qua mọi cảm giác như người ngoại bang, Ê-phê-sô chương 4 tiếp tục khuyên chúng ta phải lột bỏ người cũ và mặc lấy người mới. Người mới này thuộc về sự sống trong Linh. Đó có thể sống trong người mới này, chúng ta phải sống trong sự sống của Linh. Vì vậy, Ê-phê-sô chương 4 khuyên chúng ta không được bỏ qua mọi cảm giác như người ngoại, mà phải sống trong người mới này. Điều này nghĩa là chúng ta phải sống trong sự sống của Linh, quan tâm đến cảm nhận của sự sống trong Linh và sống theo cảm nhận của sự sống này.

Hơn nữa, hầu hết các thư tín của các sứ đồ đều có những lời chúc phước và chào thăm để cập đến ân điển và sự bình an. Ân điển là Đức Chúa Trời mà chúng ta đạt được, và sự bình an là cảm giác của chúng ta khi nhận được Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời mà chúng ta đã nhận được để trở nên sự sống của mình và để chúng ta vui hưởng, ấy là ân điển. Ân điển trong chúng ta đem đến sự bình an, tạo trong chúng ta một cảm giác bình tĩnh. Một người kinh nghiệm Đức Chúa Trời, vui thía trong sự sống của Ngài, nắm bắt quyền năng của Ngài hằng ngày chắc chắn có sự bình an trong lòng. Sự bình an này là cảm giác người ấy có được khi vui thía trong ân điển. Khi thiếu ân điển, ấy là chúng ta thiếu Đức Chúa Trời. Vì chúng ta chưa nhận được Đức Chúa Trời một cách đầy đủ bên trong, chưa được cung ứng để sự sống của Ngài, và chưa kinh nghiệm đầy đủ quyền năng sự sống của Đức Chúa Trời nên chúng ta thiếu sự bình an bên trong. Nếu chúng ta nhận được Đức Chúa Trời, kinh nghiệm Ngài và sự sống của Ngài một cách đầy đủ, chúng ta sẽ có được bình an bên trong. Đây không phải sự bình an trong hoàn cảnh mà là tình trạng bình an trong lòng. Chúng ta phải tin rằng sự bình an được các sứ đồ đề cập đến trong những lời chào thăm là loại bình an bên trong này. Sự bình an bên trong là vốn để cảm thức. Khi các sứ đồ chúc bình an

nghĩa là họ chúc các tín đồ có thể có được sự bình an ở bên trong. Cảm nhận bình an bên trong là cảm nhận của sự sống. Vì vậy, khi họ bày tỏ lòng ao ước là các tín đồ có được cảm giác bình an bên trong, ý là họ muốn các tín đồ quan tâm đến cảm nhận sự sống bên trong.

II. NGUỒN CẢM NHẬN CỦA SỰ SỐNG

Cảm nhận của sự sống mà chúng ta đang bàn đến phát xuất từ đâu? Cảm nhận này phát sinh như thế nào? Cảm nhận này phát sinh từ những điều chúng ta nhận được qua sự tái sinh, đó là sự sống của Đức Chúa Trời, luật sự sống, Đức Thánh Linh, Đấng Christ và Đức Chúa Trời. Sự sống của Đức Chúa Trời, luật sự sống, Đức Thánh Linh, Đấng Christ, và Đức Chúa Trời làm cho chúng ta có một cảm giác bất trong và cảm giác này chính là điều mà chúng ta gọi là cảm nhận của sự sống.

Mỗi một loại sự sống có những cảm giác riêng. Hơn nữa, sự sống càng mạnh, các cảm giác của sự sống này sẽ càng nhạy bén hơn. Sự sống của Đức Chúa Trời là sự sống mạnh mẽ nhất; vì vậy, sự sống này ở trong chúng ta tạo cho chúng ta không những có các cảm giác, mà còn có các cảm giác mạnh mẽ nữa.

Vì luật sự sống ra từ sự sống, nên luật sự sống cũng có các cảm giác. Cho nên, luật này ở trong chúng ta làm cho chúng ta có các cảm giác, đặc biệt khi chúng ta không vâng phục luật này. Chẳng hạn như khi thân thể khỏe mạnh bình thường, chúng ta khó có một cảm giác gì đặc biệt. Nhưng khi đau yếu, chúng ta sẽ có những cảm giác mạnh và những cảm giác mạnh mẽ này xuất hiện khi chúng ta không vâng theo những luật trong thân thể chúng ta. Tương tự như vậy, khi vâng phục luật sự sống, chúng ta sẽ không có nhiều cảm giác, nhưng khi không vâng phục luật này, chúng ta sẽ có những cảm giác rõ rệt.

Thánh Linh là đấng đang xúc và đang chuyển động trong chúng ta; Đấng Christ đang sống và hoạt động trong chúng ta; và Đức Chúa Trời cũng đang hành động trong chúng ta. Cả ba Thân vị đấng đang sinh hoạt và hoạt động trong chúng ta, chứ không

im lặng và bất động, vì vậy, tạo cho chúng ta nhiều cảm giác.

Thì, dù là sự sống của Đức Chúa Trời, luật sự sống hay Thánh Linh, Đấng Christ, và Đức Chúa Trời trong chúng ta, tất cả đều khiến cho chúng ta có những cảm giác, và tất cả hòa lẫn trong chúng ta, làm cho chúng ta có những cảm giác. Như vậy, những cảm giác phát sinh từ năm điều trên không phải là năm loại cảm giác khác nhau mà chỉ là một mà thôi, tức là cảm nhận của sự sống mà chúng ta đang bàn đến.

Vì sao những cảm giác đến từ sự sống của Đức Chúa Trời, luật sự sống, Đức Thánh Linh, Đấng Christ và Đức Chúa Trời lại chỉ là một loại cảm giác mà thôi? Và vì sao cảm giác này là cảm nhận của sự sống? Vì Thánh Linh, Đấng Christ và Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời Tam Nhất; sự sống của Đức Chúa Trời là chính Ngài; và luật sự sống ra từ sự sống của Ngài. Cho nên, nói một cách chính xác, năm điều này là một. Vậy, khi năm điều này ở trong chúng ta, những cảm giác do năm điều ấy tạo nên trong chúng ta cũng chỉ là một loại mà thôi. Lý do cảm giác này là cảm giác của sự sống vì cảm giác này đến từ Đức Chúa Trời Tam Nhất hằng sống, từ sự sống của Đức Chúa Trời và từ luật sự sống. Mục tiêu chính yếu của Đức Chúa Trời Tam Nhất trong chúng ta là trở nên sự sống của chúng ta, và sự sống này bao hàm luật sự sống. Vậy nên, các cảm giác do những điều trên tạo ra trong chúng ta đến từ sự sống và thuộc về sự sống; vì vậy, chúng là cảm nhận của sự sống. Cảm nhận này là một, nhưng có năm phương diện. Cảm nhận này ra từ sự sống của Đức Chúa Trời, và từ luật sự sống của Ngài; vì vậy, cảm nhận này có bốn mặt của sự sống Đức Chúa Trời và chỉ chức năng của luật sự sống của Ngài nữa. Đồng thời, cảm nhận này đến từ Thánh Linh, Đấng Christ và Đức Chúa Trời; vì vậy, cảm nhận này chứa đựng yếu tố của Thánh Linh đang xúc động cho chúng ta, yếu tố của Đấng Christ sống động trong chúng ta và yếu tố của Đức Chúa Trời đang hành động và hoàn thành ý muốn của Ngài trong chúng ta. Vì có những phương diện khác nhau như vậy, nên cảm nhận này rất phong

phú, mạnh mẽ và nhạy bén; cảm nhận ý phong phú hơn, mạnh mẽ hơn, và nhạy bén hơn cảm nhận tốt nhất mà những người vô tín có được. Những cảm giác tốt nhất mà người vô tín có được chỉ là cảm nhận ra từ bên chết tốt lành của loài thọ tạo trong bên thế con người. Nhưng ngoài cảm nhận ra từ bên chết tốt lành của loài thọ tạo, cảm nhận của sự sống là một cảm nhận thần thượng được ban cho chúng ta nhờ những điều chúng ta nhận được qua sự tái sinh.

III. CHỨC NĂNG CỦA CẢM NHẬN SỰ SỐNG

Thế thì chức năng của cảm nhận sự sống là gì? Chức năng hay công dụng của cảm nhận sự sống là liên tục cho chúng ta biết mình đang sống như thế nào. Chúng ta đang sống trong sự sống thiên nhiên hay đang sống trong sự sống của Linh? Chúng ta đang sống trong xác thịt hay đang sống trong linh? Đây là điều mà cảm nhận sự sống liên tục bày tỏ cho chúng ta, và vì lý do này mà chúng ta có cảm nhận của sự sống. Vì vậy, cảm nhận sự sống dẫn dắt chúng ta và bày tỏ tình trạng của chúng ta. Nếu chúng ta đi theo cảm nhận của sự sống, chúng ta đang vâng theo sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời, và đồng thời chúng ta xác minh được mình đang sống ở đâu.

Bây giờ chúng ta sẽ áp dụng điều chúng ta vừa trình bày. Cảm nhận về sự chết cho chúng ta biết mình hiện không sống trong linh nhưng đang ở trong xác thịt. Một khi cảm thấy sự chết, chúng ta phải biết mình không đang sống trong linh mà là trong xác thịt. Cảm nhận về sự chết bao gồm sự yếu đuối, trống rỗng, phiền muộn, chán nản, tối tăm, và đau đớn. Một khi chúng ta cảm nhận được những điều này, điều ấy có nghĩa là cảm nhận của sự sống trong chúng ta cho biết mình đã sai trật, chúng ta không đang sống trong linh mà trong xác thịt.

Thế thì cảm nhận của sự sống cho chúng ta cảm giác gì để chúng ta biết mình đang đứng đôn trước mặt Đức Chúa Trời và đang sống trong linh? Cảm nhận ấy cho chúng ta một cảm giác về sự sống và bình an, hay nói cách khác cảm nhận ấy khiến chúng ta cảm thấy mạnh mẽ, thoải mái, sống động, tươi sáng,

và dõ chịu. Bất cứ khi nào chúng ta cảm thấy mạnh mẽ, thoải
lòng, sống động, tươi sáng và dõ chịu bên trong, chúng ta có
một sự xác nhận bên trong rằng mình đang đứng đõn trước mặt
Đức Chúa Trời và đang sống trong linh.

Vậy nên, cảm nhận của sự sống bên trong chúng ta có một chức
năng rất lớn. Cảm nhận này hiện hữu bên trong liên tục đõn
đõt chúng ta, bày tỏ chúng ta biết nên sống ở đâu, và liên
tục xác nhận chúng ta đang sinh hoạt ở đâu. Đây là cảm nhận
đõn đõt chúng ta tiến lên trong sự sống; và cũng chính cảm
nhận này liên tục xác nhận và bày tỏ tình trạng thật của
chúng ta trong sự sống [thuộc linh]. Vì vậy, cảm nhận này là
người hướng đõn và là chứng cứ bên trong. Bất cứ khi nào cảm
nhận này làm cho chúng ta cảm thấy sự sống và bình an bên
trong, cảm nhận này minh chứng rằng chúng ta không có vấn đề
gì trong sự sống. Ngược lại, bất cứ khi nào cảm nhận này làm
cho chúng ta cảm thấy thiếu vắng sự sống và bình an, cảm
nhận này minh chứng chúng ta đang có nan đề nào đó trong sự
sống.

Có lẽ anh em nói mình không cảm nhận được sự sống và sự bình
an bên trong, và cũng không cảm thấy mình thiếu vắng sự sống
hay sự bình an; anh em không cảm thấy mạnh mẽ, thoải
lòng, sống động, tươi sáng, hay dõ chịu, và cũng không cảm thấy
mình được mạnh mẽ, thoải lòng, khô hạn, tối tăm, hay bứt rứt.
Tình trạng như vậy chứng tỏ anh em đang có vấn đề. Chúng ta
phải cảm nhận được sự sống và sự bình an một cách tích cực.
Chúng ta phải cảm thấy mạnh mẽ, thoải lòng, sống động, tươi
sáng, thoải mái và dõ chịu bên trong, khi này, mọi sự đều sẽ
tốt đẹp. Mặc dù đôi khi Đức Chúa Trời muốn đưa chúng ta ra
khỏi những cảm giác của mình và làm cho chúng ta dường như
phải rơi vào hang sâu, thõ nhưng ngay cõ lúc ở trong đó,
chúng ta vẫn cảm nhận được sự sống và sự bình an trong nơi
sâu thõm nhất của mình.

Sự sống và bình an là những cảm giác tích cực của cảm nhận
sự sống trong chúng ta, chứng tỏ sự sống chúng ta đang ở
trong một tình trạng bình thường. Yêu đuối và bứt rứt là

những cảm giác tiêu cực của cảm nhận sự sống trong chúng ta, chúng tôi chúng ta có vốn dĩ trong sự sống. Cảm giác vừa yêu đuối vừa bất rút là cảm nhận về sự chết. Cảm nhận về sự chết dứt khoát đến từ tình trạng chú tâm vào xác thịt và đã tiếp xúc với một điều gì đó ngoài Đức Chúa Trời. Mỗi một cảm nhận về sự chết chúng tôi chúng ta đã ít nhiều chú tâm vào xác thịt và đã tiếp xúc với những điều gì bên ngoài Đức Chúa Trời đến một mức độ nào đó. Vì vậy, tùy thuộc vào sự sống và bình an hay yêu đuối và bất rút bên trong, mà chúng ta biết mình đang chú tâm vào xác thịt hay đang sống trong linh, và đang tiếp xúc với Đức Chúa Trời. Nếu có sự sống và bình an, điều gì chúng tôi chúng ta đang sống trong linh, đang tiếp xúc với Đức Chúa Trời. Nếu cảm thấy yêu đuối và bất rút bên trong, điều gì chúng tôi chúng ta đang chú tâm vào xác thịt và tiếp xúc với những điều gì bên ngoài Đức Chúa Trời.

Một Cơ Đốc nhân không nhất thiết là chúng bao giờ cảm thấy mình yêu đuối, nhưng ngay cả khi cảm thấy yêu đuối, người ấy vẫn nên cảm thấy mạnh mẽ. Anh em cảm thấy yêu đuối vì anh em nhận biết chính mình; anh em cảm thấy mạnh mẽ vì anh em tiếp xúc với Đấng Christ và nhận biết Ngài là sự sống của mình. Nếu chúng ta liên tục cảm thấy yêu đuối và không khi nào cảm thấy mạnh mẽ cả thì có gì không ổn rồi. Sứ đồ Phao-lô nói khi ông yêu đuối, ấy là lúc ông mạnh mẽ (2 Cô. 12:10). Một người mạnh mẽ, cho dù cảm biết sự yêu đuối của mình cũng không bận tâm đến sự yêu đuối ấy. Nếu luôn luôn bận tâm đến sự yêu đuối và không thể mạnh mẽ được, điều gì chúng tôi chúng ta đang có vốn dĩ. Có lẽ không nhiều thì ít, chúng ta đang ở trong xác thịt, bởi vì yêu đuối là cảm nhận về sự chết, và cảm nhận về sự chết luôn luôn đến từ tình trạng xu hướng về xác thịt.

Một Cơ Đốc nhân có thể yêu đuối, tuy nhiên vẫn cảm thấy mạnh mẽ; người ấy có thể đau đớn, đau vậy vẫn cảm thấy bình an. Người ấy đau đớn vì gặp những hoạn nạn từ bên ngoài, nhưng lại cảm thấy bình an vì được gặp gỡ Chúa và tiếp xúc với Ngài từ bên trong. Nếu gặp hoạn nạn bên ngoài mà bên trong

không cảm thấy bình an gì hết, thì chắc có điều gì sai trật ròi. Chúa nói rằng chúng ta có hoạn nạn trong thế gian, nhưng có bình an trong Ngài (Gi. 16:33). Một người sống trong Chúa, hoặc một người sống trong linh có thể gặp nhiều thế thách từ bên ngoài, tuy nhiên bên trong người ấy vẫn được bình an, nếu không, điều ấy chứng tỏ người ấy không sống trong linh. Trong hoạn nạn, nếu chúng ta thiếu sự bình an, điều ấy chứng tỏ chúng ta không đang sống trong linh. Còn nếu chúng ta không gặp hoạn nạn mà vẫn không có sự bình an bên trong thì điều này càng chứng tỏ chúng ta không sống trong linh.

Vì vậy, về tình trạng của chúng ta trong sự sống, dù chúng ta đang chú tâm về xác thịt hay về linh, đang sống trong xác thịt hay trong linh, tất cả đều được xác nhận và bày tỏ cho chúng ta nhờ cảm nhận của sự sống. Qua sự xác nhận này mà cảm nhận của sự sống dần dần chứng ta từ bên trong. Chỉ khi nào chúng ta bước theo sự dần dần của sự xác nhận này, chúng ta mới có thể sống trong sự sống. Vì vậy, nếu chúng ta khao khát muốn tiến lên trong sự sống, chúng ta phải quan tâm đến sự xác nhận và sự dần dần của cảm nhận sự sống từ bên trong chúng ta.

CHƯƠNG SÁU

SỰ TƯƠNG GIAO CỦA SỰ SỐNG

Trong tác phẩm này, chúng tôi lưu tâm đến vấn đề sự sống và hi vọng đạt được hai điều: thứ nhất, giúp mọi anh chị em nhận biết mình đã kinh nghiệm được sự sống mà chúng tôi đang đề cập hay chưa; thứ hai, hướng dẫn các anh chị em hiểu biết con đường sự sống một cách thấu đáo, để sau này mọi người đều có thể ra đi khắp nơi mà trình bày lại điều này trong linh. Đây không phải là một sự dạy dỗ tổng quát mà là một sự nghiên cứu đặc biệt. Chúng tôi ao ước trình bày mọi điều thuộc về sự sống để xem các anh em đã có những điều gì chưa. Và nếu đã có, anh em có thể trình bày về điều gì không? Anh

em có thể chia sẻ mà đừng chạm được cảm xúc của người khác không? Anh em có thể nói về điều này như một giáo lý hay như kinh nghiệm của mình? Vì lý do đó, chúng tôi không những muốn tìm hiểu xem chúng ta đã có những điều mà mỗi một từ ngữ về sự sống để cập đến, mà cũng muốn khám phá ra định nghĩa và cách dùng của mỗi từ ngữ này.

Tôi có một gánh nặng rất lớn và một cảm giác rất sâu xa bên trong, này là những gì mà mỗi một Hội thánh ngày nay đang cần hơn hết là những điều thuộc về sự sống. Mọi công tác và hoạt động của chúng ta phải đến từ sự sống. Điều này không có nghĩa là chúng ta không nên tham gia nhiều vào các công tác và những hoạt động. Có thể về sau, công tác và hoạt động của chúng ta sẽ nhiều hơn và mạnh mẽ hơn cả hiện nay. Nhưng nếu không đến từ sự sống, chúng sẽ chẳng bền lâu và cũng chẳng có giá trị bao nhiêu. Nếu muốn công tác của mình có kết quả nhiều và vững bền, chúng ta phải có nền tảng sự sống. Chính chúng ta phải đụng chạm Chúa trong sự sống và hướng đến người khác đụng chạm Chúa trong sự sống. Chỉ khi này chúng ta mới thích hợp với công tác mà Đức Chúa Trời muốn thực hiện trong thời đại này.

Mọi kết quả công tác của chúng ta phải được đo lường bằng sự sống. Chỉ có những gì ra từ sự sống mới được Đức Chúa Trời công nhận. Trong Ma-thi-ơ, Chúa nói có một số người giảng phúc âm và đui què nhưng không được Ngài chấp nhận (cc. 22-23). Hơn nữa, trong thư Phi-líp, chương 1, vị sứ đồ nói có người giảng phúc âm vì lòng ganh tị (c. 15). Những công tác này chắc chắn không đến từ sự sống, mà chỉ là công việc của loài người. Chúng ta không thể và không nên làm những việc như vậy. Chúng ta nên học tập sống bằng sự sống của Chúa và để sự sống của Ngài hướng đến chúng ta làm công việc Ngài. Chúng ta không nên có tham vọng về những việc lớn, hay về những thành tựu nào đó trong công tác. Chúng ta chỉ nên có một ước ao duy nhất, này là hiểu biết và kinh nghiệm sự sống của Chúa nhiều hơn, và chia sẻ cho người khác những gì chúng ta hiểu biết và kinh nghiệm để họ cũng nhận được. Khi

làm việc, chúng ta không nên thiết lập một công tác, cũng không nên thành lập một tổ chức. Công tác của chúng ta chỉ nên là sự tuân theo sự sống của Chúa, truyền đạt và cung ứng sự sống của Ngài cho người khác. Nguyên Chúa thương xót và muốn chúng ta thấy rằng công tác quan trọng nhất của Đức Chúa Trời trong thời đại này là làm cho con người có thể nhận được sự sống của Ngài để được tăng trưởng và trưởng thành trong sự sống này. Chỉ có những công tác ra từ sự sống Ngài mới đạt được tiêu chuẩn đời đời của Ngài, và mới được Ngài chấp nhận.

Trong chương vừa qua, chúng ta đã nhìn thấy cảm nhận của sự sống. Liên quan chặt chẽ với cảm nhận của sự sống là sự tương giao của sự sống. Vậy, bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu sự tương giao của sự sống.

I. NGUỒN SỰ TƯƠNG GIAO CỦA SỰ SỐNG

Sự tương giao của sự sống đến từ đâu? Nguyên nhân của sự tương giao này là gì? Và sự tương giao này phát sinh từ đâu? 1 Giăng 1:2-3 nói: “Chúng tôi (các sứ đồ)... truyền cho anh em (các tín đồ) sự sống đời đời... hầu cho anh em cũng được tương giao với chúng tôi. Thật, chúng tôi vẫn được tương giao với Cha và với Con Ngài là Jesus Christ”. Những câu này cho chúng ta thấy các sứ đồ rao giảng cho chúng ta “sự sống đời đời” để chúng ta có “sự tương giao”. Sự sống đời đời là sự sống của Đức Chúa Trời, và sự sống đời đời vào trong chúng ta khiến cho chúng ta có sự tương giao. Vì sự tương giao này đến từ sự sống của Đức Chúa Trời, nên đây là sự tương giao của sự sống. Vì vậy, sự tương giao của sự sống đến từ sự sống của Đức Chúa Trời; sự tương giao này tồn tại là do sự sống của Ngài; sự tương giao này phát sinh từ sự sống của Ngài và được đem đến cho chúng ta cũng nhờ sự sống của Ngài. Ngay khi chúng ta nhận được sự sống của Đức Chúa Trời bên trong, sự sống này làm cho chúng ta có được sự tương giao của sự sống. Vì vậy, sự sống của Đức Chúa Trời là nguồn sự tương giao của sự sống.

II. MÔI GIỚI CỦA SỰ TƯƠNG GIAO CỦA SỰ SỐNG

Sự sống của Đức Chúa Trời nằm trong Thánh Linh của Ngài, và nhờ Thánh Linh Ngài mà sự sống Ngài vào trong chúng ta và sống trong chúng ta. Vì vậy, sự tương giao được đem đến cho chúng ta nhờ sự sống của Đức Chúa Trời, và mặc dù phát sinh từ sự sống Đức Chúa Trời, sự tương giao này đến qua môi giới là Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Vì vậy, Kinh Thánh cũng gọi sự tương giao này là sự tương giao của Thánh Linh” (2 Cô. 13:14, “cộng thông” (communion) là “tương giao” (fellowship) trong nguyên văn).

Chính Thánh Linh làm cho chúng ta kinh nghiệm được sự sống của Đức Chúa Trời; vì vậy, chính Thánh Linh khiến cho chúng ta có khả năng tương giao trong sự sống của Đức Chúa Trời. Mọi sự tương giao của sự sống đều ở trong Thánh Linh và do Thánh Linh. Đây là lý do vì sao Phi-líp 2:1 nói: “... trong Linh có sự tương giao nào...” Thánh Linh của Đức Chúa Trời chuyển động, đòi hỏi, và giục giã bên trong chúng ta làm cho chúng ta có sự tương giao đến từ sự sống của Đức Chúa Trời. Vì vậy, nếu khao khát có sự tương giao trong sự sống, không những chúng ta phải có sự sống của Đức Chúa Trời, mà lại còn phải sống trong Thánh Linh của Đức Chúa Trời nữa. Sự sống của Đức Chúa Trời là nguồn của sự tương giao trong sự sống, và Thánh Linh của Đức Chúa Trời là môi giới của sự tương giao trong sự sống. Mặc dù sự sống của Đức Chúa Trời ban cho chúng ta sự tương giao trong sự sống, tuy nhiên, Thánh Linh của Đức Chúa Trời là Đấng làm cho chúng ta vui hưởng sự tương giao này một cách thực tế. Chỉ khi nào sống trong Thánh Linh và bước đi bằng cách chú tâm vào Thánh Linh, chúng ta mới có thể vui hưởng sự tương giao trong sự sống của Đức Chúa Trời một cách thực tế.

III. Ý NGHĨA VỀ SỰ TƯƠNG GIAO CỦA SỰ SỐNG

Trước khi định nghĩa sự tương giao của sự sống, chúng ta phải làm sáng tỏ một điều. Sự sống của Đức Chúa Trời ban đầu vốn ở trong Đức Chúa Trời, và về sau sự sống ấy vào trong

chúng ta là những người thuộc về Đức Chúa Trời. Thế thì sự sống này của Đức Chúa Trời đã vào trong chúng ta là tốt gì hay chỉ là một phần mà thôi? Sau khi suy gẫm, cuối cùng chúng tôi nhận định rằng sự sống này không phải là một phần cũng không phải là tốt gì, mà là một sự luân lưu.

Chúng ta hãy lấy điện trong bóng đèn làm ví dụ. Điện là một phần hay là tốt gì điện của nhà máy điện? Câu trả lời là chỉ hai đều không phải, bởi vì chính dòng điện trong nhà máy cũng là điện trong các bóng đèn. Đây là dòng điện truyền dẫn không ngừng. Khi dòng điện bị ngắt, các bóng đèn đều ngừng phát ánh sáng.

Chúng ta hãy lấy một ví dụ khác về máu lưu thông trong tay tôi. Đây là máu của riêng bàn tay hay máu của toàn cơ thể? Nếu là máu của riêng bàn tay, nó không có sự lưu thông. Nếu là máu của toàn cơ thể thì cũng không có sự lưu thông. Nhưng đây là máu tuần hoàn, máu luân lưu. Đây là máu của toàn cơ thể luân lưu liên tục và tuần chảy không ngừng. Đây là tốt gì và cũng là một phần; và đây là một phần mà cũng là tốt gì.

Sự sống của Đức Chúa Trời cũng vậy. Sự sống này tuần chảy từ Đức Chúa Trời và chảy vào trong hàng ngàn thánh đồ, trong đó có cả chúng ta. Sự sống luân lưu này tuần tràn từ Đức Chúa Trời, chảy qua Đức Chúa Trời, chảy qua hàng ngàn thánh đồ khắp chúng ta. Như vậy, sự sống này làm cho chúng ta tương giao với Đức Chúa Trời và với hàng ngàn thánh đồ.

Điều này cũng giống như bóng đèn điện chiếu sáng. Điện trong bóng đèn liên tục được dẫn đến, nhờ đó làm cho bóng đèn này có sự liên hệ với nhà máy phát điện và với rất nhiều bóng đèn chiếu sáng khác. Sự liên hệ này có được là do dòng điện bên trong bóng đèn. Cũng vậy, sự tương giao của sự sống trong chúng ta cũng do nơi dòng sự sống trong chúng ta. Sự sống của Đức Chúa Trời trong chúng ta đem đến một sự luân lưu của sự sống, và như vậy chúng ta có sự tương giao của sự sống. Sự sống này làm cho chúng ta có thể tiếp xúc với Đức

Chúa Trời và với hàng ngàn thánh đ̣ khác. Vì vậy, ý nghĩa c̣a sự tương giao c̣a sự ṣng là sự luân lưu c̣a sự ṣng. Sự luân lưu c̣a sự ṣng không tách rời kḥi sự ṣng; hơn nữa, đây là sự tương giao c̣a chính dòng sự ṣng. Sự tương giao c̣a dòng sự ṣng đòi ḥi chúng ta liên tục bước đi và ṣng bằng cách chịu theo và đ̣u phục dòng sự ṣng. Ḅt cứ khi nào chúng ta không đi theo hoặc đ̣u phục dòng sự ṣng thì dòng sự ṣng sẽ ngưng tuôn cḥy. Như vậy, sự tương giao giữa chúng ta với Đức Chúa Trời sẽ bị gián đoạn, và chúng ta cũng sẽ ṃt sự tương giao với các thánh đ̣.

IV. CHỨC NĂNG C̣A SỰ TƯƠNG GIAO C̣A SỰ ṢNG

Chức năng hay công dụng c̣a sự tương giao c̣a sự ṣng là gì? ̣y là từ bên trong sự tương giao này cung ứng cho chúng ta ṭt c̣ những gì trong sự ṣng c̣a Đức Chúa Trời, hay ṭt c̣ những gì trong chính Đức Chúa Trời. Mọi sự đ̣y đ̣ c̣a Đức Chúa Trời được cung ứng cho chúng ta qua sự tương giao c̣a sự ṣng. Càng đ̣ cho dòng sự ṣng tuôn cḥy vào trong mình, chúng ta càng được cung ứng sự đ̣y đ̣ c̣a Đức Chúa Trời ̣ bên trong. Sự cung ứng c̣a sự tương giao trong sự ṣng cũng gịng như máu tụn hoàn nuôi dưỡng cơ tḥ và dòng điện truỵn điện năng cho bóng đèn.

C̣m nhận sự ṣng mình chứng chúng ta có đang ṣng trong Đức Chúa Trời hay không, và sự tương giao c̣a sự ṣng liên tục cung ứng cho chúng ta những địu thuộc ṿ sự ṣng. Ḅt cứ khi nào sự ṣng cung ứng cho anh em bị gián đoạn, địu đó có nghĩa là anh em đã ngưng tương giao. Nếu liên tục ṣng trong sự tương giao c̣a sự ṣng chúng ta sẽ được cung ứng sự ṣng một cách liên tục và không ngưng ngḥ.

Sự tương giao c̣a sự ṣng và c̣m nhận c̣a sự ṣng có một ṃi liên hệ ḥ tương. Ngay khi sự tương giao c̣a sự ṣng bị gián đoạn, c̣m nhận c̣a sự ṣng khịn chúng ta c̣m bịt mình bị ṃt sự cung ứng sự ṣng. Khi sự tương giao c̣a sự ṣng không bị gián đoạn, c̣m nhận c̣a sự ṣng khịn chúng ta c̣m bịt mình đang được cung ứng sự ṣng. Tḥ thì, hoàn toàn nhờ vào

c m nhận c a sự s ng mà chúng ta bi t mình c  đang s ng trong sự tương giao c a sự s ng hay không và c  đang nhận được sự cung  ng sự s ng hay không. C ng bước đi trong m i tương giao c a sự s ng, c m nhận sự s ng c a chúng ta c ng nhạy b n, và lượng sự s ng cung  ng cho chúng ta c ng d i d o hơn.

B n đ n sự tương giao c a sự s ng như vậy l  đ  r i. Chúng ta c n ph i nhớ c m nhận sự s ng lu n lu n th  nghiêm và tra x t chúng ta, trong khi sự tương giao c a sự s ng lu n lu n cung  ng cho chúng ta. C m nhận c a sự s ng x c định tình trạng c a chúng ta trước mặt Chúa; và sự tương giao c a sự s ng cung  ng sự s ng thuộc linh cho chúng ta.

CHƯƠNG B Y

C M NHẬN C A LINH VÀ VIỆC NHẬN BI T LINH

B y giờ chúng ta sẽ xem x t đi m chính y u thứ b y, tức l  c m nhận c a linh và việc nhận bi t linh. V  t t c  kinh nghiệm sự s ng đ u   trong linh, n n nhận bi t linh l  một v n đ  cơ b n trong kinh nghiệm sự s ng.

V y v n đ  đ c đ c gọi l  “linh” thật sự l  g ? Làm th  nào chúng ta c  th  nhận bi t linh? Làm sao chúng ta c  th  ti p xúc v i linh? T i ph i nhìn nhận gi i đ p nh ng câu h i n y không ph i l  một việc d  d ng. Gi i th ch linh l  g i thật l  một v n đ  kh  kh n. B n v  th n th  l  một việc d  v  chúng ta c  th  trông th y và đ ng chạm đ c. N i v  h n c ng không m y kh  kh n, v  mặc d u h n r t tr u tượng, chúng ta c  th  c m bi t đ c nhờ nh ng chức năng và hoạt động c a h n, ch ng hạn như suy nghĩ, xem x t, quy t tâm, quy t định, và tình trạng th a lòng, giận d , bu n r u, vui mừng. Nhưng b n đ n linh th i thật sự l  kh . Ngay c  hi u bi t linh đ  l  đi u không d , hu ng chi l  n i v  linh. Tuy

nhiên, chúng ta sẽ cố gắng bàn về điều này.

La Mã chương 8 nói về linh. Khó tìm được chỗ nào khác trong Kinh Thánh bàn đến tình trạng gì trong linh của chúng ta rõ ràng bằng chương này. Vì vậy, nếu chúng ta muốn hiểu biết linh, bắt buộc chúng ta phải chú ý đến chương này.

I. BÀN ĐIỀU

Sứ đồ [Phao-lô] dùng bốn điều để nói về linh:

A. Sự Sống

Trong câu 2, ông nói: “Linh của sự sống”. Khi nói như vậy, ông cho chúng ta biết Linh mà ông đang nói đến là Linh của sự sống, Linh có liên quan đến sự sống, chứa đựng sự sống và thuộc về sự sống. Kế đến, trong câu 6, ông lại nói: “đặt tâm trí vào linh là sự sống”. Điều này có nghĩa sự sống là bông trái của linh, linh là nguồn của sự sống; vì vậy, chúng ta đụng chạm sự sống bằng cách chúng ta đụng chạm linh. Sự sống và linh có một mối liên hệ hỗ tương; thế thì chúng ta có thể nhận biết linh nhờ sự sống. Mặc dù nhận biết linh có thể là một điều khó nhưng hiểu biết sự sống lại tương đối dễ dàng.

B. Luật

Trong câu 2, vị sứ đồ không những nói về “Linh của sự sống” nhưng ông còn nói về “luật của Linh sự sống”. Điều này cho chúng ta biết Linh mà ông đang nói đến không những thuộc về sự sống mà cũng có luật của Linh này nữa. Vì vậy, khi nói về Linh, ông nói về sự sống và khi nói về luật ấy, ông cũng nói giống như vậy. Ông nêu kết ba điều là sự sống, Linh và luật lại với nhau. Sự sống và Linh không thể tách rời; luật và Linh không thể phân chia. Sự sống là nội dung và là kết quả hay bông trái của Linh, trong khi luật là chức năng và hoạt động của Linh. Bằng cách tiếp xúc với sự sống, chúng ta tiếp xúc với linh; bằng cách cảm nhận luật, chúng ta cảm nhận linh. Mặc dù linh thì khó tìm, nhưng luật thì không khó

tìm. Vì vậy, qua luật chúng ta có thể tìm thấy linh.

C. Sự Bình An

Trong câu 6, vị sứ đấng nói: “Đặt tâm trí vào linh là sự sống và bình an”. Điều này có nghĩa là kết quả của việc đặt tâm trí vào linh không những là sự sống mà còn là sự bình an. Vì vậy, sự sống là bông trái của Linh và sự bình an cũng là bông trái của Linh. Khi đụng chạm linh, chúng ta đụng chạm sự sống và cũng đụng chạm sự bình an. Y như sự sống có thể làm cho chúng ta hiểu biết linh, sự bình an cũng làm cho chúng ta nhận thức được linh.

D. Sự Chết

Trong câu 6, trước khi nói đặt tâm trí vào linh là sự sống và bình an, vị sứ đấng nói: “Đặt tâm trí vào xác thịt là sự chết”. Ở đây, ông dùng một điều tiêu cực tương phản với điều tích cực để trình bày điều tích cực. Xác thịt và linh là hai điều trái ngược nhau, sự chết và sự sống cũng vậy. Sự sống là bông trái của linh và đến từ Linh. Sự chết là bông trái của xác thịt và ra từ xác thịt. Sự sống làm cho chúng ta nhận biết những điều đến từ linh, như vậy, làm cho chúng ta nhận biết linh về phương diện tích cực. Sự chết làm cho chúng ta nhận biết những điều đến từ xác thịt và như vậy bày tỏ linh theo hướng tiêu cực. Vì vậy, giống như sự sống làm cho chúng ta nhận biết linh theo khía cạnh tích cực, sự chết làm cho chúng ta hiểu biết linh theo khía cạnh tiêu cực. Để nhận biết linh, chúng ta cần nhận biết sự sống và chúng ta cần hiểu điều tương phản của sự sống là sự chết.

Như vậy, theo những gì vị sứ đấng nói thì bốn điều này – sự sống, luật, sự bình an và sự chết – liên quan mật thiết với linh cả về mặt tiêu cực lẫn về mặt tích cực. Nếu thông hiểu bốn điều này, chúng ta có thể nhận biết linh một cách rõ ràng, vì linh liên quan chặt chẽ với bốn điều này. Cả bốn điều này chứa đựng hay truy cập một loại nhận thức nào đó.

II. CẢM THỨC

Ngoại trừ sự sống thấp nhất là sự sống của thảo mộc, mọi loại sự sống rõ ràng có một ý thức riêng. Sự sống càng cao, ý thức càng phong phú. Sự sống của Linh sự sống được đề cập đến ở đây là sự sống của chính Đức Chúa Trời, là sự sống cao nhất; vì vậy, sự sống này có cảm thức hay ý thức phong phú nhất. Sự sống này ở trong chúng ta, làm cho chúng ta đầy dẫy cảm thức thuộc linh khiến chúng ta có khả năng cảm nhận linh và những điều thuộc về linh.

Mặc dù luật của một vật vô tri không thuộc về lãnh vực ý thức nhưng luật của một sự sống có ý thức thì đương nhiên thuộc về lãnh vực ý thức. Chẳng hạn nếu tôi đánh một anh em, ngay lập tức anh ấy sẽ cảm thấy đau đớn; nếu tôi đưa thẳng tay hướng về đôi mắt anh ấy, lập tức mắt anh ấy sẽ chớp chớp. Anh ấy phản ứng như vậy vì trong cơ thể anh có một luật sự sống bắt buộc anh làm như vậy. Ngay giây phút tôi đánh anh, anh cảm thấy đau đớn, đây là một luật. Ngay giây phút tôi đưa tay ra về phía anh, mắt anh chớp, đây cũng là một luật. Mặc dù đây là các luật, tuy nhiên, nếu tôi hỏi anh đó là gì, anh sẽ nói đó là một điều thuộc về ý thức. Điều này chứng tỏ rằng luật của sự sống vật lý thuộc về loại ý thức. Vì sự sống của Linh sự sống là sự sống của Đức Chúa Trời, có cảm thức rất phong phú, nên luật của Linh sự sống tự nhiên đầy dẫy cảm thức.

Sự bình an được nói đến ở đây dĩ nhiên là sự bình an bên trong chúng ta. Sự bình an bên trong hoàn toàn là vấn đề của cảm thức. Không thể nào chúng ta có sự bình an bên trong mà mình lại không cảm thấy bình an. Vì vậy, sự bình an được nói đến ở đây cũng là một vấn đề của cảm thức.

Hơn nữa, ngay cả vấn đề sự chết được nói đến ở đây cũng là vấn đề của ý thức. Sự chết làm cho người ta mất ý thức. Khi một người chết, người ấy mất ý thức của mình. Vì vậy, khi một người mất hết ý thức, chứng tỏ trong người ấy có sự chết hành động; mặc dù người ấy có thể chưa chết hoàn toàn nhưng

người ấy đã gòn chết.

Hơn nữa, trong lãnh vực thuộc linh, sự chết không những làm cho người ta mất cảm nhận về sự sống, nó cũng làm cho người ta cảm nhận sự chết. Khi chúng ta đặt tâm trí vào xác thịt, sự chết trở nên tích cực hoạt động trong chúng ta. Về một mặt, nó làm cho chúng ta mất cảm nhận của sự sống bên trong, mặt khác, nó làm cho chúng ta cảm thấy bứt rứt, bần khoăn, nản lòng, nặng nề, tối tăm và trống rỗng. Cảm giác bứt rứt, bần khoăn, nản lòng, nặng nề, tối tăm và trống rỗng này là cảm nhận về sự chết và làm cho chúng ta cảm nhận sự chết.

Như vậy, có bốn điều này: sự sống, luật, sự bình an và sự chết đều có liên quan đến cảm thức. Cảm thức về những điều này làm cho chúng ta có thể đụng chạm cảm nhận của linh và bởi đó nhận biết linh. Vì vậy, chúng ta nên dành thêm thì giờ xem xét cảm thức của bốn điều này.

III. CẢM NHẬN CỦA SỰ SỐNG

Sự sống được đề cập đến ở đây chỉ về sự sống của Linh sự sống. Vì vậy, sự sống này là sự sống của Linh, đến từ Linh và lệ thuộc Linh. Linh mà sự sống này lệ thuộc không những là Linh của Đức Chúa Trời mà cũng là linh của chúng ta. Linh này là Linh của Đức Chúa Trời và linh chúng ta hòa lẫn với nhau thành một linh. Trong thời Cựu Ước, Linh của Đức Chúa Trời chỉ giáng trên loài người để họ nhận được quyền năng của Đức Chúa Trời ở bên ngoài. Ngài không vào trong loài người để họ nhận được sự sống của Ngài ở bên trong. Như vậy, trong thời Cựu Ước, Linh của Đức Chúa Trời chỉ là Linh quyền năng; chưa phải là Linh sự sống, mãi cho đến thời Tân Ước, Linh của Đức Chúa Trời mới vào trong loài người như Linh sự sống để họ nhận được sự sống của Ngài ở bên trong. Ngày nay, trong thời Tân Ước, Linh của Đức Chúa Trời không chỉ là Linh quyền năng mà cũng là Linh sự sống. Ngài không chỉ đến trên loài người, làm cho họ nhận được quyền năng của Đức Chúa Trời ở bên ngoài, và Ngài không chỉ cảm động người ta, làm cho họ nhận biết tội, xưng nhận, ăn năn và tin Chúa, nhưng

Ngài còn vào trong con người để con người có sự sống của Đức Chúa Trời ở bên trong và Ngài cũng ở trong con người là Linh sự sống. Khi được Ngài cảm động, chúng ta ăn năn, tin, và tiếp nhận Chúa Jesus làm Cứu Chúa của mình, lúc ấy Ngài vào trong chúng ta và đặt sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta. Vào thời điểm này, Ngài vào trong chúng ta như Linh của sự sống, Linh sự sống của Đức Chúa Trời. Sự sống của Đức Chúa Trời ở trong Ngài và Ngài là sự sống của Đức Chúa Trời; vì vậy, khi Ngài vào trong chúng ta, sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta. Ngài vào trong chúng ta với sự sống của Đức Chúa Trời như Linh của sự sống. Khi Ngài vào, Ngài vào linh chúng ta, chứ không vào trong tâm trí, tình cảm hay ý chí của chúng ta. Ngài vào trong linh chúng ta, đặt sự sống của Đức Chúa Trời trong linh chúng ta, và Ngài cư trú trong linh chúng ta; như vậy, Linh sự sống hòa quyện với linh chúng ta. Bây giờ, Linh của Đức Chúa Trời cùng với sự sống của Đức Chúa Trời (Ngài là chính sự sống của Đức Chúa Trời) ở trong linh chúng ta, để chính Ngài, sự sống của Đức Chúa Trời và linh chúng ta, cả ba có thể hòa làm một và không bao giờ phân cách.

Chúng ta có thể minh họa điều này qua hình ảnh một cái ly ban đầu chỉ đựng nước trong mà thôi. Sau đó chúng ta pha vào trong ly ấy nước cốt trái cây và thêm một ít đường. Vì vậy, nó trở thành một ly nước-trái-cây-pha-đường, gồm ba thứ trong cùng một thức uống. Nước tượng trưng cho linh chúng ta, nước cốt trái cây tượng trưng cho Linh của Đức Chúa Trời và đường tượng trưng cho sự sống của Đức Chúa Trời. Linh của Đức Chúa Trời chứa đựng sự sống của Đức Chúa Trời hòa quyện với linh chúng ta, do đó làm cho ba điều – Linh của Đức Chúa Trời, sự sống của Đức Chúa Trời và linh chúng ta – trở nên linh sự sống bao-gồm-ba-trong-một. Đây là điều La Mã 8:2 đề cập đến.

Vậy linh mà chúng ta đang nói đến ở đây, là nơi mà sự sống của Linh sự sống đang ngự, bao gồm cả Linh của Đức Chúa Trời và linh chúng ta. Linh ấy là sự hoà quyện của Linh Đức Chúa

Trời và linh chúng ta. Những người dịch Kinh Thánh hiểu Linh được đề cập trong La Mã chương 8 là Thánh Linh, vì vậy, họ đã viết hoa chữ Linh ấy. Nhiều người đọc Kinh Thánh cũng nghĩ rằng Linh được nhắc đến ở đây ám chỉ đến Thánh Linh mà thôi. Nhưng sự kiện thuộc linh và kinh nghiệm thuộc linh cho chúng ta biết rằng Linh được đề cập ở đây là sự hoà quyện của Thánh Linh và linh chúng ta. Trong câu 16 của chương này, vị sứ đồ đã đưa ra một sự kiện thuộc linh (đây cũng là kinh nghiệm thuộc linh của chúng ta). Ông nói rằng: “Chính Linh cùng linh chúng ta đồng chứng...” Bằng cách diễn tả như vậy, ông cho chúng ta thấy rõ rằng linh mà ông đề cập trước là một linh hoà quyện giữa “Thánh Linh cùng linh chúng ta”. Nếu nói linh này là Thánh Linh cũng đúng và nói rằng đó là linh của chúng ta cũng không sai. Ấy cũng giống như nước trong ly pha với nước cốt trái cây. Anh em có thể nói đó là nước trái cây và cũng có thể nói đó là nước. Ấy là vì hai thứ đã được hòa lẫn nên một. Cũng vậy, Thánh Linh và linh chúng ta được hòa lẫn nên một linh. Trong một linh này, là sự hoà quyện của hai linh, có sự sống mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta; vì vậy, linh ấy trở nên linh của sự sống. Nói đơn giản là sự sống của Đức Chúa Trời ở trong Linh của Đức Chúa Trời, và Linh của Đức Chúa Trời vào trong linh của chúng ta; thế thì cả ba hòa lẫn nên một và trở thành linh của sự sống.

Linh của chúng ta ban đầu vốn chỉ là linh của con người, và linh ấy đã chết. Bây giờ, khi Linh của Đức Chúa Trời ngự vào trong, không những Ngài làm sống động linh chúng ta, mà còn ban thêm sự sống của Ngài vào linh ấy. Lúc này, không những linh chúng ta sống động, nhưng linh ấy cũng có sự sống của Đức Chúa Trời; và đó không những chỉ là một linh, mà còn là linh của sự sống. Tất cả những cảm thức của sự sống trong linh này làm cho chúng ta có thể nhận biết được linh này. Khi chúng ta bước đi bằng cách đặt tâm trí mình vào linh ấy và khi những hành động và việc làm của chúng ta phù hợp với linh ấy, sự sống trong linh ấy sẽ làm cho chúng ta có một cảm thức về sự sống đó. Vì sự sống này thuộc về Đức Chúa Trời, là một sự sống tươi mới và sống động, mạnh mẽ với

quyền năng, chói sáng và thánh khiết, thật thực và không trống rỗng, nên cảm nhận của sự sống này chắc chắn làm cho chúng ta cảm nhận được sự hiện diện của Đức Chúa Trời; do đó, chúng ta sẽ cảm thấy tươi mới và sống động, mạnh mẽ với quyền năng, chói sáng và thánh khiết, thật thực và không trống rỗng. Khi có những cảm xúc như vậy, chúng ta biết rằng mình đang quan tâm đến linh, bước đi theo linh và sống trong linh. Những cảm xúc như vậy là cảm nhận của sự sống trong linh chúng ta, hay là cảm thức của linh sự sống trong chúng ta, dẫn dắt chúng ta từ bên trong để bước đi theo linh và sống bởi linh. Khi chúng ta đụng chạm được những cảm xúc như vậy, chúng ta đụng chạm linh. Khi quan tâm đến những cảm xúc ấy, chúng ta quan tâm đến linh. Tương đối khó cho chúng ta cảm nhận chính linh, nhưng chúng ta có thể dần dần cảm nhận những cảm xúc về sự sống như vậy trong linh. Nếu theo sát những cảm xúc như thế, chúng ta có thể nhận biết linh và sống trong linh.

Có thể nói sự sống của Đức Chúa Trời trong linh chúng ta là chính Đức Chúa Trời; vì vậy, cảm nhận về sự sống này chắc chắn sẽ làm cho chúng ta cảm nhận được chính Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta sống trong linh và bước đi bằng cách chú tâm vào linh, cảm nhận của sự sống sẽ làm cho chúng ta cảm biết rằng mình đang tiếp xúc với Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời đang ở trong chúng ta là sự sống, quyền năng và là tất cả của chúng ta; thế thì chúng ta sẽ vui mừng, yên nghỉ, khoan khoái và thỏa mãn. Vậy khi đụng chạm Đức Chúa Trời trong cảm nhận sự sống bên trong, chúng ta đụng chạm sự sống; nhờ đó chúng ta biết mình đang sống trong linh và đặt tâm trí mình vào linh.

Sự sống của linh sự sống đang ngự trong linh mà linh này là sự hoà quyện giữa Linh Đức Chúa Trời với linh chúng ta, nên bất cứ cảm giác nào mà cảm nhận của sự sống tạo nên trong chúng ta phải là sự kiện về Linh của Đức Chúa Trời trong linh chúng ta. Linh của Đức Chúa Trời trong linh chúng ta bày tỏ Đấng Christ cho chúng ta, truy cập Đức Chúa Trời

trong Đấng Christ vào trong chúng ta và làm cho chúng ta kinh nghiệm Đấng Christ, tiếp xúc với Đức Chúa Trời trong linh. Thế thì Linh Ngài làm cho chúng ta kinh nghiệm Đấng Christ, tức là kinh nghiệm Đức Chúa Trời như là sự sống của chúng ta; điều này cũng có nghĩa là Linh Ngài làm cho chúng ta kinh nghiệm sự sống, tức là kinh nghiệm sự sống của Đức Chúa Trời trong linh chúng ta. Vậy khi chúng ta kinh nghiệm sự sống này, sự sống Ngài làm cho chúng ta cảm thấy được sự thỏa mãn của sự sống, quyền năng của sự sống, sự chói sáng của sự sống, sự tươi mới của sự sống, sự sống động của sự sống và sự siêu việt của sự sống. Khi có một cảm nhận của sự sống như vậy bên trong mình, chúng ta biết mình đang sống trong linh và đụng chạm linh.

IV. CẢM NHẬN VÀ LUẬT CỦA LINH SỰ SỐNG

Trong Linh của sự sống ở bên trong chúng ta, không những có sự sống của Đức Chúa Trời mà còn có một luật nữa. Luật này là luật của sự sống Đức Chúa Trời. Mọi sự sống đều có luật riêng của nó. Sự sống trong thân thể chúng ta có luật nằm trong thân thể chúng ta. Điều gì thích hợp với bản chất của sự sống Ngài, luật Ngài chấp thuận và tiếp nhận; bất cứ điều gì khác với bản chất Ngài, luật Ngài sẽ đối kháng và khước từ. Tương tự như thế, sự sống của Đức Chúa Trời trong linh chúng ta cũng có luật của sự sống đó. Sự sống này thuộc về linh và tùy thuộc linh; vì vậy, bản chất nó có tính cách hoàn toàn và tuyệt đối thuộc linh. Nếu những gì chúng ta là và làm mà phù hợp với bản chất thuộc linh của sự sống Ngài thì luật bên trong linh chúng ta sẽ chấp thuận và tiếp nhận; ngược lại, luật Ngài sẽ chống trả và từ chối. Tất cả những điều gì luật Ngài chấp thuận và tiếp nhận đều dứt khoát ra từ linh, vì chỉ có điều gì ra từ linh mới có thể phù hợp với bản chất thuộc linh của sự sống Ngài. Vì vậy, tất cả những gì chúng ta “là” và chúng ta làm phải được phát xuất từ linh và ở trong linh; khi Ngài luật sự sống trong linh chúng ta sẽ chấp thuận và tiếp nhận.

Luật sự sống này ở trong linh chúng ta thuộc về một loại nhận thức và có cảm thức riêng của nó. Tất cả những gì luật này chấp thuận và tiếp nhận, hoặc chững lại và khước từ, đều được nhận biết qua những gì luật này cảm thấy và những gì luật này muốn chúng ta cảm thấy. Nếu những gì chúng ta “là” và chúng ta làm ở trong linh mà phù hợp với bản chất của linh sự sống trong mình thì luật này sẽ làm cho chúng ta cảm thấy rằng nó chấp thuận và tiếp nhận điều này; ngược lại, luật này sẽ làm cho chúng ta cảm thấy rằng nó chững lại và khước từ điều này. Thế thì, nhờ cảm nhận của luật này, chúng ta có thể biết được mình có đang ở trong linh và bước đi bên linh hay không. Vì luật này là luật của linh sự sống trong chúng ta, nên cảm nhận của luật này là cảm nhận của linh sự sống bên trong chúng ta; vì vậy, cảm nhận của luật này có thể làm cho chúng ta nhận biết linh ở bên trong.

Luật là một điều tự nhiên; vì vậy cảm nhận nó đem lại cho chúng ta cũng rất tự nhiên. Thí dụ, khi uống một ly nước trái cây, tự nhiên chúng ta cảm thấy hương vị ngọt ngào. Đó là vì có một luật thuộc sự sống vật lý trong thân thể chúng ta tự nhiên tạo cho chúng ta có vị giác đó. Ngay khi lưỡi mình chạm đến nước trái cây, lập tức chúng ta cảm thấy vị ngọt. Cảm giác tự nhiên này là luật sự sống trong thân thể chúng ta. Luật này tự nhiên làm cho chúng ta cảm được hương vị của nước trái cây. Luật sự sống trong linh chúng ta cũng giống như vậy. Chúng ta không cần những người khác cho chúng ta, là Cơ Đốc nhân, biết những gì chúng ta “là” và những gì chúng ta làm có ở trong linh hay không hoặc chúng ta có lưu tâm đến linh và làm vui lòng Đức Chúa Trời hay không. Luật sự sống trong linh chúng ta sẽ tự nhiên bày tỏ cho chúng ta tình trạng của mình bằng cách tạo cho chúng ta một cảm nhận nào đó. Cảm nhận tự nhiên này do luật của sự sống ban cho chúng ta là chức năng tự nhiên của linh sự sống trong chúng ta. Nhờ đó chúng ta có thể dễ dàng nhận biết chính mình có đang sống trong linh hay không.

Không những luật sự sống ban cho chúng ta cảm giác tự nhiên

mà luật ấy cũng làm cho chúng ta được tự nhiên. Chúng ta càng sống trong linh, và những gì chúng ta “là” và chúng ta làm càng phù hợp với bản chất của linh sự sống bên trong mình, thì luật của linh sự sống bên trong chúng ta sẽ càng làm cho chúng ta cảm thấy tự nhiên. Nếu chúng ta là những Cơ Đốc nhân mà không tự nhiên, điều ấy bày tỏ rằng chúng ta đang có nan đề và chúng ta không đang sống trong linh. Vì linh sự sống trong chúng ta là luật tự nhiên của linh ấy nên chỉ khi nào đời sống và công việc của chúng ta phù hợp với bản chất thuộc linh của linh ấy, chúng ta mới cảm thấy tự nhiên ở bên trong. Khi nào chúng ta cảm thấy tự nhiên bên trong, điều ấy chứng tỏ rằng chúng ta đang sống phù hợp với luật sự sống trong linh mình. Cảm nhận tự nhiên này do luật sự sống ban cho chúng ta làm cho chúng ta nhận biết mình đang sống trong linh và bước đi theo linh. Vậy, nếu chúng ta tuân theo luật sự sống trong linh mình, hoặc nếu chúng ta tuân theo cảm thức tự nhiên do luật sự sống ban cho mình, điều ấy có nghĩa là chúng ta đang tuân theo linh sự sống bên trong. Nói cách đơn giản, bước theo cảm nhận của luật sự sống trong linh là bước theo linh vì cảm nhận của luật sự sống trong linh là cảm nhận của chính linh.

V. CẢM NHẬN BÌNH AN

Linh sự sống trong chúng ta không những chỉ là nơi Linh của Đức Chúa Trời và sự sống của Ngài cư ngụ mà đó cũng là chỉ con người mới. Hơn nữa, linh trong chúng ta, tức linh được hòa lẫn với sự sống Đức Chúa Trời, cũng chính là con người mới trong chúng ta. Nếu trong những hành động và cách cư xử bên ngoài, chúng ta quan tâm đến linh sự sống bên trong, khi ấy chúng ta đang sống bởi con người mới và thuộc linh bên trong mình. Bằng cách đó, con người bên trong và những hành động bên ngoài của chúng ta mới phù hợp với nhau; do đó, chúng ta cảm thấy tự nhiên và bình an. Chúng ta có thể nói rằng tình trạng cảm thấy tự nhiên và bình an này là kết quả phát sinh do cảm nhận của luật của linh sự sống. Nếu chú tâm vào linh sự sống bên trong, tự nhiên chúng ta sẽ bước đi và

sống phù hợp với luật của linh sự sống bên trong mình. Điều đó làm cho chúng ta cảm thấy tự nhiên từ bên trong và cảm nhận bình an. Cảm nhận được sự bình an và cảm nhận được sự sống đi kèm với nhau. Cảm nhận được sự sống là cảm thấy tươi mới và sống động; cảm nhận được sự bình an là cảm thấy tự nhiên và thoải mái, dễ chịu. Cảm nhận sự sống là cảm thấy thảnh thơi và tràn đầy sinh lực; cảm nhận bình an là cảm thấy yên nghỉ và thoải mái. Nếu chú tâm vào linh, bước đi và sống bởi linh, không những chúng ta sẽ cảm nhận được sự sống, tức là cảm thấy tươi mới, sống động, thảnh thơi và đầy sinh lực, mà chúng ta còn cảm nhận được sự bình an, tức là cảm thấy tự nhiên, yên nghỉ, thoải mái và dễ chịu. Một cảm nhận như vậy cũng là cảm nhận của linh. Khi có một cảm nhận như vậy, chúng ta có thể biết rằng mình đang sống trong linh. Khi đi theo một cảm nhận như vậy, chúng ta đang đi theo cảm nhận của linh, nghĩa là chúng ta đang theo linh. Một cảm nhận như vậy làm cho chúng ta có thể hiểu biết linh và nhận biết linh. Càng bước đi theo linh và sống trong linh, cảm nhận này càng trở nên phong phú hơn và sâu xa hơn bên trong chúng ta.

VI. CẢM NHẬN VỀ SỰ CHẾT

Có một sự tương phản trong La Mã 8:6. Vị sứ đồ nói rằng đặt tâm trí vào xác thịt kết quả là sự chết, tương phản với việc đặt tâm trí vào linh thì có kết quả là sự sống và bình an. Lời này bày tỏ rằng y như xác thịt đi nghịch với linh thì kết quả của việc đặt tâm trí vào xác thịt, tức là sự chết, cũng tương phản với kết quả của việc đặt tâm trí vào linh, tức là sự sống và bình an. Vì vậy, tại đây vị sứ đồ báo chúng ta rằng sự chết không những tương phản với sự sống mà còn tương phản với sự bình an. Bởi thế, cảm nhận về sự chết không những tương phản với cảm nhận về sự sống mà cũng tương phản với cảm nhận về sự bình an. Cảm nhận sự sống làm cho chúng ta cảm thấy tươi mới, sống động, thảnh thơi và đầy sinh lực; cảm nhận về sự chết làm cho chúng ta cảm thấy trái ngược với những điều trên, tức là cảm thấy cũ kỹ, chán nản,

trông trụi và không có năng lực. Cảm nhận về sự bình an làm cho chúng ta cảm thấy tự nhiên, an nhàn, thoải mái và dễ chịu. Cảm thức về sự chết làm cho chúng ta cảm thấy trái ngược với những điều trên, tức là cảm thấy không tự nhiên, không yên nhàn, không thoải mái và không dễ chịu. Thế thì, bất cứ khi nào bên trong chúng ta cảm thấy hui quạnh, chán nản, trông trụi, khô hạn, yếu đuối và không năng lực, tối tăm và mờ mịt, hoặc không dễ chịu, không an toàn, không thoải mái, không hòa hợp, đầy xung đột, không tự nhiên, buồn rầu và bị cột trói, chúng ta phải biết rằng mình không đang sống trong linh mà thật ra chúng ta đang sống nghịch lại với linh, tức là sống trong xác thịt.

Xác thịt mà vị sứ đồ nói đến ở đây không những chỉ về những khát vọng của xác thịt chúng ta mà cũng chỉ về toàn thể con người cũ của chúng ta. Tất cả những gì thuộc về con người mới bên trong chúng ta đều thuộc về linh; cũng vậy, tất cả những gì thuộc về con người cũ bên ngoài chúng ta đều thuộc về xác thịt. Bất cứ điều gì không ra từ linh và không thuộc về linh, đều ra từ xác thịt và thuộc về xác thịt. Mặc dù hèn khác với xác thịt nhưng vì hèn đã sa ngã và bị xác thịt giam cầm nên tất cả những gì ra từ hèn hoặc thuộc về hèn cũng ra từ xác thịt và thuộc về xác thịt. Vậy nên, nếu chúng ta sống bởi hèn, chúng ta sống bởi xác thịt. Họ chúng ta chú tâm đến xác thịt hay chú tâm đến hèn, ý là chúng ta đang chú tâm đến xác thịt. Kết quả của việc chú tâm đến xác thịt là sự chết. Cảm nhận này về sự chết làm cho chúng ta cảm thấy chán nản và trông trụi hoặc không dễ chịu và không an ninh. Bất cứ khi nào có một cảm thức như vậy, chúng ta cần biết rằng mình đang chú tâm đến xác thịt và đang sống trong xác thịt hay trong hèn. Một cảm nhận như vậy làm cho chúng ta biết điều tương phản với linh, tức là xác thịt và nhận ra xác thịt. Vì thế, nhờ biết điều tương phản của linh, tức là xác thịt, chúng ta có thể biết được chính linh.

Bất cứ điều gì chúng ta làm, không kể chúng ta nghĩ điều gì đúng hay sai, thuộc linh hay không thuộc linh, nếu từ sâu

thâm bên trong chúng ta cảm thấy buồn chán, bất an, trống trải và chán nản, điều này chứng tỏ chúng ta đang bước đi bấp bấp xác thịt và không sống trong linh. Ngay cả khi cầu nguyện và giảng dạy, không kể đến những việc khác hoặc những việc làm không tốt, nếu chúng ta cảm thấy trống trải và chán nản bên trong, không thỏa mãn hoặc không vui mừng, điều này chứng tỏ chúng ta đang cầu nguyện hoặc giảng dạy bấp bấp xác thịt, không ở trong linh. Nhiều lần, bấp bấp tâm trí hay bấp bấp xác thịt (vì không phải ở trong linh), chúng ta cầu nguyện như đang đọc thuộc lòng từ một quyển sách. Càng cầu nguyện, chúng ta càng cảm thấy khô hạn và chán nản, không thấy được tươi mát và vui mừng. Sau khi cầu nguyện, chúng ta chỉ cảm thấy trống trải, không thấy thỏa mãn. Lời cầu nguyện bấp bấp đầu óc như thể làm cho linh chúng ta không thể nhận được sự cung ứng sự sống; thay vì vậy, linh này chỉ đụng chạm đến cảm nhận về sự chết. Dù điều chúng ta cầu nguyện có thể khá thích hợp, nhưng nó không ở trong linh; vì vậy, chúng ta không thể đụng chạm được sự tươi mát và niềm vui của sự sống và sự bình an, nhưng chỉ cảm nhận sự khô hạn và sự chán nản của sự chết. Nhiều lần, sự giảng dạy của chúng ta cũng giống như vậy. Khi giảng dạy không theo linh nhưng bấp bấp trí óc, chúng ta cảm thấy trống trải và khô hạn bên trong, hoặc cảm thấy chết chóc; chúng ta không cảm thấy thỏa mãn hay được tươi mát và không cảm nhận được sự sống. Nếu chúng ta ở trong linh, nói bấp bấp linh, chúng ta sẽ cảm thấy thoải mái và yên nghỉ bên trong, nghĩa là chúng ta sẽ cảm nhận được sự sống và sự bình an. Thế thì, nhờ một cảm nhận như vậy, chúng ta có thể biết điều mình đang làm là ở trong xác thịt hay ở trong linh. Một cảm nhận như vậy có thể làm cho chúng ta nhận biết xác thịt và nhờ nhận biết xác thịt chúng ta nhận biết linh.

Sự chết không những gây cho chúng ta những cảm giác chán nản, trống trải, khó chịu và không vui mừng, mà cũng làm cho chúng ta mất đi cảm nhận sự sống. Những cảm giác như vậy về sự chết đang cảnh cáo, thúc giục chúng ta phải được giải phóng khỏi xác thịt để sống trong linh. Nếu có một cảm nhận như vậy về sự chết nhưng chúng ta cứ tiếp tục hành động và

cư x□ bằng sự s□ng c□a xác thit thì sau một thời gian liên tục nào đó, sự ch□t sẽ làm cho linh chúng ta bên trong m□t đi c□m thức và tr□ nên tê liệt. Nếu linh bên trong tê liệt và m□t c□m thức, □y là vì chúng ta đã s□ng b□i xác thit một thời gian dài đ□n n□i linh chúng ta bị t□n hại b□i sự ch□t. Vì vậy, chúng ta có th□ bi□t và nên nhận bi□t mình đang đ□i x□ với linh mình như th□ nào và th□ xem chúng ta có đang s□ng trong linh hay không.

VII. NHẬN BI□T LINH BẰNG C□M NHẬN C□A LINH

T□t c□ các c□m nhận mà chúng ta đã nói đ□n là những c□m nhận chúng ta có được do linh c□a sự s□ng □ bên trong tạo nên; vì vậy, chúng ta có th□ nói rằng đó là những c□m nhận c□a linh. Nếu chúng ta mu□n nhận bi□t linh một cách trực ti□p thì đi□u đó có ph□n khó khăn, nhưng nhận bi□t chính linh qua những c□m nhận như vậy c□a linh thì tương đ□i d□ dàng. Không th□ trực ti□p hi□u bi□t linh thật sự là gì nhưng nhờ c□m nhận c□a linh, chúng ta không khó mà nhận bi□t linh mình. Nếu chúng ta bước đi và s□ng bằng cách theo sát c□m nhận c□a linh, khi □y chúng ta đang bước theo linh và chú tâm vào linh. Nếu chúng ta bước theo tính tự nhiên c□a luật c□a Linh sự s□ng, mà chăm sóc c□m nhận v□ sự s□ng và sự bình an, chú ý đ□n lời c□nh cáo g□i đ□n chúng ta qua c□m nhận v□ sự ch□t và s□ng trong những c□m nhận này, khi □y chúng ta đang s□ng trong linh. Những c□m nhận này ra từ linh; vì vậy, những c□m nhận □y có th□ làm cho chúng ta đụng chạm linh và nhờ đó nhận bi□t linh.

CHƯƠNG TÁM

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA LINH VÀ H□N

Chúng ta đã hi□u c□m nhận c□a linh và sự nhận bi□t linh; bây giờ, chúng ta sẽ xem xét sự khác biệt giữa linh và h□n.

I. SỰ CÁCH BIỆT GIỮA LINH VÀ HỒN

Những người được gọi là các nhà tâm lý phân tích và chia con người ra làm hai phần: siêu hình và vật lý. Phần vật lý liên quan đến thân thể và phần siêu hình liên quan đến tinh thần (psyche), tức là phần hồn được nói đến trong Kinh Thánh. Họ nói rằng bên trong thân thể con người chỉ có phần “psyche”, tức là hồn. Nhưng Kinh Thánh cho chúng ta biết rằng bên trong con người, ngoài hồn ra, còn có linh. 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23 không chỉ nói “hồn”, nhưng còn nói “linh và hồn”. Linh và hồn là hai điều và là hai điều khác nhau. Vì vậy, Hê-bơ-rơ 4:12 nói về sự phân chia hồn và linh.

Nếu muốn thật sự được tăng trưởng thuộc linh trong sự sống, chúng ta phải nhận biết linh và hồn là hai phần khác nhau và chúng ta cũng phải biện biệt được linh là gì và hồn là gì, điều gì là thuộc linh và điều gì là thuộc hồn. Nếu có thể nhận biết sự khác biệt giữa linh và hồn, chúng ta có thể từ chối hồn, được giải cứu khỏi hồn và sống bởi linh trước mặt Chúa.

A. Hồn Nghịch Với Linh

1 Cô-rin-tô 2:14-15 nói về hai loại người: một là người thuộc hồn (trong nguyên bản Hi văn, chữ “người thiên nhiên” là “người thuộc hồn”) và hai là người thuộc linh. Điều này cho chúng ta thấy người ta có thể sống bởi hồn hay linh. Một người có thể sống bởi hồn và thuộc về hồn, do đó trở thành một người thuộc hồn; hoặc người ấy có thể sống bởi linh và thuộc về linh, do đó trở thành một người thuộc linh. Nếu là người thuộc linh, anh có thể biện biệt và nhận được những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời; tuy nhiên, nếu là người thuộc hồn, anh không thể nhận được những điều ấy và thậm chí không thể biết được những điều ấy. Qua điều này chúng ta thấy rõ hồn tương phản với linh. Linh có thể tương giao với Đức Chúa Trời và phân biệt được những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời. Đối với hồn, những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời là phi lý và không phù hợp. Linh

chúng ta thích thường thức và nhận lãnh những điều thuộc về Đức Chúa Trời, nhưng hèn thì không; không những hèn không tiếp nhận những điều ấy mà còn cho những điều ấy là ngu dại.

Trong Kinh Thánh, không những chƣ La Mã chương 8 cho chúng ta biết xác thịt chƣng nghịch linh, nhưng 1 Cô-rin-tô chương 2 cũng bày tỏ hèn chƣng nghịch linh. Khi một người sống bởi xác thịt, người ấy thuộc về xác thịt, không thuộc về linh; cũng vậy, khi một người sống bởi hèn, người ấy thuộc về hèn, không thuộc về linh. Khi nói về xác thịt, La Mã chương 8 nhấn mạnh đƣn mối liên hệ giữa xác thịt và tội lỗi; vì vậy, tất cả những ai phạm tội đƣu là người xác thịt. Nhưng hèn thì không nhất thiết có liên hệ trực tiếp với tội lỗi. Lƣm lúc có thể một người không phạm tội và không xác thịt (theo cái nhìn của loài người), dƣu vậy, người ấy vẫn thuộc hèn và không thuộc linh. (Nói một cách nghiêm túc, một người thuộc hèn cũng là một người thuộc xác thịt, vì hèn người ta đã sa ngã trong xác thịt. Nhưng khi nói về chính hèn, chúng ta thấy có sự khác biệt giữa tình trạng thuộc hèn và tình trạng thuộc xác thịt). Vì vậy, mặc dƣu chúng ta không phạm tội và đã được giải thoát khỏi tội lỗi, đƣn nơi dưới mắt người khác, chúng ta không thuộc xác thịt, nhưng không chắc chúng ta đã thuộc linh và không thuộc hèn; đƣng thời, điều đó cũng không có nghĩa chắc chắn chúng ta đã hiểu những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời, hoặc chúng ta có thể hiểu được, thường thức và nhận lãnh những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Chúng ta thường nghĩ nếu chƣ cần được giải cứu khỏi tội lỗi, không còn điên cuồng chạy theo xác thịt, khi ấy chúng ta đã là người thuộc linh, tương giao được với Đức Chúa Trời và hiểu được những điều của Linh Đức Chúa Trời. Không, không chắc như vậy. Rất có thể mặc dƣu dường như chúng ta đã được cứu khỏi tội lỗi, không còn cuồng nhiệt trong xác thịt, tuy nhiên, chúng ta vẫn còn sống bởi hèn và không bởi linh.

Sự cứu rỗi của Chúa không những giải cứu chúng ta khỏi tội lỗi và xác thịt mà còn khỏi hèn nữa. Mục đích của sự cứu rỗi của Chúa không những chƣ đƣ chúng ta không phải ở trong tội

lỗi và xác thật, nhưng còn là để chúng ta không ở trong hèn, mà phải ở trong linh. Sự cứu rỗi của Ngài không chỉ cứu chúng ta đến mức đạo đức để chúng ta trở nên một con người đạo đức, mà còn đến mức thuộc linh để chúng ta trở nên một người thuộc linh. Một người đạo đức không nhất thiết đã là một người thuộc linh; trái lại, rất có thể người ấy là một người thuộc hèn, một người sống bởi hèn. Như vậy, một anh em hay một chị em có thể là một người rất đạo đức và rất tốt; tuy nhiên, anh em hay chị em ấy có thể không được soi sáng về những điều thuộc linh của Đức Chúa Trời, và có thể họ không ao ước, hoặc không cho là quý báu, và ngay cả không thể nhận lãnh được, bởi vì họ đang sống bởi hèn và thuộc về hèn.

B. Sự Bất Lực Của Hèn Đối Với Những Điều Thuộc Linh

1 Cô-rin-tô 2:14 nói: “Người thuộc hèn không nhận được những sự thuộc về Linh của Đức Chúa Trời... người cũng chẳng có thể biết được những sự ấy”. Những lời này nói một cách sáng tỏ và đầy đủ về tình trạng của hèn đối với những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời. Hèn “không nhận được” những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời và “chẳng có thể biết được”. Hèn không ao ước những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời và cũng không thể nhận được những điều ấy; ngay cả nếu muốn cũng không thể nhận được, vì hèn không thể biết cũng không thể hiểu được. Bản chất của hèn không phù hợp với những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời; do đó, hèn không thể muốn, cũng không thể nhận được những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Hơn nữa, hèn cũng không có khả năng để biết những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Do đó, đối với những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời, người sống bởi hèn không cảm xúc được, không quan tâm, cũng không ao ước; người cũng không tìm kiếm, không thể nhận lãnh và không hiểu được những điều ấy. Vì lý do ấy, Đức Chúa Trời phải giải cứu chúng ta khỏi hèn để chúng ta không sống bởi hèn; khi ấy, Ngài có thể làm cho chúng ta yêu thương, hiểu biết, và nhận lãnh được những điều của Linh Ngài.

Chúng ta cần sáng tỏ về sự bất lực của họ đối với những điều thuộc linh và kể đây là một điều quan trọng. Họ không nhận được những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời và cũng không thể biết những điều ấy. Một anh em hay một chị em sống bởi họ có thể rất tốt, cư xử rất tốt và có nhiều mỹ đức, nhưng chắc chắn anh ấy hay chị ấy không thể nhận biết những điều thuộc linh và có thể ngay cả không khao khát những điều ấy. Tôi đã gặp rất nhiều anh chị em như vậy. Họ rất cần thận trọng từng hành vi, cảm xúc và có thể nói, cách cư xử của họ không thể chê vào đâu được. Nhưng tâm trí họ bị bịt kín đối với những điều thuộc linh và cũng không có lòng tìm kiếm những điều ấy. Họ đánh giá chính mình và những người khác theo tiêu chuẩn đạo đức loài người, tốt xấu, đúng sai, và trong mọi vấn đề, họ thiếu cảm thức và sự hiểu thấu sâu sắc của Linh Đức Chúa Trời. Có thể tâm trí họ rất sáng suốt và trí tuệ mạnh mẽ, nhưng linh của họ không được soi sáng và cảm thức của linh không nhạy bén. Anh em có thể gọi họ là những Cơ Đốc nhân tốt nhưng không thể gọi họ là những Cơ Đốc nhân thuộc linh. Xét về hành vi, họ thật là tốt. Họ biết cách cư xử và biết cách giải quyết mọi việc; họ thông minh và nhanh nhẹn, siêng năng và chu đáo. Nhưng họ không hiểu gì khi bàn đến những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời. Dường như họ là gỗ hay đá, không có cảm thức hay khả năng hiểu biết gì cả. Hơn nữa, lòng họ thường lạnh lẽo đối với những điều thuộc linh; không những họ chậm hiểu mà còn bình thản, chẳng thiết tìm kiếm.

Vì vậy, Cơ Đốc nhân tốt không chắc là Cơ Đốc nhân thuộc linh. Cơ Đốc nhân thuộc linh không những tốt trong cách cư xử, mà họ còn sống trong linh, có cảm thức của linh, hiểu những điều thuộc linh, biết đường lối của Đức Chúa Trời ở bên trong và thành thạo đối với những điều thuộc linh. Tốt và thuộc linh là hai điều rất khác nhau. Nhiều anh chị em tốt nhưng không thuộc linh; họ tốt nhưng không sống trong linh. Anh em bắt gặp sự tốt lành của họ nhưng không tiếp xúc được linh của họ. Anh em thấy các mỹ đức loài người trong họ, nhưng không thưởng thức được hương vị của Đức Chúa Trời.

Theo một quan điểm nào đó, dường như họ không ở trong xác thịt, nhưng rõ ràng là họ ở trong hồn. Mặc dù không ở xác thịt cai trị, nhưng họ không sống trong linh; mặc dù không tán đồng những điều tội lỗi, họ cũng không khao khát những điều thuộc linh; mặc dù không phạm tội theo xác thịt nhưng họ sống theo bản ngã, tức là hồn. Hồn là nguồn sự sống của họ và là phương tiện của cuộc đời họ. Họ là những người thuộc hồn, sống trong hồn và bởi hồn; vì vậy, họ không ao ước những điều thuộc linh và cũng không hiểu những điều ấy.

C. Nội Dung Của Hồn

Hồn là nhân cách riêng của chúng ta, bản ngã của chúng ta; vì vậy, hồn chính là cái tôi của chúng ta. Phân tích ra, hồn gồm có: tâm trí, tình cảm và ý chí, tức ba phần. Tâm trí là cơ quan suy nghĩ của loài người, đó là điều người ta thường gọi là trí óc, (về mặt vật lý, đó là não bộ, về mặt tâm lý, đó là tâm trí). Đây là phần chính yếu của hồn. Suy nghĩ, trầm tư, suy xét, ghi nhớ là những chức năng của tâm trí trong hồn. Con người sau sự sa ngã, đặc biệt là con người ngày nay, phần lớn sống trong tâm trí và được dẫn dắt bởi tư tưởng của tâm trí. Con người suy nghĩ thế nào thì hành động thế ấy. Hành động của con người luôn luôn gắn liền với tư tưởng của họ. Hiếm ai mà không sống với tư tưởng của mình. Vì vậy, ngày nay, bất kể chúng ta đang bàn đến ai hay điều gì, chúng ta phải bắt đầu với tư tưởng con người để chinh phục tâm trí loài người. Ngày nay, có rất nhiều lý thuyết, trường phái, và phương pháp giáo dục và tột cùng đều có cùng một đích nhắm: ấy là đối phó với tư tưởng con người để chinh phục tâm trí của họ. Nếu anh em có thể chinh phục tâm trí con người qua tư tưởng của họ, anh em có thể chinh phục được chính họ, vì con người sống trong tâm trí tức là não bộ, và bị tư tưởng của tâm trí điều khiển.

Tình cảm trong hồn là cơ quan yêu, giận, buồn, vui của con người. Chức năng của tình cảm trong hồn người là yêu, ghét, vui mừng, than khóc, phần khởi hay nản lòng. Nhiều người d

xúc động. Họ rất giàu cảm xúc và tình cảm rất dễ bị khuấy động. Họ thường giới quyết vấn đề bằng cảm xúc của mình. Đối với những người như vậy, rất khó dùng lý luận để làm cho họ hiểu được, nhưng anh em dễ dàng dùng tình cảm để lay động họ. Anh em không dễ gì thuyết phục họ bằng tâm trí nhưng lại rất dễ lay động tình cảm của họ.

Ý chí trong họ là cơ quan quyết định của con người. Con người quyết định, quyết tâm, đánh giá, lựa chọn, tiếp nhận và chối từ – đây là những chức năng của ý chí trong họ. Một số người thiên về tâm trí, một số khác thiên về tình cảm, một số khác nữa thiên về ý chí. Người ở trong tâm trí hay tình cảm sống theo tâm trí hay tình cảm thế nào thì người ở trong ý chí sống theo ý chí cũng y như vậy. Giống như tâm trí hay tình cảm là phần mạnh mẽ nhất trong những người sống theo các phần ấy thì ý chí cũng thế. Ai sống thiên về ý chí là người rất mạnh mẽ trong các quyết định. Một khi người ấy đã quyết định chương trình hành động nào, anh em không có cách nào thay đổi người ấy được. Anh em có thể lý luận với người ấy, nhưng người ấy không quan tâm đến lý luận; có thể anh em sẽ dùng tình cảm để lôi kéo người ấy nhưng người ấy không bị ảnh hưởng bởi tình cảm. Người ấy là một người hành động theo ý chí và ở trong ý chí.

Ba phần ở trong họ là tâm trí, tình cảm và ý chí. Ba phần này có mặt cùng một lúc trong mỗi con người. Ai cũng có tư tưởng, tình cảm và ý chí. Tuy nhiên, một số người thiên về tâm trí, một số giàu tình cảm và một số khác mạnh mẽ về ý chí.

Một số người suy nghĩ rất sáng suốt. Cho dù anh em có dùng tình cảm đến đâu cũng không lay động họ được. Nếu muốn chinh phục họ, anh em phải dùng lý luận. Họ đang sống trong tâm trí hay trí óc; họ là những con người của trí tuệ.

Một số người đặc biệt giàu tình cảm. Dường như họ không có đầu óc và không suy nghĩ, nhưng chỉ có tình cảm mà thôi. Những người như vậy thường gây nên nhiều chuyện lộn xộn do

tình cảm của họ. Nếu anh em lý luận với họ, họ thường không quan tâm và cũng không hiểu và lòng họ chẳng chút lay động. Nếu anh em dùng tình cảm đối phó với họ, anh em sẽ đụng chạm được lòng họ một cách dễ dàng. Một ngàn hay mười ngàn lý do cũng không mạnh mẽ bằng một, hai giọt nước mắt. Đôi lúc, anh em lý luận cách nào cũng không thuyết phục được họ; tuy nhiên, nếu chẳng rơi vài giọt nước mắt thì anh em có thể chinh phục họ. Họ chẳng quan tâm đến tình cảm, không quan tâm đến lý luận. Lý do là vì họ không ở trong trí tuệ nhưng ở trong tình cảm.

Có một số người đặc biệt mạnh về ý chí. Trong mọi việc họ đều đưa ra đề nghị hay có một ý kiến nào đó. Một khi đã quyết định, họ rất cứng rắn và không dễ gì thay đổi. Những người như vậy thường rất vững vàng và cũng rất ngoan cố, không quan tâm gì đến tình cảm hay lý luận. Trong mọi việc, họ đưa ra những ý kiến và định ra những kế hoạch hành động. Anh em lý luận với họ, nhưng họ không hiểu. Anh em dùng tình cảm với họ, nhưng họ không lay động. Họ không ở trong trí tuệ, cũng không ở trong tình cảm, nhưng ở trong ý chí.

II. NGƯỜI THUỘC HẸN VÀ NGƯỜI THUỘC LINH

A. Người Thuộc Hẹn

Bất kể một người có ở trong tâm trí, tình cảm hay ý chí, người ấy vẫn là người thuộc hẹn. Dù sống trong tâm trí, tình cảm hay ý chí, người ấy vẫn đang sống trong hẹn. Dù người ấy sống bởi tâm trí, tình cảm hay ý chí, người ấy đều sống bởi hẹn. Vì vậy, rất dễ đánh giá xem một người có phải ở trong hẹn hay không. Chúng ta chỉ cần xem liệu người ấy hành động bởi tâm trí, tình cảm hay ý chí, và liệu người ấy sống bởi tâm trí, tình cảm, hay ý chí. Nếu người ấy hành động và cư xử bởi một trong ba điều này, hoặc nếu người ấy sống trong một trong ba điều này, thì đó là một người thuộc hẹn.

Người thuộc hẹn thường là người được người ta gọi là “người

tốt". Người ấy thường không có lỗi lầm gì dưới mắt loài người. Người ta thường khen ngợi những ai hành động theo sự suy nghĩ sáng suốt. Người ta cũng thường chấp nhận những ai sống trong tình cảm quân bình. Và họ cũng thường ca tụng những ai nương dựa vào ý chí vững chắc. Nhưng khi sống trong những điều này, dù không sống trong tội lỗi, họ cũng không sống trong linh. Dù trước mắt loài người, họ không có tội, cũng không có lỗi lầm gì, linh của họ vẫn bị bịt mắt trước mặt Đức Chúa Trời và sự hiểu biết thuộc linh của họ vẫn mù mờ.

Có lần tại một nơi nọ, tôi gặp một anh em đang công. Hành vi của anh ấy rất tốt, nhưng anh sống trong tâm trí hay đầu óc quá nhiều; vì vậy, anh khó có thể hiểu biết hay nắm được những điều thuộc linh. Mỗi khi nói chuyện với anh về vấn đề phục vụ Chúa, tôi rất sợ thây câu mắt của anh xoay. Khi tôi nói, anh sẽ lắng nghe cho đến khi hiểu như anh gần hiểu ra vấn đề và sau đó câu mắt anh xoay và rời anh lại bời bời. Khi câu mắt anh xoay nghĩa là tâm trí anh đang suy xét. Anh chớ dùng tâm trí để suy xét; anh không dùng linh để cảm nhận những điều thuộc về Đức Chúa Trời; vì vậy, việc hiểu và cảm nhận những điều thuộc linh trở nên cực kỳ khó khăn đối với anh.

Suy nghĩ thường gây ra nan đề và trở ngại cho các anh em trong các vấn đề thuộc linh. Nhiều anh em thường dùng sự suy nghĩ của mình để giải quyết những điều thuộc linh. Họ nghĩ có thể hiểu những điều thuộc linh bằng cách vận dụng tâm trí của mình. Họ không hiểu rằng vì là một phần của hồn, tâm trí không thể hiểu được những điều thuộc linh. Một người sống trong tâm trí là người sống trong hồn và chắc chắn trở nên một người thuộc hồn, không có khả năng hiểu những điều thuộc linh.

Tâm trí là nan đề đối với các anh em trong những điều thuộc linh thế nào thì tình cảm thường là trở ngại cho các chị em thế ấy. Lý do khiến các chị em không thể hiểu hay cảm nhận được những điều thuộc linh là vì họ ở trong tình cảm quá

nhieu. Tại Hội thánh ở nhiều nơi, tôi từng thấy nhiều chị em tốt, có lòng nhiệt thành và tình yêu thương, rất tận trọng trong cách cư xử và hành vi thật chừng mực; tuy nhiên khi bàn đến những điều thuộc linh, họ thiếu cảm thức và không hiểu được bao nhiêu. Vì họ sống trong tình cảm và hành động theo cảm xúc quá nhiều. Hiên nhiên tình cảm không phải là tội lỗi, nhưng tình cảm ngăn trở họ sống trong linh, làm cho họ không đụng chạm được những điều thuộc về Đức Chúa Trời bằng linh của mình, không có nhận thức thuộc linh và không hiểu được những điều thuộc linh. Tình cảm là một cái bẫy cho họ; tình cảm giữ họ lại trong lãnh vực thuộc hồn, sống trong hồn và làm một người thuộc hồn.

Đôi với nhiều anh em, ý chí cũng là nan đề và trở ngại cho họ trong việc hiểu biết những điều thuộc linh. Ngay cả một vài chị em cũng gặp nan đề này. Họ đánh giá và quyết định mọi việc theo ý chí quá nhiều; cho nên họ sống trong hồn mà không biết, không có nhận thức thuộc linh hay hiểu biết những điều thuộc linh.

Người ta ở trong phần nào của hồn thì sẽ đi hành động và sống theo phần ấy. Khi một người ở trong tâm trí gặp bất cứ chuyện gì, tự nhiên người ấy sẽ suy đi nghĩ lại, xem xét sự việc từ nhiều góc độ. Người ở trong tình cảm sẽ quan tâm nhiều đến tình cảm cách không ý thức trong khi giao thiệp với người khác và khi giải quyết công việc. Người có ý chí mạnh mẽ rất dễ nương dựa vào ý chí của mình khi giao tiếp với người khác và giải quyết công việc, đi đến những quyết định vững chắc và những sự lựa chọn không thể sửa đổi. Người ta sống một cách dễ dàng và tự nhiên trong phần nào thì chắc chắn thuộc về phần ấy. Nếu anh em thấy một người suy nghĩ, cân nhắc, đánh giá, và đo lường mọi vấn đề một cách tự nhiên, anh em có thể biết chắc anh ấy là một người hành động theo trí tuệ; như vậy, anh là một người ở trong tâm trí. Nếu một người dễ bị khuấy động khi đi diện với các sự việc, mau cười, mau khóc, mới vui lại buồn, anh em biết đó là người giàu tình cảm hay đầy cảm xúc. Những khi phải đương đầu với

các sự việc, nếu anh em trù tính và quyết định không chút khó khăn, ý chí của anh em đời phó và hoạt động mà anh em không phải nỗ lực một cách đặc biệt, trong trường hợp này, chắc chắn anh em là người có ý chí mạnh mẽ và sống theo ý chí. Phần nào của họ là mạnh mẽ và thái quá trong một người thì đó cũng là phần lãnh đạo khi đời phó với mọi việc, điều này chứng tỏ người này sống trong phần này và cũng chứng tỏ đó là người thuộc họ.

B. Người Thuộc Linh

Khi đã nhận biết thế nào là người thuộc họ, chúng ta sẽ không khó nhận ra loại người nào là người thuộc linh. Vì người thuộc họ sống theo tâm trí, tình cảm và ý chí nên người thuộc linh phải là người không sống theo những điều này. Vì người thuộc họ sống bởi họ chứ không bởi linh, nên người thuộc linh phải sống trong linh mà không sống trong họ. Mặc dù người thuộc linh vẫn có họ và mặc dù tâm trí, tình cảm, ý chí trong họ có thể mạnh hơn và phong phú hơn các phần này của một người thuộc họ bình thường, nhưng họ không sống bởi những cơ quan thuộc họ này và cũng không sống trong những cơ quan này. Họ sống bởi linh và trong linh, họ đời linh làm chủ và làm nguôn cội của mọi hoạt động và mọi cách cư xử của mình. Linh trong họ chiếm ưu thế. Linh là nguôn của mọi hành vi và nơi phát xuất mọi hành động của họ. Họ trong họ vị trí vâng phục. Mặc dù tâm trí, tình cảm và ý chí trong họ vẫn hoạt động, nhưng tất cả đều phải phục dưới quyền cai trị của linh và sự hướng dẫn của linh. Mặc dù sử dụng tâm trí, tình cảm hay ý chí nhưng họ luôn luôn đi theo cảm nhận của linh trong việc sử dụng các cơ quan của họ. Họ không giống những người thuộc họ, là những người đời cho họ làm chủ trong mọi sự, là người cho phép tâm trí, tình cảm hay ý chí của họ dần dần đời lãnh đạo và hành động. Họ không đời cho họ chiếm ưu thế và từ chối sự lãnh đạo của tâm trí, tình cảm hay ý chí. Như vậy, họ đời cho linh làm chủ, cho phép linh hướng dẫn trọn vẹn bản thể của mình đời có thể bước theo cảm nhận của linh. Bất cứ khi nào gặp

một việc gì, trước hết, họ không dùng tâm trí, tình cảm hay ý chí của họ để tiếp xúc và giải quyết; trái lại, họ dùng linh để tiếp xúc và cảm nhận. Trước hết trong linh mình, họ tìm kiếm xem Chúa cảm thấy thế nào về việc này. Sau khi đã đụng chạm được cảm nhận của Chúa trong linh, họ dùng tâm trí trong họ để hiểu, dùng tình cảm trong họ để diễn tả và sử dụng ý chí trong họ để thực hiện cảm nhận ấy. Mặc dù họ sử dụng các cơ quan của họ nhưng họ không thuộc họ và họ không sống bởi sự sống của họ. Họ là người thuộc linh, sống bởi sự sống của linh và họ chỉ là một cơ quan để họ sử dụng.

III. MỘT TÌNH TRẠNG BẤT THƯỜNG

Chúng ta đã thấy một người sa ngã, đã chết trong linh, chỉ có thể sống trong họ mà thôi. Nhưng chúng ta là những người được cứu và có một linh sống động có thể sống bởi linh. Hơn nữa, Đức Chúa Trời cứu chúng ta để chúng ta có thể hướng về linh và sống bởi linh. Sự sa ngã của con người làm cho con người từ linh mà rơi vào họ, để rồi họ không còn sống bởi linh mà sống bởi họ. Sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời cứu người ta khỏi họ mà trở về linh, để người ta không còn sống bởi họ mà sống bởi linh. Tuy nhiên, nhiều người đã được cứu nhưng không sống như vậy. Một số người vẫn ở trong họ vì họ không nhận biết sự khác biệt giữa linh và họ và những vấn đề liên quan đến linh và họ. Hơn nữa, họ không biết Đức Chúa Trời mong muốn họ được cứu khỏi họ và sống trong linh. Mặc dù một số người biết Chúa đã làm cho linh mình sống lại, biết linh khác với họ và biết Đức Chúa Trời muốn mình sống trong linh, thế nhưng họ vẫn sống trong họ và sống bởi họ. Lý do là vì họ đã quen sống bởi họ mà không sống bởi linh và vì họ không cho việc sống trong linh là quan trọng. Những ai không nhận biết sự khác biệt giữa linh và họ và không biết Đức Chúa Trời mong muốn mình được giải cứu khỏi họ để sống trong linh thì họ sẽ nghĩ rằng sống bởi tâm trí, tình cảm, ý chí của họ là điều phù hợp và cần thiết. Họ cho rằng nếu cần thận và không có lợi ích gì thì tình trạng của

mình đã là tọt lòm. Nhưng họ không biết rằng một đời sống Cơ Đốc nhân như vậy là quá nghèo nàn!

Đức Chúa Trời không dự định cho giải cứu chúng ta khỏi những lòm lỏi để đạt đến một tình trạng không khuyết điểm; hơn nữa, Ngài muốn cứu chúng ta khỏi hèn để sống trong linh. Không những Ngài muốn chúng ta sống một cuộc đời không có lỏi lòm gì mà còn là sống một cuộc đời thuộc linh, một đời sống không lỏi lòm về mặt thuộc linh. Ngài muốn chúng ta sống một cuộc đời không lỏi lòm, chúng phải bỏ hèn mà là bỏ linh. Dù vậy, vì thiếu hiểu biết, nhiều tín đồ vẫn sống bỏ hèn; họ nỗ lực, phấn đấu, để trở nên những người không lỏi lòm bằng sự sống thuộc hèn. Mặc dù linh của họ sống động, họ không biết mình nên sử dụng linh và sống bỏ linh. Họ muốn làm cho mình trở nên những con người hoàn hảo, sống một cuộc đời thà miễn bỏ năng lực của hèn mà thôi. Quan niệm và sự đánh giá của họ về mọi việc, tình yêu và các khuynh hướng của họ đều ở trong hèn, chứ không ở trong linh. Mặc dù họ là những Cơ Đốc nhân cư xử rất tốt đẹp và hành vi của họ không có lỏi lòm gì cả, dù vậy, họ vẫn còn sống trong hèn chứ không trong linh. Coi như tư tưởng họ tinh sạch, tình cảm họ quân bình và những quy tắc định của họ đúng đắn nhưng họ vẫn thuộc hèn, chứ không thuộc linh. Là những Cơ Đốc nhân, họ đang ở trong một tình trạng bất thường. Họ đang sống một đời sống Cơ Đốc nhân bất thường. Cho dù họ có thể thành công, họ chỉ đi đến chỗ tự mãn mà thôi. Và một số người đôi khi rất tự mãn về những thành công của họ (một loại thành công thật sự đáng nghi ngờ); nhưng họ không thể làm vui lòng Đức Chúa Trời, vì Ngài muốn người ta được giải cứu khỏi hèn và sống bỏ linh.

Những ai hiểu biết phần nào về sự khác biệt giữa linh và hèn và biết rằng Đức Chúa Trời mong muốn chúng ta được giải cứu khỏi hèn để sống trong linh mà vẫn tiếp tục sống trong hèn mình, cũng là những người có nết sống Cơ Đốc nhân bất thường. Mặc dù họ biết rằng linh của mình đã được làm cho sống động, dù vậy họ vẫn không sống bỏ linh. Mặc dù họ

biết Đức Chúa Trời muốn giải cứu họ khỏi hèn và sống trong linh, tuy nhiên, họ vẫn ở trong hèn và sống bởi hèn. Mặc dù họ biết con người nên tiếp xúc Đức Chúa Trời trong linh nhưng họ vẫn sử dụng hèn để tiếp xúc mọi điều thuộc về Đức Chúa Trời. Họ biết mình có linh nhưng không sử dụng linh. Họ biết mình nên sống bởi linh nhưng không sống bởi linh. Họ thấy sử dụng tâm trí, tình cảm và ý chí của hèn là điều rất thuận tiện, và họ không quen sử dụng linh; vì vậy, họ xao lãng việc sống bởi linh. Khi có việc gì xảy ra, trước hết, họ luôn luôn sử dụng tâm trí, tình cảm hay ý chí để đối phó. Họ không dùng linh để đụng chạm vẫn đi. Cùng lắm họ chỉ có thể là những Cơ Đốc nhân tốt và không có lắm lỗi (và đây cũng là điều đáng nghi ngại); họ không thể là những Cơ Đốc nhân thuộc linh. Họ chỉ có thể làm cho chính mình thảnh thơi; họ không thể làm thảnh thơi Đức Chúa Trời. Họ chỉ có thể được loài người khen ngợi, họ không thể được Đức Chúa Trời khen ngợi. Họ vẫn cần sự giải cứu của Ngài, không phải giải cứu khỏi tội lỗi, mà giải cứu khỏi hèn; không phải giải cứu khỏi xác thịt ô uế bị loài người kết án, nhưng giải cứu khỏi hèn tinh sạch được loài người khen ngợi. Nếu không, họ vẫn là khách lạ và người ngoài cuộc đối với những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời.

IV. PHƯƠNG CÁCH GIẢI CỨU KHỎI HÈN

Làm thế nào chúng ta được giải cứu khỏi hèn? Điều này cần có sự khỏi thị từ hai quan điểm: một quan điểm liên quan đến hèn và quan điểm kia liên quan đến thập tự giá. Chúng ta cần thấy rằng hèn bắt nạt trong những điều thuộc về Đức Chúa Trời và vô giá trị đối với những điều thuộc linh. Cho dù một phần nào đó của hèn có xuất sắc và mạnh mẽ đến đâu chăng nữa, nó vẫn không thể hiểu được những điều thuộc về Đức Chúa Trời hay hiểu biết những điều thuộc linh. Dù tâm trí chúng ta tinh sạch, dù tình cảm chúng ta quân bình, dù ý chí chúng ta đúng đến đâu, những điều này cũng không thể làm cho chúng ta trở nên thuộc linh. Chúng ta phải thấy hèn của mình và mọi điều thuộc về hèn đều đã bị đóng đinh trên thập

tự giá của Đấng Christ. Trong Ga-la-ti 2:20, khi vị sứ đồ nói: “Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Đấng Christ”, chữ “tôi” ông nói đến là hèn. Trong sự đánh giá của Đức Chúa Trời, hèn chỉ đáng chết mà thôi. Và hèn đã bị Đức Chúa Trời giết qua thập tự giá của Đấng Christ. Thế thì, chúng ta không nên cho những điều thuộc hèn là có giá trị; mà nên thừa nhận hèn chúng ta cần chết, đáng chết và đã chết rồi. Một khi thị và khi tượng như vậy làm cho chúng ta có khả năng kết án hèn, từ khước hèn, từ bỏ hèn, cảm không cho hèn đến đâu trong mọi điều, và không nhường một chỗ nào cho hèn trong mọi sự. Bội Thánh Linh, chúng ta kết liễu phần hèn; chúng ta cho Thánh Linh kết liễu phần hèn và nhờ thập tự giá mà xử lý hoạt động của hèn.

Chúng ta phải thấy hèn bất lực như thế nào trước mặt Đức Chúa Trời, hèn không thế nào am hiểu những điều thuộc về Đức Chúa Trời và không thế nào làm đẹp lòng Đức Chúa Trời được. Chúng ta cũng phải thấy Ngài đánh giá hèn như thế nào và cách Ngài xử lý hèn. Chỉ khi ấy, chúng ta mới có thể từ chối hèn, từ bỏ hèn và được giải cứu khỏi hèn. Vì vậy, chúng ta phải cầu xin Chúa không những cho chúng ta thấy sự bất năng của hèn, mà còn thấy sự xử lý của thập tự giá đối với hèn; như vậy, trong mọi sự chúng ta sẽ biết từ bỏ hèn và không sống bởi hèn. Người nào ở trong tâm trí nên từ chối trí tuệ của mình trong mọi điều thuộc linh. Người ấy nên hoàn toàn đi qua một bên những chức năng như suy nghĩ, cân nhắc, và quay về linh, sử dụng linh để nhận biết cảm thức của Đức Chúa Trời. Khi đọc Kinh Thánh, cầu nguyện, hay nói chuyện về những điều thuộc linh, người ấy nên từ chối việc suy nghĩ, tư tưởng tượng, tạo ra các lý thuyết và tra xét nhưng theo sát cảm nhận trong linh mà tiến vào trong sự tương giao với Đức Chúa Trời. Người nào giàu tình cảm nên từ chối cảm xúc của mình trong mọi sự, không nên để cho tình cảm lãnh đạo và dẫn dắt, nhưng để Thánh Linh xử lý tình cảm của mình; như vậy, người ấy sẽ cảm biết ý muốn của Đức Chúa Trời trong linh. Người ấy nên sợ tình cảm của mình y như sợ tội lỗi, và run rẩy, sợ hãi mà sống trong linh, không để cho tình cảm dẫn

dốt hay ảnh hưởng mình. Người ở trong ý chí nên xem ý chí mình như kẻ thù của Đức Chúa Trời trong những điều thuộc về Ngài, như là đối thủ của linh. Như vậy, người ấy sẽ lên án, từ khước, chối bỏ ý chí của mình. Người ấy nên để cho Thánh Linh bị gãy ý chí của mình bị thập tự giá đời không sống trước mặt Đức Chúa Trời bởi ý chí cứng rắn và mạnh mẽ của mình nữa, nhưng bị cảm thức trong linh.

Chúng ta mạnh mẽ trong phần nào của hồn thì nên kết án và từ chối phần ấy. Cho dù ấy là tâm trí, tình cảm hay ý chí của mình, chúng đều cần bị gãy và xử lý. Trong mọi điều thuộc về Đức Chúa Trời, chúng ta nên từ chối sự dấn dốt của tâm trí, tình cảm và ý chí. Trái lại, chúng ta nên để linh chiếm ưu thế trong sự lãnh đạo, hướng dẫn, và sử dụng tâm trí, tình cảm và ý chí của chúng ta. Bằng cách ấy, chúng ta sẽ được giải cứu khỏi hồn. Sau đó, về một mặt, chúng ta có thể bị linh mà sử dụng mọi cơ quan hay các phần trong hồn; mặt khác, chúng ta sẽ không sống bởi hồn; như thế, chúng ta sẽ không thuộc hồn, nhưng thuộc linh.

CHƯƠNG CHÍNH

BA SỰ SỐNG VÀ BỐN LOẠI LUẬT

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét điểm chính yếu thứ chín trong vắn đề hiểu biết sự sống, đó là ba sự sống và bốn loại luật. Đây là một lẽ thật vô cùng quan trọng trong Kinh Thánh. Nếu chúng ta muốn biết rõ tình trạng sự sống thuộc linh bị trong của mình, hoặc ao ước có một đời sống đức thánh, thoát khỏi tội lỗi, chúng ta cần hiểu biết lẽ thật cơ bản này một cách thấu đáo.

I. BA SỰ SỐNG

A. Định Nghĩa Về Ba Sự Sống

Ba sự sống được đề cập đến ở đây là ba sự sống ở bên trong mỗi người đã được cứu, đó là sự sống của con người, sự sống của Sa-tan và sự sống của Đức Chúa Trời.

Thông thường người ta nghĩ rằng chỉ có một sự sống bên trong con người, tức là sự sống loài người mà chúng ta nhận được từ cha mẹ. Nhưng Kinh Thánh cho thấy vì sự sa ngã, ngoài sự sống loài người, trong con người còn có sự sống của Sa-tan. Vì vậy, La Mã 7:18, 20 nói trong con người, tức là trong xác thịt con người, còn có Tội cư trú. Tội ở đây ám chỉ sự sống của Sa-tan. Xác thịt này vốn chứa đựng sự sống của Sa-tan, theo Ga-la-ti 5:17, lại tiếp tục tồn tại trong con người sau khi họ được cứu, và thường ham muốn nghịch lại với Linh. Vì vậy, sau khi được cứu, một người vẫn có sự sống của Sa-tan ở bên trong người ấy.

Hơn nữa, Giăng 3:36 nói: “Ai tin Con thì có sự sống đời đời”. 1 Giăng 5:12 cũng nói: “Ai có Con thì có sự sống”, tức là sự sống của Đức Chúa Trời. Điều này bày tỏ rằng ai tin Con của Đức Chúa Trời và được cứu không những có sự sống nguyên thủy của con người và sự sống của Sa-tan mà họ đã có qua sự sa ngã, nhưng còn có sự sống vĩnh cửu của Đức Chúa Trời.

B. Nguồn Gốc Của Ba Sự Sống

Kinh Thánh nói khi Đức Chúa Trời tạo dựng A-đam, Ngài thổi hơi thở sự sống vào trong mũi ông; như vậy A-đam nhận được sự sống thọ tạo của con người. Sau đó Đức Chúa Trời đặt con người trong vườn Ê-đen trước hai loại cây: cây sự sống và cây kiến thức về thiện và ác. Theo những sự khải thị được ban cho về sau trong Kinh Thánh, cây sự sống chỉ về Đức Chúa Trời, cây kiến thức về thiện và ác chỉ về Sa-tan, và A-đam đại diện cho nhân loại. Như vậy, vào ngày ấy trong vườn Ê-đen, tức là trong cõi vũ trụ, một tình thế đang biến chuyển với ba nhóm: con người, Đức Chúa Trời và Sa-tan.

Sa-tan là kẻ thù của Đức Chúa Trời và tiêu diệt của họ trong việc chống lại Đức Chúa Trời là con người. Cả Sa-tan và Đức Chúa Trời đều muốn chiếm hữu con người. Đức Chúa Trời muốn chiếm hữu con người để hoàn thành ý muốn của Ngài, trong khi Sa-tan cũng cần con người để thực hiện ước muốn độc ác của họ. Phương pháp của cả Sa-tan lẫn Đức Chúa Trời để giành lấy con người đều là qua sự sống. Ý định của Đức Chúa Trời là con người sẽ ăn trái của cây sự sống và qua đó nhận lấy sự sống bất thối tạo và kết hiệp với Ngài. Tuy nhiên Sa-tan cám dỗ con người ăn trái của cây kiêu thức và ác, như vậy họ làm cho con người nhận lấy sự sống sa ngã của họ và trộn lẫn với chính họ.

Vào ngày ấy, A-đam bị Sa-tan lừa dối đã ăn trái của cây kiêu thức và ác. Từ đó về sau sự sống của Sa-tan đã vào trong con người và làm cho con người bại hoại. Vì vậy ngoài sự sống thối tạo nguyên thủy của mình, con người đã nhận lấy sự sống sa ngã của Sa-tan.

Trong thời Tân Ước, Đức Chúa Trời đặt sự sống của Ngài vào trong Con Ngài để Ngài được bày tỏ giữa loài người, để rồi do tin nhận Ngài, loài người nhận được sự sống của Ngài. Như vậy, ngoài sự sống thối tạo nguyên thủy của mình và sự sống của Sa-tan nhận qua sự sa ngã, chúng ta còn nhận được sự sống của Đức Chúa Trời.

Vì vậy, là những người được cứu, chúng ta đã lần lượt nhận lấy ba sự sống vào trong mình qua sự sáng tạo, sự sa ngã và sự cứu rỗi. Ra từ bàn tay tạo dựng của Đức Chúa Trời, chúng ta đã nhận lấy sự sống thối tạo của loài người. Rồi qua A-đam, chúng ta đã sa ngã và nhận lấy sự sống sa ngã của Sa-tan. Rồi vào trong Đấng Christ, chúng ta được cứu và nhận lấy sự sống bất thối tạo của Đức Chúa Trời.

C. Vị Trí Của Ba Sự Sống

Theo những sự khải thị của Kinh Thánh, ba sự sống khác nhau của con người, Sa-tan và Đức Chúa Trời đã theo thứ tự mà vào

trong hồn, thân và nhân linh của chúng ta, tức là ba phần của bản thể chúng ta. Khi Đức Chúa Trời tạo dựng con người từ bụi đất, Ngài thổi hơi sự sống vào trong con người, và “người trở nên một hồn sống” (Sáng. 2:7). Điều này nghĩa là sự sống con người nhận được qua sự sáng tạo là sự sống trong phần hồn của con người. Khi bị Sa-tan dụ dỗ và sa ngã, con người hấp thụ vào trong cơ thể mình trái của cây kiến thức về thiện và ác, cho vào Sa-tan. Vì vậy, sự sống của Sa-tan mà con người nhận được qua sự sa ngã đang ở trong cơ thể họ. Khi con người tiếp nhận Chúa Jesus làm Cứu Chúa và được cứu, Linh của Đức Chúa Trời mang theo sự sống của Đức Chúa Trời với Ngài vào trong nhân linh. Vì vậy, sự sống của Đức Chúa Trời mà con người nhận được qua sự cứu rỗi đang ở trong nhân linh. Như thế, một người được cứu sẽ có sự sống của Đức Chúa Trời trong linh mình, có sự sống của loài người trong hồn mình, và sự sống của Sa-tan trong cơ thể mình.

Đó có thể hiểu rõ hơn về ba phần là nơi ba sự sống cư trú, chúng ta nên dành ít thì giờ để thảo luận về cảm thức của ba phần này. Cơ thể, là phần ngoài cùng của chúng ta, phần vật lý, là phần thấy được và đụng chạm được, bao gồm tất cả các chi thể của cơ thể chúng ta và có năm giác quan là thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác và xúc giác để tiếp xúc với thế giới vật lý. Vì vậy ý thức của cơ thể được gọi là giác quan về thế giới hay cảm giác vật lý.

Linh là phần trong cùng và sâu thẳm nhất của chúng ta, bao gồm lương tâm, trực giác và sự tương giao. Lương tâm là cơ quan phân biệt đúng, sai; và theo nguyên tắc đúng sai này, lương tâm làm cho chúng ta cảm nhận được điều gì là đúng và được chấp nhận dưới mắt Đức Chúa Trời, và điều gì sai và bị từ khước dưới mắt Ngài. Trực giác cho chúng ta có khả năng cảm biết ý muốn của Đức Chúa Trời một cách trực tiếp, không cần qua một phương tiện trung gian nào cả. Phần tương giao làm cho chúng ta có khả năng liên lạc và tương giao với Đức Chúa Trời. Mặc dầu phần tương giao khiến cho chúng ta có thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời, nhưng cảm giác lương tâm lên trực giác

đều khi cho chúng ta cảm biết Đức Chúa Trời và những sự việc thuộc linh, tức là làm cho chúng ta tiếp xúc được với thế giới thuộc linh. Cảm nhận của hai phần này là cảm nhận trong linh; vì vậy, nó được gọi là cảm nhận thuộc linh hay cảm nhận của Đức Chúa Trời.

Hồn nằm giữa linh và thân thể, là phần bên trong, phần tâm lý bao gồm tâm trí, tình cảm và ý chí. Tâm trí là cơ quan để suy nghĩ, cân nhắc. Tình cảm là cơ quan dành cho vui thích, giận dữ, buồn rầu và vui mừng, và ý chí là cơ quan tạo ra các ý kiến và đưa đến mọi quyết định. Mặc dù hồn bao gồm ba phần nhưng chỉ có hai phần tâm trí và tình cảm là có ý thức mà thôi. Ý thức của tâm trí dựa trên lý luận, trong khi ý thức của tình cảm dựa trên những điều thích và không thích. Hai ý thức trong hồn khi chúng ta có khả năng cảm biết phần tâm lý của con người, tức là cái tôi hay bản ngã của con người và tiếp xúc được với thế giới tâm lý; vì vậy, chúng được gọi là những ý thức tâm lý hay sự tự thức*. [Thông thường khi nói về “ý thức của con người”, chúng ta đề cập đến cảm nhận về những điều thích hoặc không thích trong tình cảm của hồn. Mặc dù cảm nhận này có thể bị ảnh hưởng bởi tâm trí của hồn, ngũ quan của cơ thể và lương tâm của linh, và bị chút ít ảnh hưởng bởi trực giác trong linh như trong trường hợp của một người thuộc linh, nhưng cảm nhận này chính yếu được cấu tạo do cảm xúc của những điều thích và không thích trong tình cảm của hồn].

D. Bản Chất Và Tình Trạng Của Ba Sự Sống

Vì trong ba sự sống khác nhau này, mỗi một sự sống chúng ta nhận được bên trong mình có nguồn gốc riêng và cư trú riêng rẽ trong mỗi một phần khác nhau của bản thể chúng ta, nên bản chất của ba sự sống này và tình trạng của mỗi sự sống bên trong chúng ta hồn cũng khác biệt và khá phức tạp. Ngay sau khi con người được tạo dựng trong tay Đức Chúa Trời, Ngài thấy con người “rất tốt lành” (Sáng. 1:31) và “ngay thẳng” (Truyền. 7:29). Vì vậy, sự sống thọ tạo của con người ban đầu vốn là tốt lành và ngay thẳng; không những không có

tội mà còn không có tri thức về tội và cũng không cảm biết hối thẹn; sự sống này vô tội và đơn sơ*. [Sau sự sa ngã, Đức Chúa Trời làm cho con người cảm thấy hối thẹn. Cảm giác này có một chức năng hai mặt: một mặt nó chứng tỏ chúng ta có tội, mặt khác ngăn cản chúng ta khi phạm tội. Nếu một người không cảm thấy hối thẹn, người ấy sẽ có khuynh hướng cố ý phạm tội. Càng cảm thấy xấu hổ, một người càng được giữ gìn khi phạm tội. Chúng tôi có một thành ngữ nói rằng phụ nữ chớ nên không biết hối thẹn. Một người không biết hối thẹn chắc chắn là một người thuộc về giai cấp thấp nhất].

Sau khi A-đam phạm tội và sa ngã, con người không những phạm lỗi với Đức Chúa Trời trong cách cư xử của họ với kết cuộc là rơi vào một tình trạng tội lỗi, nhưng còn tệ hơn nữa, sự sống con người đã bị Sa-tan đầu độc, làm cho sự sống ấy trở nên ô uế và bại hoại. Chúng hạn như tôi dạy con tôi ở nhà đừng lấy khăn lau bệng ra chơi. Sau khi tôi rời khỏi nhà, vì tò mò, chúng lấy khăn lau bệng ra chơi; và khi tôi trở về, tôi khám phá chúng đã vi phạm. Lỗi lầm này chỉ là một sự vi phạm luật lệ gia đình; chúng chưa ăn uống điều gì độc hại vào trong cơ thể chúng nó. Tuy nhiên, giờ sống lên sau tôi để một chai thuốc độc ở nhà và nói với các con tôi: “Đừng bao giờ uống chai này”. Sau khi tôi đi khỏi, chúng thấy cái chai có thể chơi được, và than ôi, chúng uống thuốc độc vào trong người. Lỗi này, không những chúng không vâng lời tôi và vi phạm luật gia đình, nhưng còn tệ hơn nữa, chết độc đã vào trong chúng. Đây là điều đã xảy ra vào ngày A-đam ăn trái cây tri thức. Không những ông không vâng theo lệnh cấm của Đức Chúa Trời nhưng ông còn đem sự sống của Sa-tan vào trong chính mình. Từ đó về sau, phần bên trong con người trở nên phức tạp; không những con người có sự sống ngay thẳng và tốt lành nguyên thủy của loài người mà còn có sự sống xấu xa và bại hoại của Sa-tan.

Sự sống của Sa-tan đương nhiên đẩy dẩy mọi loại tội lỗi, chứa đựng mầm mống của mọi sự bại hoại và mọi yếu tố gian ác. Sa-tan sống trong con người, làm cho con người có những

dục vọng (Gi. 8:44), và phạm tội (1 Gi. 3:8). Vì vậy, sự sống này là cội rễ của tội lỗi, làm cho con người sống bộc lộ tội lỗi. Những tội lỗi khác nhau mà con người đã vi phạm ra từ sự sống của Sa-tan hay sự sống của ma quỷ trong họ. Kể từ khi sự sống của ma quỷ vào trong con người, đôi lúc con người vẫn có thể sống biểu lộ chút ít sự tốt lành của con người theo sự sống con người của mình, nhưng hầu hết trong mọi lúc họ vẫn sống-bày-tỏ sự xấu xa của ma quỷ theo sự sống ma quỷ. Đôi lúc họ rất hiền hòa; họ có thể thật sự hành động như một con người và “tỏa ra hương vị” của một con người đích thực. Nhưng những lúc khác, khi nổi giận, họ thật sự giống như ma quỷ, đầy dẫy mùi của ma quỷ. Khi người ta sống đắm mê trong sự say sưa, nhậu nhẹt, đi điếm, cờ bạc và phạm nhiều loại tội lỗi, bên ngoài của họ thật giống một con quỷ và họ đầy mùi ma quỷ. Không phải tự ý con người muốn sống-bày-tỏ sự sống của ma quỷ nhưng đây là sự sống của ma quỷ trong họ làm cho họ trở nên một con người quỷ quái và dẫn dắt họ sống một cuộc sống pha trộn giữa người và quỷ.

Đây là tình trạng thật bên trong loài người trên thế giới. Dựa trên sự kiện con người có hai sự sống của cả con người lẫn Sa-tan, một sự sống có bản chất tốt còn sự sống kia rất gian ác nên, một mặt họ ao ước trở nên tốt lành và ngay thẳng, mặt khác họ lại có khuynh hướng bại hoại xấu xa. Vì lý do này, trải qua nhiều thế hệ các triết gia tham gia nghiên cứu bản chất loài người đã phân biệt cho hai dòng tư tưởng khác nhau: một tư tưởng cho rằng bản chất loài người tốt đẹp, trong khi tư tưởng kia cho rằng bản chất nhân loại rất xấu xa. Sự thật là chúng ta có cả hai bản chất bên trong vì trong chúng ta có cả sự sống tốt lành lẫn sự sống gian ác.

Nhưng cảm ơn Chúa, ngày nay, là những người được cứu không những chúng ta chỉ có sự sống của con người và ma quỷ nhưng cũng có sự sống của Đức Chúa Trời. Giống như Sa-tan, trong khi phá hoại đã tiêm sự sống của hắn vào trong chúng ta, kết hiệp chúng ta với hắn, giành lấy chúng ta và làm cho chúng

ta có tất cả mọi điều gian ác trong bản chất của họ; Đức Chúa Trời cũng vậy, trong sự giải cứu của Ngài, Ngài đã đặt sự sống Ngài vào trong chúng ta, làm cho chúng ta hiệp một với Ngài, chiếm hữu chúng ta, làm cho chúng ta sống được mọi điều tốt lành có tính cách thần thượng của bản chất Ngài. Vì vậy, điểm rất quan trọng của sự sống là sự sống, và cũng vậy, điểm rất quan trọng của sự cứu rỗi cũng là sự sống. Khi đến dự bàn của Chúa, trước hết chúng ta bỏ bánh sự sống, sau đó chúng ta mới uống chén tha thứ của Ngài. Điều này có ý nghĩa là khi chúng ta kinh nghiệm sự cứu rỗi của Chúa, dù trước hết chúng ta nhận lấy huyết và sau đó là sự sống, nhưng trong sự cứu rỗi của Ngài, biểu hiện chính yếu là bánh, tượng trưng cho sự sống. Chén, tượng trưng cho huyết, là điều thứ nhì. Vì vậy, trước hết chúng ta nhận lấy bánh và sau đó là chén.

Khi sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, con người bên trong của chúng ta trở nên phức tạp hơn người thế gian. Chúng ta có sự sống ngay trong lòng của con người, sự sống gian ác của Sa-tan và sự sống tốt lành có tính cách thần thượng của Đức Chúa Trời. Điều này nghĩa là chúng ta có con người, Sa-tan và Đức Chúa Trời. Tình trạng ba nhóm gồm con người, Đức Chúa Trời và Sa-tan đã hiện diện ngày hôm nay trong vườn Ê-đen cũng hiện hữu trong chúng ta hôm nay. Có thể nói trong chúng ta là một vườn Ê-đen thu nhỏ, có con người, Đức Chúa Trời và Sa-tan, cả ba đều có mặt tại đây. Vì vậy, sự đấu tranh giữa Sa-tan với Đức Chúa Trời để giành lấy con người trong vườn Ê-đen cũng xảy ra trong chúng ta hôm nay. Sa-tan chuyển động trong chúng ta ngày nay, ao ước chúng ta hợp tác với họ để họ có thể hoàn thành ý định gian ác là chiếm hữu chúng ta; Đức Chúa Trời cũng vận hành trong chúng ta, ao ước chúng ta hợp tác với Ngài để hoàn thành niềm vui thích tốt lành của Ngài. Nếu sống theo sự sống của Sa-tan trong mình, chúng ta sẽ sống-bày-tỏ những điều gian ác của Sa-tan và như vậy giúp họ có khả năng hoàn thành ý định gian ác của họ trên chúng ta. Nếu sống theo sự sống của Đức Chúa Trời trong mình, chúng ta sẽ sống-bày-tỏ những điều tốt đẹp thần thượng

của Đức Chúa Trời và như vậy làm cho Ngài có thể hoàn thành niềm vui thích tốt lành của Ngài trong chúng ta. Mặc dầu đôi lúc dường như chúng ta có thể độc lập, không sống theo sự sống của Sa-tan cũng không sống theo sự sống của Đức Chúa Trời mà chỉ theo sự sống loài người, thế nhưng thật ra chúng ta không thể độc lập; chúng ta chỉ có thể sống theo sự sống của Đức Chúa Trời hoặc sống theo sự sống của Sa-tan.

Kết quả là một Cơ Đốc nhân có thể hành động theo ba loại người khác nhau và sống theo ba loại sự sống khác nhau. Một anh em có thể rất lịch sự vào buổi sáng như một con người; vào buổi trưa, khi nổi giận với vợ mình, anh giống như một con quạ, và vào buổi tối trong giờ cầu nguyện, cảm thấy mình đã đi sai quỹ với vợ, anh xưng tội trước mặt Chúa và với vợ mình, trông anh giống Đức Chúa Trời. Như vậy, chỉ trong một ngày anh hành động như ba con người khác nhau và sống biểu lộ ba tình trạng khác nhau. Buổi sáng anh lịch sự như một con người, buổi trưa anh nổi nóng như một con quạ, và ban đêm, sau khi xưng tội lỗi, anh bày tỏ hình ảnh Đức Chúa Trời. Chỉ trong một ngày, con người, ma quạ, và Đức Chúa Trời đều được biểu hiện trong đời sống anh. Lý do anh có thể hành động như vậy là vì trong anh có sự sống của cả ba, đó là con người, ma quạ và Đức Chúa Trời. Khi anh sống theo sự sống của con người, anh giống một con người, khi anh bước đi theo sự sống của ma quạ, anh giống như ma quạ; và khi anh hành động theo sự sống của Đức Chúa Trời, anh bày tỏ hình ảnh của Đức Chúa Trời. Khi chúng ta sống theo sự sống nào thì bất kể sự sống ấy là gì, sự sống ấy quyết định đi đâu chúng ta sẽ sống-bày-tỏ.

Vì vậy, chúng ta cần thấy rõ trong một người được cứu, có ba sự sống khác nhau: sự sống thọ tạo của con người, sự sống sa ngã của Sa-tan và sự sống bất thọ tạo của Đức Chúa Trời. Mặc dầu có ba sự sống bên trong, nhưng chúng ta nhận được ba sự sống ấy trong ba giai đoạn khác nhau và theo ba biến cố khác nhau. Trước hết, vào thời điểm sáng tạo và qua sự sáng tạo, chúng ta nhận được sự sống thọ tạo của loài người. Thứ hai,

trong sự sa ngã, vì tiếp xúc với Sa-tan và cây ki-ốt thức v- thiện và ác, chúng ta nhận l-ợy sự s-ợng sa ngã c-ợa Sa-tan. Thứ ba, khi được cứu, vì tin Con Đức Chúa Trời và tiếp nhận Ngài, chúng ta nhận được sự s-ợng b-ốt thọ tạo c-ợa Đức Chúa Trời. Dựa theo sự kiện c-ợa ba bi-ốt c-ợ này: sự sáng tạo, sự sa ngã và sự cứu r-ợi di-ốt ra trong chúng ta, chúng ta đã nhận l-ợy ba sự s-ợng, đó là sự s-ợng c-ợa con người, c-ợa Sa-tan và Đức Chúa Trời, và b-ốt ch-ốt c-ợa m-ợi sự s-ợng này khác nhau. Sau khi đã th-ợy và nhận bi-ốt đi-ợu này, con đường sự s-ợng sẽ sáng t-ợ hơn đ-ợi với chúng ta. Do ba sự s-ợng khác biệt c-ợa con người, Sa-tan và Đức Chúa Trời đ-ợng t-ốt tại trong chúng ta, chúng ta nên s-ợng theo sự s-ợng nào đây? Sự s-ợng c-ợa con người? Sự s-ợng c-ợa Đức Chúa Trời? Hay sự s-ợng c-ợa Sa-tan? Chúng ta s-ợng theo sự s-ợng nào thì sẽ bày t-ợ sự s-ợng -ợy. Con đường sự s-ợng nằm trong đi-ợu này.

II. B-ỐN LOẠI LUẬT

M-ợi sự s-ợng trong ba sự s-ợng bên trong chúng ta là những người được cứu đ-ợu có một luật riêng c-ợa nó. Vì vậy, trong chúng ta không những ch-ốt có ba sự s-ợng mà còn có ba luật thuộc v-ợ ba sự s-ợng -ợy. Ngoài ra còn có luật c-ợa Đức Chúa Trời -ợ bên ngoài chúng ta. Vì vậy, t-ốt cộng có b-ốt loại luật bên trong và bên ngoài chúng ta. Đi-ợu này được bày t-ợ cho chúng ta trong La Mã chương 7 và 8.

A. Định Nghĩa V-ợ B-Ốn Loại Luật

Luận đ-ợ chính c-ợa La Mã chương 7 và 8 là luật. Trước đó trong chương 6, vị sứ đ-ợ nói: “Vì tội không ch-ốt trị anh em được đâu: b-ợi anh em ch-ợng -ợ dưới luật pháp”. Lý do duy nh-ốt khi-ốt tội không cai trị trên chúng ta là vì chúng ta không -ợ dưới luật pháp. Vì vậy, đ-ợ gi-ợi thích nhóm chữ “không -ợ dưới luật pháp”, sứ đ-ợ tiếp tục nói v-ợ luật trong chương 7 và 8. Chương 7 b-ốt đ-ợu bằng những lời sau: “Anh em ơi, (tôi nói với những k-ợ bi-ốt luật pháp), anh em há ch-ợng bi-ốt rằng luật pháp ch-ốt ch-ốt trị người ta đương khi còn s-ợng hay sao?” Và một l-ợn nữa, câu 6 nói: “Nhưng bây giờ chúng ta đã được gi-ợi

thoát khỏi luật pháp, vì đã chết đi với điếu đã đề giữ mình". Sau đó, ông lại nói: "Nhưng nếu không biết luật pháp thì tôi chẳng biết tội là gì" (c. 7). Và một lần nữa: "Vì theo người bên trong, tôi vẫn lấy làm vui thích luật pháp của Đức Chúa Trời" (c. 22). Mọi lời này liên quan đến luật pháp của thời Cựu Ước. Sau cùng, ông nói: "Nhưng tôi thấy trong chi thể tôi có một luật khác chiện đấu với luật của tâm trí tôi, biết tôi làm phạm tội cho luật của tội vẫn ở trong chi thể tôi". Và lại nữa, "như vậy, chính mình tôi lấy tâm trí phục luật pháp của Đức Chúa Trời, nhưng lấy xác thịt phục luật pháp của tội" (c. 25). Sau đó trong chương 8, ông nói: "Vì luật của Linh sự sống trong Christ Jesus đã buông tha tôi khỏi luật của tội lỗi và sự chết" (c. 2). Qua những lời này, vị sứ đồ nói đến bốn luật khác nhau có liên quan đến chúng ta một cách cá nhân.

Trước hết là "luật của Đức Chúa Trời" (7:22, 25), tức là luật pháp Cựu Ước, nói lên tất cả những gì Đức Chúa Trời đòi hỏi nơi chúng ta. Thứ hai là "luật của tâm trí" (7:23), là luật trong tâm trí chúng ta, làm cho chúng ta ao ước làm điếu lành; vì vậy, có thể gọi là luật của điếu lành trong tâm trí chúng ta. Thứ ba là "luật của tội trong các chi thể" (7:23) gây cho chúng ta phạm tội. Vì chức năng của luật này trong chúng ta làm cho chúng ta phạm tội, chức năng này bị lộ qua các chi thể của thân thể chúng ta, nó được gọi là "luật của tội trong các chi thể". Thứ tư, "luật của Linh sự sống" (8:2) làm cho chúng ta sống trong sự sống của Đức Chúa Trời. Linh mà từ đó luật này phát sinh là Linh của sự sống, một linh hòa lẫn gồm có Linh của Đức Chúa Trời, sự sống của Đức Chúa Trời và nhân linh của chúng ta. Vì vậy, nó được gọi là "luật của Linh sự sống". Hơn nữa, vì Linh này chứa đựng sự sống, thuộc về sự sống và là sự sống, nên luật của Linh này được gọi là "luật sự sống". Về bốn luật này, có một luật ở bên ngoài chúng ta, là luật pháp của Đức Chúa Trời; trong khi ba luật kia ở bên trong chúng ta, là luật điếu lành trong tâm trí, luật của tội trong thân thể và luật của Linh sự sống trong linh chúng ta.

B. Nguồn Gốc Của Bản Loại Luật

Mỗi luật này có nguồn phát xuất khác nhau. Luật pháp của Đức Chúa Trời viết trên các bảng đá, được Ngài ban cho loài người qua Môi-se trong thời Cựu Ước. Ba luật kia đến từ ba sự sống mà chúng ta đã đề cập ở trên. Chúng ta biết rằng mỗi sự sống có một luật. Mặc dù luật có thể không luôn luôn ra từ một sự sống, tuy nhiên mỗi sự sống luôn luôn có một luật. Vì chúng ta có ba sự sống khác nhau bên trong, chúng ta có ba luật tương ứng với ba sự sống khác nhau này.

Luật đi đầu lành trong tâm trí ra từ sự sống thọ tạo tốt lành. Chúng ta nhận được sự sống này không vào thời điếm được cứu mà vào lúc chúng ta ra đời. Đây là sự ban cho tự nhiên trong sự sáng tạo của Đức Chúa Trời, không phải một sự ban cho gôm tóm trong sự cứu rỗi của Ngài. Trước khi được cứu, tư tưởng và tâm trí chúng ta thường có một khuynh hướng tự nhiên hay nể ước ao làm lành, tôn kính cha mẹ, nhân từ đối với người khác, hời hện, hi vọng tự cải thiện và quyết định hướng thượng. Những tư tưởng về điếu thiện và hướng thượng này ra từ luật làm lành trong tâm trí chúng ta. Chúng cũng minh chứng rằng luật tốt lành này đã có sẵn trong chúng ta ngay cả trước khi chúng ta được cứu.

Dựa trên La Mã 7:18 (“Vả, tôi biết rằng trong tôi... chẳng có điếu gì tốt cả”), một số người kết luận rằng trước khi hay sau khi được cứu, trong chúng ta chẳng có điếu gì lành cả; nên luật về điếu lành trong tâm trí không thể đến từ sự sống thọ tạo nguyên thủy, huống chi là trước khi chúng ta được cứu. Tuy nhiên, nếu đọc La Mã 7:18 một cách cẩn thận, chúng ta sẽ thấy kết luận này không chính xác, vì khi Phao-lô nói không có điếu lành hay điếu thiện trong chúng ta, ông liên hệ đến tình trạng của xác thịt chúng ta. Và theo văn mạch của các câu 21, 23, và 24, xác thịt ở đây chỉ về cơ thể sa ngã và bị biến tính của chúng ta. Trong cơ thể đã sa ngã và bị biến tính của chúng ta, tức là trong xác thịt mình, không có điếu gì tốt lành. Điếu này không có nghĩa là trong con người sa ngã của chúng ta không có điếu gì tốt lành cả. Trái lại,

vì sau trong chương này, vị sứ đấng nói với chúng ta một cách rõ ràng trong con người sa ngã của chúng ta có một ý chí ao ước làm điều lành và một luật tốt lành trong tâm trí chúng ta. Ý chí lớn tâm trí đấng là các phần của hồn chúng ta. Vì vậy, dù không có điều gì tốt lành trong cơ thể đã sa ngã và bị biến tính, nhưng trong ý chí và tâm trí của hồn chúng ta vẫn có yếu tố tốt lành, ngay cả sau khi sa ngã. Yếu tố tốt lành này thuộc về sự sáng tạo tốt lành của chúng ta một cách tự nhiên. Vì vậy, luật tốt lành trong tâm trí thuộc về sự sáng tạo nguyên thủy của chúng ta và hiện hữu trước khi chúng ta được cứu, ngay từ khi chúng ta ra đời.

Một vài người nói rằng sự sáng tạo tốt lành của chúng ta đã bị bại hoại bởi Sa-tan sau sự sa ngã nên đã mất đi yếu tố tốt lành của nó. Nói như vậy không chính xác. Chẳng hạn như, khi thêm chút chua vào một ly nước mật ong, chúng ta làm hỏng vị ngọt của ly nước, nhưng không loại hẳn chút ngọt được. Mặc dù Sa-tan đã làm hư hoại con người, yếu tố tốt lành của họ vẫn còn đó. Sự thật là yếu tố tốt lành được tạo dựng trong con người đã bị Sa-tan làm hư hoại đến nỗi không thể chữa trị được, nhưng chúng ta không thể nói rằng nó bị bại hoại đến nỗi không còn tồn tại. Nếu anh em đập vỡ một cái ly, nó sẽ vỡ làm nhiều mảnh, nhưng yếu tố (thủy tinh) của nó vẫn còn. Một thỏi vàng có thể bị ném vào một cái ao dơ bẩn, nhưng yếu tố vàng vẫn còn. Mặc dù lòng tôn kính cha mẹ, yêu thương anh em, tính trung thành, chân thật, đứng đắn, đạo đức, khiêm tốn và cảm giác xấu hổ của chúng ta có hơi bị pha trộn và không tinh ròng, nhưng những yếu tố này vẫn chân chính. Vì vậy, chúng ta có thể kết luận mặc dù những yếu tố tốt lành của mình đã bị ô uế, chúng vẫn tồn tại sau khi bị phá hoại; dù rất yếu ớt nhưng chúng vẫn còn đó. Vì lý do này, các nhà thông thái và các triết gia Trung Hoa đã khám phá rằng bên trong con người vẫn còn một vài “mỹ đức xuất sắc”, và “ý thức bẩm sinh”,... và họ kết luận rằng bản chất con người là tốt lành. Sự khám phá của các triết gia này thật sự là đúng vì bên trong con người sa ngã của chúng ta vẫn có những yếu tố tốt lành và có một luật làm cho chúng

ta tự nhiên ao ước làm điều lành.

Luật của tội trong các chi thò ra từ sự sống sa ngã và gian ác của Sa-tan. Chúng ta đã nói trước đây bởi sự sa ngã qua sự phạm tội của A-đam, tức là việc ông ăn trái của cây kiền thức vò thiên và ác, sự sống của Sa-tan đã vào trong con người. Sự sống của Sa-tan chứa đựng luật gian ác, tức là luật của tội trong các chi thò. Vì sự sống của Sa-tan là gian ác nên luật ra từ sự sống của hèn đương nhiên làm cho con người phạm tội và làm điều gian ác.

Luật của Linh sự sống đến từ Linh sự sống. Luật này ở trong linh chúng ta và từ sự sống bất thọ tạo và thòn thượng của Đức Chúa Trời mà ra. Khi chúng ta tiếp nhận Chúa và được cứu, Linh của Đức Chúa Trời cùng với sự sống của Ngài vào trong linh chúng ta và hòa lộn với linh chúng ta để trở nên Linh sự sống. Trong sự sống của Linh sự sống có chứa đựng một luật, là luật của Linh sự sống hay luật sự sống.

Vì vậy, chúng ta phải thấy rõ rằng khi chúng ta được cứu, Đức Chúa Trời không đặt luật vò điều thiên nhưng đặt luật sự sống vào trong chúng ta. Mục đích của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta là sự sống chứ không phải là điều lành, điều thiên. Khi Đức Chúa Trời cứu chúng ta, Ngài đặt luật sự sống vào trong chúng ta. Luật vò điều lành không được ban cho chúng ta qua sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời mà qua sự sáng tạo của Ngài. Yêu tò làm điều lành ở trong chúng ta là một điều cò hữu đã được thừa hưởng trước. Nhưng khi Đức Chúa Trời cứu chúng ta, Ngài đặt sự sống của Ngài vào trong chúng ta. Trong sự sống này có chứa đựng luật sự sống, luật của Linh sự sống. Chúng ta nhận được luật này vào lúc được cứu, và luật này ra từ sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời vò phương diện sự sống.

Vì vậy, vò nguòn gốc của bốn luật này, chúng ta có thò nói: luật pháp của Đức Chúa Trời ra từ Đức Chúa Trời thì thuộc vò Đức Chúa Trời; luật vò điều lành trong tâm trí ra từ sự sống của con người thì thuộc vò con người; luật của tội lòi ở

trong các chi th^o ra từ sự s^ong c^oa Sa-tan thì thuộc v^o Sa-tan; và luật c^oa Linh sự s^ong ra từ Linh sự s^ong thì thuộc v^o linh.

C. Vị Trí C^oa B^on Loại Luật

Đ^o hi^ou bi^ot chính xác v^o b^on luật này, chúng ta c^on sáng t^o v^o vị trí c^oa chúng theo từng luật một.

Luật pháp c^oa Đức Chúa Trời được vi^ot trên các b^ong đá; vì vậy, luật này ^o bên ngoài chúng ta.

Luật v^o đi^ou lành ^o trong tâm trí, tức là trong h^on chúng ta. Vì sự s^ong làm lành ^o trong h^on chúng ta nên luật ra từ sự s^ong ^oy đương nhiên cũng ^o trong h^on chúng ta. Chức năng c^oa luật này đặc biệt được bày t^o trong tâm trí c^oa h^on mình, vì vậy luật này được gọi là “luật c^oa tâm trí”. Do đó, trong h^on mình, chúng ta có sự s^ong c^oa con người, luật c^oa đi^ou lành đ^on từ sự s^ong ^oy và b^on ch^ot t^ot lành c^oa con người.

Luật c^oa tội ^o trong các chi th^o c^oa chúng ta, tức là ^o trong thân th^o c^oa chúng ta. Trong sự sa ngã, con người đã ăn trái c^oa cây ki^on thức v^o thiện và ác vào trong cơ th^o mình. Như vậy, luật c^oa tội, ra từ sự s^ong c^oa Sa-tan, cũng ^o trong thân th^o chúng ta. Vì luật này ^o trong thân th^o, và thân th^o g^om có các chi th^o, nên luật này ^o trong các chi th^o c^oa chúng ta. Như th^o sự s^ong gian ác c^oa Sa-tan đã vào trong thân th^o con người. Vậy, trong thân th^o chúng ta có Sa-tan, sự s^ong c^oa Sa-tan, luật c^oa tội ra từ sự s^ong c^oa Sa-tan và b^on ch^ot gian ác c^oa Sa-tan. B^oi sự kiện Sa-tan và các đi^ou gian ác c^oa h^on đã vào trong thân th^o chúng ta r^oi trộn l^on với nó, nên thân th^o đã bị bi^on tính và tr^o thành xác thịt bại hoại.

Luật c^oa Linh sự s^ong ^o trong linh chúng ta. Vì Linh sự s^ong cùng với sự s^ong c^oa Đức Chúa Trời ^o trong linh chúng ta nên luật ra từ Linh sự s^ong cũng ^o trong linh chúng ta. Luật này ra từ Linh c^oa Đức Chúa Trời và ^o trong nhân linh chúng ta;

vì vậy, không những nguôn gốc của luật này là Linh mà vị trí của luật cũng ở trong linh. Bởi thế, luật này hoàn toàn thuộc về linh; luật này không thuộc về thân thể, cũng không thuộc về hồn. Vì vậy, trong linh mình, chúng ta có Đức Chúa Trời, sự sống của Đức Chúa Trời, luật ra từ Linh sự sống của Đức Chúa Trời và bản chất sự sống của Ngài.

D. Bản Chất Và Chức Năng Của Bản Loại Luật

Bản chất và các chức năng của bản luật bên ngoài và bên trong chúng ta là gì? Luật pháp của Đức Chúa Trời gồm có các điều luật của Đức Chúa Trời, và bản chất của luật này là thánh khiết, công chính và tốt lành. Luật này ở bên ngoài chúng ta, làm cho chúng ta có khả năng nhận biết những gì Đức Chúa Trời định tội và những gì Ngài xưng công chính; luật này đòi hỏi chúng ta từ khước những gì Đức Chúa Trời định tội và đòi hỏi chúng ta làm những gì Ngài xưng công chính để xứng với luật lệ thánh khiết, công chính và tốt lành của Đức Chúa Trời.

Luật về điều lành trong tâm trí chúng ta, ra từ sự sống của con người thọ tạo, có tính chất tốt lành, chứa đựng bản chất tốt lành của con người và hoàn toàn phù hợp với bản chất của luật pháp Đức Chúa Trời bên ngoài chúng ta. Luật này tạo nên trong chúng ta, tức là trong tâm trí chúng ta, nơi ao ước làm điều lành. Đặc biệt khi luật pháp của Đức Chúa Trời ở bên ngoài đòi hỏi chúng ta phải tốt lành, luật về điều lành trong chúng ta ban cho chúng ta khuyến khích làm lành. Vì vậy, tâm trí trong chúng ta ưa thích vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời ở bên ngoài. Đây là điều vị sứ đồ nói: “Chính mình tôi lấy tâm trí phục luật pháp của Đức Chúa Trời” (La. 7:25).

Luật của tội trong các chi thể chúng ta, ra từ sự sống gian ác và sa ngã của Sa-tan trong xác thịt chúng ta, chứa đựng bản chất ác của Sa-tan. Sự sống gian ác của Sa-tan là điều “ác” hiện hữu trong xác thịt của chúng ta và “tội” cư trú bên trong chúng ta (La. 7:21, 20). Luật ra từ sự sống gian

ác này gây cho chúng ta phạm tội vì nó là “luật của tội”. Luật này từ trong xác thịt chúng ta phơi bày quyền lực tự nhiên làm điều gian ác. Nó cũng tranh chiến chống nghịch lại luật về điều lành trong tâm trí chúng ta. Khi luật về điều lành trong tâm trí chúng ta ban cho chúng ta lòng ao ước làm điều lành thì luật của tội này nổi dậy chống nghịch lại luật về điều lành và đem chúng ta vào tình trạng bị giam cầm (La. 7:23). Thế thì, không những chúng ta không thể làm trọn niềm ao ước làm lành của mình hay thể đáp những đòi hỏi tốt lành của luật pháp Đức Chúa Trời; trái lại, chúng ta còn vâng phục luật của tội trong các chi thể của chúng ta, phạm mọi loại tội lỗi và nhận lãnh sự chết, như đã được mô tả trong La Mã 7:21-24. Vì vậy chúng ta phạm tội không theo sự lựa chọn hay ý muốn riêng của mình, nhưng là luật của tội xúi giục chúng ta từ bên trong.

Như vậy, chúng ta có thể thấy trong con người sa ngã của mình có hai luật trái nghịch nhau. Một luật ra từ sự sáng tạo tốt lành và hành động trong tâm trí của họin chúng ta, ban cho chúng ta lòng ao ước làm lành. Luật kia ra từ sự sáng sa ngã, gian ác của Sa-tan và hành động trong các chi thể của thân thể, gây cho chúng ta phạm tội. Hai luật trái ngược này thực hiện những điều mâu thuẫn trong tâm trí và các chi thể của thân thể chúng ta, tranh chiến với nhau trong chúng ta. Kết quả là luật của tội thường thắng hơn luật về điều lành; vì vậy chúng ta không làm được điều lành mình ao ước và bị bắt buộc làm điều ác mà mình không muốn làm. Đây là điều người Trung Hoa gọi là sự tranh chiến giữa lý trí và dục vọng. Lý trí là yếu tố làm lành vốn có sẵn trong sự sáng tạo của chúng ta; dục vọng là tội lỗi cư trú trong thân thể sa ngã của chúng ta, hay điều ác trong xác thịt chúng ta. Mặc dầu lý trí có phần nào ra từ lương tâm của con người chúng ta, hành động trong tâm trí chúng ta; nhưng sự tốt lành, tức là kết quả của sự hành động của lý trí ra từ hoặc đi qua trí tuệ. Mặc dầu dục vọng có liên quan đến bản chất sa ngã của con người chúng ta, nó hành động trong các chi thể của thân thể chúng ta; như vậy điều

ác là hoạt động cõa dục vọng, ra từ dục vọng. Vì vậy một người mạnh mẽ vớ trí tuệ là người có khả năng làm lành nhiều hơn, trong khi một người hay đam mê, thái quá vớ cảm xúc lại dễ phạm điều ác hơn. Nói cách khác, mọi điều lành mà con người thực hiện bắt nguồn từ trí tuệ hoặc đi qua trí tuệ cõa tâm trí, trong khi mọi điều ác con người vi phạm là sự hoạt động cõa dục vọng trong các chi thể. Khi lý trí trong tâm trí chiếm được ưu thế, nó sẽ khiến con người làm lành; khi dục vọng trong các chi thể chiếm ưu thế, nó sẽ khiến con người làm điều ác.

Một số người nghĩ rằng cuộc chiến này là sự tranh chiến được đề cập trong Ga-la-ti chương 5. Nghĩ như vậy là không chính xác. Ga-la-ti chương 5 nói về sự tranh chiến cõa xác thịt nghịch lại với Linh. Điều này chỉ xảy ra sau khi chúng ta được cứu và nhận được Thánh Linh. Nhưng cuộc chiến giữa hai luật liên quan đến cuộc chiến giữa sự sống sa ngã, gian ác cõa Sa-tan và sự sống thọ tạo tốt lành, và cuộc chiến này đã có ngay chỉ trước khi chúng ta được cứu. Vì vậy đây là một cuộc tranh chiến bên trong hiện hữu trước khi chúng ta được cứu. Đây cũng là sự tranh chiến giữa thiện và ác đang xảy ra trong mọi người trên thế giới.

Luật cõa tội ra từ "Tội", "Tội" này là sự sống cõa Sa-tan và vì vậy nó sống động. "Tội" được viết hoa, nghĩa là được nhân cách hóa và chỉ có một. Trong vũ trụ, chỉ có một Đức Chúa Trời và chỉ có một Tội. Tội là một chữ đặc biệt và là một đối tượng duy nhất; Tội cũng là một tên khác cõa Sa-tan. Vì vậy La Mã từ chương 5 đến chương 8 cho chúng ta biết Tội có thế cai trị trên chúng ta, có quyền thế trên chúng ta, làm cho chúng ta trở nên tội mọi cõa hèn mà chúng nghịch lại Đức Chúa Trời; hèn có thế cư trú trong chúng ta, chỉ ngự chúng ta, xui chúng ta làm điều ác mà chúng ta không muốn. Nhiều tội lỗi bên ngoài chúng ta chỉ là những hành động kết quả từ sự hành động cõa Tội duy nhất này trong chúng ta. Tội duy nhất này là gốc rễ và là "mẹ" cõa mọi tội lỗi.

Làm thế nào Tội gây cho chúng ta phạm tội ở bên ngoài? Chúng

ta đã thấy Tội cư trú trong thân thể mình. Tuy nhiên, chính ý chí chứ không phải thân thể, là cơ quan thúc đẩy xúi giục. Ý chí vốn thuộc về hồn con người, bị Tội thống trị và vâng theo các mệnh lệnh của Tội, xúi giục thân thể con người phạm tội. Vì vậy, mặc dù Tội cư trú trong thân thể chúng ta, công tác phá hoại của nó tiến từ bên ngoài vào đến trung tâm. Lấy thân thể làm căn cứ, nó phóng ra chất độc tội lỗi, gây thiệt hại cho hồn và linh chúng ta đến khi toàn thể con người chúng ta bị bại hoại. Vì vậy, Giê-rê-mi 17 nói: “Lòng người ta là dãi trá hơn mọi vật”. La Mã chương 1 và Mác chương 7 cũng tuyên bố có tất cả mọi loại tội lỗi trong con người. Những câu Kinh Thánh này minh chứng con người hoàn toàn bại hoại do Tội bên trong và đẩy đẩy tội lỗi. Vì lý do này, ngày nay trong hồn con người, tâm trí họ gian ác, tình cảm họ ô uế, ý chí họ náo loạn và ngay cả linh của họ tối tăm. Đây là những hậu quả công tác của Tội trong con người.

Nhưng chúng ta phải cảm ơn Chúa, vì trong chúng ta là những người được cứu, không những có hai luật thiện và ác, con người và Sa-tan mà còn có luật của Linh sự sống của Đức Chúa Trời. Vì luật này ra từ sự sống của Linh Đức Chúa Trời, luật này ra từ sự sống thần thượng, bất thọ tạo của Đức Chúa Trời. Xét về bản chất vừa thần thượng vừa vĩnh cửu, giữa tất cả những gì được gọi là sự sống trong vũ trụ này, chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời mới là “sự sống” (Điều này đã được thảo luận chi tiết trong chương một, Sự Sống Là Gì?). Vì vậy bản chất của sự sống Đức Chúa Trời là “sự sống”. Vì luật của Linh sự sống ra từ sự sống của Đức Chúa Trời nên bản chất của luật này là “sự sống”, cũng như bản chất của sự sống Đức Chúa Trời là “sự sống”. Luật của Linh không giống như hai luật đã được đề cập đến trong phần trên tức là các luật “thiện” hoặc “ác” do nơi sự sống mà chúng đã phát sinh ra.

Theo sự khải thị của Kinh Thánh, sự sống và điều lành là hai điều khác nhau. Ở đây chúng ta có ba điều chính yếu: trước hết, sự sống là bản chất của sự sống Đức Chúa Trời, trong khi điều lành là bản chất của sự sống con người; thứ hai, sự

sống thì tốt lành, nhưng điều lành không nhất thiết là sự sống; thứ ba, cây sự sống và cây kiền thức vấp thien và ác trong vườn Ê-đen cho chúng ta thấy sự sống và điều lành rõ ràng là khác nhau hoàn toàn nhưng sự sống thì không tốt, không xấu. Sự sống, điều lành và điều ác là ba điều khác nhau và độc lập với nhau.

Chúng ta nên nhận biết rằng những sự sống và điều lành không giống nhau mà còn có sự khác biệt giữa những điều lành với nhau nữa. Có điều lành của Đức Chúa Trời và cũng có điều lành của con người. Sự tốt lành của Đức Chúa Trời ra từ sự sống của Đức Chúa Trời và chứa đựng bên trong của sự sống Ngài. Sự tốt lành của con người ra từ sự sống của con người và chỉ chứa đựng bên trong tốt lành của con người. Sự tốt lành đấng cấp đấng trong Ê-phê-sô 2:10, và 2 Ti-mô-thê 2:21 là điều lành mà chúng ta sống-bày-tỏ nhờ sự sống của Đức Chúa Trời; vì vậy, đây là sự tốt lành ra từ sự sống của Đức Chúa Trời và là sự tốt lành của Ngài. Điều tốt lành được đấng cấp đấng trong Ma-thi-ơ 12:35, La Mã 7:18, 19, 21 và 9:11 là điều thien chúng ta sống biểu lộ ra theo sự sống của chính chúng ta; vì vậy, đây là điều thien ra từ sự sống của con người và là điều thien [hay điều lành] của con người. Điều lành do sự sống của con người mà ra chỉ là điều lành của con người, không có bên trong của “sự sống” hay yêu tở của Đức Chúa Trời. Chỉ có điều lành của Đức Chúa Trời, ra từ sự sống của Đức Chúa Trời không những là tốt lành mà còn có bên trong “sự sống” và chính là yêu tở của Đức Chúa Trời. Vì vậy, khi nói sự sống và điều lành khác nhau, chúng ta muốn nói rằng sự sống của Đức Chúa Trời và sự tốt lành của con người khác nhau. Việc lành của con người, ra từ sự sống của con người và không chứa đựng điều gì của bên trong sự sống của Đức Chúa Trời thì đương nhiên khác biệt với sự sống của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, vì điều lành của Đức Chúa Trời ra từ sự sống của Đức Chúa Trời và chứa đựng bên trong sự sống của Đức Chúa Trời nên chúng ta không thể nói điều lành của Đức Chúa Trời khác với sự sống của Ngài được.

Như vậy, chúng ta thấy luật của Linh sự sống chứa đựng bản chất “sự sống” của Đức Chúa Trời có thể làm cho chúng ta sống-bày-tỏ sự sống của Đức Chúa Trời, tức là sống-bày-tỏ việc lành của Đức Chúa Trời.

Hơn nữa, ba luật khác biệt này bên trong chúng ta cũng có mức độ sức mạnh khác nhau. Chúng ta biết rằng các luật khác nhau với sức mạnh tùy theo mức độ sức mạnh của đối tượng mà từ đó các luật này lần lượt phát sinh. Luật về điếu lành ra từ sự sống con người, và sự sống của con người là yếu nhất; vì vậy, sức mạnh làm điếu lành của luật làm lành là yếu nhất; luật của tội ra từ sự sống mạnh hơn của Sa-tan; vì vậy, năng lực phạm tội của luật này mạnh hơn năng lực làm lành của luật về điếu lành. Năng lực này không những làm cho chúng ta biết lực trong điếu lành mà còn khiến chúng ta phạm tội và làm điếu ác. Luật của Linh sự sống ra từ sự sống mạnh nhất, tức là sự sống của Đức Chúa Trời; vì vậy năng lực của luật này cũng mạnh nhất; không những năng lực này giữ chúng ta khỏi theo luật của tội mà phạm tội nhưng còn làm cho chúng ta có thể phục theo chính luật sự sống và sống-bày-tỏ sự sống của Đức Chúa Trời một cách tự nhiên.

Trải qua các thế hệ, các triết gia đã hỗ trợ nhiều cách khác nhau để vun trồng đạo đức hay cải thiện phẩm hạnh con người. Thật ra, những gì họ hỗ trợ là sự hành động qua trí tuệ con người, ý chí riêng, nỗ lực riêng, trên một thân thể và hồn đã bại hoại, để phục hồi hay khơi động lại sự tốt lành nguyên thủy của con người. Tất cả những điếu này không thể thắng hơn năng lực tự nhiên của luật của tội. Trong khi năng lực của luật rất bền bỉ thì sức người có hạn. Trong khi năng lực của luật là tự phát thì sự phẫn đấu của con người chỉ là nỗ lực riêng. Bằng cách sử dụng nỗ lực riêng, người ta có thể duy trì được ít lâu, nhưng một khi sức lực đã kiệt quệ thì năng lực của luật lại bộc phát. Vì vậy, phương cách giải cứu của Đức Chúa Trời không phải là hành động nơi thân thể bên ngoài bằng cách đối phó với Tội quanh chúng ta, cũng không phải hành động vào hồn, là phân biệt giữa thân thể và

linh, bằng cách làm cho ý chí chúng ta mạnh mẽ lên để làm lành. Nhưng đây là tại nơi trung tâm của chúng ta, tức là linh chúng ta, Đức Chúa Trời thêm vào trong chúng ta một yếu tố mới có mang theo năng quyền sự sống mạnh mẽ. Sau đó Ngài có thể tiến từ trong linh chúng ta ra bên ngoài, xuyên suốt mọi phần của bản thể chúng ta, bằng cách dùng một luật này để không chỉ một luật khác và thậm chí hơn quyền lực phạm tội trong luật của tội. Hơn nữa, chúng ta có khả năng để sống-bày-tỏ điếu lành mà luật pháp của Đức Chúa Trời đòi hỏi, là những điếu trước đây chúng ta không thể sống biểu lộ được nhờ luật của điếu lành. Hơn thế nữa, nhờ sự sống đến từ luật của Linh sự sống, chúng ta có thể sống-bày-tỏ sự sống mà Đức Chúa Trời mong muốn.

Vì vậy, Kinh Thánh cho chúng ta thấy có bốn luật liên quan đến mình, một luật ở bên ngoài và ba luật kia ở bên trong. Luật bên ngoài là luật pháp của Đức Chúa Trời. Còn ba luật ở bên trong chúng ta thì một ở trong hồn, một ở trong thân thể, và một ở trong linh chúng ta. Luật trong hồn đến từ sự sống thọ tạo tốt lành của con người, luật này là luật tốt lành và ban cho chúng ta lòng ao ước làm điếu lành. Luật trong thân thể chúng ta, đến từ sự sống sa ngã, gian ác của Sa-tan, luật này là gian ác và làm cho chúng ta phạm tội. Luật trong linh chúng ta đến từ sự sống bất thọ tạo và thậm chí thượng của Đức Chúa Trời, luật này là thậm chí thượng và làm cho chúng ta sống-bày-tỏ sự sống thậm chí thượng của Đức Chúa Trời.

Luật pháp của Đức Chúa Trời bên ngoài chúng ta đại diện Đức Chúa Trời để ban cho chúng ta những đòi hỏi về sự thánh khiết, công chính và tốt lành. Luật về điếu lành trong hồn chúng ta, khi tiếp xúc với những đòi hỏi thánh khiết và tốt lành của luật pháp Đức Chúa Trời, sẽ ao ước và quyết định làm trọn những đòi hỏi này. Nhưng khi luật của tội trong các chi thể của chúng ta nhận biết luật về điếu lành trong hồn chúng ta ao ước làm trọn những đòi hỏi thánh khiết và tốt lành của luật pháp Đức Chúa Trời bên ngoài chúng ta, chính chính luật này sẽ chống lại, kháng cự và thường thậm chí hơn luật

vô điếu lành trong hồn chúng ta. Như vậy, chúng ta không những bất năng trong việc làm trọn luật pháp của Đức Chúa Trời, thay vào đó, chúng ta lại vi phạm những đòi hỏi thánh khiết và tốt lành của luật pháp Đức Chúa Trời bên ngoài chúng ta. Lý do là vì luật của tội trong thân thể chúng ta mạnh hơn luật tốt lành trong hồn chúng ta. Tuy nhiên, luật của Linh sự sống trong linh chúng ta còn mạnh mẽ hơn luật vô điếu lành trong hồn chúng ta. Vì vậy, nếu chúng ta quay về linh và sống theo linh, luật của Linh sự sống trong linh chúng ta sẽ giải cứu chúng ta khỏi luật của tội trong thân thể chúng ta và làm cho chúng ta sống-bày-tỏ sự sống thần thượng của Đức Chúa Trời. Như vậy không những chúng ta sẽ có khả năng làm trọn những đòi hỏi thánh khiết và tốt lành của Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta còn đáp ứng được tiêu chuẩn thần thượng của chính Đức Chúa Trời nữa.

Chúng hạn như luật pháp bên ngoài của Đức Chúa Trời đòi hỏi chúng ta không được tham lam. Luật vô điếu lành trong hồn chúng ta khi tiếp xúc với đòi hỏi này của luật pháp Đức Chúa Trời bèn ao ước làm trọn điếu ấy và quyết định không bao giờ tham lam nữa. Nhưng ngay lúc ấy, luật của tội trong thân thể chúng ta nổi lên chống đỡ, làm cho chúng ta tham lam trong lòng; như vậy chúng ta không thể làm trọn luật pháp của Đức Chúa Trời, là luật đòi hỏi chúng ta không được tham lam. Khi ấy, cho dù muốn và quyết tâm thể nào chăng nữa, chúng ta vẫn không loại bỏ lòng tham khỏi chính mình. Trái lại, càng mong muốn và nỗ lực loại bỏ, lòng tham càng dấy lên trong chúng ta. Bất cứ khi nào luật vô điếu lành trong hồn chúng ta ao ước làm lành do sự đòi hỏi bên ngoài của luật pháp Đức Chúa Trời, luật của tội ở trong thân thể chúng ta liền làm cho điếu ác hành động trong chúng ta và tranh chấp lại tư tưởng tốt lành. Hơn nữa, luật vô điếu lành trong hồn chúng ta không cân xứng với luật của tội trong thân thể chúng ta; trong hầu hết mọi cuộc đụng độ, luật vô điếu lành đều thua luật của tội trong thân thể chúng ta. Nhưng ngợi khen Chúa, luật của Linh sự sống trong linh chúng ta mạnh hơn luật của tội trong thân thể chúng ta và có khả năng giải cứu chúng

ta, buông tha chúng ta khỏi luật của tội. Nếu chúng ta ngừng nỗ lực và phớt lờ luật về điếu lành trong hồn mình, mà thay vào đó, chúng ta bước đi theo luật của Linh sự sống thì chúng ta sẽ được giải cứu khỏi lòng tham do luật của tội xui giục trong thân thể mình. Chúng ta sẽ có thể đáp ứng đòi hỏi của luật pháp bên ngoài của Đức Chúa Trời là không được tham lam và sống-bày-tỏ sự thánh khiết vượt trội của Đức Chúa Trời.

Như vậy, chúng ta có thể thấy rõ luật pháp bên ngoài của Đức Chúa Trời đòi hỏi chúng ta một sự điếu, và ngay lập tức luật điếu lành trong hồn chúng ta mong muốn đáp ứng những đòi hỏi ấy. Nhưng luật của tội ở giữa hai luật này, tức là luật pháp bên ngoài của Đức Chúa Trời và luật về điếu lành trong hồn chúng ta, ngăn chặn và cản trở chúng ta khiến luật về điếu lành trong hồn chúng ta không thể làm trọn những đòi hỏi của luật pháp bên ngoài của Đức Chúa Trời mà nó ước ao. Y như thân thể vây quanh hồn chúng ta, luật của tội trong thân thể chúng ta cũng vây quanh luật về điếu lành trong hồn chúng ta và mạnh hơn luật này. Vì vậy rất khó cho luật về điếu lành trong hồn chúng ta thắng hơn luật của tội trong thân thể chúng ta để phá vỡ sự bao vây này mà làm trọn đòi hỏi của luật pháp bên ngoài của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên luật của Linh sự sống trong linh chúng ta mạnh mẽ hơn hết; vì vậy luật này có thể thắng hơn luật của tội trong thân thể chúng ta và giải cứu chúng ta khỏi bị luật kia bao vây. Do đó luật của Linh sự sống có thừa khả năng đáp ứng trọn vẹn đòi hỏi của luật pháp Đức Chúa Trời.

Chúng ta có thể dùng một thí dụ khác để giải thích mối quan hệ của bên luật này đối với chúng ta. Luật pháp bên ngoài của Đức Chúa Trời giống như một người đàn ông đáng kính đứng trước hôn chúng ta, trong khi luật về điếu lành bên trong chúng ta giống như một thiếu nữ đức hạnh ưng thuận lời cầu hôn ấy. Tuy nhiên luật của tội trong các chi thể chúng ta giống như một kẻ bắt lương luôn luôn theo đuổi thiếu nữ ấy và cố gắng gây ra nan đề giữa thiếu nữ và người đàn ông. Bất

cứ khi nào h_{oàn} th_{oàn} thi_{oàn} nữ này đáp “vâng” với lời c_{oàn} hôn c_{oàn} ông _{oàn}y, h_{oàn} b_{oàn}t cóc cô và ép buộc cô không làm theo ý muốn c_{oàn} chính cô hay theo lòng ao ước c_{oàn} lòng cô. Ngay lúc _{oàn}y, luật c_{oàn} Linh sự s_{oàn}ng trong linh chúng ta, gi_{oàn}ng như một thiên sứ từ trời, đ_{oàn}n gi_{oàn}i cứu cô ta kh_{oàn}i tay k_{oàn} b_{oàn}t lương kia và giúp cô đáp ứng lời c_{oàn} hôn c_{oàn} người đàn ông; như vậy lòng ước muốn c_{oàn} cô được toại nguyện. K_{oàn}t qu_{oàn} là cô khám phá ra vị thiên sứ đ_{oàn}n từ trời _{oàn}y chính là Đ_{oàn}ng mà người đàn ông kia đại diện cho. Vì vậy, bằng cách giúp cô đáp ứng lời c_{oàn} hôn c_{oàn} người đàn ông, thiên sứ _{oàn}y đã giúp cô thực hiện ni_{oàn}m ước ao c_{oàn} chính vị thiên sứ.

Qua thí dụ này, chúng ta th_{oàn}y mặc d_{oàn}u luật b_{oàn} ngoài c_{oàn} Đức Chúa Trời đòi h_{oàn}i chúng ta nhi_{oàn}u đi_{oàn}u, nhưng không làm cho chúng ta thực hiện được những đòi h_{oàn}i _{oàn}y. Luật v_{oàn} đi_{oàn}u lành trong tâm trí chúng ta ao ước làm trọn những đòi h_{oàn}i c_{oàn} luật pháp b_{oàn} ngoài c_{oàn} Đức Chúa Trời, nhưng không có năng lực đ_{oàn} th_{oàn}ng hơn luật c_{oàn} tội trong các chi th_{oàn} chúng ta. Hơn nữa, luật c_{oàn} tội luôn luôn ch_{oàn}ng đ_{oàn}i luật v_{oàn} đi_{oàn}u lành, và khi th_{oàn}y luật v_{oàn} đi_{oàn}u lành c_{oàn} g_{oàn}ng đáp ứng đòi h_{oàn}i c_{oàn} luật Đức Chúa Trời, ch_{oàn}c ch_{oàn}n luật này sẽ ngăn chặn và c_{oàn}n tr_{oàn} việc thực hiện ao ước _{oàn}y. Nhưng luật c_{oàn} Linh sự s_{oàn}ng trong linh chúng ta, là sự gi_{oàn}i cứu c_{oàn} chúng ta đ_{oàn}n từ Đức Chúa Trời với quy_{oàn}n năng mạnh mẽ c_{oàn} sự s_{oàn}ng Ngài, gi_{oàn}i thoát chúng ta kh_{oàn}i luật c_{oàn} tội, như vậy làm cho chúng ta có kh_{oàn} năng đáp ứng mọi đòi h_{oàn}i c_{oàn} luật pháp Đức Chúa Trời và s_{oàn}ng-bày-t_{oàn} sự s_{oàn}ng th_{oàn}n thượng c_{oàn} Ngài. N_{oàn}u chúng ta s_{oàn}ng theo luật này c_{oàn} Linh sự s_{oàn}ng, chúng ta sẽ được gi_{oàn}i cứu kh_{oàn}i luật c_{oàn} tội trong các chi th_{oàn} mình và đương nhiên tr_{oàn} nên một Cơ Đ_{oàn}c nhân đ_{oàn}c th_{oàn}ng.

K_{oàn}T LUẬN

Đ_{oàn}n đây, chúng ta có th_{oàn} rút ra vài k_{oàn}t luận: Thứ nh_{oàn}t, sự gi_{oàn}i cứu c_{oàn} Đức Chúa Trời khác với sự s_{oàn}a đ_{oàn}i c_{oàn} con người. Trước h_{oàn}t, n_{oàn}n t_{oàn}ng hay cơ s_{oàn} c_{oàn} hai bên khác nhau. Sự s_{oàn}a đ_{oàn}i c_{oàn} con người dựa trên sự t_{oàn}t lành nguyên th_{oàn}y c_{oàn} họ, trong khi sự gi_{oàn}i cứu c_{oàn} Đức Chúa Trời dựa trên sự

sống của Ngài và Linh của Ngài, tức là Linh sự sống. Kẽ đẽn, có sự khác biệt vế phương pháp. Con người cẽ gẽng sũa đẽi bằng cách gẽng sức sữ dụng năng lực của mình, ngược đũi thân thẽ, đẽ nén dục vọng, đẽ tạo nên đũi lành trong con người. Đứẽ Chúa Trời giũi cứu chúng ta bằng cách đặẽ Linh Ngài và sự sống Ngài vào trong linh chúng ta, như vậy làm cho linh chúng ta sống đẽng; sau đố, Ngài bẽt đũi công tác đũi mới từ linh chúng ta bằng cách trước hẽt Ngài đũi mới các phẽn khác nhau trong linh chúng ta, rũi đẽn các phẽn khác nhau trong hẽn chúng ta, và sau cùng là thân thẽ vật lý của chúng ta. Cuũi cùng, kẽt quẽ thật khác hẽn. Kẽt quẽ của sự sũa đũi của con người chẽ là đũi tũt đẽp cao cẽ nhũt của loài người; sự sũa đũi ãy không thẽ làm cho con người sống-bày-tũ tiêu chuẽn thẽn thượng của bẽn chẽt Đứẽ Chúa Trời. Tuy nhiên kẽt quẽ của sự giũi cứu của Đứẽ Chúa Trời là chúng ta trẽ nên nhũng Thẽn-nhãn, sống-bày-tũ sự sống thẽn thượng của Đứẽ Chúa Trời.

Thứ hai, sự giũi cứu của Đứẽ Chúa Trời không làm cho chúng ta thành nhũng người tũt, nhưng thành nhũng người-sống (người của sự sống). Tũng cộng có ba hạng người trong vũ trụ, đố là người-Trời (Thẽn-nhãn), người lành, và người ác. Sự giũi cứu của Đứẽ Chúa Trời không làm cho chúng ta thành nhũng người ác hay nhũng người tũt, nhưng trẽ nên nhũng người-sống.

Thứ ba, là nhũng người đượẽ Đứẽ Chúa Trời giũi cứu, chúng ta phẽi sống trong Đứẽ Chúa Trời. Đứẽ Chúa Trời là sự sống, và sự giũi cứu của Đứẽ Chúa Trời là làm cho chúng ta trẽ nên nhũng người-sống tức người thuộc sự sống. Sự sống là Đứẽ Chúa Trời; trẽ thành một người-sống tức là trẽ nên một Thẽn-nhãn. Đẽ trẽ nên nhũng con người như vậy, chúng ta cẽn phẽi sống trong Đứẽ Chúa Trời. Nhưng sống trong Đứẽ Chúa Trời là một giáo lý mù mờ. Nẽu muẽn sống trong Đứẽ Chúa Trời, chúng ta cẽn sống trong luật của Linh sự sống. Đũi này đũi hũi chúng ta sống trong linh, vì luật của Linh sự sống ã trong linh. Đũi này cũng đũi hũi chúng ta sống theo cẽm nhận của

sự sống vì cảm nhận của sự sống là cảm nhận của luật của Linh sự sống. Nếu chúng ta vâng theo cảm nhận của sự sống, chúng ta chú tâm vào linh và sống trong linh. Nếu chúng ta chú tâm vào linh, chúng ta sống trong luật của Linh sự sống. Khi chúng ta sống trong luật của Linh sự sống, chúng ta sống trong Đức Chúa Trời. Kết quả, điều chúng ta sống-bày-tỏ là chính Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là sự sống; vì vậy điều chúng ta sống-bày-tỏ là sự sống, và chúng ta trở nên người-sống.

Thứ tư, mục tiêu của sự giải cứu của Đức Chúa Trời là sự hiệp nhất giữa Đức Chúa Trời với con người. Khi chúng ta vâng theo luật của Linh sự sống và sống trong Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời cũng sống trong chúng ta, Ngài và chúng ta hòa làm một cách thực tiễn cho đến khi cả hai hoàn toàn hiệp một.

Có hai điểm khác nữa về phương diện chính quan. Trước hết, chúng ta phải đụng chạm cảm nhận bên trong, tức là vâng phục cảm giác bên trong. Thứ hai, chúng ta phải sống trong sự tương giao. Sự tương giao là dòng chảy của sự sống. Sống trong sự tương giao là sống trong dòng chảy của sự sống. Hai điều này giúp chúng ta kinh nghiệm sự sống một cách thực tế. Mục tiêu của chương này khi bàn về ba sự sống và bốn loại luật là để đưa chúng ta đến điểm này. Nếu chúng ta đụng chạm cảm nhận bên trong một cách thực tế và sống trong sự tương giao, chúng ta sẽ tự động (1) được giải cứu khỏi tội, (2) làm những việc lành mà chúng ta không thể làm được, (3) làm trọn luật pháp của Đức Chúa Trời, và (4) sống-bày-tỏ sự sống của Đức Chúa Trời. Cuối cùng chúng ta có thể trở thành những Thờn-nhân, biểu lộ sự sống của Đức Chúa Trời. Đây là mục tiêu cứu rỗi của Đức Chúa Trời và điều này cũng bao hàm mọi vấn đề liên quan đến sự sống.

CHƯƠNG MƯỜI

LUẬT SỰ SỐNG

Trong chương vừa qua, chúng ta đã thấy có ba sự sống và có bốn loại luật. Bây giờ chúng ta đặc biệt xem xét luật sự sống, cũng là luật của Linh sự sống như được đề cập trong chương trước. Trong bốn loại luật này, chỉ có luật sự sống là khả năng tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời, làm cho chúng ta có thể sống-bày-tỏ sự sống của Đức Chúa Trời một cách thật tự nhiên; vì vậy nếu muốn đụng chạm con đường sự sống, chúng ta phải có tri thức sáng tỏ về luật sự sống.

I. NỘI TÍNH KINH THÁNH

Chúng ta có thể nói trong toàn bộ Kinh Thánh, chỉ có năm phần sau đây đề cập đến luật sự sống một cách trực tiếp hoặc gián tiếp:

A. La Mã 8:2: “luật của Linh sự sống...”

Luật của Linh sự sống được đề cập ở đây là luật sự sống. Linh là nguồn xuất phát của luật này chứa đựng sự sống, hoặc có thể nói Ngài là sự sống; vì vậy luật này là luật của Linh và cũng là luật sự sống.

B. Hê-bơ-rơ 8:10: “Chúa lại phán: Nay là giao ước ta sẽ lập với nhà Israel sau những ngày đó: Ta sẽ đặt luật pháp ta trong tâm trí họ, ta sẽ viết nó vào lòng họ; Ta sẽ làm Đức Chúa Trời của họ, họ sẽ làm dân ta”.

C. Hê-bơ-rơ 10:16: “Chúa phán: nay là giao ước ta lập với họ sau những ngày đó, Ta sẽ đặt luật pháp ta trong lòng họ, ta sẽ viết nó vào tâm trí họ”.

Hai phần Kinh Thánh trên trong Hê-bơ-rơ chương 8 và 10 trước hết đề cập đến việc “đặt” và sau đó là “viết”, và cả hai đều nói về tâm trí và tâm lòng; như thế cả hai câu đều nói cùng một ý và đều được trích từ Giê-rê-mi 31:33.

D. Giê-rê-mi 31:33: “Đức Giê-hô-va phán: nầy là giao ước mà ta sẽ lập với Israel sau những ngày đó: Ta sẽ đặt luật pháp ta trong các phần bả trong cõa họ và ta sẽ viết nó trong lòng họ. Ta sẽ làm Đức Chúa Trời cõa họ, họ sẽ làm dân ta”.

E. Ê-xê-chi-ên 36:25-28: “Ta sẽ rưới nước trong trên các người và các người sẽ trở nên sạch; ta sẽ làm sạch huyết mọi sự ô uế và mọi thõn tượng cõa các người. Ta sẽ ban lòng mới cho các người, và đặt linh mới trong các người. Ta sẽ cắt lòng bằng đá khi thịt các người, và ban cho các người lòng bằng thịt. Ta sẽ đặt Linh ta trong các người, và khiến các người noi theo luật lệ ta, thì các người sẽ giữ mạng lịnh ta và làm theo... và các người sẽ là dân ta và ta sẽ là Đức Chúa Trời các người”.

Trong vài câu Kinh Thánh trên, có ít nhất năm điều được bàn đến: (1) tẩy sạch bằng nước trong, (2) ban cho chúng ta lòng mới, (3) ban cho chúng ta linh mới, (4) cắt lòng bằng đá khi chúng ta và ban cho chúng ta lòng bằng thịt, (5) đặt Linh cõa Đức Chúa Trời trong chúng ta. Năm điều này kết hợp với nhau sẽ đưa đến kết quả là Ngài sẽ làm cho chúng ta bước đi trong điều luật cõa Đức Chúa Trời, giữ và làm theo các qui định cõa Ngài. Chúng ta sẽ là dân Ngài và Ngài sẽ là Đức Chúa Trời cõa chúng ta. Điều này nghĩa là Thánh Linh ở trong chúng ta ban cho chúng ta sức lực mới để thực hiện ý chí cõa Đức Chúa Trời và làm hài lòng Đức Chúa Trời, để Đức Chúa Trời có thể là Đức Chúa Trời cõa chúng ta và chúng ta làm dân cõa Đức Chúa Trời. Như vậy, kết quả được đề cập ở đây giống như kết quả được đề cập trong Giê-rê-mi 31:33.

II. KHỞI ĐIỂM CÕA LUẬT SỰ SỐNG – SỰ TÁI SINH

Nếu muốn nói đến khởi điểm cõa luật sự sống, chúng ta phải bắt đầu từ sự tái sinh, vì tái sinh là tiếp nhận sự sống cõa Đức Chúa Trời vào trong linh chúng ta. Một khi được tái sinh, chúng ta có sự sống cõa Đức Chúa Trời trong linh mình, và một khi có sự sống cõa Đức Chúa Trời, chúng ta tự nhiên có luật sự sống là luật đến từ sự sống cõa Đức Chúa Trời.

A. Sự Tạo Dựng Loài Người

Khi nói đến sự tái sinh, chúng ta phải bắt đầu với sự tạo dựng loài người. Khi loài người được bàn tay Đức Chúa Trời tạo dựng nên, họ chỉ có sự sống tốt lành và ngay thẳng của sự sống loài người; họ không có sự sống thần thánh và vĩnh cửu của Đức Chúa Trời. Nhưng khi Đức Chúa Trời tạo dựng loài người, mục tiêu chính của Ngài là hòa lẫn sự sống Ngài vào trong loài người, để liên hiệp với loài người, và để đạt đến mục đích của sự hiệp một giữa Đức Chúa Trời và loài người. Vì vậy khi tạo nên loài người, ngoài thân và hồn, Ngài còn tạo một linh cho họ. Linh này là cơ quan mà bởi đó loài người nhận lãnh sự sống của Đức Chúa Trời. Khi chúng ta sử dụng linh này để tiếp xúc với Đức Chúa Trời là Linh, chúng ta nhận được sự sống của Ngài và liên hiệp với Ngài, qua đó hoàn thành mục đích chính yếu của Ngài.

B. Sự Sa Ngã Của Loài Người

Nhưng loài người đã sa ngã trước khi nhận được sự sống của Đức Chúa Trời. Yếu tố quan trọng nhất khi họ sa ngã thì không phải sự sa ngã tự nhiên khiến cho họ phạm tội và xúc phạm Đức Chúa Trời, nhưng cũng đã làm chết linh của họ, hay có thể nói sự sa ngã đã đem sự chết đến trên chính cơ quan mà bởi cơ quan này họ nhận được sự sống của Đức Chúa Trời. Nói rằng linh bị chết không có nghĩa là linh không tồn tại, mà là linh đã mất chức năng tương giao với Đức Chúa Trời và bị phân cách khỏi Đức Chúa Trời; vì vậy loài người không còn tương giao được với Đức Chúa Trời. Từ đó về sau, họ không thể dùng linh mình để tiếp xúc với Đức Chúa Trời và do đó không nhận được sự sống của Ngài được nữa.

Khi này, nhu cầu của loài người gồm hai phương diện: một mặt, vì đã sa ngã họ cần Đức Chúa Trời xóa lý những tội họ đã phạm; mặt khác, họ cần Đức Chúa Trời hơn nữa để được Ngài tái sinh bằng cách ban sự sống cho linh vốn đã chết của họ để họ có thể nhận được sự sống của Ngài và hoàn thành mục đích chính yếu của Đức Chúa Trời khi Ngài tạo dựng họ.

C. Phương Cách Giãi Cứu Của Đức Chúa Trời

Vì những nhu cầu này, phương cách giãi cứu của Đức Chúa Trời gồm hai phương diện, tiêu cực và tích cực. Về mặt tiêu cực, nhờ Chúa Jesus đấng huy diệt trên thập tự giá, sự cứu chuộc đã được hoàn thành và nan đấng tội lỗi của loài người được giãi quyết. Về mặt tích cực, bởi sự chết của Chúa Jesus, sự sống của Đức Chúa Trời đã tuôn tràn ra; sau đó bởi sự phục sinh của Chúa Jesus, sự sống của Đức Chúa Trời được đặt vào trong Thánh Linh; cuối cùng Thánh Linh đã vào trong chúng ta, làm cho chúng ta nhận được sự sống thần thượng và vĩnh cửu của Đức Chúa Trời.

Như vậy Thánh Linh làm cho chúng ta có khả năng nhận được sự sống của Đức Chúa Trời nghĩa là Ngài tái sinh chúng ta. Nhưng làm thế nào Thánh Linh tái sinh chúng ta? Bởi Lời Đức Chúa Trời. Trước hết Thánh Linh sắp đặt hoàn cảnh để chúng ta có cơ hội nghe lời phúc âm. Kế đó, bởi những lời này, Ngài soi sáng và cảm động chúng ta; Ngài làm cho chúng ta nhìn nhận tội lỗi mình, tự cáo trách, ăn năn và tin, nhờ đó chúng ta tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời và tiếp nhận sự sống của Ngài. Sự sống của Đức Chúa Trời ẩn giấu trong Lời Ngài, và Lời Ngài "là sự sống" (Gi. 6:63). Khi chúng ta tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời, sự sống của Ngài vào trong chúng ta và tái sinh chúng ta.

Vì vậy sự tái sinh không gì khác hơn là sự kiện con người nhận được sự sống của Đức Chúa Trời thêm vào sự sống của mình. Khi chúng ta nhận được sự sống của Đức Chúa Trời như vậy, chúng ta nhận được uy quyền làm cho chúng ta trở nên con cái của Đức Chúa Trời (Gi. 1:12). Chính uy quyền này là sự sống của Đức Chúa Trời; vì vậy khi chúng ta có sự sống này, chúng ta có uy quyền làm con cái của Đức Chúa Trời.

Khi chúng ta có sự sống của Đức Chúa Trời và trở nên con cái của Ngài, tự nhiên chúng ta có bản chất thần thượng (2 Phi. 1:4). Nếu chúng ta sống bởi sự sống này và bởi bản chất của sự sống này, chúng ta có thể trở nên giống Đức Chúa Trời và

sống-bày-tỏ hình ảnh của Ngài.

Sự sống của Đức Chúa Trời trong chúng ta hành động như thế nào để làm cho chúng ta giống Ngài? Sự sống này hành động từ trung tâm ra đến vòng ngoài, hay từ linh đến hồn và rồi đến thân thể, hoàn thành sự lan rộng ra bên ngoài. Khi sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, trước hết là vào linh chúng ta, làm sống động linh đã chết của chúng ta, làm cho linh ấy sống động, tươi mới, mạnh mẽ, đầy sinh lực, có thể tiếp xúc với Đức Chúa Trời, cảm biết Đức Chúa Trời và có mối tương giao ngọt ngào với Ngài. Sau đó sự sống dần dần lan tràn từ linh chúng ta vào trong mỗi một phần của hồn chúng ta và làm cho tư tưởng, tình cảm và các quy luật định của chúng ta dần dần trở nên giống như tư tưởng, tình cảm và các quy luật định của Đức Chúa Trời, có hương vị của Đức Chúa Trời; ngay cả cơn giận của chúng ta cũng có điểu gì đó giống Ngài, có hương vị của Ngài. Thật là một sự thay đổi kỳ diệu biết bao!

Hơn thế nữa, sự sống này sẽ liên tục hành động cho đến khi lan rộng sang thân thể chúng ta, để thân thể chúng ta cũng có yêu tố của sự sống. Đây là điểu La Mã 8:11 nói đến: Linh của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta làm sống động thân thể hay chết của chúng ta.

Sự sống của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta sẽ hành động và lan rộng càng ngày càng hơn cho đến khi làm cho linh, hồn và thân thể chúng ta, hay cả con người chúng ta hoàn toàn đầy đặn bởi chết của Đức Chúa Trời, yêu tố của Ngài, hương vị hay tính chết của Ngài cho đến khi chúng ta được cất lên và biến hình; cho đến khi chúng ta bước vào vinh quang và trở nên hoàn toàn giống Ngài.

Sự sống của Đức Chúa Trời liên tục hành động và lan rộng trong chúng ta nhưng không phải cứ thế ngừng tiến mà chững mành gì đến chúng ta; trái lại sự sống này đòi hỏi xu hướng của tình cảm sự hợp tác của tâm trí và sự đầu phục của ý chí chúng ta. Nếu chúng ta từ chối không muốn sự sống hành động, không theo sát và hợp tác với sự sống, sự sống sẽ không có

cách nào bày tỏ quyên năng hay chức năng của mình được. Bởi vì con người là một hữu thể sống có tình cảm, tâm trí và ý chí, nên việc họ có muốn hợp tác và có khả năng hợp tác hay không vẫn là một vấn đề. Vì lý do này, khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta, không những Ngài ban sự sống cho chúng ta, Ngài còn ban cho chúng ta lòng mới và đặt linh mới trong chúng ta (Êx. 36:26); để chúng ta vui lòng và có khả năng hợp tác với Ngài.

Tâm lòng liên quan đến sự vui lòng, sự thỏa thuận, trong khi linh là vấn đề khả năng. Vì đã phẫn loạn với Đức Chúa Trời, tâm lòng nguyên thủy của chúng ta trở nên cứng cỏi và cũ kỹ; vì vậy, nó được gọi là “lòng bằng đá” hay “lòng cũ”. Tâm lòng cũ kỹ này chống nghịch Đức Chúa Trời, không muốn chính Ngài và không bằng lòng hợp tác với Ngài. Bây giờ Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một tâm lòng mới. Không phải Ngài ban cho chúng ta một tâm lòng khác thêm vào tâm lòng cũ, mà qua sự tái sinh bởi Thánh Linh, Ngài làm mất tâm lòng bằng đá để nó trở nên “tâm lòng bằng thịt”, như thế Ngài biến đổi nó thành một tâm lòng mới. Tâm lòng này hướng về Đức Chúa Trời, yêu thích Ngài và những điều thuộc về Ngài. Đây là một cơ quan mới để hướng về Đức Chúa Trời và yêu mến Ngài, làm cho chúng ta muốn cộng tác với Ngài và bằng lòng để sự sống của Ngài lan rộng và hành động một cách tự do từ trong ra ngoài.

Vì phân rẽ với Đức Chúa Trời, linh của chúng ta chết và trở nên cũ kỹ; vì vậy, nó được gọi là “linh cũ”. Vì linh cũ này mất khả năng tương giao và tiếp xúc với Đức Chúa Trời, tự nhiên nó không thể hợp tác với Ngài được. Bây giờ Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một “linh mới”. Điều này không có nghĩa Ngài ban cho chúng ta một linh mới thêm vào linh cũ, mà qua sự tái sinh bởi Thánh Linh, Ngài làm cho linh chết của chúng ta trở nên một linh sống động, như vậy Ngài biến đổi nó thành một linh mới. Linh mới này có thể tương giao với Đức Chúa Trời, có khả năng hiểu Ngài và những điều thuộc linh. Đây là cơ quan mới để tiếp xúc với Đức Chúa Trời, làm

cho chúng ta có khả năng hợp tác với Ngài, và qua sự tương giao với Ngài, linh này đổ cho sự sống của Đức Chúa Trời trong chúng ta lan rộng và hành động ra bên ngoài.

Với tâm lòng mới, chúng ta vui lòng hợp tác với Đức Chúa Trời, và với linh mới chúng ta có khả năng hợp tác với Ngài. Tuy nhiên tâm lòng mới và linh mới nhiều lắm thì cũng chỉ làm cho chúng ta có khả năng khao khát Đức Chúa Trời và tiếp xúc Ngài, và như vậy cho phép sự sống của Ngài tự do lan rộng và hành động ra bên ngoài, chứ không thể đáp ứng đòi hỏi vô tận của Đức Chúa Trời đối với chúng ta. Đòi hỏi ấy là chúng ta phải đạt đến tiêu chuẩn thần thượng của chính Đức Chúa Trời. Vì vậy khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta, Ngài làm thêm một điều vinh hiển, vượt trội tất cả: Ngài đặt chính Linh Ngài, là Thánh Linh vào trong linh mới của chúng ta. Thánh Linh là hiện thân của Đấng Christ, và Đấng Christ là hiện thân của Đức Chúa Trời. Như vậy Thánh Linh vào trong chúng ta là Đức Chúa Trời Tam Nhất vào trong chúng ta. Bằng cách này, Đấng Tạo Hóa và loài thọ tạo liên hiệp với nhau. Điều này đáng được chúng ta khen ngợi! Hơn thế nữa, Linh của Đức Chúa Trời, Linh đời đời hay Linh vô tận có những khả năng vô hạn và sức mạnh vượt trên tất cả. Vì vậy khi Ngài cư ngụ trong linh mới của chúng ta, Ngài có thể dùng năng lực vô hạn của Ngài để xúc động và cung ứng cho chúng ta để hành động và vận hành bên trong chúng ta; như vậy Ngài làm cho chúng ta đáp ứng được đòi hỏi vô hạn của Đức Chúa Trời đối với chúng ta, bởi đó cho phép sự sống của Đức Chúa Trời lan tràn liên tục từ linh qua hồn và vào trong thân thể chúng ta. Cuối cùng Ngài làm cho chúng ta đạt đến giai đoạn vinh hiển, hoàn toàn giống như Đức Chúa Trời! Ha-lê-lu-gia!

Đây là một điều được bày tỏ rõ ràng cho chúng ta: phương cách giải cứu của Đức Chúa Trời và sự tự cải thiện của loài người trên căn bản đã khác nhau. Sự tự cải thiện của loài người chỉ là một công việc thực hiện dựa trên những gì họ có từ đầu, ấy là hồn và thân thể loài người với những khả năng của chúng. Cho dù sự cải thiện có thành công chăng nữa, nó vẫn

rất giới hạn vì năng lực con người có hạn. Nhưng với sự giúp cứu của Đức Chúa Trời, dù sự sống của Đức Chúa Trời tiến vào từ từ làm mới lại từng phần của hồn và cũng vào thân thể chúng ta, điểm quan trọng là Linh của Đức Chúa Trời đã đem sự sống của Đức Chúa Trời thêm vào linh chúng ta. Với năng lực thần thượng, vô hạn, linh chúng ta có thể đáp ứng mọi đòi hỏi vô hạn của Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn. Đây là thêm vào, chứ không phải cải thiện. Năng lực cải thiện chỉ là sửa đổi những gì chúng ta đã có, đó là một điều giới hạn; nhưng thêm vào một điều gì của chính Đức Chúa Trời là một điều vô hạn.

Qua những gì chúng tôi vừa trình bày, chúng ta cần phải thấy cách rõ ràng sự tái sinh làm cho chúng ta nhận được sự sống của Đức Chúa Trời. Sự sống này chứa đựng một chức năng tự nhiên, và chức năng tự nhiên của sự sống là “luật sự sống”. Như vậy sự sống của Đức Chúa Trời là nguồn cội của luật sự sống, và sự tái sinh là khi điểm của luật sự sống này. Mặc dù luật sự sống ra từ sự sống của Đức Chúa Trời, nhưng nhờ sự tái sinh mà sự sống này vào trong chúng ta.

III. Ý NGHĨA CỦA LUẬT SỰ SỐNG

Nếu muốn biết ý nghĩa của luật sự sống, chúng ta cần phải biết luật là gì. Luật là một qui định thiên nhiên, là một nguyên tắc cố định, không thay đổi. Một luật không nhất thiết phải ra từ một loại sự sống, nhưng một sự sống thì chắc chắn phải có một luật đi kèm. Luật đi kèm theo sự sống được gọi là luật sự sống. Luật của một sự sống nào đó cũng là đặc tính thiên nhiên, chức năng bẩm sinh của sự sống ấy. Chẳng hạn như mèo có khả năng bắt chuột và chó có khả năng giữ nhà ban đêm; hoặc như tai chúng ta có thể nghe, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, bao tử có thể tiêu hóa thức ăn. Tất cả những khả năng này là những đặc tính thiên nhiên và những chức năng bẩm sinh của một loại sự sống. Bất cứ khi nào một loại sự sống nào đó tồn tại và được tự do, nó có thể phát triển đặc tính và biểu lộ khả năng của nó một cách tự nhiên. Nó không cần sự dạy dỗ hay thúc giục của loài người;

trái lại nó phát triển một cách rất tự nhiên, không phải có gông chít nào. Những đặc tính tự nhiên và những khả năng bẩm sinh của một loại sự sống tạo nên luật của sự sống ấy.

Sự sống của Đức Chúa Trời là sự sống cao cấp nhất; đây là sự sống vượt trội; vì vậy, các đặc tính và khả năng của sự sống này chắc chắn phải cao cấp nhất và vượt trội mọi sự. Bởi vì những đặc tính cao cấp nhất và những khả năng vượt trội này tạo nên luật sự sống của Đức Chúa Trời, đương nhiên luật này là luật cao cấp nhất và vượt trội tất cả. Bởi vì đã nhận được sự sống của Đức Chúa Trời từ khi được tái sinh, chúng ta đương nhiên nhận được luật cao cấp nhất và vượt trội tất cả từ sự sống ấy.

Trong chương thứ nhất, Sự Sống là Gì?, chúng tôi đã nói chỉ có sự sống của Đức Chúa Trời mới là sự sống; vì vậy luật sự sống mà chúng ta đang nói đến đặc biệt chỉ về luật sự sống của Đức Chúa Trời.

Luật sự sống là luật Đức Chúa Trời đặc biệt ban cho chúng ta trong giao ước mới. Luật này rất khác với những luật lệ Đức Chúa Trời ban truyền tại Núi Si-nai. Trong thời Cựu Ước, Đức Chúa Trời ban luật thành văn được viết trên những bảng đá bên ngoài thân thể con người. Đó là luật bên ngoài, luật văn tự. Luật này đòi hỏi loài người những điều bên ngoài, từng điều luật một đòi hỏi họ phải làm điều này và không được làm điều kia. Nhưng không có kết quả gì cả; không người nào có thể giữ được những điều ấy. Mặc dù luật pháp rất lành nhưng loài người xa lạ và chết chóc không có năng lực sự sống để đáp ứng những đòi hỏi của luật ấy. Trái lại họ vấp ngã dưới sự định tội của luật ấy. La Mã 8:3 chỉ về điều này khi nói rằng: “Điều luật pháp không làm nên, vì xác thịt làm cho nó ra yếu đuối...”

Trong thời Tân Ước, khi Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta bởi Thánh Linh, Ngài đặt chính sự sống của Ngài, cùng với luật của sự sống này, vào trong chúng ta. Luật sự sống này là luật bên trong, là ân tứ đặc biệt mà Đức Chúa Trời ban cho

chúng ta trong thời Tân Ước. Lời hứa của Đức Chúa Trời viết trong Cựu Ước được thành tựu qua điều này: “Ta sẽ đặt luật pháp ta vào những phần bên trong của họ” (Giê. 31:33).

Luật sự sống này được đặt bên trong chúng ta; vì vậy, vì mặt vị trí đây là luật bên trong. Không như luật Cựu Ước là luật bên ngoài con người và vì vậy là luật bên ngoài. Hơn nữa luật sự sống này ra từ sự sống Đức Chúa Trời và thuộc về sự sống Đức Chúa Trời; vì vậy, theo bản chất đây là luật sự sống; vì lý do này, luật này có khả năng cung ứng. Không như luật Cựu Ước, là luật văn tự, chỉ có thể đòi hỏi mà không thể cung ứng. Luật sự sống này trong chúng ta, là luật có những đặc tính và những khả năng tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời, có thể điều khiển từng điều một của toàn bộ những gì chứa đựng trong sự sống Đức Chúa Trời tuôn ra bên ngoài một cách rất tự nhiên. Kết quả là sự điều khiển này thỏa đáp mọi đòi hỏi của luật bên ngoài của Đức Chúa Trời.

Chúng ta hãy dùng hai ví dụ sau để minh họa cách luật sự sống hành động. Hãy xem một cây đào đang héo. Giả sử chúng ta đặt ra vài luật lệ cho nó: “Người phải trồng lá xanh, nở hoa đỏ và ra trái đào”. Chúng ta biết dù chúng ta có truy cập lệnh từ đâu năm đến cuối năm cũng hoàn toàn vô ích, vì cây đào này đã héo, nó không có sức sống để đáp ứng những đòi hỏi của các luật lệ bên ngoài. Tuy nhiên, nếu chúng ta có thể truy cập đặt sự sống vào trong nó và làm cho nó sống lại, thì dù chúng ta không ra lệnh từ bên ngoài, sự sống này cũng có khả năng tự nhiên làm cho cây ra lá, hoa và kết quả đúng mùa, ngay cả nó còn có thể kết quả vượt mức yêu cầu của luật bên ngoài này. Đây là chức năng của luật sự sống.

Bây giờ giả sử chúng ta đòi hỏi một người chết mà bảo rằng: “Anh nên thức; anh nên ăn; anh nên ngủ; anh nên cử động”. Chúng ta biết những đòi hỏi của các luật lệ bên ngoài không có hiệu lực gì trên người chết này; người này sẽ chẳng thực hiện được một điều nào cả. Tuy nhiên nếu chúng ta đặt sự sống phục sinh vào trong anh ta và làm cho anh sống lại, tự nhiên anh sẽ muốn thức, ăn, ngủ và cử động. Điều này tùy

thuộc vào chức năng của luật sự sống.

Qua hai ví dụ này, chúng ta có thể thấy một cách rõ ràng, trước mặt Đức Chúa Trời, trọn cuộc sống thuộc linh của chúng ta không thể thực hiện được do nỗ lực riêng hay bởi sự tự cải thiện với tất cả sức cố gắng của chúng ta; trái lại đây là trách nhiệm của sự sống Đức Chúa Trời mà chúng ta đã tiếp nhận vào trong mình. Sự sống của Đức Chúa Trời cùng với luật của sự sống này cư ngụ trong linh chúng ta; nếu chúng ta sống và hành động theo luật sự sống này trong linh chúng ta, (một cách rất tự nhiên và từ bên trong), luật này sẽ đi vào khi nào từng đi vào một của toàn bộ nội dung của sự sống của Đức Chúa Trời từ bên trong chúng ta tuôn ra ngoài một cách rất tự nhiên. Luật này tương ứng một cách rất tốt đẹp với những đòi hỏi của luật bên ngoài của Đức Chúa Trời, và ngay cả vượt trội luật bên ngoài mà không có khuyết điểm nào cả. La Mã 8:4 nói về điều này: “Hầu cho sự công chính của luật pháp được thành tựu trong chúng ta, là không chống bước theo xác thịt, nhưng theo Linh” (bản Anh ngữ King James Version).

Luật sự sống viết trên bảng lòng chúng ta được gọi là “luật của Linh sự sống” trong La Mã 8:2. Có nghĩa là luật này không những đến từ sự sống Đức Chúa Trời và thuộc về sự sống Đức Chúa Trời mà còn tùy thuộc vào Linh Đức Chúa Trời và thuộc về Linh Đức Chúa Trời. Lý do là vì sự sống Đức Chúa Trời tùy thuộc vào Linh Đức Chúa Trời, và Linh của Đức Chúa Trời cũng còn được gọi là sự sống Đức Chúa Trời. Khi nói về sự sống của Đức Chúa Trời, chúng ta nhận mạnh đó chính là sự sống của Ngài; khi nói về Linh của Đức Chúa Trời, chúng ta nhận mạnh đến Đấng thi hành sự sống của Đức Chúa Trời. Nói cách khác, sự sống của Đức Chúa Trời không phải là một thân vị, nhưng Linh của Ngài là một thân vị. Sự sống này không phải là một thân vị nhưng thuộc về Linh, là một thân vị. Sự sống này cũng không thể tách rời khỏi Linh, là một thân vị. Linh này là một thân vị đem sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta mà sự sống này có một luật đi kèm, tức là luật sự sống hay luật của Linh sự sống. Luật này có nguồn là

sự sống vĩnh cửu của Đức Chúa Trời, và luật này có Linh của Đức Chúa Trời tức là một thân vị có quyền năng lớn lao, là Đấng thi hành luật. Vậy thì luật của Linh sự sống có quyền năng đời đời và vô hạn để đáp ứng những đòi hỏi vô hạn của Đức Chúa Trời.

Như vậy chúng ta thấy luật Cựu Ước là luật văn tự viết trên bảng đá. Mặc dầu luật này đòi hỏi loài người rất nhiều, nhưng chúng được kết quả gì. Luật của Tân Ước là luật sự sống viết trên bảng lòng. Mặc dầu luật này không đòi hỏi gì nơi chúng ta cả, nhưng cuối cùng luật này làm cho mọi sự phong phú của Đức Chúa Trời từ bên trong chúng ta tuôn ra bên ngoài một cách tự nhiên và như thế làm cho chúng ta dễ dàng đáp ứng những đòi hỏi của Đức Chúa Trời. Điều này thật kỳ diệu và đầy vinh quang! Đây là ân điển chính yếu mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta trong Giao Ước Mới! Chúng ta nên cảm tạ và ngợi khen Ngài biết dường nào!

IV. VỊ TRÍ CỦA LUẬT SỰ SỐNG

A. Nơi Luật Sự Sống Hành Động

Sự sống mà luật sự sống phát sinh từ đó là sự sống của Đức Chúa Trời. Khi chúng ta tiếp nhận sự sống này vào thời điểm tái sinh, sự sống này ở trong chúng ta, mặc dầu trọn vẹn và mặt hữu cơ, nhưng sự sống này vẫn chưa tăng trưởng và trưởng thành trong mỗi một phần của con người chúng ta. Sự sống này giống như trái kết trên cây. Khi trái vừa mới mọc ra trên cây, sự sống của trái dầu là trọn vẹn, cũng chỉ trọn vẹn và mặt hữu cơ. Để được trọn vẹn và mọi mặt, cần phải có thời gian để trái tăng trưởng và phát triển hoàn toàn. Cũng vậy, sự sống của Đức Chúa Trời mà chúng ta nhận được khi tái sinh chỉ trọn vẹn và mặt hữu cơ. Để đạt đến mức trưởng thành trọn vẹn, sự sống này phải lớn lên dần dần và trở nên hoàn toàn trong mỗi một phần của con người chúng ta. Sự phát triển và trưởng thành của sự sống này là do sự hành động của luật sự sống trong mỗi một phần của toàn con người chúng ta. Điều này bày tỏ mỗi một phần trong con người chúng ta đều là nơi

sự sống hành động. Đây là điạu Giê-rê-mi 31:33 muạn nói khi đạ cập đạn “các phạn bên trong”.

B. Các Phạn Bên Trong Và Các Loại Luật

Các phạn bên trong của chúng ta là gì? Đây là các phạn của linh, hạn và tạm lòng. Tạm lòng này không phạ là trái tim theo sinh vật học, mà là tạm lòng theo tâm lý học. Bên trong con người chúng ta, linh và hạn là những phạn độc lập, nhưng tạm lòng có một bạn chạt kạt hợp. Theo những gì đạ được ghi lại trong Kinh Thánh, ít nhất tạm lòng gạm có:

1. Tâm trí. Ví dụ: “Sao các người suy nghĩ điạu ác trong lòng vậy?” (Mat. 9:4), và “các tư tưạng của lòng” (Hê. 4:12).

2. Ý chí. Ví dụ: “vững lòng” (Công. 11:23), và “ý định của lòng” (Hê. 4:12).

3. Tình cảm. Ví dụ: “Lòng các người chớ hạ bạ rạ” (Gi. 14:1), “lòng các người sẽ vui mừng” (Gi. 16:22).

4. Lương tâm. Ví dụ: “lòng đạ được rửa sạch khạ lương tâm xạu” (Hê. 10:22), và “vì nạu lòng chúng ta cáo trách mình” (1 Gi. 3:20).

Những câu Kinh Thánh tham khạo trên cho chúng ta thạy tạm lòng chứa đạng tâm trí, ý chí và tình cảm, là ba phạn của hạn và lương tâm, mà lương tâm là một phạn của linh. Đây là những thành phạn của tạo của tạm lòng. Như vậy tạm lòng không những gạm có một phạn của linh và tạt cả các phạn của hạn, mà còn thật sự liên kạt linh và hạn với nhau.

Trong những phạ khác nhau bên trong của chúng ta, trực giác và phạ tương giao là các phạ liên quan nhiều hơn đạ Đức Chúa Trời và dành cho Đức Chúa Trời; còn phạ lương tâm của linh, là phạ có năng lực phân biệt điạ đúng điạ sai, liên quan nhiều hơn đạ con người và dành cho con người. Tâm trí, ý chí, tình cảm ở trong hạn, tức là vị trí của nhân cách con

người, là phần dành cho con người nhiều hơn và cũng có liên hệ với phía con người hơn. Bởi vì tâm lòng bao hàm tâm trí, tình cảm, ý chí và lương tâm, nên đây là phần tổng hợp, là phần kết hợp các phần bên trong khác nhau của con người lại với nhau. Chúng ta có thể kể tâm lòng là đại diện chính yếu của con người.

Luật sự sống bên trong chúng ta liên tục hoạt động trong những phần bên trong khác nhau này. Hoạt động của luật sự sống tiến đến đâu thì luật sự sống trở nên luật đến đó. Khi hoạt động của luật này tiến đến tâm trí, luật này sẽ trở nên luật của tâm trí. Khi hoạt động của luật này tiến đến ý chí, luật này sẽ trở nên luật của ý chí. Khi hoạt động của luật này tiến đến tình cảm, luật này sẽ trở nên luật của tình cảm. Khi hoạt động của luật này tiến đến lương tâm, luật này sẽ trở nên luật của lương tâm. Bằng cách này luật sự sống trở nên luật của mọi một phần bên trong con người chúng ta. Như vậy, Hê-bơ-rơ 8:10 và 10:16 gọi luật này là “các luật”. “Các luật” này thật ra cũng chỉ là một luật bên trong, là luật sự sống hay là “luật” mà Đức Chúa Trời nói đến trong Giê-rê-mi 31:33; nhưng luật này được đặt trong những “phần” khác nhau bên trong chúng ta.

Trong Giê-rê-mi, luật sự sống được gọi là “luật”, trong khi trong Hê-bơ-rơ luật này được gọi là “các luật”. Nơi này dùng số ít, nơi kia dùng số nhiều. Bởi vì khi nói về chính luật ấy, thì chỉ có một luật vì thế mà luật này là số ít. Nhưng khi nói đến hiệu lực hoạt động của luật này, vì luật sự sống biểu lộ những khả năng và chức năng khác nhau ở các phần khác nhau trong con người chúng ta, nên luật này là số nhiều. Cho dù Giê-rê-mi gọi là “luật” [số ít] hay Hê-bơ-rơ gọi là “các luật” [số nhiều], cả hai đều chỉ về một luật mà thôi.

C. Mọi Quan Hệ Giữa Tâm Lòng Và Luật Sự Sống

Chúng ta đã thấy các phần khác nhau bên trong chúng ta là nơi luật sự sống hành động. Trong các phần khác biệt này tâm

lòng là chính yếu vì tâm lòng kết hợp các phần bên trong con người và là đại diện chính yếu của con người. Vậy nên tâm lòng có liên quan mật thiết với luật sự sống, là luật hành động của các phần khác nhau bên trong chúng ta và do đó trở nên các luật khác nhau. Vì lý do này, chúng ta nên bàn chi tiết về tình trạng của tâm lòng.

1. Tâm Lòng Là Lùi Ra Và Lùi Vào Của Sự Sống

Chúng ta đã đề cập tâm lòng nơi kết linh và hồn; như vậy tâm lòng nằm giữa linh và hồn. Nếu sự sống phôi vào trong linh, bắt buộc sự sống phôi đi qua tâm lòng; nếu sự sống phôi tuôn từ linh, sự sống cũng phôi tuôn chảy qua tâm lòng. Như vậy tâm lòng là đường mà sự sống phôi đi qua. Có thể nói đây là lùi vào và lùi ra của sự sống. Chẳng hạn như khi một người nghe phúc âm của Chúa và cảm thấy đau đớn, buồn rầu về tội lỗi hay cảm thấy sự ngọt ngào của tình yêu của Đức Chúa Trời, tình cảm của lòng người ấy được đụng chạm, lương tâm anh buồn rầu, tâm trí anh ăn năn, và ý chí anh quyết định tin. Sau đó lòng anh mở ra cho Chúa, anh tiếp nhận sự cứu rỗi, và sự sống của Đức Chúa Trời vào trong linh anh. Ngược lại, nếu lòng anh không đồng ý và không mở ra, dù anh em có giêng cho anh bao nhiêu đi nữa sự sống của Đức Chúa Trời vẫn không thể vào linh anh được. Vì lý do này mà ông Spurgeon, nhà truyền giáo vĩ đại người Anh từng nói, để có thể lay chuyển linh một người, chúng ta phải lay chuyển lòng người ấy trước. Câu nói này thật đúng; chỉ khi nào một tâm lòng bị lay chuyển, linh mới nhận được sự sống của Đức Chúa Trời.

Cũng vậy, sau khi một người được cứu, nếu sự sống của Đức Chúa Trời chỉ phôi tuôn ra từ bên trong anh, sự sống ấy phải chảy qua lòng anh và phải được lòng anh cộng tác. Khi tâm lòng đồng ý, sự sống có thể chảy qua được. Nếu tâm lòng không đồng ý, sự sống không thể chảy qua. Đôi khi tâm lòng chỉ đồng ý một phần nào. Có thể chỉ có lương tâm đồng ý, còn các phần khác thì không. Hoặc chỉ có tâm trí của tâm lòng đồng ý, trong khi tình cảm thì không. Trong trường hợp này, sự sống không thể chảy qua. Như vậy, tâm lòng thật là lùi

vào và lòi ra cõa sự sng. Sự sng được tiếp nhận bõt đõu từ tmm lòng như thõ nào thì sự sng cũng được tuõn ra bõt đõu từ tmm lòng thõ õy.

2. Tmm Lòng Là Nút Điõu Khiõn Cõa Sự Sng

Tmm lòng là lòi vào và lòi ra cõa sự sng; sự vào ra cõa sự sng đõu tùy thuộc vào tmm lòng. Hơn nữa tmm lòng là nút điõu khiõn sự sng. Nếu tmm lòng đõng lại, sự sng không thõ vào cũng không thõ ra. Tuy nhiên, nếu tmm lòng mõ ra, sự sng có thõ vào ra tự do. Bõt cứ phõn nào cõa tmm lòng đõng lại, sự sng cõa Đức Chúa Trời không thõ nào điõu chõnh phõn đó được. Bõt cứ phõn nào cõa lòng mõ ra, sự sng cõa Đức Chúa Trời có thõ điõu chõnh phõn đó. Như vậy tmm lòng thật là nút điõu khiõn sự sng. Mặc dù sự sng có quyõn năng lớn lao, sự sng õy võn bị kiõm chõ bõi tmm lòng nhõ bé cõa chúng ta. Sự sng có thõ hành động hay không hoàn toàn tùy thuộc vào sự mõ ra cõa tmm lòng. Cũng giõng như điõn năng tại một sõ điõn lực. Dù rõt mạnh mẽ nó võn bị kiõm chõ bõi một nút điõu khiõn nhõ bé nhờ đó cung cõp ánh sáng trong phòng chúng ta, nếu công tãc không mõ, điõn không thõ vào được.

Dĩ nhiên điõu này không có nghĩa là một tmm lòng đõng đõn là đã đõ. Tmm lòng chõ có thõ làm cho chúng ta yêu Đức Chúa Trời và hướng võ Đức Chúa Trời, chứ không thõ làm cho chúng ta tiếp xúc với Ngài và tương giao với Ngài được. Chõ có linh mới có thõ khiõn chúng ta tiếp xúc với Đức Chúa Trời và tương giao với Ngài mà thôi. Đây là lý do vì sao nhiều anh chị em dù rõt yêu Chúa, võn không thõ tiếp xúc với Ngài trong sự cõu nguyện. Họ có tmm lòng nhưng lại không sõ dụng linh. Nhiều nhà phục hưng đã thõ bại trong công tãc cũng vì lý do này. Họ chõ lay động tình cõm con người, khuõy động ý chí con người và làm cho người ta yêu Chúa, khao khát Chúa, nhưng không hướng dõn họ vận dụng linh đõ tương giao với Ngài.

Dĩ nhiên đõ có thõ hiõu được những điõu thuộc linh, chúng ta

còn sử dụng tâm trí của tâm lòng. Tuy nhiên, trước hết chúng ta phải sử dụng linh để tiếp xúc những điều này, vì linh là cơ quan tiếp xúc với thế giới thuộc linh. Trước hết chúng ta phải tiếp xúc mọi điều thuộc linh bằng linh của mình, rồi thông hiểu và am tường bằng tâm trí của tâm lòng. Cũng giống như nghe âm thanh: chúng ta tiếp xúc với âm thanh bằng tai và rồi hiểu âm thanh bằng tâm trí. Hoặc cũng như chúng ta nhìn một màu sắc nào đó: chúng ta tiếp xúc bằng mắt và rồi nhận biết bằng tâm trí. Vì vậy, khi rao giảng phúc âm, nếu linh chúng ta suy yếu, chúng ta chỉ có thể dùng lời nói để người ta thông hiểu và am hiểu bằng tâm trí; và sau chúng ta mới dần dần họ tiếp xúc Linh. Tuy nhiên, khi linh mình mạnh mẽ, chúng ta có thể dùng lời phúc âm để trực tiếp đưa sự cứu rỗi vào trong linh người ta. Ngay khi người ta nghe phúc âm, họ đụng chạm linh và được cứu. Sau đó chúng ta sẽ dần dần tâm trí họ dần chỉ am hiểu tường tận.

Mặc dù vận dụng linh là chức năng chính yếu trong sự tiếp xúc với Đức Chúa Trời và những điều thuộc linh, nhưng nếu lòng con người thờ ơ, linh sẽ bị giam cầm bên trong và không thể bày tỏ khả năng của mình. Mặc dù Đức Chúa Trời muốn, Ngài cũng không thể tương giao và tiếp xúc với con người được. Vì vậy, để có thể tiếp xúc Đức Chúa Trời và những điều thuộc linh chúng ta cần vận dụng linh, và chúng ta cũng cần một tâm lòng hướng về Chúa. Linh là cơ quan tiếp xúc sự sống của Đức Chúa Trời, và tâm lòng là bí quyết, là chìa khóa, là vị trí chiến lược cho phép sự sống của Đức Chúa Trời tuôn chảy qua.

3. Tâm Lòng Có Thể Ngăn Chặn Sự Hành Động Của Sự Sống

Bởi vì tâm lòng là lối vào và lối ra của sự sống và cũng là “công tắc” của sự sống, tâm lòng có ảnh hưởng lớn lao trên sự sống; một nan đề nhất của tâm lòng cũng có thể hoàn toàn ngăn cản sự hành động của sự sống. Khi bất cứ phần nào của tâm lòng có vấn đề, sự sống sẽ bị ngăn chặn và lâm vào tình trạng ứ đọng tại đó, và luật sự sống không thể thi hành chức năng điều chỉnh được nữa.

Sự sống của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta cần phải được tự do hoạt động và tăng trưởng, làm cho chúng ta hằng ngày nhận được sự khải thị và thường xuyên nhận được ánh sáng. Đây là tình trạng bình thường và đúng đắn. Nhưng thật ra, chúng ta thường không được như vậy. Nhiều anh chị em có sự sống thuộc linh không lớn lên và tình trạng thuộc linh không bình thường. Không phải vì sự sống của Đức Chúa Trời trong họ không thực, cũng không phải vì họ có nan đề gì với sự sống Đức Chúa Trời bên trong nhưng lý do là vì họ có điều rức rùi trong lòng. Tâm lòng họ không hướng về Chúa đúng mức, không yêu Chúa đủ, không tìm kiếm Chúa đủ, không tinh sạch đủ và không mở ra đủ. Điều này bày tỏ tâm lòng có trục trặc, có rức rùi, hoặc có nan đề trong lương tâm; lương tâm cảm bị có sự lên án mà không chịu điều chỉnh; hoặc có vẩn đục trong tâm trí, liên hệ đến vài mối lo lắng, quan tâm, tư tưởng gian ác, tranh cãi, nghi ngờ nào đó v.v... hoặc ý chí có vẩn đục vì ương ngạnh, cứng cỏi, hoặc tình cảm có vẩn đục với những ao ước thuộc xác thịt và xu hướng thiên nhiên. Tất cả những vẩn đục này trong tâm lòng trở thành một chướng ngại ngăn cản sự sống hành động trong chúng ta, làm cho luật sự sống không thể điều khiển được. Vì vậy, nếu mong muốn tăng trưởng trong sự sống, trước hết chúng ta cần điều chỉnh lòng mình, và sau đó vận dụng linh. Nếu không điều chỉnh tâm lòng, để cập đến linh chỉ là vô ích. Nan đề của nhiều anh chị em không phải là linh, mà là tâm lòng. Nếu tâm lòng không đúng đắn, sự sống trong linh bị ngăn trở, và luật sự sống không thể hành động tự do. Nếu chúng ta ao ước tìm kiếm sự sống và bước đi trên con đường sự sống, chúng ta cần có một tâm lòng không có vẩn đục; khi ấy, luật của sự sống mới có thể hành động tự do và chuyển động mà không bị ngăn trở, bởi đó có thể tiến vào mọi phần của các con người chúng ta.

4. Làm Thế Nào Để Điều Chỉnh Tâm Lòng

Bởi vì tâm lòng vô cùng quan trọng trong mối liên hệ với sự sống, Đức Chúa Trời không có cách nào khác hơn là phải xử lý tâm lòng chúng ta để sự sống của Ngài có thể từ chúng ta mà tuôn chảy ra ngoài. Đối với Đức Chúa Trời, lòng chúng ta có

bản nan đề lớn: cứng cổ, bất khiết, không yêu thương, không bình an. Cứng cổ là vấn đề của ý chí, bất khiết không những là vấn đề tâm trí mà còn là vấn đề tình cảm, không yêu thương là vấn đề tình cảm, và bất an là vấn đề lương tâm. Khi Đức Chúa Trời xử lý tâm lòng của chúng ta, Ngài xử lý bản phương diện này để lòng chúng ta mềm mại, thuận khiết, yêu thương và bình an.

Trước hết, Đức Chúa Trời muốn lòng chúng ta mềm mại. Mềm mại nghĩa là ý chí của tâm lòng đối với Chúa phải đầu phục và nhượng bộ, không cứng cổ và phản loạn. Khi xử lý lòng chúng ta để nó trở nên mềm mại, Ngài lấy lòng bằng đá khi xác thịt chúng ta và ban cho chúng ta lòng bằng thịt (Êxc. 36:26). Nghĩa là Ngài làm mềm mại tâm lòng cứng cổ bằng đá của chúng ta, để nó trở nên tâm lòng mềm mại bằng thịt.

Khi mới được cứu, lòng chúng ta luôn luôn mềm mại. Nhưng sau một thời gian, lòng chúng ta hơi thối lui và lại cứng cổ trở lại. Không còn đầu phục Chúa, ngay cả không còn kính sợ Ngài, dần dần lòng chúng ta xa khi sự hiện diện của Ngài. Bất cứ khi nào lòng mình cứng cổ, chúng ta đang có nan đề trước mặt Chúa. Nếu chúng ta ao ước một tình trạng thuộc linh đúng đắn trước mặt Chúa, lòng chúng ta không được cứng cổ; trái lại nó phải luôn mềm mại. Thật vậy chúng ta không nên sợ đi đâu này đi đâu kia mà chỉ nên sợ mình xúc phạm đến Đức Chúa Trời. Đừng sợ trời, cũng đừng sợ đất; chỉ sợ xúc phạm đến Đức Chúa Trời. Lòng chúng ta cần được đi đâu chớ cho đến khi nó mềm mại đến mức như vậy mới là tốt. Thật đáng buồn khi nhiều anh chị em mềm mại trong nhiều đi đâu, nhưng khi đến gặp đến Đức Chúa Trời và ý muốn của Đức Chúa Trời thì lòng họ cứng lại. Thậm chí họ còn nói: "Tôi là vậy đó; để xem Đức Chúa Trời phản ứng ra sao". Thật là kinh khủng! Cũng có những anh chị em cứng cổ đối với mọi sự nhưng khi đến gặp đến Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài, thì lòng họ mềm mại. Đó là những người có lòng mềm mại. Chúng ta nên xin Đức Chúa Trời làm cho lòng chúng ta mềm mại như vậy.

Đức Chúa Trời làm cho lòng chúng ta mềm mại bằng cách nào?

Ngài làm sao cho lòng chúng ta mềm mại? Đôi khi Ngài dùng tình yêu để cảm động chúng ta, đôi khi Ngài dùng sự sủa phạt để đánh chúng ta. Đức Chúa Trời thường dùng tình yêu để cảm động chúng ta trước; nếu tình yêu không thể cảm động chúng ta, Ngài sẽ đưa tay ra, dùng hoàn cảnh để đánh đòn chúng ta cho đến khi lòng chúng ta mềm mại. Một khi lòng chúng ta đã mềm mại, sự sống Ngài có thể hành động hay ban phát vào trong chúng ta.

Thứ hai, Ngài muốn lòng chúng ta thuần khiết. Một tấm lòng thuần khiết là một tấm lòng đặt tâm trí của mình đặc biệt trên Đức Chúa Trời. Đây cũng là tấm lòng có tình cảm cực kỳ tinh khiết và đơn thuần hướng về Đức Chúa Trời (Xin xem 2 Cô. 11:3). Tấm lòng này chỉ yêu Chúa và ước muốn Ngài; ngoài Chúa, lòng này chẳng có tình yêu nào, xu hướng nào hay ao ước một điều gì khác. Ma-thi-ơ 5:8 nói: “lòng thuần khiết... sẽ thấy Chúa”. Như vậy, nếu lòng không thuần khiết, chúng ta sẽ không thấy Chúa được. Nếu tư tưởng chúng ta chỉ hướng về những điều ngoài Đức Chúa Trời một chút, hoặc nếu tình cảm của lòng chúng ta chỉ yêu những điều ngoài Đức Chúa Trời một chút, thì lòng chúng ta không còn thuần khiết nữa; sự sống trong linh chúng ta cũng bị cản trở vì những điều này. Vì vậy chúng ta phải tìm kiếm sự “hiệp với kẻ lạy lòng thuần khiết kêu gọi Chúa” (2 Ti. 2:22), và hãy là những người yêu Chúa, muốn Đức Chúa Trời với một tấm lòng thuần khiết; khi ấy chúng ta có thể để sự sống của Đức Chúa Trời hành động tự do trong chúng ta.

Thứ ba, Đức Chúa Trời muốn chúng ta có tấm lòng yêu thương. Một tấm lòng yêu thương là một tấm lòng mà tình cảm của tấm lòng ấy yêu Chúa, muốn Chúa, khao khát Chúa, mong mỏi Ngài, triu mến Ngài. Trong Kinh Thánh, có một sách đặc biệt nói về tình yêu của các thánh đối với Chúa, đó là sách Nhã Ca trong Cựu Ước. Sách này nói: là con dân của Chúa, chúng ta nên yêu Ngài như một người nữ yêu quý người yêu của mình. Tình yêu này sâu xa, không đổi thay và mạnh hơn sự chết (8:6-7). Bởi vì tác phẩm này đặc biệt nói về tình yêu của

chúng ta đi với Chúa, nên cũng đặc biệt bày tỏ sự tăng trưởng của chúng ta trong sự sống của Chúa. Trong Tân Ước, Giăng chương 21, Chúa hỏi Phi-e-rơ ba lần: “Người yêu ta chăng?” nghĩa là Chúa mong muốn hướng dẫn tình cảm của Phi-e-rơ để ông trở nên một người có tấm lòng yêu Chúa. Chúa làm điều này vì Ngài muốn Phi-e-rơ để cho sự sống của Ngài có cơ hội hành động và lớn lên trong ông. Sự kiện này được ghi lại trong sách Phúc âm Giăng, là sách nói về cách chúng ta có thể tiếp nhận Chúa là sự sống và làm thế nào để sống trong sự sống này. Nếu lòng chúng ta có một tình yêu như vậy đi với Chúa, sự sống của Ngài trong chúng ta có thể chuyển động một cách thông suốt và hành động như ý muốn.

Thứ tư, Đức Chúa Trời muốn lòng chúng ta bình an. Tấm lòng bình an là tấm lòng có một lương tâm không kiện cáo (Công. 24:16), không bị định tội hoặc bị quở trách; lương tâm này yên ổn và an toàn. Lương tâm ở trong chúng ta đại diện cho Đức Chúa Trời cai trị chúng ta. Nếu lương tâm định tội chúng ta, Đức Chúa Trời còn lớn hơn lương tâm và Ngài biết tất cả mọi điều (1 Gi. 3:20). Vì thế chúng ta phải giải quyết mọi lầm lỗi, mọi sự định tội hay sự quở trách để “lòng chúng ta sẽ được yên ổn ở trước mặt Ngài” (1 Gi. 3:19). Như vậy khi lòng chúng ta bình an, Đức Chúa Trời có thể xuyên suốt, và luật sự sống của Ngài có thể hành động trong chúng ta.

Nếu lòng chúng ta mòm mại, thuôn khiết, yêu thương và bình an, thì đây là một tấm lòng đúng đắn. Chỉ có một tấm lòng đúng đắn như vậy mới là một đối tượng xứng hợp với luật sự sống. Tấm lòng này có thể để cho sự sống của Đức Chúa Trời tuân chấy tự do từ bên trong chúng ta ra ngoài. Đi với Chúa, lòng chúng ta dường như thường mang bóng hiệu: “Đường không thông”. Vì vậy, chúng ta làm cho Đức Chúa Trời không thể xuyên suốt qua mình được; chúng ta làm cho sự sống của Ngài bị ngăn trở, dừng lại, và rời sự sống của Ngài không thể hành động và lan tràn từ bên trong ra bên ngoài chúng ta được.

Mặc dù đây không phải là những lời hùng biện và khôn ngoan,

nhưng chúng giúp chúng ta xem xét cẩn thận, mọi tình trạng của tâm lòng mình, giống như đi khám sức khỏe. Chúng ta phải tự hỏi: Ý chí của lòng tôi có thật sự lựa chọn Đức Chúa Trời không? Ý chí của tôi có thuận phục và đầu phục trước mặt Ngài không? Hay nó rất cứng cỏi và phản loạn? Chúng ta cũng nên hỏi: “Tâm trí của lòng tôi có thuận khiết trước mặt Ngài không? Hay nó cong queo? Tư tưởng của chúng ta, những mối quan tâm của mình có thuận khiết dành cho chính Ngài không? Ngoài Đức Chúa Trời ra, có một người nào, một vấn đề nào, hay một vật nào mà chúng ta quan tâm đến cách sâu xa và đã chiếm hết tâm lòng của mình không? Khi đến chúng ta cần hỏi: Tình cảm của lòng chúng ta có dành riêng cho Chúa không? Lòng chúng ta có hoàn toàn yêu Chúa và muốn Ngài không? Hay chúng ta có một tình yêu nào khác, một khuynh hướng nào khác, và lòng chúng ta gắn bó với một điều nào ngoài Chúa? Chúng ta cũng nên hỏi: Lương tâm chúng ta trước mặt Chúa ra sao? Có không bị cáo trách chẳng? Có yên ổn chẳng? Hay đang bị lên án và cáo trách? Chúng ta nên xem xét mọi chi tiết này và giải quyết một cách cẩn thận, để lòng mình trở nên mêm mại, thuận khiết, yêu thương và bình an, nói cách khác ấy là một tâm lòng ngay thẳng. Nếu như vậy, sự sống trong chúng ta chắc chắn sẽ có một lối đi tuôn tràn ra và luật sự sống chắc chắn sẽ từ bên trong chúng ta mà phát ra ngoài.

Như vậy, bất cứ phần nào của lòng chúng ta một khi đã được điều chỉnh, tại đó sự sống của Đức Chúa Trời có thể hành động, và luật của linh có thể hoạt động. Khi mọi phần của chúng ta đã được xem xét và xử lý, luật sự sống của Đức Chúa Trời khi ấy sẽ điều chỉnh từ linh chúng ta mà tuôn chảy ra ngoài, qua lòng chúng ta, đến mọi phần của con người mình. Vì lý do này mỗi phần của con người chúng ta có thể bày tỏ khả năng của luật sự sống và được đầy dẫy mọi yêu tố của sự sống Đức Chúa Trời, bởi đó đạt đến sự kết thúc vinh hiển của sự hiệp nhất giữa Đức Chúa Trời và loài người.

V. NHỮNG ĐÒI HỎI CỦA LUẬT SỰ SỐNG

Vì đã thấy vị trí của luật sự sống, chúng ta biết luật này hành động trong những phần khác nhau của con người bên trong của chúng ta. Tuy nhiên, trong sự thực hành nếu muốn luật sự sống hành động một cách tự do ở những phần khác nhau bên trong, chúng ta phải thỏa đáp hai điều kiện:

A. Yêu Đức Chúa Trời

Điều kiện thứ nhất là phải yêu Đức Chúa Trời. Phúc âm Giăng đặc biệt nói về sự sống và cũng nhấn mạnh về niềm tin và tình yêu. Tin là nhận sự sống vào, trong khi yêu thương là tuôn sự sống ra. Nếu muốn nhận sự sống, chúng ta phải tin. Nếu muốn sống tuôn tràn sự sống, chúng ta phải yêu thương. Chỉ có niềm tin mới có thể đưa cho sự sống chảy vào, và chỉ có tình yêu mới cho phép sự sống tuôn ra. Vì vậy tình yêu là điều kiện cần thiết để luật sự sống có khả năng hành động.

Ở một nơi khác, chúng ta thấy Kinh Thánh muốn chúng ta yêu thương Đức Chúa Trời hết lòng, hết sức, hết tâm trí và với trọn cả sức lực của chúng ta (Mác 12:30). Khi chúng ta yêu Đức Chúa Trời đến mức độ để tình yêu của chúng ta đối với Ngài đụng đến mọi phần bên trong mình thì lúc ấy sự sống của Ngài mới có thể bắt đầu hoạt động, qui định và điều chỉnh đúng mức trong những phần này bên trong chúng ta. Như vậy những phần này sẽ dần dần trở nên giống Đức Chúa Trời.

Vì vậy, trước hết Đức Chúa Trời gieo sự sống của Ngài vào trong chúng ta; khi đến Ngài dùng tình yêu của Ngài lay động tình cảm của lòng chúng ta, làm cho lòng chúng ta yêu Ngài, quay về Ngài, trở nên gắn bó với Ngài. Bằng cách này cái màn bên trong chúng ta bị cắt khỏi (xin xem 2 Cô. 3:16), và chúng ta có thể thấy ánh sáng, nhận được sự khỏi tội, nhận biết Đức Chúa Trời và sự sống của Ngài. Hơn nữa, khi chúng ta yêu Đức Chúa Trời với cả tâm lòng, tự nhiên chúng ta muốn phục Ngài và hợp tác với Ngài. Bằng cách này chúng ta để cho luật sự sống của Đức Chúa Trời tự do hành động bên trong chúng ta và cung ứng tất cả sự phong phú của sự sống Đức Chúa Trời cho mỗi một phần của con người chúng ta. Phần

nào đ̣y đ̣y tình yêu c̣a Đức Chúa Trời, pḥn ̣y có luật c̣a linh sự ṣng địu cḥnh. Nếu toàn ḅn tḥ chúng ta yêu Chúa, luật sự ṣng c̣a Đức Chúa Trời khi ̣y sẽ hành động xuyên sụt c̣ con người chúng ta. Khi ̣y, toàn ḅn tḥ chúng ta từ trong ra ngoài sẽ tṛ nên gịng Đức Chúa Trời và được đ̣y đ̣y sự phong phú c̣a sự ṣng Ngài.

B. Vâng Phục C̣m Nhận Đ̣u Tiên C̣a Sự Ṣng

Đòi ḥi thứ hai là vâng phục c̣m nhận đ̣u tiên c̣a sự ṣng. Trong chương ḅy, C̣m Nhận C̣a Linh Và Việc Hịu Bịt Linh, chúng ta đã đ̣ cập luật sự ṣng thuộc ṿ c̣m thức, làm cho chúng ta có được c̣m nhận. Ngay khi chúng ta được sinh lại và có sự ṣng c̣a Đức Chúa Trời, luật sự ṣng bên trong chúng ta cḥc cḥn làm cho chúng ta có một c̣m thức nào đó. Trách nhiệm c̣a chúng ta là vâng phục c̣m nhận c̣a luật sự ṣng, và như vậy đ̣ cho luật này tự do hành động trong chúng ta.

Tuy nhiên, lúc đ̣u c̣m thức c̣a chúng ta ṿ luật sự ṣng có tḥ tương đ̣i ỵu ớt và không thường xuyên. Tuy nhiên nếu chúng ta ṣn lòng vâng phục c̣m nhận đ̣u tiên, mặc đ̣u c̣m nhận này tương đ̣i còn ỵu ớt, những c̣m thức sau đó sẽ càng ngày càng mạnh mẽ hơn. Chúng ta cḥ pḥi ḅt đ̣u vâng phục c̣m thức ỵu ớt đ̣u tiên này và tịp tục vâng phục. Bằng cách này luật sự ṣng sẽ liên tục hành động trong chúng ta cho đ̣n khi đ̣ng đ̣n mọi pḥn khác nhau c̣a c̣ con người chúng ta. Như vậy sự ṣng bên trong chúng ta sẽ có kḥ năng lan ṭa ra bên ngoài một cách tự nhiên và gia tăng ṿ ḅ sâu ḷn ḅ cao.

Có lẽ có anh em sẽ ḥi: Sau khi vâng phục c̣m thức đ̣u tiên, chúng ta pḥi làm gì tịp theo? Câu tṛ lời c̣a chúng tôi là: Trước khi vâng phục c̣m nhận đ̣u tiên, chúng ta đừng bận tâm ṿ những gì mình sẽ làm sau đó. Đức Chúa Trời cḥ ban cho chúng ta từng c̣m thức một mà thôi, cũng như Ngài cḥ ban cho chúng ta từng ngày một. Chúng ta ṣng từng ngày tḥ nào thì cũng hãy vâng phục từng c̣m nhận một y như vậy. Khi

Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một cạm thức, hãy đơn sơ vâng theo cạm thức ấy. Khi chúng ta đã vâng phục cạm thức đầu tiên, Đức Chúa Trời tự nhiên sẽ ban cho chúng ta cạm thức thứ hai. Khi Đức Chúa Trời gọi Áp-ra-ham, Ngài chấp thuận với ông và bước đầu tiên: “Người hãy ra khỏi quê hương, vòng bà con và nhà cha người”. Sau khi ông ra đi, những gì ông phải làm và nơi nào ông phải đến mới được bày tỏ cho ông. Ngài phán: “Ta sẽ chấp cho” (Sáng. 12:1). Khi Chúa Jesus ra đời và vua Hê-rốt tìm cách giết Ngài, Đức Chúa Trời chấp dặn bô Giô-sép bước đầu tiên, là chạy trốn qua Ai Cập; ông phải chờ đợi cho đến khi Ngài ban lời cho ông và bước kế tiếp (Mat. 2:13).

Điều này cho chúng ta thấy lý do Đức Chúa Trời chấp ban cho chúng ta từng cạm thức một là vì Ngài muốn chúng ta ngưỡng trông Ngài từng bước và lệ thuộc Ngài từng giây phút, do đó phải thuận phục Ngài. Như vậy cạm nhận và luật sự sống có cùng nguyên tắc như cây sự sống: nguyên tắc lệ thuộc. Nguyên tắc này làm cho chúng ta lệ thuộc Ngài, nương cậy Ngài là Đấng ban cho chúng ta từng cạm nhận một. Chúng ta không những lệ thuộc Ngài một lần là đủ, mà phải lệ thuộc Ngài liên tục. Trái lại nguyên tắc và cây kiến thức và thiện và ác là độc lập với Đức Chúa Trời. Như vậy những ai muốn sống theo luật sự sống phải xem trọng và vâng phục cạm nhận đầu tiên rồi sau đó cứ tiếp tục vâng phục.

Luật sự sống đôi khi cũng cho chúng ta những cạm giác tiêu cực. Tức là khi chúng ta làm một điều gì nghịch lại Chúa, không phù hợp với sự sống của Ngài, luật sự sống sẽ làm cho chúng ta cạm thấy bất an và không an ninh, và cạm nhận sự chết. Đây là cạm biết Đức Chúa Trời “cạm” và “không cho” bên trong chúng ta (Công. 16:6, 7). Bất kể chúng ta muốn làm gì hoặc đang làm gì, ngay khi cạm thấy bị ngăn trở từ bên trong, chúng ta nên dừng lại. Nếu chúng ta biết chuyển động hay dừng lại theo cạm thức và luật sự sống bên trong, khi ấy, luật sự sống có thể hành động trong chúng ta mà không bị ngăn trở; sự sống trong chúng ta có thể tăng trưởng và phát

triển không ngừng. Vì vậy, vâng phục cảm thức về luật sự sống, đặc biệt là cảm thức đầu tiên cũng là một điều kiện rất quan trọng để luật sự sống hành động trong chúng ta. Trong Phi-líp chương hai, lý do vì sứ để muốn chúng ta vâng phục với lòng run rẩy sợ sệt là để Đức Chúa Trời có thể hành động trong chúng ta (cc. 12-13). Sự hành động của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta đòi hỏi chúng ta cộng tác bằng cách vâng phục; vì vậy sự vâng phục của chúng ta là một đòi hỏi bắt buộc để Đức Chúa Trời có thể hành động.

VI. CHỨC NĂNG CỦA LUẬT SỰ SỐNG

Chúng ta đã thấy yêu thương và vâng phục là hai đòi hỏi để luật sự sống có thể hành động. Đây cũng là hai trách nhiệm của chúng ta đối với luật sự sống. Nếu chúng ta có khả năng yêu thương và sẵn lòng vâng lời, luật sự sống có thể tự phát mà hành động trong những phần khác nhau bên trong chúng ta và bày tỏ ra chức năng tự nhiên của luật này.

Luật sự sống có hai loại chức năng. Một là cắt bỏ hoặc giết chết, hai là thêm vào hoặc cung ứng. Một mặt, luật sự sống cắt bỏ những gì chúng ta không nên có; mặt khác, luật bổ sung thêm vào những gì chúng ta nên có. Những gì phải cắt bỏ là yếu tố của A-đam trong chúng ta, và những gì phải thêm vào là yếu tố của Đấng Christ như là Linh ban-sự-sống. Những gì cũ kỹ phải cắt bỏ và những gì tươi mới phải thêm vào. Những gì phải cắt bỏ là chết chóc và những gì phải thêm vào là sống động. Khi hành động trong chúng ta, luật sự sống bày tỏ hai loại chức năng: một là loại bỏ dần dần tất cả những gì thuộc cõi sáng tạo cũ của chúng ta, và hai là dần dần cung ứng những gì thuộc cõi sáng tạo mới của Đức Chúa Trời. Bằng cách bổ sung sự sống trong chúng ta dần dần lớn lên.

Lý do luật sự sống trong chúng ta có thể có hai loại chức năng là vì sự sống mà từ đó luật này phát sinh có hai yếu tố đặc biệt: một là yếu tố của sự chết, hai là yếu tố của sự sống. Yếu tố sự chết là sự chết kỳ diệu của Chúa Jesus trên thập tự giá, sự chết bổ sung bao hàm tất cả và kết liễu tất cả.

Yêu tố sự sống là sự phục sinh của Chúa Jesus hay sự sống của năng quyền phục sinh của Chúa; vì vậy cũng được gọi là yêu tố phục sinh.

Chức năng có khả năng tiêu trừ trong luật sự sống thì đến từ yêu tố của sự chết bao-hàm-tốt-cố của Chúa, mà yêu tố này được chứa đựng trong sự sống. Vì vậy, như sự chết của Chúa trên thập tự giá tiêu trừ mọi trệ ngại mà Đức Chúa Trời tìm thấy trong con người thì tương tự như vậy, ngày nay, qua sự hành động của luật sự sống, sự chết của Ngài cũng đang được thực hiện trong chúng ta. Sự chết này tiêu trừ và lộn lượ loại bỏ từng điếu một tốt cố những gì không phù hợp với Đức Chúa Trời và ngoài Ngài, chẳng hạn như những yêu tố của tội lỗi, thối gian, xác thịt, tham dục, yêu tố của cõi sáng tạo cũ và yêu tố ra từ câu tạo thiên nhiên của con người. Chức năng "có khả năng cộng thêm vào" trong luật sự sống thì ra từ yêu tố của sự phục sinh của Chúa được bao hàm trong sự sống. Vì vậy, như sự phục sinh của Chúa đã đem loài người vào trong Đức Chúa Trời khiến họ có khả năng tham dự vào tốt cố những gì của chính Ngài, thì cũng như vậy, ngày nay, qua sự hành động của luật sự sống, sự phục sinh của Ngài cũng đang được áp dụng trong chúng ta. Điếu này có nghĩa là sự phục sinh của Ngài ban phát và cung ứng cho chúng ta quyền năng của Đức Chúa Trời, sự thánh khiết, tình yêu, sự kiên nhẫn và mọi yêu tố của Đức Chúa Trời hay những yêu tố của cõi sáng tạo mới để chúng ta được đầy đủ mọi sự đầy đủ của Đức Chúa Trời Tam Nhất.

Điếu này tương tự như thuốc men mà chúng ta uống, một vài loại thuốc chứa đựng hai yếu tố: yếu tố hủy diệt vi trùng và yếu tố nuôi dưỡng. Chức năng của yếu tố hủy diệt loại trừ bệnh tật mà chúng ta không nên có còn chức năng của yếu tố nuôi dưỡng cung ứng những yếu tố sự sống mà chúng ta cần.

Cũng giống như máu trong cơ thể chúng ta chứa đựng hai loại yếu tố: hồng huyết cầu và bạch huyết cầu. Bạch huyết cầu có chức năng diệt trùng và hồng huyết cầu có chức năng nuôi dưỡng. Khi máu tuần hoàn và tuần chảy trong chúng ta, bạch

huyết cứu diệt sạch những loại vi trùng xâm nhiễm cơ thể chúng ta, trong khi hàng huyết cứu cung ứng chất bổ cần thiết cho từng bộ phận của toàn cơ thể chúng ta. Cũng vậy, khi luật sự sống của Đức Chúa Trời hành động trong chúng ta, hoặc khi sự sống của Đức Chúa Trời hành động bên trong chúng ta, hai yếu tố sự sống và sự chết hàm chứa trong sự sống của Đức Chúa Trời có các chức năng giết chết và cung ứng trong chúng ta: giết chết vi trùng thuộc linh, chẳng hạn như thối gian và xác thịt, và cung ứng chất bổ thuộc linh, gồm mọi sự phong phú của chính Đức Chúa Trời.

Như vậy chúng ta cần nhận biết đây là phương cách đúng đắn để theo đuổi sự tăng trưởng trong sự sống. Ngay khi chúng ta được cứu và có sự sống của Đức Chúa Trời, luật sự sống của Đức Chúa Trời trong chúng ta làm cho mình có một cảm thức nào đó. Nếu muốn được lớn lên trong sự sống, chúng ta phải yêu Đức Chúa Trời và vâng phục cảm thức này để xử lý lương tâm, tình cảm, tư tưởng và ý chí. Qua những sự xử lý như vậy, sự sống của Đức Chúa Trời trong linh chúng ta tiếp tục ban cho chúng ta cảm thức sự sống. Khi chúng ta vâng phục những cảm nhận này, luật sự sống sẽ đi vào hành trong chúng ta và bày tỏ hai chức năng: loại bỏ những gì bên ngoài Đức Chúa Trời và ban cho tất cả những gì của chính Ngài. Bằng cách này chúng ta có thể dần dần lớn lên và trưởng thành trong sự sống của Đức Chúa Trời. Đây là những kinh nghiệm thật và thực tiễn. Con đường sự sống mà chúng ta đang nói đến nằm ở đây!

VII. QUYỀN NĂNG CỦA LUẬT SỰ SỐNG

Ngoài hai chức năng đã cập ở trên, luật sự sống còn có quyền năng. Chúng ta đã nói luật Cựu Ước là luật thành văn ở bên ngoài con người, là luật chết, luật văn tự. Luật này chỉ đòi hỏi con người; không cung ứng quyền năng cho họ để họ có thể đáp ứng những đòi hỏi của luật này. Vì vậy luật này “không làm nên” (La. 8:3), và cũng “không làm gì trọn vẹn được” (Ês. 7:19). Nhưng luật Tân Ước được viết lên các phần bên

trong c^oa chúng ta, là luật s^ong, luật sự s^ong. Sự s^ong này là “sự s^ong không th^o h^oy diệt đ^ong” c^oa Đức Chúa Trời, sự s^ong có “quy^on năng” (Hê. 7:16). Như vậy luật đ^on từ sự s^ong này cũng có quy^on năng và ban kh^o năng cho chúng ta trong mọi sự.

Đ^on đây chúng ta nên nhận bi^ot quy^on năng c^oa luật sự s^ong là quy^on năng c^oa sự s^ong Đức Chúa Trời mà từ đó luật này đã phát sinh. Chính quy^on năng này đã làm cho Chúa Jesus s^ong lại từ sự ch^ot và th^ong thiên, vượt lên trên t^ot c^o. Cũng chính quy^on năng này đang tìm cách đi^ou ch^onh trong chúng ta m^oi ngày và có kh^o năng làm vượt tr^oi vô cùng mọi đi^ou chúng ta c^ou xin hoặc suy tư^ong (Êph. 1:20; 3:20). Quy^on năng này có th^o hoàn thành những đi^ou sau đây trong chúng ta:

A. Làm Lòng Chúng Ta Hướng Về Đức Chúa Trời

Trước h^ot, quy^on năng này có th^o làm cho lòng chúng ta hướng về Đức Chúa Trời. Khi nói đ^on m^oi quan hệ giữa luật sự s^ong và t^om lòng, chúng ta nói luật sự s^ong có th^o bị t^om lòng c^on tr^o. Nếu lòng chúng ta không hướng về Đức Chúa Trời, sự s^ong c^oa Đức Chúa Trời không th^o ch^oy qua đ^ong. Nhưng tạ ơn Đức Chúa Trời, sự s^ong bên trong chúng ta không dừng lại ở đó mà, trái lại, v^on ti^op tục hành đ^ong trong chúng ta đ^on một mức độ khi^on cho t^om lòng không hướng về Ngài có th^o hướng về Ngài đ^ong. Châm Ngôn 21:1 nói: “Lòng c^oa vua ở trong tay Đức Giê-hô-va khác nào giòng nước ch^oy, Ngài mu^on làm nghiêng lệch nó b^o nào tùy ý Ngài mu^on.” Như vậy chúng ta có th^o xin Chúa: “Xin khi^on lòng con hướng về chúng có Chúa ch^o đ^ong hướng về sự tham lam” (Thi. 119:36). Khi bằng lòng xin như vậy, quy^on năng c^oa luật sự s^ong c^oa Đức Chúa Trời có th^o xoay lòng chúng ta lại một cách r^ot tự nhiên và làm cho lòng chúng ta hoàn toàn hướng về Đức Chúa Trời.

B. Làm Chúng Ta Đ^ou Phục Đức Chúa Trời

Thứ hai, quy^on năng này có th^o làm cho chúng ta đ^ou phục Đức Chúa Trời. Khi bàn đ^on những đòi h^oi c^oa luật sự s^ong, chúng

ta cũng đã nói rằng sự hành động của luật sự sống trong chúng ta đòi hỏi mình phải đứng phục cho phù hợp với luật này. Tuy nhiên biết bao nhiêu lần chúng ta không những không đứng phục mà còn không muốn đứng phục. Vào những lúc như vậy, quyền năng của luật sự sống hoàn toàn có thể xử lý tình trạng của chúng ta để làm cho chúng ta đứng phục.

Mặc dù đã được cứu và có sự sống của Đức Chúa Trời, đôi khi chúng ta ngã lòng và tâm lòng trở nên cứng cỏi, không thể vâng lời Ngài. Đức Chúa Trời thương xót chúng ta đến nỗi sự sống của Ngài trong chúng ta vẫn không ngưng đi xuống. Bởi quyền năng của Ngài, Ngài đi xuống chính tâm và đi xuống chính ý chí của chúng ta. Như vậy chúng ta được đi xuống chính đi đi xuống chính lại để Ngài có thể làm cho chúng ta lại vâng phục Ngài nữa.

Phi-líp 2:13 nói rằng ý chí của chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời cũng do sự hành động của Ngài trong chúng ta. Như vậy sự đứng phục của ý chí chúng ta cũng là kết quả do sự hành động đến từ năng quyền của luật của sự sống Đức Chúa Trời trong chúng ta. Quyền năng này có thể thay đổi ý chí bất phục của chúng ta thành ra vâng phục Ngài.

Một ngày kia có một chị em cảm thấy không muốn vâng phục Chúa. Không những tâm trí chị bị rối, mà lương tâm chị cũng bị định tội nữa. Chị cầu xin Chúa giúp cứu chị. Khi chị kêu khóc với Chúa, Ngài bày tỏ cho chị ánh sáng trong Phi-líp 2:13. Lúc ấy chị biết Đức Chúa Trời có thể làm cho chị vâng phục Ngài. Do đó chị vui mừng và an nghỉ.

C. Khiến Chúng Ta Làm Những Việc Lành Đức Chúa Trời Định Cho Chúng Ta

Thứ ba, quyền năng này có thể khiến chúng ta làm những việc lành mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho chúng ta noi theo (Êph. 2:10). Những việc lành ấy đến từ Đức Chúa Trời, và phát sinh từ sự sống của Ngài; vì vậy làm những việc lành ấy là sống-bày-tỏ chính Đức Chúa Trời ra. Những việc lành ấy

vượt trội hơn việc lành của con người mà sự sống con người không bao giờ có thể sống-bày-tỏ ra được. Nhưng sự sống của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta điểu chỉnh chúng ta bởi quyền năng Ngài, có thể làm cho chúng ta sống-bày-tỏ ra những việc lành phi thường như vậy.

D. Làm Chúng Ta Hết Lòng Hết Sức Làm Việc

Thứ tư, quyền năng này có thể khiến chúng ta làm việc cho Chúa hết lòng, hết sức. Sứ đồ Phao-lô nói rằng lý do ông có thể lao nhọc nhiều hơn những sứ đồ khác không phải do chính ông, mà là do ân điển Đức Chúa Trời ban cho ông, hay ân điển của sự sống Đức Chúa Trời cùng ông (1 Cô. 15:10). Ông cũng nói ông lao nhọc, gắng sức theo sự hành động của Đấng hành động trong ông một cách “có quyền năng” (Côl. 1:29, Hi vắn). Chữ “quyền năng” còn có thể dịch là “năng lực mạnh mẽ”. Nghĩa là công tác của ông không dựa vào năng lực của chính hân ông, mà dựa trên quyền năng rất mạnh mẽ của sự sống Đức Chúa Trời đã ngự trong ông. Trong mọi thế hệ trước, những ai được Đức Chúa Trời dùng để liên tục lao nhọc và không ngừng chịu khổ trong công việc Chúa. Họ không lao khổ bằng năng lực riêng, nhưng vì yêu Đức Chúa Trời và hướng về Ngài nên họ đã để cho sự sống của Ngài hành động trong họ, điểu chỉnh trong họ, thể hiện ra họ như một hoạt động, bùng nổ ra thành một công tác. Hoạt động thể hiện ra bên ngoài hay công tác bùng nổ ra bên ngoài này là do quyền năng mạnh mẽ của sự sống Đức Chúa Trời thực hiện. Khi quyền năng rất mạnh mẽ của sự sống Đức Chúa Trời điểu chỉnh con người từ bên trong, không ai có thể thụ động được. Tất cả những ai để cho quyền năng mạnh mẽ của luật sự sống Đức Chúa Trời hành động bên trong mình chắc chắn sẽ hoạt động với tất cả sức lực, trong mọi công tác đều không tiếc gì mạng sống mình.

Sau cuộc Chiến tranh Hoa-Nhật, chúng tôi đến công tác tại một vài Hội thánh ở các địa phương. Chúng tôi thật được phước và kết nhiều quả. Khi chúng tôi trở về Thượng Hải, anh Nee nói với tôi: “Anh à, chúng ta là ‘những người gây rối’. Chúng ta vừa mới ‘gây rối’ tại các Hội thánh khác, bây giờ

chúng ta sắp ‘gây rũi’ trong Hội thánh tại Thượng Hải”. Mặc dù đây là những lời nói có ý hài hước, nhưng nói một cách nghiêm trang, tất cả những ai sống trong sự sống của Đức Chúa Trời và để cho luật sự sống của Ngài hành động chắc chắn sẽ là “những người gây rũi”. Bởi vì sự sống của Đức Chúa Trời trong họ là một sự sống quyền năng vô tận, sự sống tích cực thôi thúc, một sự sống có quyền năng bùng nổ. Bất cứ khi nào sự sống này hành động và chế đạo bên trong, họ sẽ bùng nổ bên trong; họ sẽ thực hiện công tác với quyền năng rất mạnh mẽ này. Kết quả là họ tự nhiên trở nên những người gây rũi. Trái lại, khi nào một người làm việc cho Chúa không chút khuỷu động, công việc Chúa của họ không phát ra âm thanh hay mùi vị gì, không cần nói, chắc chắn sự sống bên trong người ấy đang bị hạn chế, và luật sự sống không thể hành động tự do.

Nếu anh chị em không hiểu lắm thì tôi xin làm chứng rằng nhiều lúc tôi không dám đi thì giờ của nguyện. Mỗi ngày nếu tôi chế của nguyện nửa giờ, bánh xe sự sống bắt đầu quay, luật sự sống bắt đầu điểu chỉnh, và quyền năng thúc đẩy bắt đầu giục giã trong tôi, cho đến khi tôi không thể không ra đi công tác. Và cho dù có phải chế chẳng nữa, tôi vẫn phải làm việc. Nếu không làm việc, tôi rất khốn khổ; nhưng nếu làm việc, tôi sẽ thoải mái. Ôi, đây là quyền năng thúc giục công tác của Đức Chúa Trời!

E. Sự Phục Vụ Của Chúng Ta Sống Động Và Tươi Mới

Thứ năm, quyền năng này có thể làm cho chúng ta có những sự phục vụ sống động và tươi mới. Sự phục vụ trong Cựu Ước là sự phục vụ theo văn tự. Vì sự phục vụ này cũ, nên nó chế chế và làm cho người ta chế chế. Sự phục vụ của Tân Ước là sự phục vụ theo Linh; sự phục vụ này tươi mới, sống động và làm cho người ta sống. Công tác phục vụ trong Cựu Ước là một hoạt động dựa trên những qui luật chế chế bên ngoài; vì vậy không thể cung ứng sự sống cho người ta được. Sự phục vụ trong Tân Ước là kết quả sự điểu chỉnh của luật sự sống trong linh. Công tác này đến từ sự sống; vì vậy có thể ban

sự sống cho con người và làm cho họ nhận lãnh một sự cung ứng sống động. Lấy ví dụ về những sinh hoạt chúng ta có trong các buổi nhóm. Nếu luật sự sống trong chúng ta đang hoạt động thì dù chúng ta chỉ cần chia sẻ ít lời, làm chứng hay thông báo cũng có thể sống động và khiến người ta nhận được sự cung ứng của sự sống.

Chúng ta trở nên những người phục vụ giỏi giang của thời Tân Ước với sự phục vụ sống động, không phải bởi tài năng, tài hùng biện, hay học thức của mình, nhưng bởi Linh của Đức Chúa Trời (2 Cô. 3:5-6) và theo “sự ban tứ của ân điển Đức Chúa Trời” (Êph. 3:7). Một sự ban tứ như vậy không liên quan đến những ân tứ siêu nhiên như ơn nói các thứ tiếng, ơn thấy khi tượng, ơn chữa bệnh, ơn đui qu..., mà là sự ban tứ của ân điển đã được ban cho chúng ta theo sự hành động của quyền năng Đức Chúa Trời, mà chúng ta đã nhận được do sự vận hành liên tục của quyền năng chứa đựng trong sự sống như được ban cho chúng ta một cách rộng rãi bởi Đức Chúa Trời. Vì vậy sứ đồ Phao-lô nói rằng sự ban tứ hay ân tứ này có thể làm cho chúng ta rao giảng sự giàu có không dò lường được của Đấng Christ và làm cho mọi người thấy được sự huyênh hoang nhiệm trọng qua các thời đại đã giấu kín trong Đức Chúa Trời là Đấng tạo dựng nên mọi sự (Êph. 3:8-9). Ôi, qu... là một ân tứ lớn lao dường nào! Dù vậy ân tứ lớn lao này đã được ban cho ông qua sự hành động của quyền năng luật sự sống của Đức Chúa Trời. Vì vậy, sự ban tứ của ân điển mà chúng ta nhận được bởi sự hành động của quyền năng luật sự sống của Đức Chúa Trời chắc chắn có thể làm cho chúng ta phục vụ Ngài một cách sống động và tươi mới.

VIII. KẾT QUẢ CỦA LUẬT SỰ SỐNG

Khi để cho luật sự sống của Đức Chúa Trời hành động một cách không bị ngăn trở bên trong chúng ta trong những phạm vi không ngừng mở rộng, sự sống của Ngài trong chúng ta có thể lan tràn đến mức “Đấng Christ thành hình” trong chúng ta (Gal. 4:19). Như vậy khi Đấng Christ dần dần thành hình

trong chúng ta, chúng ta dần dần được biến đổi theo hình ảnh của Ngài (2 Cô. 3:18) và mang hình ảnh của Con Đức Chúa Trời (La. 8:29) cho đến khi cuối cùng chúng ta hoàn toàn giống Ngài (1 Gi. 3:2). Đây là kết quả vinh hiển của luật sự sống hành động trong chúng ta.

Đấng Christ thành hình trong chúng ta nghĩa là gì? Chúng ta hãy dùng một ví dụ. Trong quách trứng có sự sống của một con gà. Tuy nhiên vào những ngày đầu tiên khi con gà thành hình, nếu dùng ánh sáng đèn điện để nhìn xuyên qua quách trứng, chúng ta không thể nhận ra phần nào là cái đầu và phần nào là cái chân. Đến giai đoạn cuối cùng, khi con gà nhỏ bé bên trong sắp phá vỡ vỏ trứng để chui ra, nếu dùng ánh sáng đèn điện một lần nữa để nhìn xuyên qua, chúng ta sẽ thấy một hình dạng hoàn chỉnh của một con gà, nghĩa là con gà đã hình thành trong quách trứng. Cũng vậy, Đấng Christ thành hình trong chúng ta nghĩa là hình dạng của Ngài trở nên hoàn chỉnh trong chúng ta. Khi chúng ta mới nhận được sự sống của Ngài qua sự tái sinh, Đấng Christ chỉ mới ra đời trong chúng ta, tức vỏ mặt hữu cơ Ngài đã hoàn chỉnh, nhưng Ngài chưa hoàn chỉnh trong hình dạng. Về sau, khi luật sự sống này cứ tiếp tục hoạt động ở các phần bên trong của chúng ta, yếu tố của sự sống này dần dần gia tăng trong các phần này; như vậy, Đấng Christ lớn lên bên trong chúng ta cho đến lúc sự sống của Ngài hoàn toàn thành hình trong chúng ta.

Khi Đấng Christ dần dần thành hình trong chúng ta, chúng ta được dần dần biến đổi. Đấng Christ thành hình trong chúng ta đến mức nào, chúng ta được biến đổi đến mức này. Sự thành hình của Đấng Christ và sự biến đổi của chúng ta xảy ra đồng thời bên trong và bên ngoài. Bởi vì sự thành hình của Đấng Christ là sự gia tăng các yếu tố của Đấng Christ trong các phần khác nhau của chúng ta từ bên trong ra bên ngoài, nên sự biến đổi của chúng ta cũng ở trong các phần này từ bên trong ra bên ngoài, cho đến khi chúng ta dần dần trở nên giống Đấng Christ. Như vậy sự biến đổi diễn tiến từ linh đến sự hiểu biết (hay hồn), và rồi đến hành vi thể chất (hay thân

thì). Khi linh chúng ta được sống động bởi sự tái sinh, linh lý được biến đổi bởi sự đổi mới (Xin xem các trang 44, 45 về linh mới). Sau đó, bởi sự hành động của luật sự sống, sự hiểu biết trong hồn cũng được biến đổi bởi sự đổi mới. Sau đó bởi sự soi sáng của ánh sáng sự sống của Đức Chúa Trời, chúng ta nhận biết bản ngã của mình, chúng ta chống cự bản ngã, và bởi Thánh Linh chúng ta đóng đinh bản ngã và chờ đợi sự sống của Đức Chúa Trời sống-bày-từ từ chúng ta ra mà thôi. Như vậy, trong những kinh nghiệm thuộc linh của mình, chúng ta lột bỏ người cũ, mặc lấy người mới càng ngày càng hơn trong hành vi của chúng ta; vì vậy, các hành vi của chúng ta cũng dần dần được đổi mới và biến đổi. Như vậy Đấng Christ thành hình trong chúng ta nghĩa là bản chất của chúng ta được biến đổi nên giống như hình dạng Ngài. Khi chúng ta được biến đổi từ linh qua sự hiểu biết, dần hành vi, nghĩa là hình dạng chúng ta được biến đổi nên giống như Chúa. Kết quả của sự biến đổi như vậy luôn luôn làm cho chúng ta trở nên giống như Chúa Jesus, hay nói cách khác, giống như bản chất con người vinh hiển của Chúa. Đây là sự biến hóa theo hình ảnh của Con Ngài được đề cập đến trong La Mã 8:29. Cũng giống như chúng ta được tạo hình (rập khuôn) từ khuôn đúc của Con Đức Chúa Trời. Như vậy sự biến đổi là một tiến trình, và giống Chúa hay trở nên cùng hình ảnh và bản chất như Chúa là kết quả cuối cùng của sự biến đổi. Đây là công tác “từ vinh quang đến vinh quang” mà Chúa hành động trên chúng ta. Chúng ta nên ngợi khen Ngài biết bao!

Chúng ta cũng cần nhận biết mục tiêu của sự biến đổi không những chỉ làm cho chúng ta giống như Chúa hay làm cho chúng ta có cùng hình ảnh và bản chất của Chúa nhưng hơn thế nữa làm cho chúng ta hoàn toàn “giống Ngài”. Đây là “sự cứu chuộc thân thể chúng ta” được nói đến trong La Mã 8:23. Khi Chúa trở lại và hiện ra cho chúng ta, Ngài sẽ “biến hóa thân thể hèn mạt của chúng ta ra giống như thân thể vinh hiển của Ngài, y theo sự vận hành của quyền năng Ngài vốn có để biến muôn vật phục mình” (Phil. 3:21). Như vậy Ngài làm cho chúng

ta không chỉ giống Ngài trong bản chất của linh chúng ta và trong hình dạng của hồn và trong hành vi của chúng ta, nhưng còn hoàn toàn giống Ngài trong thân thể, là thân thể vinh hiển không bao giờ hư nát, không bao giờ tan biến đi. Đây là kết quả cuối cùng của sự hành động của luật sự sống Đức Chúa Trời trong chúng ta. Ôi, kỳ diệu biết bao! Vinh hiển biết bao! Vì vậy tất cả chúng ta là những người có hi vọng này nên tự tẩy sạch mình cũng như Ngài là thuôn khiết (1 Gi. 3:3). Bởi ánh sáng của sự sống của Đức Chúa Trời, chúng ta nên nhận biết chính mình và tất cả những gì ở bên ngoài Đức Chúa Trời, và hằng ngày xử lý tội lỗi, xác thịt và mọi điều thuộc về sự sáng tạo cũ để chúng ta trở nên thuôn khiết, không pha trộn. Khi ấy, Đức Chúa Trời có thể nhanh chóng đạt đến mục đích vinh hiển của Ngài, và chúng bao lâu chúng ta có thể vui hưởng vinh quang với Chúa.

IX. ĐỨC CHÚA TRỜI MUỐN LÀM ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG LUẬT SỰ SỐNG

Trong Ê-xê-ki-ên 8:10, sau khi Đức Chúa Trời phán: “Ta sẽ đặt luật pháp ta trong tâm trí họ, ta sẽ viết nó vào lòng họ”, Ngài phán: “Ta sẽ làm Đức Chúa Trời của họ, họ sẽ làm dân ta”. Điều này cho thấy Đức Chúa Trời đặt luật sự sống của Ngài bên trong chúng ta vì Ngài muốn làm Đức Chúa Trời của chúng ta trong luật sự sống, và Ngài muốn chúng ta làm dân của Ngài trong luật sự sống này. Điều này được nêu ra trong ý định, hay trong chủ đích của Ngài, và đây là một vấn đề rất quan trọng; vì vậy chúng ta không thể bỏ qua mà không xem xét đến điều này.

A. Đức Chúa Trời Muốn Làm Đức Chúa Trời Của Loài Người

Tại sao Đức Chúa Trời tạo dựng nên loài người? Và tại sao ma quỷ đánh cắp loài người? Những điều này không được bày tỏ rõ ràng trong phần đầu Kinh Thánh. Mãi cho đến khi Đức Chúa Trời tuyên bố mười điều răn trên núi Si-nai, ý định của Đức Chúa Trời đối với loài người mới được bày tỏ. Trong ba điều răn đầu, chúng ta thấy Ngài muốn làm Đức Chúa Trời của loài người. Và mãi về sau khi ma quỷ cám dỗ Chúa trong đống vung

và muốn Chúa thờ phượng họ, ý định của ma quỷ trong việc đánh cướp loài người mới được bày tỏ: họ muốn chiếm địa vị của Đức Chúa Trời và muốn loài người thờ phượng họ như Đức Chúa Trời. Điều này cho chúng ta thấy rõ cuộc xung đột giữa ma quỷ và Đức Chúa Trời nằm trong vấn đề ai là Đức Chúa Trời đối với loài người và ai nhận lãnh sự thờ phượng của loài người. Nhưng chỉ có Đức Chúa Trời mới là Đức Chúa Trời; chỉ có Ngài xứng đáng nhận sự thờ phượng của loài người. Trong thời Cựu Ước, Ngài sống giữa dân Israel như Đức Chúa Trời của họ. Trong thời Tân Ước, qua sự nhập thể, Ngài sống giữa loài người và tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời. Sau đó, qua Thánh Linh Ngài sống trong Hội thánh và là Đức Chúa Trời của con người trong Hội thánh. Trong tương lai, trong vương quốc ngàn năm Ngài sẽ là Đức Chúa Trời của cả gia đình Israel; hơn nữa Ngài sẽ ở giữa loài người đời đời trong trời mới, đất mới và là Đức Chúa Trời vĩnh hằng của loài người.

B. Đức Chúa Trời Muốn Làm Cha Và Kìa Đấng Làm Đức Chúa Trời

Đức Chúa Trời không những chỉ muốn làm Đức Chúa Trời của loài người, nhưng hơn thế nữa Ngài còn muốn làm Cha của họ nữa. Ngài không những muốn loài người nhận Ngài làm Đức Chúa Trời của họ, nhưng hơn thế nữa, Ngài còn muốn họ nhận sự sống của Ngài nữa. Ngài muốn làm Cha của loài người và bởi đó làm Đức Chúa Trời của họ trong sự sống của Ngài. Chỉ khi nào loài người có sự sống của Ngài, trở nên con của Ngài thì họ mới thật sự nhận biết Ngài là Đức Chúa Trời và thật sự để Ngài làm Đức Chúa Trời của họ.

Vào buổi sáng Chúa Jesus phục sinh, Ngài nói với Ma-ri Ma-đơ-len: “Ta lên cùng Cha Ta, cũng là Cha các ngươi, lên cùng Đức Chúa Trời Ta, cũng là Đức Chúa Trời các ngươi” (Gi. 20:17). Ngài đi gặp đấng Cha và sau đó đấng Đức Chúa Trời. Điều này nghĩa là Đức Chúa Trời phải là Cha của chúng ta rồi Ngài mới là Đức Chúa Trời của chúng ta được. Trong lời cầu nguyện của Chúa Jesus vào đêm cuối cùng, Ngài cũng không định chỉ khi nào chúng ta có sự sống vĩnh cửu của Đức Chúa Trời chúng ta mới có thể nhận biết Ngài là Đức Chúa Trời

thật và duy nhất (Gi. 17:3). Vì vậy chúng ta phải kinh nghiệm Đức Chúa Trời là Cha trong sự sống, khi ấy chúng ta mới biết Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời. Càng đi cho sự sống của Cha hành động trong mình, chúng ta càng thờ phượng và phục vụ Đức Chúa Trời vinh hiển này! Đức Chúa Trời là Cha của chúng ta vì Ngài muốn làm Đức Chúa Trời của chúng ta trong sự sống của Cha. Điều này cũng có nghĩa là Ngài muốn làm Đức Chúa Trời của chúng ta trong sự hành động của sự sống Ngài.

C. Đức Chúa Trời Muốn Làm Đức Chúa Trời Trong Luật Sự Sống

Đức Chúa Trời là Cha của chúng ta vì chúng ta có sự sống của Ngài. Từ khi vào trong chúng ta, sự sống của Ngài cũng mang theo luật sự sống vào trong chúng ta. Khi hành động, luật này làm cho chính Đức Chúa Trời tuôn đổ ra từ chúng ta. Như vậy Đức Chúa Trời có chính tâm làm Đức Chúa Trời của chúng ta trong luật sự sống này.

Người Hồi giáo thật sự thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời, và người theo Do Thái giáo còn thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời hơn nữa. Nhưng họ chỉ thờ phượng Đức Chúa Trời một cách khách quan, một Đấng cao cấp hơn hết; họ không để Ngài làm Đức Chúa Trời bên trong họ. Ngày nay ngay cả giữa vòng Cơ Đốc nhân cũng có nhiều người thờ phượng một Đức Chúa Trời xa hơn hết mọi sự và không thể kinh nghiệm được. Họ chỉ thờ phượng một Đấng ở bên ngoài họ, theo những sự dạy dỗ, luật lệ, chữ nghĩa bên ngoài. Họ không để Ngài làm một Đức Chúa Trời sống động của họ trong sự sống ở bên trong họ. Nhưng chúng ta phải sáng tỏ rằng khi thờ phượng Ngài và để Ngài làm Đức Chúa Trời của mình, chúng ta không nên theo các giáo lý hay luật lệ có tính cách chữ nghĩa suông; trái lại chúng ta nên thờ phượng Đức Chúa Trời trong sự sống của Ngài hay trong luật sự sống của Ngài. Luật này là chức năng được bày tỏ bởi sự sống của Đức Chúa Trời. Khi luật sự sống của Đức Chúa Trời đi vào chính trong chúng ta hoặc khi chính Ngài hành động trong chúng ta, Đức Chúa Trời chính là Đức Chúa Trời của chúng ta trong luật này, tức là trong sự hành động của

Ngài.

Ngày nay khi h^ou việc Ngài, chúng ta ph^oi h^ou việc Ngài trong luật sự s^ong, trong sự hành động c^oa Ngài. B^ot cứ khi nào chúng ta đ^o sự s^ong c^oa Ngài hành động trong chúng ta và luật sự s^ong c^oa Ngài đi^ou khi^on trong mình thì sự phục vụ c^oa chúng ta sẽ là sự phục vụ c^oa sự s^ong, sự phục vụ thuộc linh hay sự phục vụ s^ong động. Như vậy khi chúng ta đ^o Đức Chúa Trời làm Đức Chúa Trời c^oa chúng ta trong luật sự s^ong, khi ^oy Đức Chúa Trời mà chúng ta thờ phượng không ph^oi là một Đức Chúa Trời trong giáo lý hay trí tư^ong tượng, mà là một Đức Chúa Trời hằng s^ong, một Đức Chúa Trời thực ti^on, một Đức Chúa Trời có th^o đựng chạm được. Trong kinh nghiệm sự s^ong, trong cuộc s^ong hằng ngày và trong mọi công tác hoạt động c^oa chúng ta, Ngài thật là một Đức Chúa Trời s^ong động, một Đức Chúa Trời mà chúng ta có th^o đựng chạm và Đ^ong mà chúng ta có th^o gặp gỡ. Ngài không ph^oi là Đức Chúa Trời trong ni^om tin; cũng không ph^oi là Đức Chúa Trời trong đi^ou lệ; nhưng Ngài là Đức Chúa Trời c^oa chúng ta trong luật sự s^ong r^ot s^ong động, với chức năng sự s^ong có tính cách s^ong động.

Th^o nhưng đôi khi do t^om lòng chúng ta có v^on đ^o, chúng ta không yêu Ngài cũng không đ^o cho luật sự s^ong đi^ou ch^onh mình. Khi ^oy, d^ou chúng ta có Đức Chúa Trời nhưng Ngài ch^o là Đức Chúa Trời c^oa giáo lý và ni^om tin mà thôi. Khi chúng ta phục h^oi tình yêu đ^oi với Ngài và lại đ^o Ngài đi^ou ch^onh bên trong chúng ta b^oi sự vận hành c^oa sự s^ong c^oa Ngài, khi ^oy chức năng vận hành c^oa sự s^ong Ngài lại được bày t^o, và luật sự s^ong c^oa Ngài lại hành động bằng cách chuy^on động và đi^ou ch^onh bên trong chúng ta. Lúc ^oy Ngài lại là Đức Chúa Trời c^oa chúng ta một cách thi^ot thực; Ngài không còn là một Đức Chúa Trời trên danh nghĩa hay trong giáo lý, nhưng là một Đức Chúa Trời s^ong động.

Vì vậy chúng ta ph^oi đặt mình vào bàn tay Ngài, đ^o luật sự s^ong c^oa Ngài đi^ou khi^on chúng ta; khi ^oy chúng ta sẽ thật sự có Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời c^oa mình. B^ot cứ khi

nào chúng ta không đ̣ luật sự s̄ng đīu khīn mình, Ngài không th̄ là Đức Chúa Trời c̄a chúng ta đ̄ợc, và chúng ta không làm dân Ngài đ̄ợc. B̄i vì Ngài ph̄i là Đức Chúa Trời c̄a chúng ta và chúng ta là dân c̄a Ngài một cách r̄t thīt thực, nên chúng ta ph̄i đ̄ luật c̄a sự s̄ng Ngài đīu khīn chúng ta và đ̄ Ngài làm Đức Chúa Trời chúng ta trong luật c̄a sự s̄ng Ngài.

Ngài ph̄i là Đức Chúa Trời c̄a chúng ta trong luật c̄a sự s̄ng Ngài, và chúng ta cũng ph̄i là dân Ngài trong luật c̄a sự s̄ng Ngài, vì m̄i quan hệ c̄a chúng ta với Ngài ph̄i là một m̄i quan hệ s̄ng đ̄ng. Khi sự s̄ng c̄a Ngài chuȳn đ̄ng và đīu khīn chúng ta, luật sự s̄ng c̄a Ngài đ̄m Ngài đ̄n với chúng ta và đ̄m chúng ta đ̄n với Ngài. Trong sự đīu khīn c̄a luật sự s̄ng mà chúng ta s̄ h̄u Ngài và Ngài s̄ h̄u chúng ta. B̄t cứ khi nào luật sự s̄ng c̄a Ngài ngưng hoạt đ̄ng, m̄i tương giao s̄ng đ̄ng giữa Ngài, là Đức Chúa Trời c̄a chúng ta, với chúng ta, là dân c̄a Ngài, cũng sẽ bị c̄t đ̄t. Vì vậy, chúng ta ph̄i đ̄ cho luật sự s̄ng c̄a Đức Chúa Trời đīu khīn chúng ta; ch̄ khi ̄y chúng ta mới có Đức Chúa Trời làm Đức Chúa Trời c̄a mình và chúng ta mới thật sự là dân c̄a Ngài một cách s̄ng đ̄ng rõ ràng.

Th̄ thì chúng ta th̄y một sự khác biệt lớn lao v̄ sự kiện Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời c̄a loài người trong Cựu Ước và trong Tân Ước. Trong Cựu Ước, Ngài là Đức Chúa Trời c̄a dân Israel trên ngai cao trọng hơn h̄t và theo các đīu lệ c̄a luật pháp. Ngài cũng mūn dân Israel làm dân c̄a Ngài theo các luật lệ này. Vì vậy n̄u họ ch̄ v̄ng theo các luật lệ này, thì họ không có v̄n đ̄ gì trước mặt Đức Chúa Trời. Nhưng trong thời Tân Ước, Đức Chúa Trời vào trong chúng ta đ̄ làm sự s̄ng c̄a chúng ta, và Ngài là Đức Chúa Trời c̄a chúng ta, chúng ta làm dân c̄a Ngài theo luật c̄a sự s̄ng này. Vì vậy chúng ta nh̄t thīt ph̄i s̄ng b̄i luật c̄a sự s̄ng.

X. KẾT LUẬN

Sau khi xem xét những điểm chính yếu trong mọi khía cạnh của luật sự sống, chúng ta thấy luật sự sống quan trọng dường nào đối với kinh nghiệm thuộc linh của mình. Bởi thế chúng ta cần phải thấy rõ và hiểu thấu mọi một điểm chính của đời này; khi ấy chúng ta sẽ thật kinh nghiệm sự sống. Vì vậy tôi không ngần ngại lặp lại những điều này. Bây giờ, một lần nữa chúng ta hãy tóm lược các điểm chính để có thể có được một ấn tượng sâu xa.

Khi được tái sinh, chúng ta tiếp nhận sự sống của Đức Chúa Trời. Vào thời điểm này, mặc dầu đã có sự sống của Đức Chúa Trời trong mình, sự sống này chỉ mới trọn vẹn về mặt hữu cơ, chứ chưa hoàn toàn tăng trưởng và trưởng thành. Vì vậy chúng ta phải để cho quyên năng của sự sống này liên tục và không dứt hành động trong chúng ta để chúng ta có thể đạt đến mục tiêu trọn vẹn của Ngài là chúng ta được tăng trưởng và trưởng thành. Sự sống này hoạt động theo chức năng và tính chất tự nhiên của mình; nói cách khác hoạt động ấy ra từ luật của sự sống này.

Đề luật sự sống có thể điều chỉnh sao cho những gì chứa đựng trong luật này được tuôn tràn ra từ chúng ta, luật này cần phải hành động qua tâm lòng chúng ta. Vì thế sự hành động của luật này trong chúng ta đòi hỏi tâm lòng chúng ta phải cộng tác. Ngay khi tâm lòng chịu cộng tác, luật sự sống liền có cơ hội điều động trong chúng ta một cách tự do. Kết quả là chúng ta sẽ có một cảm thức nào đó ở bên trong. Khi có được cảm thức này, chúng ta cần phải vâng phục cảm thức ấy bởi quyên năng của sự sống. Khi chúng ta vâng phục, ấy là lúc chúng ta cho luật sự sống có cơ hội điều khiển mình, do đó luật sự sống lại ban cho chúng ta một cảm thức khác, làm cho chúng ta tiến tới trong sự vâng phục. Càng vâng phục, chúng ta càng để cho Ngài có cơ hội hành động. Tác động hỗ tương giữa nguyên nhân và kết quả ấy trong chúng ta đưa đến tình trạng không ngừng thể hiện rõ ràng các chức năng của hai yếu tố, đó là sự sống và sự chết, hàm chứa trong sự

sống. Sự chết có chức năng loại bỏ tất cả những gì không nên có trong chúng ta. Sự sống phục sinh có chức năng thêm cho chúng ta những gì bao hàm trong sự sống của Đức Chúa Trời. Hơn nữa sự hành động của luật này và hai chức năng của sự chết và sự sống phục sinh đều đầy đủ quy định để làm cho chúng ta đáp ứng được đòi hỏi vô hạn của Đức Chúa Trời và sống-bày-tất-tất cả những gì hàm chứa trong sự sống của Ngài. Như vậy chúng ta để cho sự sống của Đức Chúa Trời dần dần lớn lên và trưởng thành trong mình.

Đồng thời, khi sự sống hành động trong chúng ta, liên tục đi qua khiếm chúng ta, thì việc chúng ta có chí hướng về Đức Chúa Trời, đều phục Ngài và hầu việc Ngài trở nên tự nhiên và dễ dàng, sống động và tươi mới. Ý chính trong luật sống động này mà Đức Chúa Trời trở nên Đức Chúa Trời sống động của chúng ta, và chúng ta là dân sống động của Ngài. Chúng ta có thể nói rằng mối quan hệ giữa chúng ta với Đức Chúa Trời hoàn toàn nằm trong luật sống này. Chúng ta đáng phải hết lòng lưu tâm đến điều này!

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

TRI THỨC BẰ TRONG

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét đến điểm quan trọng thứ mười một liên quan đến vấn đề sống: tri thức bên trong, hoặc sự nhận biết Đức Chúa Trời bởi luật sống bên trong và sự dạy dỗ của sự xúc động. Mức độ chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời từ bên trong quyết định mức độ chúng ta có Đức Chúa Trời và kinh nghiệm Ngài là sự sống của mình. Như vậy tri thức bên trong và sự tăng trưởng sống có liên quan mật thiết với nhau. Nếu chúng ta muốn biết sống để sống có thể lớn lên, chúng ta cần xem xét tri thức bên trong một cách chi tiết.

I. TẦM QUAN TRỌNG CỦA SỰ NHẬN BIẾT ĐỨC CHÚA TRỜI

Đức Chúa Trời vui th^h khi loài người nhận biết Ngài; vì vậy, Ngài mu^on loài người “g^ong sức nhìn biết Ngài” (Ôs. 6:6, 3). Tất c^o những gì Ngài thực hiện trong Tân Ước là đ^o chúng ta có th^h biết Ngài (Hê. 8:10-11). Khi chúng ta được tái sinh, Linh c^oa Ngài, hàm chứa sự s^ong Ngài vào trong chúng ta đ^o chúng ta có kh^o năng nhận biết Ngài từ bên trong. V^o một mặt, sự nhận biết Ngài đ^on đ^on gia tăng cùng với sự tăng trư^ong c^oa sự s^ong trong chúng ta, mặt khác sự nhận biết Ngài cũng làm cho chúng ta tăng trư^ong trong sự s^ong. Vì Đức Chúa Trời đã ban sự s^ong Ngài cho chúng ta, nên chúng ta có th^h nhận biết Ngài. Sự s^ong Ngài càng tăng trư^ong trong mình, chúng ta càng nhận biết Ngài. Càng nhận biết Ngài, chúng ta sẽ càng kinh nghiệm Ngài là sự s^ong c^oa mình, càng vui th^ha với chính Ngài, và đ^o Ngài s^ong qua chúng ta. Như vậy chúng ta có th^h nói tất c^o sự tăng trư^ong c^oa sự s^ong thuộc linh tùy thuộc vào sự nhận biết Đức Chúa Trời. Chúng ta hãy c^ou xin Đức Chúa Trời ban cho chúng ta linh c^oa sự khôn ngoan và kh^oi thị đ^o có th^h biết Ngài (Êph. 1:17) và được “lớn lên nhờ sự thông biết Đức Chúa Trời” (Côl. 1:10, Hi v^on).

II. BA GIAI ĐOẠN BIẾT ĐỨC CHÚA TRỜI

Thi Thiên 103:7 nói: “Ngài bày t^h cho Mô-i-se đường l^oi Ngài và cho con dân Israel biết các công việc Ngài”. Câu này cho th^hy con dân Israel biết các công việc c^oa Đức Chúa Trời, nhưng Mô-i-se biết đường l^oi Ngài. Hê-bơ-rơ 8:10-11 cũng nói: “Ta sẽ đặt luật pháp ta trong tâm trí họ,... vì họ h^ot th^hy, từ k^o nh^o cho đ^on k^o lớn, đ^ou sẽ biết ta”. Qua câu này chúng ta th^hy tất c^o những ai nhận lãnh luật b^o trong dưới thời Tân Ước đ^ou có th^h biết chính Đức Chúa Trời. Hai phân đoạn Kinh Thánh này cho chúng ta th^hy việc con người biết Đức Chúa Trời tr^oi qua ba giai đoạn: trước h^ot biết công việc c^oa Ngài; thứ hai biết đường l^oi Ngài; và thứ ba biết chính Ngài.

A. Nhận Biết Công Việc Của Đức Chúa Trời

Qua những gì Đức Chúa Trời làm và thực hiện, người ta biết công việc Ngài. Chẳng hạn như, con dân Israel tại Ai Cập thấy mười tai họa Đức Chúa Trời giáng xuống để đánh dân Ai Cập. Tại Biển Đỏ, họ thấy Đức Chúa Trời rẽ nước ra cho họ đi qua. Trong đống vung, họ thấy Ngài truy n vung đá tuôn nước ra để họ được giải khát. Và hằng ngày, Đức Chúa Trời ban man-na nuôi dưỡng họ. Khi chứng kiến những phép lạ của Ngài, họ biết các công việc Ngài. Một lần nữa, ví dụ như khi các đám đông thấy các phép lạ Chúa Jesus thực hiện, chẳng hạn như khi Ngài nuôi năm ngàn người với năm ổ bánh và hai con cá, làm cho sống và biển yên tĩnh, chữa lành bệnh, đuổi quỷ, gọi người chết sống lại, họ biết các công việc Ngài. Hoặc khi chúng ta đau ốm và được Chúa chữa lành, khi chúng ta gặp nguy hiểm được Ngài giữ gìn, khi chúng ta có nhu cầu và được Ngài đáp ứng, chúng ta được biết các công việc Ngài. Khi chúng ta hiểu biết các công việc của Đức Chúa Trời như vậy, đó là bước thứ nhất của chúng ta trong sự hiểu biết Ngài. Sự hiểu biết này nông cạn và ở bên ngoài, vì mỗi lần khi thấy công việc Ngài, chúng ta mới biết Ngài đã làm gì.

B. Biết Đường Lối Của Đức Chúa Trời

Biết đường lối của Đức Chúa Trời có liên quan đến sự hiểu biết các nguyên tắc hành động của Ngài. Khi cầu thay cho thành Sô-đôm, Áp-ra-ham biết rằng Đức Chúa Trời là công chính và Ngài không bao giờ hành động trái với sự công chính của Ngài. Vì vậy ông thưa chuyện với Ngài theo sự công chính của Ngài (Sáng. 18:23-32). Nghĩa là ông biết cách thức Đức Chúa Trời hành động. Khi con dân Israel tiếp tục lầm bầm sau sự thiêu hủy Cô-rê và những người cùng phẫn loạn với ông, Môi-se trông thấy sự hiện diện vinh quang của Đức Giê-hô-va, ông nói với A-rôn; “Hãy cầm lấy hương để lấy từ trên bàn thờ vào, bẻ hương lên trên, mau mau đi đến hội chúng và làm lễ chuộc tội cho họ; vì sự thanh nộ của Đức Giê-hô-va đã nổi lên, và tai vạ đã phát khởi” (Dân. 16:46). Điều này chứng tỏ Môi-se biết cách thức hành động của Đức Chúa Trời. Ông biết

Đức Chúa Trời sẽ ph^on ứng tùy theo cách người ta hành động.

Sa-mu-ên b^o Sau-lơ: “V^o, sự vâng lời t^ot hơn c^oa t^o l^o, sự nghe theo t^ot hơn mỡ chiên đ^oc” (1 Sa. 15:22). Và Đa-vít: “Ta không mu^on dâng cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ta những c^oa l^o thiêu không đáng giá chi” (2 Sa. 24:24). Những lời này chứng t^o họ hi^ou bi^ot đường l^oi c^oa Đức Chúa Trời.

Khi chia s^o lời Chúa, chúng tôi tin một cách sâu xa rằng Lời Ngài sẽ không vô ích, nhưng sẽ hoàn thành đi^ou Ngài đẹp lòng (Ês. 55:10-11). Cũng vậy n^ou gieo trong Linh, chúng ta bi^ot mình sẽ b^oi Linh mà gặt sự s^ong đời đời (Gal. 6:8). Lý do là vì chúng ta bi^ot đường l^oi c^oa Đức Chúa Trời.

Khi bi^ot cách thức hành động c^oa Đức Chúa Trời, chúng ta đ^on bước thứ hai trong việc bi^ot Ngài. Sự hi^ou bi^ot này cao hơn sự hi^ou bi^ot công việc Ngài một bước. Trước khi Đức Chúa Trời thực hiện công việc c^oa Ngài, chúng ta bi^ot Ngài sẽ làm gì và làm như th^o nào. Sự hi^ou bi^ot này làm cho đức tin chúng ta gia tăng trong sự c^ou nguyện, và cũng làm cho chúng ta có th^o thương lượng với Ngài. Tuy nhiên, d^ou sự hi^ou bi^ot này là t^ot nhưng v^on chưa ^o bên trong và chưa sâu xa đ^o.

C. Bi^ot Chính Đức Chúa Trời

Bi^ot chính Đức Chúa Trời là nhận bi^ot b^on ch^ot c^oa Ngài. Ngay khi đ^oc tái sinh và nhận đ^oc sự s^ong c^oa Đức Chúa Trời, chúng ta có b^on ch^ot c^oa Ngài. Qua sự s^ong c^oa Ngài bên trong mình, chúng ta có th^o đ^ong chạm b^on ch^ot c^oa Ngài. Khi đ^ong chạm b^on ch^ot c^oa Ngài, chúng ta đ^ong chạm chính Đức Chúa Trời; nói cách khác chúng ta bi^ot chính Đức Chúa Trời. Sự nhận bi^ot này khác với sự hi^ou bi^ot công việc Ngài và đường l^oi Ngài từ bên ngoài. Đây là sự nhận bi^ot Đức Chúa Trời từ bên trong.

Ch^ong hạn chúng ta hãy xem trường hợp một anh em m^oc một chứng bệnh nan y nhưng đã đ^oc Chúa chữa lành. Anh ^oy la lên vui mừng: “Cám ơn Đức Chúa Trời, Ngài thật quan tâm đ^on con!” Qua đó anh bi^ot chút ít v^o công việc c^oa Đức Chúa

Trời. Vì sau anh bị bệnh trở lại. Lần này anh biết vì anh đã có một sự vi phạm nào đó, nên Đức Chúa Trời sẽ phạt và kìm luật anh. Vì thế anh phải đối phó với vi phạm của mình. Khi anh đã làm điều này, anh biết Chúa sẽ chữa lành anh (1 Cô. 11:30-32). Kết quả là Đức Chúa Trời thật sự đã chữa lành anh. Nhưng trước khi được chữa lành, anh đã biết Chúa sẽ chữa lành anh, bởi vì anh biết đường lối Ngài. Lần này, mặc dù sự hiểu biết của anh đã gia tăng từ sự hiểu biết công việc Ngài qua sự hiểu biết đường lối Ngài, nhưng đây vẫn là một sự hiểu biết Ngài một cách khách quan, từ bên ngoài, chưa phải là nhận biết Ngài từ bên trong, một cách chủ quan. Vì sau bên trong anh cảm thấy có một vài điều gì đó không phù hợp với bản chất thánh khiết của Đức Chúa Trời nên anh đã xối lý và trừ bỏ chúng. Cảm nhận này, sự nhận biết này không đến từ bất cứ một điều gì ở bên ngoài nhưng đến từ cảm thức được ban cho anh bởi sự sống của Đức Chúa Trời bên trong anh. Như vậy, lần này anh đi đến chủ nhận biết Đức Chúa Trời ở bên trong; anh nhận biết Ngài một cách chủ quan.

Chúng ta cũng hãy xem trường hợp của một anh em khác khi mới gặp một nạn đói nghiêm trọng, anh cầu nguyện với Đức Chúa Trời và Ngài làm cho anh chịu đựng nỗi. Vì vậy, anh hiểu biết công việc của Đức Chúa Trời. Vì sau, khi gặp một nạn đói khác, anh biết mình nên làm gì để được Đức Chúa Trời làm cho mình chịu đựng nỗi. Điều này chứng tỏ anh biết đường lối của Đức Chúa Trời. Cuối cùng, khi anh lại gặp một nạn đói khác, anh có một cảm nhận lạ lùng bên trong, anh cảm biết Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ làm cho mình chịu nỗi. Cảm thức này hay sự nhận biết này không do anh thấy những gì Ngài hành động từ bên ngoài, hay do anh biết những nguyên tắc hành động của Ngài, nhưng do đụng chạm chính Đức Chúa Trời ở bên trong; vì vậy anh có cảm thức này hay sự nhận biết này. Tình trạng nhận biết Đức Chúa Trời như vậy có thể nói là cao nhất, sâu thẳm nhất và tận từ bên trong.

Trong thời Cựu Ước, Đức Chúa Trời chủ bày tỏ công việc và đường lối Ngài cho loài người. Vì vậy, vào thời này con người

chúng ta có thể đạt đến hai giai đoạn đầu trong sự hiểu biết Ngài. Bây giờ khi thời Tân Ước đã đến, mặc dù chúng ta vẫn còn biết công việc và đường lối của Đức Chúa Trời, nhưng điều quan trọng nhất và vinh hiển nhất là chính Đức Chúa Trời trong Linh đang ở bên trong chúng ta để trở nên sự sống của chúng ta. Điều này làm cho chúng ta có thể trực tiếp đụng chạm chính Ngài và nhận biết Ngài từ bên trong. Giai đoạn ba trong việc biết Đức Chúa Trời, tức nhận biết chính Ngài, là một phúc hạnh đặc biệt dành cho chúng ta là những người được cứu dưới giao ước mới.

III. HAI LOẠI TRI THỨC VỀ ĐỨC CHÚA TRỜI

Mặc dù chúng ta biết Đức Chúa Trời qua ba giai đoạn, nhưng thật ra chúng ta có hai loại tri thức về Ngài: hiểu biết Ngài từ bên ngoài và nhận biết Ngài từ bên trong. Hiểu biết công việc Ngài và hiểu biết đường lối Ngài đầu tiên là sự hiểu biết của bạn chết bên ngoài. Mặc dù hai bước này khác nhau về mức độ chi tiết, nhưng cả hai đều là kiến thức về Đức Chúa Trời do nơi công việc và đường lối Ngài ở bên ngoài chúng ta, vì vậy đây là sự hiểu biết khách quan và bên ngoài. Nhưng nhận biết chính Đức Chúa Trời là loại tri thức bên trong. Loại tri thức này đến khi mà chúng ta đụng chạm chính Đức Chúa Trời bởi sự sống của Ngài ở bên trong và do đó nhận biết Ngài một cách chủ quan và từ bên trong.

Trong nguyên văn Kinh Thánh, có hai từ ngữ khác nhau được dùng để mô tả tri thức bên ngoài và bên trong. Hê-bơ-rơ 8:11 nói về việc biết Chúa của chúng ta. Từ ngữ "biết" được dùng hai lần trong câu này, nhưng trong nguyên văn, hai chữ khác nhau được dùng với hai nghĩa khác nhau. Chữ "biết" thứ nhất liên quan đến sự hiểu biết tổng quát ở bên ngoài chúng ta mà sự hiểu biết này còn sự dạy dỗ của con người. Chữ "biết" thứ hai chỉ về sự nhận biết của cảm nhận bên trong chúng ta. Đối với loại nhận biết này, chúng ta không cần sự dạy dỗ của con người. Điều này cho thấy biết Ngài ở bên ngoài hay từ bên trong là hai điều thật sự khác biệt.

Ví dụ như chúng ta đặt một ít đường trong mịn bên cạnh một ít muối trong mịn. Nhìn bên ngoài, cả hai đều trong và mịn, rất khó phân biệt đâu là đường và đâu là muối. Chúng ta có thể hỏi người khác để họ chỉ cho chúng ta biết, nhưng sự hiểu biết này đến từ sự dạy dỗ của người khác và từ bên ngoài, có tính cách khách quan và chung chung và có thể nhầm lẫn. Tuy nhiên nếu chỉ niềm chúng, ngay lập tức chúng ta biết cái nào ngọt là đường và cái nào mặn là muối. Chúng ta không cần người khác chỉ bảo mình. Sự nhận biết này đến từ cảm nhận bên trong, nên có tính cách chủ quan và thuộc về cảm nhận bên trong.

Bất cứ khi nào niềm biết Đức Chúa Trời từ bên trong, chúng ta rất vui thía và niềm biết được những điều mình không thể nhận được do biết Ngài qua các công việc Ngài và đường lối Ngài từ bên ngoài. Thi Thiên 34:8 nói: “Khá niềm thể xem Đức Giê-hô-va thật lành dường bao”. Cảm tạ Đức Chúa Trời, chúng ta có thể niềm Ngài! Hê-bơ-rơ 6:4-5 cũng nói: “Vì chúng tôi đã được soi sáng một lần, đã niềm ân tứ trên trời, đã có phần trong Thánh Linh, đã niềm lời thật lành của Đức Chúa Trời, và các quyền năng của đời tương lai”. Điều này cho thấy không những chúng ta có thể niềm Đức Chúa Trời, mà còn có thể niềm những điều thuộc về Ngài, những điều của Linh. Sự niềm biết này làm cho chúng ta nhận biết từ bên trong. Một khi “niềm” Đức Chúa Trời và những điều của Ngài từ bên trong, tự nhiên chúng ta có một sự nhận biết đúng đắn nào đó đến từ cảm nhận bên trong, và chúng ta không cần người khác dạy mình. Đây thật là phước hạnh vinh quang dưới giao ước mới!

IV. TRI THỨC BÊN TRONG

Trong Tân Ước, có bốn chỗ nói rất rõ về tri thức bên trong. Hai nơi đầu nằm trong Hê-bơ-rơ 8:11 và 1 Giăng 2:27. Cả hai câu này đều nói chúng ta không cần người khác dạy dỗ mình, nhưng chúng ta có thể nhận biết Đức Chúa Trời từ bên trong. Tuy nhiên hai câu này nói một cách khác nhau. Hê-bơ-rơ chương 8 nói luật sự sống của Đức Chúa Trời, tức là chức

năng tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời, có thể làm cho chúng ta nhận biết Ngài. Và 1 Giăng chương 2 nói sự dạy dỗ của sự xúc động, tức là sự chuyển động khi thị của Thánh Linh, có thể làm cho chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời. Nhận biết Đức Chúa Trời bởi luật sự sống là nhận biết Ngài bởi sự sống của Ngài. Nhận biết Đức Chúa Trời bởi sự dạy dỗ của sự xúc động là nhận biết Ngài bởi Linh của Ngài.

Hai chỗ khác nói về sự nhận biết bên trong là Giăng 17:3 và Ê-phê-sô 1:17. Giăng 17:3 nói những ai có sự sống vĩnh cửu của Đức Chúa Trời là những người nhận biết Ngài. Điều này nghĩa là sự sống của Đức Chúa Trời bên trong có thể làm cho chúng ta biết Ngài. Ê-phê-sô 1:17 nói Đức Chúa Trời ban cho chúng ta linh của sự khôn ngoan và sự khi thị để chúng ta biết Ngài. Linh được đề cập đến ở đây là nhân linh của chúng ta có liên quan đến Linh của Đức Chúa Trời. Nghĩa là linh chúng ta và Linh của Đức Chúa Trời có khả năng làm cho chúng ta nhận biết Ngài từ bên trong.

Bên phân đoạn Kinh Thánh này cho thấy chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời bên trong do hai phương tiện: một là luật sự sống đến từ sự sống của Đức Chúa Trời; hai là sự dạy dỗ của sự xúc động, đến từ Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Vì có hai phương cách để nhận biết Đức Chúa Trời từ bên trong, chúng ta nhận biết Ngài theo hai giai đoạn. Luật sự sống cốt yếu làm cho chúng ta biết bản chất của Ngài, tức là có tính chất của sự sống Ngài. Bất cứ khi nào sự sống của Ngài hành động và thi hành chức năng của sự sống trong chúng ta để bày tỏ tính chất của Ngài, sự sống sẽ tự nhiên bày tỏ bản chất của Đức Chúa Trời cho chúng ta và làm cho chúng ta nhận biết bản chất của Ngài. Sự dạy dỗ của sự xúc động cốt yếu làm cho chúng ta biết chính Đức Chúa Trời. Vì sự xúc động đến từ Thánh Linh, và Thánh Linh là hiện thân của chính Đức Chúa Trời. Khi Thánh Linh xúc động và hành động trong chúng ta, Ngài luôn luôn xúc chính Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, làm cho chúng ta nhận biết chính Đức Chúa Trời. Luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc động khiến chúng ta nhận biết bản

chết của Đức Chúa Trời và chính Đức Chúa Trời từ bên trong. Đây là điều chúng ta gọi là sự nhận biết bên trong.

V. LUẬT PHÁP VÀ CÁC TIÊN TRI

Chúng ta có thể thấy hình bóng của hai giai đoạn để hiểu biết bên trong chết của Đức Chúa Trời và chính Ngài trong thời Cựu Ước. Đức Chúa Trời ban luật pháp và các tiên tri để qua đó con dân Israel có thể biết bên trong Ngài và chính Ngài. Sự hiểu biết này từ bên ngoài.

Đặc tính của thời Cựu Ước là luật pháp và các tiên tri. Lý do Đức Chúa Trời ban luật pháp và lập các tiên tri là để làm cho dân Ngài biết Ngài. Như vậy luật pháp và các tiên tri là hai phương cách để Đức Chúa Trời dạy dỗ dân Ngài để biết Ngài. Bởi hai cách này, họ hiểu biết Đức Chúa Trời theo hai phương diện.

Đức Chúa Trời ban luật pháp để dạy dỗ dân Israel để biết hiểu biết bên trong chết của Ngài. Luật pháp đến từ bên trong chết của Đức Chúa Trời vì nói lên những gì Ngài muốn và những gì Ngài không muốn. Những gì Ngài muốn trong bên trong Ngài thì Ngài bảo họ làm. Những gì bên trong Ngài ghét thì Ngài cấm làm. Ví dụ: Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời ghen tương; vì vậy Ngài cấm họ thờ lạy hình tượng. Ngài là Đấng yêu thương nên cấm họ giết người. Ngài thánh khiết nên muốn họ thánh khiết. Ngài chân thật nên Ngài muốn họ chân thật. Loại luật pháp được ban cho họ tùy thuộc vào bên trong chết của Đức Chúa Trời. Như vậy toàn bộ luật pháp bày tỏ cho họ bên trong chết của Đức Chúa Trời. Một số điều luật nói lên sự sáng của Ngài, những điều luật khác nói lên sự thánh khiết và nhân từ của Ngài, và những luật khác nữa nói lên tình yêu của Ngài. Ngài đã dùng những lệnh truy nã và lệnh cấm của từng điều luật để dạy dỗ dân Israel để biết hiểu biết mọi phương diện của bên trong Ngài.

Đức Chúa Trời cũng lập các tiên tri để khi dân Israel hiểu biết chính Ngài vì các tiên tri trong thời Cựu Ước được Ngài

lập lên để đại diện cho chính Ngài, cho Thân vị của Ngài. Lời họ nói ra là sự khải thị và dấn dốt do Đức Chúa Trời ban ra theo ý muốn Ngài. Ví dụ như Môi-se là một tiên tri do Đức Chúa Trời lập lên (Phục. 18:15). Những lời ông nói với dân Israel về việc xây dựng đền tạm là những gì Đức Chúa Trời khải thị cho họ về vấn đề này. Khi ông dấn họ đi trong đống vung, này là chính Đức Chúa Trời dấn họ đi trong đống vung. Như vậy, Đức Chúa Trời dùng mọi loại khải thị và dấn dốt bởi các tiên tri để dấn dân Israel đến chỗ biết Ngài, biết Thân vị của Ngài.

Vì luật pháp ra từ bản chất của Đức Chúa Trời nên tính chất của luật pháp là cố định và không thể thay đổi. Luật pháp dạy chúng ta phải tôn kính cha mẹ, không được giết người, không được phạm tội tà dâm và không được trộm cắp. Những điều luật này cố định, là luật sắt cứng rắn và không thể thay đổi. Chúng được áp dụng cho người này cũng như cho người kia, cho một người ở Giê-ru-sa-lem cũng như cho một người ở Sa-ma-ri. Chúng không thay đổi theo con người, sự kiện, nơi chốn, thời gian hay không gian. Nếu dân Israel bằng lòng chấp nhận tiêu chuẩn của những điều luật này, không những họ được biết bản chất đời đời không thay đổi của Đức Chúa Trời, mà còn lối sống, tính chất và kinh nghiệm cuộc sống của họ cũng sẽ phù hợp với bản chất này.

Về một mặt khác, vì các tiên tri đại diện cho chính Đức Chúa Trời và nói ra ý muốn của Ngài ở một thời điểm đặc biệt nào đó, hoạt động của họ rất uyển chuyển và có thể thay đổi chứ không giới hạn và cố định vì Đức Chúa Trời làm mọi sự theo ý muốn của riêng Ngài, và chính Ngài linh động và không bị giới hạn. Vào một thời điểm các tiên tri có thể cho dân Israel biết loại khải thị này và vào thời điểm khác, họ có thể bày tỏ một loại khải thị khác. Tại đây họ có thể dấn dốt theo cách này và tại đó họ có thể dấn dốt theo cách khác. Như vậy tiêu chuẩn luật pháp ban cho con người là cố định và giới hạn nhưng sự khải thị và dấn dốt mà các tiên tri truyền cho họ thì linh động và vô hạn. Nếu dân Israel bằng lòng

vâng theo sự khải thị và dấn dốt của các tiên tri thì bởi đó họ có thể biết Đức Chúa Trời trong chính Thân vị của Ngài và biết được ý muốn của Ngài tại chính thời điểm đó. Họ cũng có thể làm cho mình phù hợp với chính Ngài và với ý muốn của Ngài trong khi hành động hay an nghỉ, trong lúc làm việc hay đánh trận.

VI. LUẬT SỰ SẴNG VÀ SỰ DẠY DỖ CỦA SỰ XỨC DỖ

Mặc dù luật pháp và các tiên tri của thời Cựu Ước có thể làm cho dân Israel biết Đức Chúa Trời, đó chỉ là một sự hiểu biết bên ngoài, không phải từ bên trong. Vì vậy trong thời Tân Ước, Đức Chúa Trời đặt Linh Ngài cùng với sự sẵng của Ngài bên trong chúng ta, làm cho chúng ta có thể hiểu biết Ngài từ bên trong. Luật sự sẵng, là luật đến từ sự sẵng của Ngài thay thế cho luật pháp thời Cựu Ước và làm cho chúng ta có khả năng nhận biết bản chất của Ngài từ bên trong. Sự dạy dỗ của sự xúc dỗ thay thế các tiên tri thời Cựu Ước, và làm cho chúng ta có khả năng nhận biết chính Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài từ bên trong.

A. Luật Sự Sẵng

Luật sự sẵng là tính chất và chức năng tự nhiên của sự sẵng, và tính chất của sự sẵng này là bản chất của sự sẵng. Vì vậy khi luật sự sẵng của Đức Chúa Trời trong chúng ta bày tỏ chức năng và điểu chỉnh chúng ta, thì luôn luôn cũng bày tỏ cho chúng ta biết bản chất của Đức Chúa Trời. Do đó luật sự sẵng làm cho chúng ta biết bản chất của Đức Chúa Trời. Sự nhận biết này không đòi hỏi sự dạy dỗ hay tri thức bên ngoài, cũng không cần luật thành văn hay các mệnh lệnh bên ngoài, nhưng bởi cảm thức tự nhiên được ban cho chúng ta do luật bên trong của sự sẵng. Chẳng hạn như nếu chúng ta cho một em bé nằm giẫm, nó sẽ nhả ra ngay. Nhưng nếu chúng ta cho bé ăn đường, nó sẽ chịu nuốt. Khả năng phân biệt chất chua và ngọt của đứa bé không dựa trên sự dạy dỗ nào, nhưng do chức năng tự nhiên của sự sẵng. Cũng vậy một người vừa mới được cứu và nhận lãnh sự sẵng của Đức Chúa Trời không muốn phạm tội.

Không phải vì người ấy sợ hình phạt của tội lỗi, mà vì bản chất thánh khiết của sự sống Đức Chúa Trời ở trong người ấy tự nhiên ghét tội, ghét ghi tội và có cảm thức không chịu được tội lỗi. Cảm thức ấy sâu hơn sự định tội của lương tâm. Do cảm thức ghét tội lỗi này mà chúng ta nhận biết bản chất thánh khiết của Đức Chúa Trời.

Phao-lô nói với các thánh đồ ở Ê-phê-sô “chúng tôi chịu lao khổ, dùng chính tay mình làm việc, khi bị mắng nhiếc thì chúng tôi chúc phước; khi bị bắt bớ thì chúng tôi nhịn chịu; khi bị phỉ báng thì chúng tôi khuyên lơn” (1 Cô. 4:12-13). Phao-lô có thể cư xử như vậy không chỉ vì sự sống của Đức Chúa Trời trong ông làm cho ông được như vậy, mà còn vì bản chất của sự sống Đức Chúa Trời trong ông là như vậy. Khi sống theo sự sống của Đức Chúa Trời, ông đụng chạm được bản chất của Ngài; nói cách khác ông nhận biết bản chất của Ngài.

Bản chất của sự sống Đức Chúa Trời, như thánh khiết, yêu thương, chân thật, trong sáng v.v... không bao giờ thay đổi từ đời đời đến đời đời, bất chấp những thay đổi của không gian và thời gian. Vì vậy, đặc tính của luật sự sống cũng cố định và không thay đổi. Bất kể thời gian và không gian, khi nào luật sự sống của Đức Chúa Trời hành động, bản chất của Ngài mà luật sự sống làm cho chúng ta có thể đụng chạm được thì luôn luôn cố định và không thay đổi.

Khi luật sự sống hành động trong chúng ta, làm cho chúng ta có khả năng biết được bản chất của Đức Chúa Trời thì kết quả là luật này làm cho cung cách, tính chất và sở thích của toàn bộ cuộc sống chúng ta đều phù hợp với bản chất của Đức Chúa Trời. Không như luật văn tự của thời Cựu Ước, vốn chỉ là những luật lệ bên ngoài, đòi hỏi cuộc sống bên ngoài của con người phải phù hợp với bản chất của Đức Chúa Trời. Đây là luật của Tân Ước, bởi sự hành động của sự sống bên trong, hòa lẫn bản chất của Đức Chúa Trời vào bản chất của chúng ta. Như vậy, làm cho bản chất của chúng ta chứa đựng yếu tố của bản chất Đức Chúa Trời và dần dần trở nên giống như bản

chết của Ngài. Bất cứ điều gì bên chết của Ngài yêu hay ghét, bên chết của chúng ta cũng yêu hay ghét y như vậy. Bây giờ, hễ khi nào chúng ta làm hay ngay cả chúng ta muốn làm những điều tội tã hay ô uế của quá khứ, luật sự sống bên trong sẽ làm cho chúng ta cảm thấy khó chịu, bất thường và bất an. Trái lại chúng ta càng làm những điều trong sáng, thánh khiết, phù hợp với bên chết của Đức Chúa Trời, chúng ta càng cảm thấy sự sống và bình an bên trong chúng ta. Bằng cách này cuộc sống của chúng ta tự nhiên thay đổi để phù hợp với bên chết của Đức Chúa Trời từ bên trong.

B. Sự Dạy Dỗ Của Sự Xức Dỗ

Trong Kinh Thánh, chỉ có 1 Giăng 2:27 nói về “sự dạy dỗ của sự xức dầu”. Chúng ta hiểu sự xức dầu (trong tiếng Anh là anointing) là một danh động từ nói đến hành động xức dầu, sự chuyển động và hành động của dầu. Theo biểu tượng của Cựu Ước và sự ứng nghiệm của Tân Ước, dầu trong Kinh Thánh chỉ về Thánh Linh (Ês. 61:1; Lu. 4:18). Vì dầu nói về Thánh Linh, sự xức dầu chính chính về sự hành động của Thánh Linh. Sự hành động của Thánh Linh trong chúng ta giống như sự xức dầu; vì vậy Kinh Thánh gọi điều này là “sự xức dầu”.

Vì sự xức dầu là sự hành động của Thánh Linh trong chúng ta, nên tự nhiên sự xức dầu khiến chúng ta có một cảm nhận bên trong để có thể nhận biết Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài. Khi sự xức dầu khiến chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài theo phương cách này thì sự xức dầu dạy dỗ chúng ta từ bên trong. Như vậy Kinh Thánh gọi sự xức dầu này là “sự dạy dỗ của sự xức dầu”.

Vì sự xức dầu là sự hành động của Thánh Linh trong chúng ta, và Thánh Linh là hiện thân của chính Đức Chúa Trời bên trong chúng ta, nên sự xức dầu cũng là chính Đức Chúa Trời hành động trong chúng ta. Đức Chúa Trời là Đấng vô hạn; nên tính chết của sự dạy dỗ do sự hành động và xức dầu của Ngài bên trong chúng ta cũng không thể nào bị giới hạn. Đôi khi Ngài ban cho chúng ta sự dạy dỗ này; đôi khi Ngài ban cho chúng

ta sự dạy dỗ khác. Điều này không giống như luật sự sống của Ngài, là luật có tính chặt chẽ định và không thay đổi. Luật của sự sống Ngài ra từ bên chặt chẽ định của sự sống Ngài và khiến chúng ta đụng chạm được bên chặt chẽ định của sự sống Ngài; vì vậy chức năng của luật này bên trong chúng ta là chặt chẽ định. Nhưng sự hành động của Thánh Linh Ngài đến từ bên thẳm vô hạn của Ngài, và làm cho chúng ta đụng chạm bên thẳm vô hạn của chính Ngài. Vì vậy sự dạy dỗ ra từ sự hành động của Ngài bên trong chúng ta cũng vô hạn, khiến chúng ta nhận được sự khải thị và sự dẫn dắt của Ngài, bởi đó làm cho chúng ta biết bên thẳm vô hạn và ý muốn vô hạn của Ngài.

Vì sự dạy dỗ của sự xúc động ban cho chúng ta sự khải thị và dẫn dắt từ chính bên thẳm vô hạn của Đức Chúa Trời, nên sự dạy dỗ Ngài có thể làm cho mọi hành vi của chúng ta, hành động và sự chọn lựa của chúng ta phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Điều này không giống như các tiên tri thời Cựu Ước là những người dạy dỗ người khác từ bên ngoài và đòi hỏi hành động của họ phải phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Đây là Thánh Linh như dẫu bên trong chúng ta, xúc vào chúng ta yếu tố của chính Đức Chúa Trời và làm cho chúng ta có thể hiểu ý muốn Đức Chúa Trời từ bên trong vì chúng ta đụng chạm được chính Đức Chúa Trời. Kết quả là không những hành động của chúng ta mà toàn con người chúng ta được đầy dẫy yếu tố của Đức Chúa Trời và phù hợp với ý muốn Ngài.

Như vậy, luật sự sống làm cho chúng ta đụng chạm được bên chặt chẽ của sự sống Đức Chúa Trời, điều khiến từ bên trong chúng ta theo bên chặt chẽ của sự sống Ngài. Sự xúc động khiến chúng ta đụng chạm Đức Chúa Trời, đụng chạm Thân vị của Ngài và xúc vào trong chúng ta chính yếu tố tính của Ngài. Vì có luật sự sống và sự xúc động liên tục hành động và dạy dỗ bên trong, chúng ta có thể nhận biết Đức Chúa Trời trong mọi sự mà không cần người khác dạy dỗ mình. Bất cứ khi nào chúng ta gặp một vấn đề về cách sống hay sở thích của cuộc sống, luật sự sống sẽ bày tỏ cho chúng ta biết bên chặt chẽ của Đức Chúa Trời trong những vấn đề này. Và khi chúng ta gặp một vấn đề

về hành động hay lựa chọn thì sự dạy dỗ của sự xúc động sẽ khiến chúng ta hiểu được Đức Chúa Trời xem Ngài cảm thấy thế nào về những việc đó này.

Ví dụ như chúng ta muốn mua một ít bộ y phục. Chúng ta có nên mua hay không là việc về sự dấn dặt bởi Thánh Linh trong hành động. Khi thấy sự xúc động sẽ dạy dỗ và hướng dẫn chúng ta. Khi chúng ta đến tiệm bán y phục, kiểu và màu sắc y phục mà chúng ta chọn lựa có liên quan đến sự thích của bạn chết của Đức Chúa Trời. Luật sự sống sẽ làm cho chúng ta cảm thấy được kiểu nào và màu nào là phù hợp với bạn chết của Đức Chúa Trời. Sự dấn dặt về việc chúng ta có nên đi đến tiệm để mua y phục hay không là điều không cố định. Có thể lần này chúng ta nên đi, và lần tới chúng ta không nên. Tuy nhiên sự thích về kiểu nào và màu nào chúng ta nên chọn thì không bao giờ thay đổi; lần nào chúng ta đi cũng đều giống nhau.

Chúng hạn chúng ta hãy xem xét có hai anh chị kia muốn lập gia đình với nhau. Họ nên thành hôn vào ngày nào là việc về cảm được dấn dặt trong hành động; điều này không liên quan đến bạn chết của Đức Chúa Trời. Không phải ngày một hay ngày mười lăm là phù hợp với bạn chết của Đức Chúa Trời, còn tất cả những ngày khác thì không. Vì đây là việc về sự dấn dặt trong hành động, nên việc này được quyết định bởi sự xúc động hay sự hành động bởi Thánh Linh. Tuy nhiên vào ngày cưới, kiểu y phục, cách tổ chức, buổi nhóm phải được sắp xếp ra sao, tính cách, thẩm mỹ và kiểu cách sao cho phù hợp với Hội thánh và thích hợp với các thánh đồ, đều là những việc về liên hệ đến bạn chết Đức Chúa Trời. Vì vậy những điều này không được dạy dỗ bởi sự xúc động nhưng được điều khiển bởi luật sự sống.

C. Mối Liên Hệ Giữa Hai Điều Này

Mặc dù luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc động không giống nhau và có những chức năng khác nhau, nhưng hai điều này liên hệ chặt chẽ với nhau. Mối tương quan nhân quả của hai

điều này không thể tách rời.

Luật sự sống bắt nguồn từ sự sống của Đức Chúa Trời, và sự sống của Đức Chúa Trời dựa trên và hàm chứa trong Linh của Đức Chúa Trời. Vì vậy luật này còn được gọi là “luật của Linh sự sống” (La. 8:2), và cũng là luật của Đức Thánh Linh. Mặc dù luật này ra từ sự sống của Đức Chúa Trời và tùy thuộc vào sự sống ấy, nhưng lại được thực hiện bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời, và sự hành động của Thánh Linh là sự xúc động. Vì thế, chức năng của luật nhất thiết phải được bày tỏ với sự xúc động. Khi nào sự xúc động dừng lại, chức năng của luật này nhất thiết cũng biến mất. Điều này chứng tỏ sự xúc động và chức năng của luật sự sống thật sự liên kết với nhau và không thể tách rời.

Hơn nữa sự dạy dỗ của sự xúc động cũng liên quan đến sự am hiểu của chúng ta về luật sự sống. Vì luật sự sống là chức năng tự nhiên của sự sống, sự hành động của luật này trong chúng ta thuộc về cảm nhận sự sống. Do luật của sự sống này, chúng ta chỉ có thể có một cảm nhận trong nơi sâu thẳm nhất của bản thân mình, một cảm nhận làm cho chúng ta cảm thấy được giục giã hay ngăn cấm, ưa thích hay ghét bỏ. Tuy nhiên chúng ta vẫn không thể hiểu được ý nghĩa của cảm nhận ấy. Để hiểu được ý nghĩa của cảm nhận bên trong ấy, chúng ta cần sự dạy dỗ của sự xúc động. Chỉ khi nào được sự xúc động dạy dỗ, chúng ta mới hiểu ý nghĩa của sự cảm nhận ban cho chúng ta từ luật sự sống. Chẳng hạn như một đứa bé lớn đầu tiên nếm đường và muối có thể do khả năng tự nhiên của sự sống bên trong cảm nhận được sự khác nhau về mùi vị; tuy nhiên nó vẫn không biết hai điều này là gì. Thế nhưng, khi mẹ đứa bé nói cho nó biết loại ngọt gọi là đường và loại mặn gọi là muối, thì không những nó biết vị của hai loại này khác nhau mà còn biết hai vị này là gì nữa.

Cũng vậy khi một anh em được cứu, anh có sự sống của Đức Chúa Trời bên trong. Do đó nếu anh đi coi hát bóng, uống rượu hay hút thuốc là những điều không phù hợp với bản chất của sự sống Đức Chúa Trời trong anh, bản chất của sự sống

này sẽ làm cho anh cảm thấy bất rút và không bình an cho đến khi anh từ bỏ chúng. Đây là cảm nhận bản sinh của sự sống Đức Chúa Trời bày tỏ cho anh. Tuy nhiên dù anh cảm thấy bất rút khó chịu khi làm những điều này, anh vẫn không hiểu vì sao mình lại bất rút khó chịu. Cho đến khi nhờ sự dạy dỗ của Kinh Thánh, sự xúc động bày tỏ cho anh biết tất cả những điều này là không phù hợp với bản chất của sự sống thánh khiết của Đức Chúa Trời trong anh, anh mới biết nguyên nhân của sự bất rút khó chịu ấy. Vào thời điểm này, không những anh có cảm thức về cảm nhận bản sinh của sự sống Đức Chúa Trời đã ban cho anh, mà anh còn có sự dạy dỗ của sự xúc động làm cho anh hiểu biết nữa. Như vậy không những chức năng của luật sự sống được bày tỏ bởi sự xúc động, mà ý nghĩa của cảm nhận của luật sự sống cũng được bày tỏ qua sự dạy dỗ của sự xúc động nữa.

Mặt khác sự hành động của luật sự sống cũng liên quan đến sự am hiểu của chúng ta về sự dạy dỗ của sự xúc động. Theo kinh nghiệm, chúng ta biết rằng khả năng hiểu được sự dạy dỗ của sự xúc động tùy thuộc vào sự tăng trưởng của sự sống. Mức độ hiểu biết của chúng ta về sự dạy dỗ của sự xúc động tùy thuộc vào mức độ tăng trưởng của sự sống chúng ta. Chẳng hạn nếu đứa bé nằm đường và muỗi khi còn quá nhỏ, dù mẹ nó đã dạy chút ngọt là đường, chút mặn là muỗi, nó vẫn không thể hiểu rõ được. Nhất thiết phải chờ đợi đến khi nó lớn lên đến một mức độ nào đó, khi ấy nó mới hiểu rõ được. Nguyên tắc này cũng được áp dụng cho việc hiểu biết sự dạy dỗ của sự xúc động. Sự sống cần phải tăng trưởng một cách đầy đủ. Nếu muốn hiểu rõ hơn về sự dạy dỗ của sự xúc động, chúng ta phải càng tăng trưởng trong sự sống. Sự sống tăng trưởng là do sự hành động của luật sự sống. Luật sự sống càng hành động, chúng ta sẽ càng tăng trưởng trong sự sống, và chúng ta sẽ càng am hiểu sự dạy dỗ của sự xúc động. Như vậy sự hành động của luật sự sống có thể làm gia tăng sự hiểu biết của chúng ta về sự xúc động.

Vì vậy chúng ta cần nhớ rằng luật sự sống và sự xúc động

không những có liên quan với nhau mà còn ảnh hưởng lẫn nhau. Chính mối tương quan và tác động hỗ tương giữa hai điều này làm cho chúng ta càng ngày càng nhận biết Đức Chúa Trời bên trong cho đến khi chúng ta biết Ngài một cách đầy đủ và phong phú.

D. Sự So Sánh Giữa Hai Điều Này

Chúng ta đã thấy luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc động khác nhau như thế nào, và hai điều này có liên hệ hỗ tương và bổ sung cho nhau ra sao. Bây giờ chúng ta sẽ so sánh một cách đơn giản và rõ ràng về sự hiểu biết Đức Chúa Trời để xem hai điều này giúp chúng ta hiểu biết Ngài như thế nào. Sự so sánh này sẽ giúp chúng ta thấy rõ hơn.

Vì luật sự sống là chức năng tự nhiên của sự sống Đức Chúa Trời, nên sự hiểu biết Đức Chúa Trời mà luật sự sống ban cho chúng ta chỉ thuộc về một loại mà thôi, đó là làm cho chúng ta nhận biết bản chất của sự sống Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên vì sự dạy dỗ của sự xúc động là do Linh của chính Đức Chúa Trời hành động, nên ít nhất cho chúng ta ba loại hiểu biết về Đức Chúa Trời:

Trước hết, sự dạy dỗ của sự xúc động làm cho chúng ta nhận biết chính Đức Chúa Trời. Điều này nghĩa là chúng ta đụng chạm chính Ngài, bởi đó kinh nghiệm Ngài và nhận được chính Ngài.

Thứ hai, sự dạy dỗ của sự xúc động làm cho chúng ta nhận biết ý chí của Đức Chúa Trời. Điều này nghĩa là chúng ta hiểu sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời trong hành động của mình. Điều này có thể chia ra làm hai loại: sự dẫn dắt thông thường và sự dẫn dắt đặc biệt. Sự dẫn dắt thông thường dành cho đời sống hằng ngày của chúng ta. Sự dẫn dắt đặc biệt dành cho kế hoạch công tác của Chúa. Như chúng ta đã nói, việc chúng ta nên hay không nên mua một bộ y phục nào đó, hay nên làm đám cưới vào ngày nào,... đều là những ví dụ về sự dẫn dắt trong đời sống thường ngày. Mặt khác, việc Anh Hudson Taylor cảm

thầy anh nên đem phúc âm của Chúa đến Trung Hoa nội địa là một sự dấn dật đặc biệt trong công tác của Chúa.

Thứ ba, sự dạy dỗ của sự xúc động làm cho chúng ta nhận biết lẽ thật. Nghĩa là chúng ta nhận được sự khải thị về lẽ thật. Điều này cũng được chia ra làm hai loại thông thường và đặc biệt. Khải thị thông thường liên quan đến cách cư xử giữa con người chúng ta với nhau. Chẳng hạn như tín đồ chúng ta “không mang ách chung với kẻ chẳng tin” (2 Cô. 6:14), hoặc mọi điều chúng ta làm, nên “làm vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (1 Cô. 10:31). Mặt khác, sự khải thị đặc biệt liên quan đến chương trình của Đức Chúa Trời, chẳng hạn như sự nhận thấy huyền nhiệm của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ (Côl. 2:2) và chức năng của Hội thánh trong mối liên hệ với Đấng Christ (Êph. 1:23).

Sau khi thấy những điểm này, chúng ta nhận thấy tri thức bên trong được ban cho chúng ta bởi luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc động thật là phong phú, bao hàm hầu hết mọi hành động của Đức Chúa Trời bên trong chúng ta, và như vậy làm cho chúng ta có khả năng hiểu biết đầy đủ thấu đáo và phong phú về Đức Chúa Trời.

VII. BẰNG CHỨNG CỦA KINH THÁNH

Cảm nhận bên trong được ban cho chúng ta do luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc động làm cho chúng ta có khả năng nhận biết Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, mặc dù cảm nhận bên trong có thể hoàn toàn đúng và thật, cảm nhận này vẫn cần được chứng minh bằng sự dạy dỗ và những nguyên tắc của Kinh Thánh. Nếu cảm thức chúng ta có bên trong không phù hợp với sự dạy dỗ và những nguyên tắc của Kinh Thánh, chúng ta không nên chấp nhận cảm thức ấy. Bằng cách này chúng ta sẽ được gìn giữ khỏi tình trạng bị lừa dối hoặc đi đến chỗ cực đoan, và vì thế chúng ta sẽ được đứng vững và vững vàng.

Cho dù cảm thức bên trong đến từ luật sự sống trong linh chúng ta hay đến từ Thánh Linh như sự xúc động, cũng đều cần

phải phù hợp với lẽ thật của Kinh Thánh. Nếu cảm thức bên trong chúng ta không phù hợp với lẽ thật của Kinh Thánh, chắc chắn cảm thức ấy không đến từ luật sự sống hay sự dạy dỗ của sự xúc động. Mặc dù cảm thức bên trong có thể sống động, nhưng lẽ thật trong Kinh Thánh là chính xác và an toàn. Nếu chỉ có riêng lẽ thật Kinh Thánh thì sẽ có tính cách chính xác và an toàn nhưng không sống động, còn nếu có riêng cảm nhận bên trong mà thôi thì đôi khi sống động mà không chính xác, hoặc là sống động mà không an toàn. Giống như một chiếc xe lửa đang tiến về phía trước: không những chỉ có sức mạnh bên trong mà thôi, nhưng cần phải có cả đường ray bên ngoài. Dĩ nhiên nếu chỉ có đường ray bên ngoài mà không có sức mạnh bên trong thì xe lửa cũng không thể nào chuyển động được. Tuy nhiên nếu chỉ có sức mạnh bên trong mà không có đường ray bên ngoài, mặc dù tàu có thể chạy được đấy nhưng chắc chắn nó sẽ gặp tai họa. Vì vậy chúng ta không những chỉ cần cảm nhận sống động bên trong, nhưng cần có lẽ thật chính xác ở bên ngoài. Cảm thức sống động bên trong đến từ luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc động, còn lẽ thật chính xác bên ngoài tùy thuộc vào sự dạy dỗ của những lời viết (thành văn) trong Kinh Thánh và ánh sáng của những nguyên tắc Kinh Thánh.

Khi dân Israel bước đi trong đống vung, trụ mây dẫn dắt họ ban ngày và trụ lửa dẫn dắt họ ban đêm. Cũng vậy khi tình trạng thuộc linh của chúng ta sáng tỏ như ban ngày, khi người bên trong chúng ta sáng rõ như giữa trưa và cảm nhận bên trong của mình rõ ràng và chính xác, chúng ta có thể bước đi trên con đường đúng đắn của Đức Chúa Trời với sự dẫn dắt của Thánh Linh được tượng trưng bằng trụ mây. Nhưng đôi lúc tình trạng thuộc linh bên trong chúng ta tăm tối như bóng đêm; cảm nhận bên trong của chúng ta mù mờ và thiếu ánh sáng. Khi ấy chúng ta cần Kinh Thánh, được tượng trưng bằng trụ lửa, làm ngọn đèn cho chân chúng ta và ánh sáng cho lối đi chúng ta để dẫn dắt chúng ta bước trên con đường ngay thẳng của Đức Chúa Trời.

Vì vậy nếu muốn đi trên con đường an toàn của sự sống và lẽ thật, chúng ta nên kiểm tra và thử nghiệm mọi cảm thức, mọi sự dấn dật và khi thì bằng sự dạy dỗ và các nguyên tắc của quyển năng thật và sức mạnh an toàn. Chỉ có tình trạng quân bình như vậy mới làm cho chúng ta tiến tới mà không bị phiến diện.

VIII. “SỰ DẠY DỖ” BÊN NGOÀI

Dẫu vậy một mặt Kinh Thánh nói vì chúng ta có luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc động bên trong, chúng ta có thể biết Đức Chúa Trời và không cần người khác dạy dỗ mình, nhưng mặt khác nhiều nơi trong Kinh Thánh nói đến sự dạy dỗ của con người. Chẳng hạn những phân đoạn như 1 Cô-rin-tô 4:17; 14:19; 1 Ti-mô-thê 2:7; 3:2; 2 Ti-mô-thê 2:2, 24 v.v... nói sứ đồ Phao-lô dạy dỗ người ta, và ông muốn những người khác cũng học cách dạy dỗ người khác. Điều này có ba lý do chính yếu.

Trước hết mặc dầu cảm nhận bên trong được ban cho chúng ta từ luật sự sống, và sự dạy dỗ của sự xúc động là để để chúng ta hiểu biết Đức Chúa Trời, và như vậy chúng ta không cần sự dạy dỗ của con người, tuy nhiên chúng ta thường không lắng nghe và chăm chú theo cảm thức ấy. Chúng ta yếu đuối đặc biệt trong việc nghe lời Đức Chúa Trời. Đôi lúc chúng ta không nghe và đôi khi chúng ta không muốn nghe. Những người có tâm trí bệnh hoạn, những người chướng quan, những người khẳng khẳng theo ý mình, và những người cố ý khép lòng mình lại thường không thể nghe. Và những ai không yêu Chúa, họ không muốn trả giá, không muốn theo Chúa và cũng không muốn nghe. Vì họ không muốn nghe, nên tự nhiên họ không nghe, vì họ không nghe nên họ lại càng không muốn nghe. Vì vậy nhiều khi không phải Chúa không phán, hay sự sống của Ngài không đi xuống, hoặc sự xúc động của Ngài không dạy dỗ, nhưng vì chúng ta không nghe. Gióp 33:14 nói: “Đức Chúa Trời phán một lần, hoặc hai lần; nhưng người ta không để ý đến”. Chúng ta còn có những tình trạng tệ hơn nữa. Ngay cả khi Ngài phán

năm, mười hoặc hai mươi lăm, chúng ta vẫn không nghe. Nhưng tạ ơn Đức Chúa Trời, Ngài vẫn tha thứ và nhân nại. Nếu chúng ta không nghe những gì Ngài phán bên trong, Ngài dùng sự dạy dỗ của con người bên ngoài để lập lại. Ngài đã phán bên trong chúng ta rồi, nhưng vì chúng ta không nghe, nên Ngài dạy chúng ta từ bên ngoài, qua loài người, để lập lại những gì Ngài đã phán ở bên trong.

Dưới thời Tân Ước có nhiều sự dạy dỗ theo nguyên tắc lập lại này. Trong các thư tín, lời này thường được lập lại: “Anh em há chẳng biết rằng...” Điều này nói anh em đã nghe và biết rồi, nhưng anh em không quan tâm và nghe; vì vậy Đức Chúa Trời dùng con người để dạy lại. Cho nên, nhiều lần Đức Chúa Trời dùng lời Kinh Thánh hay các đấng tớ Ngài để dạy dỗ chúng ta. Ngài không làm như vậy để thay thế sự dạy dỗ của Ngài ở bên trong, nhưng để lập lại những gì Ngài đã dạy chúng ta ở bên trong. Mặc dù sự dấn dốt bên ngoài và sự dạy dỗ bên trong hỗ trợ cho nhau, nhưng điều bên ngoài không thể thay thế điều ở bên trong mà chỉ là lập lại điều ở bên trong.

Vì vậy, ngày nay khi giúp đỡ người khác trong các vấn đề thuộc linh, chúng ta không nên cho họ mười điều răn để dạy họ phải làm như thế này hoặc thế kia một cách khách quan. Chúng ta chỉ có thể giúp ích những gì Đức Chúa Trời đã chỉ định về nguyên tắc để làm chứng cho lời Ngài đã nói ở bên trong và lập lại những gì Ngài đã dạy họ từ bên trong. Chúng ta không nên dạy họ một cách khách quan phải làm như thế này hay thế kia một cách chi tiết. Đây là điều các tiên tri trong thời Cựu Ước đã làm. Trong thời Tân Ước, chỉ có các tiên tri dành cho hội thánh, giúp ích những gì Đức Chúa Trời đã chỉ định trên nguyên tắc. Không có tiên tri nào dành cho cá nhân để quyết định các vấn đề một cách chi tiết. Việc giúp quyết một cách chi tiết là điều Đức Chúa Trời bày tỏ cho mọi người từ bên trong bởi luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc động. Đây là nguyên tắc của Tân Ước. Như vậy mặc dù chúng ta nên khiêm nhường nhận lãnh sự dạy dỗ từ người khác, nhưng những gì luật sự sống bên trong điều khiển chúng ta

hoặc sự dạy dỗ của sự xúc động đã dạy chúng ta mới là điều thật sự chi đạo chúng ta. Nếu không, điều này không phù hợp với nguyên tắc Tân Ước.

Lý do thứ hai cho sự dạy dỗ của con người trong thời Tân Ước là mặc dù luật của sự sống và sự xúc động có thể làm cho chúng ta biết Đức Chúa Trời, nhưng cảm thức và sự dạy dỗ nội tâm trong linh mình. Nếu không nhận sự dạy dỗ từ bên ngoài một cách đầy đủ, tâm trí chúng ta sẽ khó có thể hiểu được cảm thức và sự dạy dỗ trong linh mình bởi luật sự sống và sự xúc động. Để tâm trí chúng ta có thể hiểu được cảm thức và sự dạy dỗ ban cho mình bởi luật sự sống và sự xúc động từ bên trong, chúng ta cần loài người dạy chúng ta đường lối của Đức Chúa Trời từ bên ngoài. Càng được dạy dỗ từ bên ngoài, tâm trí chúng ta càng hiểu được cảm thức và sự dạy dỗ của luật sự sống và sự xúc động ở bên trong. Càng nhận được sự dạy dỗ từ bên ngoài, tâm linh chúng ta càng tăng trưởng, do đó chúng ta càng nhường bước và tạo cơ hội cho luật sự sống và sự xúc động để hai điều này bày tỏ chức năng và cho chúng ta một cảm thức và sự dạy dỗ sâu xa hơn. Vì vậy mặc dù luật sự sống và sự xúc động thật ra cho chúng ta cảm thức và sự dạy dỗ từ bên trong, nhưng chúng ta vẫn cần sự dạy dỗ của loài người từ bên ngoài. Tuy nhiên, sự dạy dỗ từ bên ngoài này không thể và không nên thay thế cho cảm thức và sự dạy dỗ của luật sự sống và sự xúc động từ bên trong. Sự dạy dỗ từ bên ngoài chỉ giúp chúng ta hiểu cảm nhận sự dạy dỗ bên trong và cho luật sự sống và sự xúc động có cơ hội dạy chúng ta một cảm thức và sự dạy dỗ sâu xa hơn. Sự dạy dỗ của loài người từ bên ngoài luôn luôn cần có một tiếng "a-men" hoặc "một tiếng vang" từ cảm thức và sự dạy dỗ ở bên trong gây ra bởi luật sự sống và sự xúc động. Đó là điều phù hợp với nguyên tắc của Tân Ước. Sự dạy dỗ và dẫn dắt từ bên trong và bên ngoài không được thay thế cho nhau, nhưng hỗ trợ cho nhau.

Thứ ba, mặc dù luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc động có thể làm cho chúng ta biết Đức Chúa Trời trong mọi sự, tuy

nhiên, đi với những lễ thật thuộc về những điều sâu xa của Đức Chúa Trời và tri thức căn bản về sự sống thuộc linh, chúng ta thường nhìn nhận những người khác, là những người có chức vụ lời trong sự khải thị của Đức Chúa Trời dạy chúng ta hiểu. Chúng ta nhìn sự nhận biết có tính cách chủ quan, đến từ sự xúc động và luật sự sống từ bên trong, nhưng thông thường nếu thiếu sự dạy dỗ khách quan của người khác, chúng ta không thể nhận được tri thức chủ quan từ bên trong. Đương nhiên trong thời Tân Ước, sự dạy dỗ khách quan từ bên ngoài không thể thay thế sự nhận biết chủ quan ở bên trong; nhưng thường thì sự nhận biết chủ quan ở bên trong đạt được do sự dạy dỗ khách quan từ bên ngoài.

Vì ba lý do trên, Đức Chúa Trời thường dạy lên những người có tri thức và kinh nghiệm thuộc linh trước mặt Ngài và định cho họ dạy dỗ và hướng dẫn chúng ta. Mong rằng, một mặt chúng ta tôn kính những gì Đức Chúa Trời dạy dỗ chúng ta từ bên trong qua luật sự sống và sự xúc động, và về mặt khác chúng ta cũng không thờ ơ đi với sự dạy dỗ Đức Chúa Trời ban cho chúng ta qua người khác từ bên ngoài. Chúng ta không nên từ chối sự dạy dỗ của loài người từ bên ngoài chỉ vì chúng ta có luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc động từ bên trong. Chúng ta thật cảm tạ Chúa vì đã ban cho chúng ta luật sự sống và sự dạy dỗ của sự xúc động, nhưng chúng ta vẫn nên khiêm nhường và làm cho mình trong không để nhận lãnh sự dạy dỗ và sự dẫn dắt Đức Chúa Trời ban cho chúng ta qua loài người. Chúng ta hãy nhớ rằng dưới thời Tân Ước, Đức Chúa Trời không những ban cho chúng ta luật sự sống và sự xúc động để dạy chúng ta từ bên trong, nhưng Ngài cũng ban cho chúng ta những người dạy dỗ và dẫn dắt từ bên ngoài.

IX. NHẬN BIẾT TRONG LINH VÀ HIỂU BIẾT TRONG TÂM TRÍ

A. Nhận Biết Trong Linh

Vì tri thức bên trong đến từ luật sự sống và từ sự dạy dỗ của Linh Đức Chúa Trời là sự xúc động, và cả hai đều ở trong linh chúng ta, nên tri thức từ bên trong này chắc chắn được

bày tỏ cho chúng ta trong linh mình. Ngoại trừ những câu hỏi đúng, sai được quyết định do phần lương tâm trong linh chúng ta, tri thức trong linh có thể kể là trách nhiệm của phần trực giác của linh chúng ta. Vì vậy nếu muốn hiểu tri thức bên trong, chúng ta cần phải biết trực giác của linh là gì.

Cả thân và hồn con người đều có cảm giác. Như thân thể có thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác và xúc giác, hồn có cảm giác như vui, buồn, mừng, giận... Vậy, linh của con người cũng có cảm nhận của lương tâm và cảm nhận của trực giác. Lương tâm chúng ta sẽ có cảm nhận khi đứng trước vấn đề đúng, sai; trực giác có cảm nhận trực tiếp mà không cần một nguyên nhân nào cả. Kinh Thánh cho chúng ta biết linh có thể “muốn” (Mat. 26:41), có thể “biết” lý luận của lòng con người (Mác 2:8), có thể “thờ dài” (Mác 8:12), có thể “định” (Công. 19:21) và có thể “bực tức”, “sốt sùng” và “được làm tươi mới” (Công. 17:16; 18:25; 2 Cô. 7:13). Tất cả những điều này là cảm nhận của trực giác của linh. Chúng ta có thể nói trực giác của linh có nhiều cảm nhận y như hồn.

Tuy nhiên trực giác của linh khác với cảm nhận của hồn. Sự khác biệt chính yếu là cảm nhận của hồn nảy sinh từ một nguyên nhân, nhưng trực giác của linh không có nguyên nhân. Nguyên nhân cảm nhận của hồn không gì khác hơn là từ con người, sự kiện và những điều bên ngoài. Dù là một người, một sự việc hay một điều gì, cũng có thể tạo trong chúng ta một cảm thức của hồn. Nếu điều đó vui, chúng ta sẽ cảm thấy mừng rỡ, nếu điều đó buồn, chúng ta sẽ cảm thấy thương hại. Những cảm nhận của hồn do những ảnh hưởng bên ngoài, là những cảm nhận có nguyên nhân. Tuy nhiên trực giác của linh không đến từ một nguyên nhân nào, nghĩa là không có một môi giới, nhưng trực tiếp bày tỏ sâu trong linh; trực giác ấy không những không chịu ảnh hưởng của con người, sự việc hay vật nào ở bên ngoài, mà cũng không chịu ảnh hưởng của cảm nhận của hồn. Thật ra trực giác thường hoạt động trái ngược với cảm nhận của hồn.

Ví dụ như, đôi lúc chúng ta muốn làm một điều nào đó. Chúng

ta có lý luận đōy đō, lòng rōt vui mừng, và chúng ta muōn thực hiện điōu đó. Tuy nhiên chúng ta không biōt vì sao linh mình có một tình trạng không thō diōn tō đưōc. Chúng ta cōm thōy rōt nặng nō và chán chường, dường như linh đang chōng đōi điōu tâm trí suy nghĩ, tình cōm yêu thích và ý chí quyōt định. Dường như linh chúng ta lên tiōng nhōc chúng ta không nên thực hiện điōu mình đã dự định. Một cōm thức như vậy là sự ngăn cōm cōa trực giác trong linh. Đôi lúc có điōu nào đó mà không có lý do gì đō hō trợ; điōu đó cũng trái với sō thích cōa chúng ta, mà chúng ta không muōn thực hiện. Tuy nhiên mặc dōu không biōt tại sao, chúng ta không ngōt cōm thōy trong linh một sự giục giã, thúc đōy, ước ao chúng ta làm điōu đó. Một khi làm theo, chúng ta thật dō chịu bên trong. Cōm thức ōy là sự giục giã cōa trực giác trong linh.

Sự ngăn cōm hay giục giã cōa trực giác trong linh xōy ra không vì một nguyên nhân nào. Đây là một cōm nhận sâu xa hơn do sự hành động cōa luật sự sōng và sự xúc dōu. Vì vậy chúng ta có thō trực tiōp đưōc chạm Đức Chúa Trời và biōt ý muōn cōa Ngài. Sự nhận biōt trong trực giác cōa linh ōy đưōc Kinh Thánh gọi là “sự khōi thị”. Như vậy sự khōi thị không gì khác hơn là Thánh Linh trong linh chúng ta bày tō cho chúng ta biōt thực chōt cōa một sự kiện nào đó đō chúng ta có thō hiōu điōu ōy một cách rõ ràng. Chúng ta có thō nói sự nhận biōt này là sự hiōu biōt sâu xa nhōt vō Đức Chúa Trời trong chúng ta. Đây cũng là sự nhận biōt bō trong mà chúng ta đang nói đōn.

B. Sự Hiōu Biōt Cōa Tâm trí

Mặc dōu tri thức bō trong nằm trong trực giác cōa linh chúng ta, nó vōn phōi đưōc tâm trí cōa hōn hiōu biōt. Lý do là vì tâm trí là cơ quan đō hiōu biōt và thông hiōu. Vì vậy tri thức bō trong không chō cōn đưōc nhận biōt bōi linh, mà còn cōn đưōc am tường bōi tâm trí. Nhận biōt cōa trực giác trong linh cōn phōi có sự hiōu biōt cōa tâm trí kèm theo đō có đưōc sự thông hiōu. Hiōu biōt cōa tâm trí là sự thông giōi những điōu thuộc trực giác cōa linh bằng tâm trí. Khi nào

chúng ta có một cảm thức của trực giác trong linh mình, tâm trí chúng ta cần hiểu và giải thích được cảm thức đó. Điều này có nghĩa là chúng ta đem con người, sự việc hay sự vật có liên hệ mà kiểm tra chúng với cảm thức của trực giác trong linh. Chúng ta kiểm nghiệm cho đến khi linh đồng ý. Khi ấy chúng ta biết ý định của Thánh Linh và có thể hành động phù hợp.

Chúng hạn như khi đến với Chúa và cảm thấy có gánh nặng trong trực giác sâu thẳm bên trong, chúng ta biết sự dấn dặt của Đức Chúa Trời đã đến với mình. Đây là một sự nhận biết trong linh. Tuy nhiên có thể chúng ta không biết chắc Đức Chúa Trời muốn dấn dặt chúng ta giêng Phúc-âm hay đi thăm một anh em. Nếu là thăm một anh em thì chúng ta nên thăm anh em nào? Tất cả những điều này cần sự hiểu biết của tâm trí. Trong tâm trí mình, chúng ta nên đặt những gì chúng ta cần làm trước mặt Đức Chúa Trời, từng điều một, và kiểm tra bằng trực giác bên trong. Khi dâng trình việc thăm các anh em, nếu có một sự đáp ứng bên trong, chúng ta biết Đức Chúa Trời muốn thăm một vài anh em. Sau đó, trong sự tương giao với Đức Chúa Trời, chúng ta dâng lên thêm nữa, từng anh em một trong số nhiều anh em chúng ta muốn thăm và kiểm tra với trực giác của linh. Khi chúng ta cân nhắc về một anh em đang có nhu cầu, có thể trong linh không có sự đáp ứng. Khi chúng ta cân nhắc về một anh em đang đau ốm, có thể cũng không có sự ưng thuận. Nhưng khi chúng ta cân nhắc về một anh em khác đang gặp rắc rối, trực giác trong linh đáp ứng, và dường như có con người bên trong chúng ta nói: "A-men!" Nếu ngại mình có thể sai lầm, chúng ta có thể rà soát lại thêm những anh em khác cần được thăm viếng. Nếu linh không đáp ứng người nào cả, chúng ta hiểu người mà Chúa muốn chúng ta thăm là anh em đang gặp rắc rối. Đây là sự dụng tâm trí để hiểu những gì chúng ta nhận biết trong linh, hoặc dùng tâm trí để giải thích cảm thức trong linh.

Một ví dụ khác, chúng hạn trong khi cầu nguyện, anh em có gánh nặng, cảm thấy Đức Chúa Trời muốn anh em nói một điều

gì đó với các anh chị em. Gánh nặng này là sự nhận biết trong trực giác. Tuy nhiên Đức Chúa Trời muốn anh em nói điếu gì thì anh em chưa rõ. Việc này đòi hỏi anh em phải lần lượt đem từng sự điệp mà anh em muốn chia sẻ đứng trước mặt Chúa và kiểm tra với gánh nặng trong linh mình. Khi kiểm tra với vấn đề x lý xác thật, thì linh đồng ý. Khi ấy anh em hiểu Đức Chúa Trời muốn anh em nói với đề tài này. Sự hiểu biết này là sự thấu hiểu của tâm trí. Như vậy gánh nặng của trực giác trong linh bày tỏ cho anh em hiểu Đức Chúa Trời muốn anh em làm một điếu nào đó, và sự hiểu biết của tâm trí trong hồn khiến anh em có khả năng thấu hiểu điếu Đức Chúa Trời muốn anh em làm là gì.

Có lẽ vào ngày của Chúa, như thường lệ anh em muốn dâng một số tiến. Nhưng linh anh em có gánh nặng, anh em cảm thấy Chúa muốn mình dâng một số tiến đặc biệt. Nhưng Chúa muốn anh em dâng bao nhiêu, cho vấn đề gì, cho người nào là những điếu cần phải hiểu bằng tâm trí. Bằng cách này, không những trực giác của anh em có gánh nặng của Đức Chúa Trời, mà tâm trí anh em còn biết ý định của Ngài nữa. Vậy thì đây là sự nhận biết bên trong.

Cách làm việc như vậy có vẻ luộm thuộm. Tuy nhiên khi một người bắt đầu dùng tâm trí để học cách đi đến gần cảm thức của linh, người ấy nên thực hiện theo cách ấy. Về sau khi đã quen thuộc với cách làm việc như vậy và trở nên thành thạo, ngay khi có cảm thức hay sự nhận biết trong linh, tâm trí có thể hiểu ngay lập tức và hiểu biết rõ ràng.

X. PHƯƠNG CÁCH NHẬN ĐƯỢC SỰ NHẬN BIẾT BÊN TRONG

Bây giờ khi đã thấy mọi một khía cạnh của sự nhận biết bên trong, chúng ta cần thấy cách thực hành hay cách nhận được sự nhận biết bên trong. Để nhận được sự nhận biết bên trong, chúng ta phải vận dụng linh, đổi mới tâm trí và điếu chính tâm lòng.

A. Vận Dụng Linh

Vì sự nhận biết bên trong nằm trong trực giác của linh chúng ta nên nếu muốn nhận được sự hiểu biết này, chúng ta phải thường xuyên vận dụng và sử dụng linh để linh mình trở nên sống động và mạnh mẽ. Chỉ khi nào linh chúng ta sống động và mạnh mẽ, trực giác của linh mới có cảm thức và nhạy bén, và mới làm cho chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời từ bên trong.

Để vận dụng linh, trước hết chúng ta phải học tập quay về linh. Nếu thường xuyên sống trong con người bên ngoài, chúng ta sẽ không có cách nào nhận biết Đức Chúa Trời trong trực giác của linh. Chúng ta phải học tập gạt bỏ những hoạt động bận rộn bên ngoài và những vướng vấp sang một bên. Chúng ta phải kiểm soát để không những dừng quá bận rộn ở bên ngoài, mà còn phải giữ tư tưởng mình đừng chạy lung tung. Trái lại chúng ta nên lưu ý đến chuyển động của linh, là cảm thức sâu xa bên trong. Cậu bé Sa-mu-ên phụng sự Chúa, có thể nghe được tiếng Ngài; Ma-ri yên lặng ngồi dưới chân Chúa, có thể hiểu được lời Ngài. Như vậy nếu chúng ta có thể quay về linh để được gần Đức Chúa Trời, chúng ta có thể thật sự đụng chạm đến cảm thức của Đức Chúa Trời trong linh và do đó được nhận biết Ngài.

Chúng ta cũng cần vận dụng và sử dụng linh trong cuộc sống hằng ngày. Dù cư xử với người khác, đi đâu khi cần công việc, hành xử mọi đi đâu hay trong những buổi nhóm phụng sự Chúa và cung ứng lời Đức Chúa Trời; dù trong khi nói chuyện với người khác hoặc ngay cả trong lúc làm ăn, trong mọi việc chúng ta phải từ chối hẳn và để linh dẫn dắt. Chúng ta không được để cho tâm trí, tình cảm hay ý chí hướng dẫn, nhưng trong mọi sự, trước hết hãy cố gắng đụng chạm cảm thức sâu xa trong linh. Tức là, trước hết chúng ta hãy tìm cách hiểu Chúa là Đấng ở trong linh chúng ta muốn nói gì. Nếu chúng ta tiếp tục vận dụng linh như vậy, cảm thức trong linh sẽ chắc chắn trở nên nhạy bén, khi này sự hiểu biết bên trong sẽ dần dần gia tăng và được sâu nhiệm hơn.

Trong sự vận dụng linh, cách thực hành tốt nhất là cầu nguyện, vì cầu nguyện đòi hỏi chúng ta vận dụng linh hơn bất cứ sinh hoạt nào khác. Chúng ta thường thích nói chuyện phiếm chứ không muốn cầu nguyện hoặc ngợi khen Chúa; vì vậy linh chúng ta thường khô héo. Nếu mỗi ngày chúng ta có thể đi ra một giờ hay hơn mà cầu nguyện, không phải đi cầu xin, nhưng đi thờ phượng, tương giao và ngợi khen Chúa, chẳng bao lâu chắc chắn linh chúng ta sẽ lớn lên và trở nên mạnh mẽ. Tác giả Thi Thiên nói mỗi ngày ông ngợi khen Chúa bấy lớn (Thi. 119:164). Nếu những người luyện quyền anh đi ra một giờ tập thành mỗi ngày, sau một thời gian những cú đấm của họ sẽ rất mạnh. Cũng vậy nếu vận dụng linh mỗi ngày đi cầu nguyện, chắc chắn chúng ta sẽ có một linh mạnh mẽ. Khi linh mạnh mẽ, chắc chắn trực giác sẽ nhạy bén. Với một trực giác nhạy bén, chúng ta sẽ nhận biết Đức Chúa Trời nhiều hơn.

B. Đổi Mới Sự Hiểu Biết

Như chúng ta đã đề cập, sự nhận biết bên trong không những đòi hỏi sự nhận biết trong linh, mà cả sự hiểu biết của tâm trí. Vì vậy nếu muốn nhận được tri thức bên trong, chúng ta cần vận dụng linh và đổi mới sự hiểu biết của tâm trí. Tâm trí là cơ quan để hiểu biết, và hiểu biết là khả năng chính của tâm trí.

La Mã 12:2 cho chúng ta thấy chỗ nào tâm trí, vốn chứa đựng sự hiểu biết, được đổi mới và biến đổi, chúng ta mới có thể “thực nghiệm ý chí tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời là thế nào”. Cô-lô-se 1:9 cũng bày tỏ khi có “sự hiểu biết thuộc linh”, chúng ta có thể “được đầy dẫy sự nhận biết ý chí của Đức Chúa Trời”. Vì vậy đổi mới sự hiểu biết của tâm trí là một điều thiết yếu trong sự nhận biết Đức Chúa Trời.

Trước khi được cứu, toàn thể con người chúng ta, kể cả tâm trí chúng ta đã sa ngã. Mỗi một sự tư tưởng thuộc tư tưởng của tâm lòng chúng ta đều là xấu (Sáng. 6:5). Sự suy nghĩ và quan niệm của chúng ta cũng đầy dẫy mùi vị của thế

gian. Vì tâm trí chúng ta ở trong tình trạng như vậy, sự hiểu biết của chúng ta bị lu mờ. Vì vậy chúng ta hoàn toàn không thể thấu hiểu những điều thuộc linh. Chúng ta lại càng không hiểu biết ý muốn của Đức Chúa Trời. Khi được cứu, chúng ta được đổi mới bởi Thánh Linh (Tít 3:5). Công tác đổi mới này của Thánh Linh bắt đầu trong linh chúng ta và rồi mở rộng đến hết đời đổi mới sự hiểu biết của tâm trí để chúng ta có thể hiểu biết những điều thuộc về linh. Sự hiểu biết của tâm trí chúng ta càng được đổi mới bởi Thánh Linh, chúng ta càng thấu hiểu những điều thuộc linh và càng hiểu biết ý muốn của Đức Chúa Trời.

Mặc dù Thánh Linh là Đấng đổi mới sự hiểu biết của tâm trí nhưng chúng ta cần phải có hai trách nhiệm:

Trước hết, chúng ta phải dâng chính mình. Trong La Mã chương 12, trước khi tâm trí được đổi mới và biến đổi, chúng ta được đòi hỏi phải dâng thân thể mình làm sinh tế sống và thánh. Điều này bày tỏ sự hiểu biết của tâm trí chúng ta được đổi mới dựa trên sự dâng mình của mình. Nếu chúng ta thật muốn dâng mình cho Chúa, Thánh Linh mới có thể mở rộng công tác đổi mới của Ngài qua hết chúng ta và nhờ đó đổi mới sự hiểu biết của tâm trí chúng ta.

Thứ hai, chúng ta phải chấp nhận sự xói lý của thập tự giá để loại bỏ cuộc sống cũ của quá khứ. Ê-phê-sô 4:22-23 cho thấy chớ khi nào chúng ta từ bỏ con người cũ với lối sống trước kia, thì tâm trí chúng ta, vốn chứa đựng sự hiểu biết mới được đổi mới. Trước khi được cứu, lối sống cũ của chúng ta đã làm sự hiểu biết của tâm trí mình trở nên tăm tối. Sau khi được cứu, bởi sự chết của Chúa trên thập tự giá, chúng ta từ bỏ lối sống cũ của quá khứ, cho phép quyền năng giết chết của thập tự giá xóa bỏ từng điều một và trọn cả lối sống cũ. Chớ khi thấy sự hiểu biết của tâm trí chúng ta mới được đổi mới. Như vậy, chúng ta phải chấp nhận sự xói lý của thập tự giá để sự hiểu biết của tâm trí mình được đổi mới. Mức độ chúng ta cho phép thập tự giá xóa bỏ lối sống cũ của mình chính là mức độ đổi mới về sự hiểu biết của tâm trí

chúng ta.

Ê-phê-sô 4:23 nói: “lại phải đổi mới trong linh của tâm trí mình”. Chúng ta biết tâm trí là phần chính của hồn. Ban đầu tâm trí không liên quan đến linh, nhưng bây giờ linh đã trở nên “linh của tâm trí”; vì vậy, linh được nối kết với tâm trí. Lý do là vì linh đã lan rộng đến tâm trí của phần hồn để chúng ta được đổi mới trong linh tức là tâm trí của chúng ta có thể được đổi mới bởi được liên kết với linh. Vậy sự đổi mới này đã lan rộng từ linh đến tâm trí.

Công tác của Linh bên trong là từ trung tâm mở rộng ra bên ngoài, cũng có nghĩa là từ linh bên trong ra đến hồn ở bên ngoài. Trước hết Linh đổi mới linh chúng ta, là trung tâm của con người bên trong của mình. Sau đó nếu chúng ta dâng mình và chấp nhận sự xói lý của thập tự giá, Ngài sẽ phát triển từ linh qua hồn chúng ta, là phần chung quanh. Điều này sẽ đổi mới mọi một phần của hồn chúng ta. Điều này nghĩa là khi hồn chúng ta được phục sự cai trị của Linh và liên hiệp với linh chúng ta, nó được đổi mới. Vì vậy sự hiểu biết của tâm trí chúng ta cũng được đổi mới.

Sau khi nhận lãnh sự tái sinh của Thánh Linh trong linh mình, nếu chúng ta dâng chính mình cho Đức Chúa Trời và chấp nhận sự xói lý của Thánh Linh qua thập tự giá để tiêu trừ lối sống cũ của chúng ta, khi ý Thánh Linh mới có thể thực hiện công tác mở rộng của Ngài trong chúng ta và đổi mới sự hiểu biết của tâm trí chúng ta trong hồn. Chỉ có một sự hiểu biết được đổi mới như vậy mới phù hợp với trực giác trong linh. Khi nào Đức Chúa Trời bày tỏ một điều gì cho chúng ta trong trực giác của linh mình, tâm trí chúng ta có thể hiểu ngay. Khi chúng ta có một linh mạnh mẽ cộng với một tâm trí đổi mới, sáng suốt, lúc ý chúng ta mới có thể có một nhận thức đầy đủ bên trong về bản chất của Đức Chúa Trời và về mọi sự đến đến và mặc khải của Ngài.

C. Điều Chỉnh Tâm Lòng

Tâm lòng là cội con người; vì vậy, nếu tâm lòng có vấn đề, toàn bộ sinh hoạt của linh và sự sống bên trong chúng ta sẽ bị ngăn cản và giới hạn. Dầu linh chúng ta nhạy bén và sự hiểu biết của mình đã đổi mới, nhưng nếu lòng chúng ta có vấn đề, chúng ta vẫn không thể nhận được sự nhận biết báp-têm trong vâng Đức Chúa Trời. Vì vậy chúng ta cũng cần điều chỉnh tâm lòng để nó được mêm mại, tinh sạch, yêu Đức Chúa Trời, muôn Ngài và vâng phục Ngài.

Trong Ma-thi-ơ 11:25, Chúa giu những điều thuộc linh khi người khôn ngoan, thông sáng và bày tỏ cho con trẻ. Người “khôn ngoan, thông sáng” là những người công-bình-riêng, tự mãn và ngoan cố; vì vậy họ không thể hiểu được những điều thuộc linh của Đức Chúa Trời. “Con trẻ” là những người khiêm nhường và có tâm lòng mêm mại; vì vậy họ có thể nhận được những điều thuộc linh của Đức Chúa Trời. Vì vậy lòng chúng ta cần được điều chỉnh cho đến khi khiêm nhường và mêm mại; chỉ khi nào sự tự mãn và ngoan cố dứt đi thì chúng ta mới nhận được sự khải thị và nhận biết báp-têm trong vâng Đức Chúa Trời.

Trong Ma-thi-ơ 5:8, Chúa nói “phước cho kẻ có lòng thanh khiết vì sẽ thấy được Đức Chúa Trời”. Nếu lòng chúng ta không thanh khiết vì có những xu hướng và ao ước khác hơn Đức Chúa Trời, trong chúng ta sẽ có một cái màn làm cho mình không thấy Chúa rõ ràng. Tuy nhiên khi nào lòng chúng ta xoay vâng Đức Chúa Trời, cái màn sẽ bị cất đi (2 Cô. 3:16). Như vậy chúng ta phải điều chỉnh lòng mình. Chúng ta phải thanh khiết và không “hai lòng” (Gia. 4:8); khi ấy chúng ta có thể nhận được ánh sáng và sự khải thị trong linh, thấu hiểu trong tâm trí, và như vậy nhận biết Đức Chúa Trời.

Trong Giăng 14:21, Chúa nói “ai thương yêu ta... ta sẽ tỏ chính mình ta cho người”. Vì rất yêu Chúa, Ma-ri Ma-đơ-len đã tìm kiếm Ngài vào buổi sáng phục sinh. Ma-ri đã nhận được sự hiển lộ đầu tiên của Chúa dành cho các môn đồ sau khi

Ngài sống lại và là người đầu tiên được biết Đấng Christ phục sinh (Gi. 20). Anh Lawrence nói yêu Chúa là cách duy nhất nếu ta muốn biết Ngài. Lòng chúng ta phải yêu Đức Chúa Trời và tìm kiếm Ngài; khi ấy Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ Ngài cho chúng ta, và chúng ta được biết Ngài.

Trong Giăng 7:17, Chúa phán: “Nếu ai muốn làm theo ý Chúa Ngài thì sẽ biết...” Điều này bày tỏ lòng chúng ta phải muốn Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài; khi ấy chúng ta sẽ biết Ngài và ý muốn của Ngài.

Trong Phi-líp 2:13, vị sứ đồ nói chính Đức Chúa Trời hành động trong chúng ta vừa muốn vừa làm. Nếu lòng chúng ta không đầu phục và không muốn đầu phục sự hành động của Ngài trong mình, Đức Chúa Trời không thể hành động trong chúng ta được; như vậy chúng ta sẽ không nhận được cảm thức của sự nhận biết Đức Chúa Trời mà mình sẽ có được khi Ngài hành động trong chúng ta. Vì vậy lòng chúng ta cần được điều chỉnh cho đến khi không những đầu phục Đức Chúa Trời mà còn muốn đầu phục Ngài. Khi ấy chúng ta có thể nhận được cảm thức và sự nhận biết do sự hành động của Đức Chúa Trời trong chúng ta.

Vì vậy, chúng ta phải (1) vận dụng và sử dụng linh cho đến khi linh mạnh mẽ và nhạy bén, (2) để Linh đi mới sự hiểu biết của chúng ta, (3) điều chỉnh tâm lòng cho đến khi nó trở nên móm mại và thuần khiết, yêu Chúa, muốn Chúa và đầu phục Chúa; khi ấy chúng ta sẽ có sự nhận thức bên trong về Đức Chúa Trời.

XI. KẾT LUẬN

Vì Đức Chúa Trời muốn con người nhận biết Ngài, nên Ngài đã ban cho họ nhiều phương cách và phương tiện để họ có thể biết Ngài. Trong thời Cựu Ước, Ngài bày tỏ công việc và đường lối Ngài cho con người để họ có thể biết Ngài. Nhưng sự hiểu biết mà con người có được qua công việc và đường lối Ngài chỉ là bề ngoài, khách quan, nông cạn và không đầy đủ.

Vì vậy, đấng thời Tân Ước, mặc dầu Ngài vẫn dùng công việc và đường lối Ngài để bày tỏ Ngài cho chúng ta, điếu quan trọng nhất và vinh hiển nhất là chính Ngài, với tư cách là Linh, đã vào trong chúng ta để trở nên sự sống của chúng ta. Điếu này làm cho chúng ta có khả năng nhận biết Ngài ở bên trong một cách chính xác, sâu xa và đầy đủ.

Khi Đức Chúa Trời ở trong chúng ta như sự sống, Ngài làm cho chúng ta có luật sự sống thần thượng ở bên trong, là luật liên tục điếu chỉnh chúng ta từ bên trong, làm cho chúng ta biết bản chất của sự sống Ngài. Vì là một luật, luật sự sống không phải là một thân vị; luật này cố định và không thay đổi. Luật này có tính cách không thay đổi điếu chỉnh chúng ta ở bên trong theo bản chất của sự sống Đức Chúa Trời. Kết quả là luật sự sống làm cho cung cách, bản chất và sở thích trong lối sống của chúng ta phù hợp với bản chất của Đức Chúa Trời.

Linh của Đức Chúa Trời cư ngụ trong chúng ta như dầu, xúc dầu và dạy dỗ chúng ta để chúng ta được biết chính Ngài. Vì sự xúc dầu này là chính Đức Chúa Trời, nên là một thân vị, vô hạn và uyển chuyển. Dầu này ở trong chúng ta, liên tục xúc chính Đức Chúa Trời vô hạn vào trong chúng ta. Kết quả là làm cho toàn thể con người, phàm hạnh, hành vi của chúng ta được đầy đủ yêu thích tính cách của Đức Chúa Trời và phù hợp với ý muốn của Ngài.

Đức Chúa Trời, như luật sự sống và sự xúc dầu, trước hết bắt đầu trong linh chúng ta, và sau đó chiễm hèn chúng ta để tâm trí chúng ta có thể hiểu biết và thông hiểu Ngài. Vì vậy chúng ta cần vận dụng linh để trực giác của linh trở nên nhạy bén. Chúng ta cũng cần có tâm trí được đổi mới để sự hiểu biết của tâm trí chúng ta được minh mẫn. Hơn nữa chúng ta cần điếu chỉnh tâm lòng để nó trở nên mẫn mại và thu nhận khiếm, yêu Chúa, muốn Chúa và đấng phục Chúa. Bằng cách này, ngay khi luật sự sống và sự xúc dầu hành động trong chúng ta, trực giác trong linh chúng ta liền nhận biết, sự hiểu biết của tâm trí chúng ta liền thông hiểu, và chúng ta có

thì có sự nhận biết bên trong về Đức Chúa Trời trong mọi lúc.

Đó chúng ta nhận biết bên trong như vậy, Đức Chúa Trời cũng ban cho chúng ta sự dạy dỗ và các nguyên tắc Kinh Thánh từ bên ngoài để kiểm tra và chứng nghiệm rằng chúng ta không lầm lẫn hoặc bị lừa dối. Hơn nữa, qua nhiều đời sống của Ngài từ bên ngoài Đức Chúa Trời dạy dỗ hoặc lập lại cảm thức chúng ta có ở bên trong. Có thể Ngài dạy dỗ để chúng ta hiểu cảm thức mình đã có ở bên trong, hay là Ngài làm cho chúng ta sáng tỏ những điều sâu xa của Đức Chúa Trời và sự hiểu biết cơ bản của đời sống thuộc linh.

Vì chúng ta có nhiều phương tiện và phương cách để hiểu biết Đức Chúa Trời ở bên trong lẫn bên ngoài, chúng ta có thể được “đầy đủ sự nhận biết về ý chí của Đức Chúa Trời trong mọi sự khôn ngoan, thông sáng thuộc linh, hầu cho anh em ăn ở cách xứng đáng với Chúa, đẹp lòng Ngài mọi đường, kết quả trong mọi việc lành và càng thêm lên trong sự thông biết Đức Chúa Trời” (Côl. 1:9-10). Khi nhận biết Đức Chúa Trời như vậy, không những chúng ta sẽ hiểu biết ý muốn của Ngài một cách đầy đủ mà còn tăng trưởng và trưởng thành trong sự sống của Đức Chúa Trời. Càng được gia tăng trong sự nhận biết Đức Chúa Trời, chúng ta càng tăng trưởng trong sự sống của Ngài cho đến khi Ngài hoàn toàn chi phối hữu chúng ta. Khi đầy đủ tính của Đức Chúa Trời sẽ được ban phát vào trong chúng ta một cách đầy đủ, qua đó làm trọn mục tiêu vinh hiển của Đức Chúa Trời mong muốn Ngài là được hiệp một với chúng ta bằng cách hòa lẫn với chúng ta.

CHƯƠNG MƯỜI HAI

SỰ SỐNG TĂNG TRƯỞNG LÀ GÌ?

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét đến sự sống tăng trưởng tức là điếm chính yếu thứ mười hai liên quan đến tri thức sự sống.

Nếu muốn hiểu biết thêm về sự sùng, chúng ta phải biết sự sùng tăng trưởng nghĩa là gì. Nhiều anh chị em không thích tâm lòng nóng cháy yêu Chúa, cũng không ngại trả giá, nhưng vì không biết sự sùng tăng trưởng thật sự là gì, nên họ đã có những quan niệm sai lầm và theo đuổi những mục đích sai lạc; do đó sự sùng trong họ tăng trưởng một cách rất giới hạn. Thật là một điều đáng tiếc!

Vì vậy để có được sự hiểu biết chính xác và mục đích đúng đắn trên con đường sự sùng, chúng ta cần để ít thì giờ xem xét sự sùng tăng trưởng. Tuy nhiên trước khi xem xét sự sùng tăng trưởng có nghĩa gì, chúng ta sẽ bàn đến phương diện tiêu cực ấy là điều gì không thuộc về sự tăng trưởng sự sùng. Qua đó chúng ta sẽ có một ấn tượng sâu xa hơn và có một sự hiểu biết chính xác hơn.

I. SỰ SÙNG TĂNG TRƯỞNG KHÔNG PHẢI LÀ SỰ CẢI THIỆN VỀ PHẠM HẠNH

Sự cải thiện phạm hạnh là sự thay đổi phạm hạnh của một người từ xấu ra tốt, từ ác ra thiện. Đây là điều người ta thường gọi là “làm lành lánh dữ” hay tính “cải tà quy chánh”. Chẳng hạn như một người trước kia rất kiêu ngạo, bây giờ khiêm nhường. Anh ấy thường ghét người khác; bây giờ anh biết thương người. Anh vốn nóng nảy và chóng giận, bây giờ anh rất điềm đạm và không còn chóng giận nữa. Tất cả những điều này có thể xem là sự cải thiện phạm hạnh. Sự cải thiện ấy có phải là sự sùng tăng trưởng không? Thưa không!

Vì sao chúng ta nói sự sùng tăng trưởng không phải là sự cải thiện phạm hạnh? Vì sự sùng và sự cải thiện phạm hạnh rõ ràng thuộc về hai thế giới khác nhau.

Cũng như điều ác khác với sự sùng, điều thiện cũng khác với sự sùng. Cũng như điều ác không phải là sự sùng, điều thiện cũng không phải là sự sùng. Thiện và ác, mặc dù khác nhau về bản chất, lại thuộc về một thế giới; cả hai khác với sự sùng và cả hai đều không phải sự sùng. Vì vậy, trong Kinh

Thánh điếu thiện và điếu ác không phải là hai cây khác nhau mà chỉ là một; và sự sống là một cây khác, thuộc về một thế giới khác, một vương quốc khác (Sáng. 2:9). Chúng ta có thể nói rằng thiện và ác thuộc về một bên, và sự sống thuộc về một bên khác, nên hai bên nhất định thuộc về hai thế loại khác nhau. Vì vậy, với quyết tâm và nỗ lực riêng một người có thể cải thiện phẩm hạnh của mình khá nhiều nhưng vẫn không trưởng thành và yếu ớt trong sự sống của Đức Chúa Trời. Vì sự cải thiện của người ấy hoàn toàn tách rời sự sống; đó là công tác của người ấy, chứ không phải của sự sống. Ngoài ra sự cải thiện của người ấy không phải là kết quả của sự sống tăng trưởng. Vì vậy sự sống tăng trưởng không phải là cải thiện phẩm hạnh của mình.

II. SỰ SỐNG TĂNG TRƯỞNG KHÔNG PHẢI LÀ SỰ BÀY TỎ LÒNG MỘ ĐẠO

Bày tỏ lòng mộ đạo là gì? Bày tỏ lòng mộ đạo không phải là cải thiện phẩm hạnh. Cải thiện phẩm hạnh là đối với con người, nghĩa là phẩm hạnh và cá tính người ấy trước mặt loài người đã được cải thiện và trở nên tốt đẹp hơn trước. Bày tỏ lòng mộ đạo là đối với Đức Chúa Trời, nghĩa là thái độ đối sự cung kính và kính sợ trước mặt Đức Chúa Trời, chưa kể đến sự sốt sắng và thành tâm của người ấy. Tuy nhiên, dù là cải thiện phẩm hạnh hay bày tỏ lòng mộ đạo, cả hai đều không phải sự sống tăng trưởng. Một số tín hữu có lẽ rất cung kính và có nhiệt tâm trước mặt Đức Chúa Trời; họ không dám vô lễ hay cẩu thả trong công việc hay hành động. Chúng ta không thể nói những biểu lộ này là không tốt, nhưng chúng không phải là sự tăng trưởng sự sống. Lý do là vì những tín hữu này chỉ nhìn Đức Chúa Trời như một Đấng cao cả, Đấng đáng kính sợ; vì vậy họ có lòng cung kính và bày tỏ sự mộ đạo. Tuy nhiên, còn về Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đang cư trú trong con người như sự sống, và do sự hành động của luật sự sống Ngài ở trong con người đó là Đức Chúa Trời của họ thì có lẽ họ không có một sự hiểu biết hay kinh nghiệm mảy may nào cả. Mặc dù họ bày tỏ lòng mộ đạo, sự bày tỏ này không do sự sống của Đức Chúa Trời tăng trưởng trong họ. Vì vậy điếu đó

không chứng tỏ sự sùng tăng trưởng trong họ. Vậy thì sự sùng tăng trưởng cũng không phải là sự bày tỏ lòng mộ đạo.

III. SỰ SÙNG TĂNG TRƯỞNG KHÔNG PHẢI LÀ SỰ PHỤC VỤ NHIỆT THÀNH

Phục vụ nhiệt thành là gì? Nghĩa là trước đây anh em thờ ơ, lãnh đạm đối với công việc Chúa; bây giờ anh em nhiệt thành tiến lên trong sự hầu việc Chúa. Hoặc trước kia hiếm khi nào anh em đi nhóm, bây giờ anh em có mặt tại mọi buổi nhóm. Trước đây anh em không quan tâm đến Hội thánh; bây giờ anh em tham gia mọi loại sinh hoạt của Hội thánh. Mặc dù sự phục vụ sốt sùng bày tỏ lòng nóng cháy của một tín đồ đối với Chúa và nói lên sự siêng năng hầu việc Chúa, nên thường được loài người khen ngợi, nhưng sự nhiệt thành ấy có thể pha trộn với lòng hăng hái, tánh thích bận rộn và thích làm việc của con người. Sự phục vụ ấy rất có thể do năng lực của hèn và tùy thuộc vào sức mạnh loài người; không do sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh; sự nhiệt thành ấy lại càng ít lệ thuộc sự sùng của Đấng Christ và không giúp con người có một mối liên hiệp sâu xa hơn với Đức Chúa Trời. Vì vậy sự phục vụ nhiệt thành ấy không đến từ sự sùng và không phải là sự sùng; do đó, không phải là sự tăng trưởng của sự sùng.

Trong Kinh Thánh, chúng ta thấy trước khi được cứu, sứ đồ Phao-lô phục vụ Đức Chúa Trời rất nhiệt thành (Công. 22:3). Vào lúc ấy, mặc dù ông chưa nhận được sự sùng của Đức Chúa Trời, ông vẫn có thể phục vụ Đức Chúa Trời một cách bề ngoài do sự hăng hái và năng lực của mình một cách rất nhiệt thành. Điều này bày tỏ lòng nhiệt thành hầu việc Đức Chúa Trời có thể không liên quan gì đến sự sùng, không bày tỏ chút nào về tình trạng sự sùng của một người. Vì vậy sự sùng tăng trưởng cũng không là sự phục vụ nhiệt thành.

IV. SỰ SÙNG TĂNG TRƯỞNG KHÔNG PHẢI LÀ SỰ GIA TĂNG VỀ KIẾN THỨC

Mặc dù kiến thức thuộc linh của tín đồ gia tăng qua việc nghe giảng, biết thêm các lẽ thật, hiểu thêm về Kinh Thánh,

thông thạo các từ ngữ thuộc linh v.v... Đây là một loại tăng trưởng, nhưng không phải tăng trưởng sự sống. Sự gia tăng kiến thức như vậy chỉ làm cho tâm trí người ta tiến bộ hơn, thành thạo hơn và đầu óc của người ấy có nhiều sự thông hiểu hơn hay có khả năng để thông hiểu hơn. Không phải Thánh Linh đã ban cho người ấy sự khải thị lớn lao hơn hay sự sống đã chiếm hữu người bên trong của người ấy nhiều hơn nên tri thức và kinh nghiệm thật với Đấng Christ như sự sống đã gia tăng hơn. Sự gia tăng với kiến thức suông chỉ làm cho người ta kiêu ngạo (1 Cô. 8:1), không có giá trị gì trước mặt Đức Chúa Trời (1 Cô. 13:2) và không có giá trị gì trong sự sống. Vì vậy sự sống tăng trưởng không phải là sự gia tăng với kiến thức.

V. SỰ SỐNG TĂNG TRƯỞNG KHÔNG PHẢI LÀ ĐƯỢC DƯ DẬT TRONG ÂN TỬ

Mặc dù một tín đồ có dư dật các ân tứ thuộc linh như khả năng chữa bệnh, nói các thứ tiếng, v.v... là khá quý báu, tuy nhiên điều này cũng không phải là sự sống tăng trưởng. Chính quyền năng kỳ diệu của Thánh Linh đến trên một tín đồ làm cho người ấy có những ân tứ như vậy. Không phải do sự sống của Đức Chúa Trời tăng trưởng và trưởng thành trong người đó làm biểu lộ các ân tứ. Một mặt người được Thánh Linh dùng có thể bày tỏ nhiều ân tứ hơn, nhưng mặt khác người ấy có thể không để Thánh Linh gia tăng sự sống của Đức Chúa Trời ban phát vào mình. Vậy dư dật trong ân tứ không nhất thiết nghĩa là tăng trưởng trong sự sống.

Các tín đồ tại Cô-rin-tô rất phong phú với khu tài, tri thức, và không thua kém ai với ân tứ nào cả (1 Cô. 1:5, 7), dù vậy, họ vẫn rất non trẻ, không trưởng thành; thật thế họ rất xác thật và là những em bé trong Đấng Christ (1 Cô. 3:1). Điều này cho thấy sự sống tăng trưởng cũng không phải là ân tứ dư dật.

VI. SỰ SỐNG TĂNG TRƯỞNG KHÔNG PHẢI LÀ SỰ GIA TĂNG QUYỀN NĂNG

Một tín đồ có thể có quyền năng hơn trước trong sự hầu việc

Đức Chúa Trời, có thể cảm động lòng người hơn trước trong sự giảng dạy và làm chứng, có sự khôn ngoan hơn trước trong sự quản trị Hội thánh và sắp đặt công việc. Đây là sự gia tăng quyền năng, nhưng cũng không phải là sự sung tăng trưởng. Sự gia tăng quyền năng ấy chỉ là quyền năng bên ngoài mà Thánh Linh đã ban xuống trên người ấy. Không phải Thánh Linh đã thêm dật sự sung của Ngài vào trong người ấy, và qua linh ấy Ngài bày tỏ quyền năng sự sung Ngài từ bên trong; vì vậy, đó không phải là quyền năng từ sự sung hay thuộc về sự sung. Vậy sự gia tăng quyền năng ấy cũng không phải là sự tăng trưởng sự sung.

Lu-ca chương 9 nói từ ban đầu, chỉ mười hai môn đồ theo Chúa đầu nhận được quyền năng và uy quyền từ Ngài để có thể bịt phục mọi loại quỷ và chữa lành mọi thứ tật bệnh; tuy nhiên vào thời điểm ấy, tình trạng sự sung thuộc linh của họ còn rất non yếu. Điều này để chứng tỏ sự gia tăng quyền năng không phải là sự tăng trưởng của sự sung.

Từ sáu điểm tiêu cực này, chúng ta thấy không phải do chỉ thiện phẩm hạnh, bí quyết lòng mộ đạo trước mặt Chúa, nhiệt thành trong sự phục vụ Chúa, gia tăng tri thức thuộc linh, dư dật ân tứ bên ngoài, hoặc gia tăng quyền năng trong công tác mà chúng ta được tăng trưởng trong sự sung. Không một điều nào kể trên là sự tăng trưởng sự sung. Thật đáng thương khi hầu hết các Cơ Đốc nhân ngày nay xem những điều trên là những tiêu chuẩn để đánh giá sự tăng trưởng sự sung. Họ không định một Cơ Đốc nhân có tăng trưởng hay không bằng cách nhìn vào phẩm hạnh, lòng mộ đạo, lòng nhiệt thành, tri thức, ân tứ và quyền năng. Cách đánh giá như vậy thật không đúng. Vàng rất giống vàng, tuy nhiên vàng không phải là vàng. Cũng vậy, mặc dù sáu điểm này khá giống sự tăng trưởng sự sung, chúng không phải là sự tăng trưởng của sự sung. Dĩ nhiên sự sung tăng trưởng thật sẽ bày tỏ sáu điểm này đến một mức độ nào đó. Tuy nhiên nếu chỉ dựa trên sáu điểm này để đo lường sự sung tăng trưởng thì không đúng.

Vậy sự sung tăng trưởng là gì? Chúng ta cần xem xét lại vấn

đ□ này một l□n nữa và l□n này theo phương diện tích cực.

VII. SỰ S□NG TĂNG TRƯ□NG LÀ SỰ GIA TĂNG Y□U T□ C□A ĐỨC CHÚA TRỜI

Sự gia tăng y□u t□ c□a Đức Chúa Trời nghĩa là chính Ngài hòa l□n vào chúng ta nhiều hơn, chúng ta nhận lãnh Ngài nhiều hơn và Ngài trở thành y□u t□ c□a chúng ta. Chúng ta đã nói sự s□ng là chính Đức Chúa Trời, và kinh nghiệm sự s□ng là kinh nghiệm chính Ngài; vì vậy sự s□ng tăng trưởng là y□u t□ c□a Đức Chúa Trời gia tăng trong chúng ta, cho đến khi tất cả những gì c□a Đức Chúa Trời Tam Nhất được hình thành trong chúng ta một cách trọn vẹn đến nỗi chúng ta được đầy dẫy mọi sự đầy đ□ c□a Đức Chúa Trời (Êph. 3:19).

VIII. SỰ S□NG TĂNG TRƯ□NG LÀ SỰ GIA TĂNG T□M VÓC Đ□NG CHRIST TRONG CHÚNG TA

Trong khi sự s□ng là chính Đức Chúa Trời thì sự kiện “Đức Chúa Trời là sự s□ng c□a chúng ta” là Đ□ng Christ; vì thế Kinh Thánh nói Đ□ng Christ là sự s□ng c□a chúng ta. Chúng ta có thể nói khi chúng ta được tái sinh, Đ□ng Christ lại sinh ra trong chúng ta để làm sự s□ng c□a chúng ta. Nhưng khi chúng ta mới nhận lãnh sự s□ng, sự s□ng □y còn yếu ớt và chưa trưởng thành, nghĩa là t□m vóc c□a Đ□ng Christ trong chúng ta còn quá nhỏ bé. Khi chúng ta yêu Chúa, tìm kiếm Ngài và để Ngài s□ng trong chúng ta nhiều hơn và qua đó chiếm hữu chúng ta, t□m vóc c□a Đ□ng Christ sẽ dần dần gia tăng trong chúng ta. Đây là sự tăng trưởng c□a sự s□ng. Vì sự s□ng này là chính Đ□ng Christ □ trong chúng ta, vì vậy sự s□ng tăng trưởng này là sự tăng trưởng hay lớn lên c□a t□m vóc Đ□ng Christ trong chúng ta.

IX. SỰ S□NG TĂNG TRƯ□NG LÀ SỰ M□ RỘNG CĂN CỨ ĐỨC THÁNH LINH

Chúng ta đã đề cập rằng sự s□ng không những chỉ là Đức Chúa Trời mà còn là Đ□ng Christ, và cũng là Thánh Linh. Chúng ta có thể nói kinh nghiệm sự s□ng là kinh nghiệm Thánh Linh; vì

vậy tăng trưởng trong sự sống cũng có nghĩa là đời Thánh Linh chiếm lấy nhiều căn cứ hơn trong chúng ta. Khi chúng ta hốt lòng theo đuổi sự hành động của Thánh Linh bên trong mình và chăm chú vâng phục sự dạy dỗ của Thánh Linh bên trong tức là sự xúc động, thì khi đời Thánh Linh có thêm mở rộng căn cứ Ngài trong chúng ta nhiều hơn. Như vậy sự sống trong chúng ta sẽ tăng trưởng rất nhiều. Vì thế sự sống tăng trưởng cũng có nghĩa là căn cứ của Thánh Linh được mở rộng bên trong của chúng ta nhiều hơn.

X. SỰ SỐNG TĂNG TRƯỞNG LÀ SỰ GIỀM ĐI YÊU TẾ CON NGƯỜI

Ba điểm trên bày tỏ nhu yếu tế của Đức Chúa Trời trong một tín đồ gia tăng, thêm vóc của Đấng Christ cũng gia tăng, căn cứ Thánh Linh chiếm hữu cũng gia tăng, khi đời sự sống của người đời tăng trưởng. Tất cả những điểm này là nói từ phía Đức Chúa Trời. Bây giờ chúng ta sẽ nói từ phía của mình. Trước hết sự sống tăng trưởng là yêu tế con người bị giềm đi. Sự suy giềm yêu tế con người là sự suy giềm A-đam, tức cỗi sáng tạo cũ trong con người; sự sống tăng trưởng cũng là sự suy giềm mùi vị của con người và là sự gia tăng hương vị của Đức Chúa Trời. Có những anh em rất nhiệt thành và có những chị em rất hòa nhã; nhìn bề ngoài, dường như họ đã tăng trưởng trong sự sống, nhưng họ còn đầy yêu tế của con người, hương vị của con người; họ không thể làm cho anh em đụng chạm yêu tế của Đức Chúa Trời hoặc cảm nhận được hương vị của Đức Chúa Trời. Vì vậy nếu chúng ta muốn biết một anh em hay chị em đã tăng trưởng trong sự sống hay chưa, chúng ta không chỉ quan sát phẩm hạnh của họ bên ngoài, xem họ nhiệt thành và sống bao nhiêu, hay có tri thức, quyên năng, ân tứ nhiều chừng nào. Trái lại chúng ta cần biện biệt xem yêu tế của Đức Chúa Trời có gia tăng trong những điều kể trên hay không, hay là vẫn còn quá nhiều yêu tế của con người. Suy giềm yêu tế con người là gia tăng yêu tế thần thượng. Nếu một tín đồ thật sự tăng trưởng trong sự sống, ngôn ngữ, hành vi, cuộc sống, hay công việc của người đời đều phải truy cập đạt một cảm nhận không phải thuộc người đời nhưng

thuộc Đức Chúa Trời; không phải theo trí thông minh của người ấy mà là theo ân điển của Đức Chúa Trời. Vì thế, những điều trên không bày tỏ mùi vị của loài người, mà tỏa ra hương vị của Đức Chúa Trời, là tức yêu tở của con người giở đi và yêu tở của Đức Chúa Trời gia tăng. Vậy sự sống tăng trưởng không những là yêu tở của Đức Chúa Trời gia tăng, mà cũng là yêu tở của con người giở đi.

Điều này khá quan trọng nhưng tương đối khó hiểu đối với các anh chị em. Là những người phục vụ Chúa trong chức vụ lời, chúng tôi đã liên tục chia sẻ như vậy trong vòng hơn mười năm qua, nhưng nhiều lúc chúng tôi vẫn không thể truyền đạt điều này vào trong các anh chị em. Nhiều lúc chúng tôi đã chia sẻ cho đến khi mọi người đều gật đầu đồng ý; dù vậy, trong khi thực hành các anh chị em vẫn xem sự cải thiện phẩm hạnh hay nhiệt thành trong sự phục vụ, v.v... là các tiêu chuẩn để đánh giá sự tăng trưởng sự sống. Có một lần, tại một nơi nọ các anh em trách nhiệm trong Hội thánh đồng một lời nói với tôi: “Có một chị em kia ăn nói và đi đứng rất nghiêm trang và nhẹ nhàng, chị ấy rất yên lặng và hiền hòa, thật là thuộc linh và đầy dẫy sự sống”. Tôi bảo: “Nếu gọi điều này là thuộc linh và có sự sống thì tượng Ma-ri trong nhà thờ Công Giáo còn thuộc linh và đầy dẫy sự sống hơn, vì tượng ấy yên lặng và hiền hòa hơn cả chị em này”. Sự yên lặng và hiền hòa của chị ấy đầy mùi vị và yêu tở con người, hoàn toàn là sản phẩm của nỗ lực con người. Khi mình định tình trạng sự sống của một tín đồ, chúng ta không thể dựa trên những gì người ấy bày tỏ bên ngoài; chúng ta phải cảm nhận mùi vị và yêu tở trong những gì người ấy bày tỏ. Là hương vị của Đức Chúa Trời hay là mùi vị của con người? Là yêu tở của Đức Chúa Trời hay yêu tở của con người? Nhiều lúc sự nhận thức của chúng ta có thể không đúng nhưng “khứu giác” của chúng ta thì rất chính xác. Một cái áo nào đó có thể trông có vẻ rất sạch đối với anh em, nhưng nếu cảm và ngửi, anh em sẽ biết nó đầy mùi hôi. Như vậy nếu chúng ta muốn đánh giá tình trạng sự sống bên trong một người thì cũng giống như uống trà, chỉ cần nhấp một chút,

chúng ta sẽ biết ngay mùi vị của nó.

XI. SỰ SONG TĂNG TRƯNG LÀ SỰ PHÁ VỠ SỰ SONG THIÊN NHIÊN

Khi sự song thiên nhiên của một tín đồ được phá vỡ, đó cũng là bằng cứ người ấy tăng trưởng trong sự song. Sự phá vỡ sự song thiên nhiên nghĩa là năng lực, khả năng, quan điểm, và phương pháp riêng của chúng ta đều được Thánh Linh và thập tự giá x lý để chúng được phá vỡ. Chúng ta hãy xem trường hợp của một anh em. Trước kia, anh dựa vào năng lực riêng, khả năng riêng, đi theo quan niệm riêng và phương cách riêng của anh trong công việc và hành động của mình mà hầu việc Chúa và quản trị Hội thánh. Về sau, qua hoàn cảnh anh được thập tự giá x lý và k luật bởi Thánh Linh nên sự song thiên nhiên của anh bị phá vỡ ít nhiều. Bây giờ khi làm việc hay sắp đặt công việc, anh không còn tin vào năng lực, khả năng, quan điểm và phương cách riêng của mình nữa. Một người có sự song thiên nhiên bị phá vỡ như vậy học biết không bao giờ được nương cậy nơi năng lực của sự song thiên nhiên hay song bởi sự song thiên nhiên của mình, nhưng nương dựa vào quyền năng của sự song Đức Chúa Trời và song bởi sự song của Ngài. Qua đó sự song trong người đó có thể tăng trưởng. Như vậy sự song tăng trưởng là sự phá vỡ sự song thiên nhiên.

XII. SỰ SONG TĂNG TRƯNG LÀ SỰ BỊT PHỤC MỌI PHẦN CỦA HỒN

Khi nói đến ý nghĩa của sự giải cứu khỏi tội lỗi, chúng ta nên lưu ý đến khía cạnh xác thịt bị đóng đinh; khi nói đến sự tăng trưởng của sự song, chúng ta cần lưu ý đến khía cạnh hồn bị bịt phục. Nói một cách tích cực, sự song tăng trưởng là mở rộng căn cứ của Thánh Linh; nói một cách tiêu cực, sự song tăng trưởng là mọi phần của hồn phải bị bịt phục. Ai song trong sự song thiên nhiên là song bởi hồn. Chúng ta đều biết hồn có ba phần: tâm trí, tình cảm và ý chí. Vì vậy, song bởi hồn là song theo tâm trí, tình cảm và ý chí. Nếu trong hồn của một người có phần nào đặc biệt, mạnh mẽ và trội hơn các phần khác của hồn thì người ấy sẽ song bởi chính phần đặc biệt đó. Vì thế khi đương đầu với mọi vấn đề,

chức chôn người ấy sẽ dùng phôn nầy để đi phó. Anh Nghê từng nói điếu này cũng giống như một người bịt cón đi thng vào một bức tường; khi người ấy đi như vậy, cái mũi của anh sẽ va vào tường trước hnt. Phôn nào của cơ th anh nhô ra, phôn ấy sẽ va vào tường trước hnt. Đó là tình trạng của hñ chúng ta. Nếu một người đặc biệt mạnh về tâm trí, mỗi khi gặp vñ đ, chức chôn tâm trí của anh sẽ tiến ra trước. Nếu anh đặc biệt mạnh về tình cảm, khi có chuyện gì phải đi phó, tình cảm của anh sẽ dẫn đầu. Nếu anh đặc biệt mạnh về ý chí, khi đi phó với chuyện gì, chức chôn ý chí anh sẽ đóng vai trò lãnh đạo.

Khi đã được thập tự giá x lý đy đ, mọi phôn của hñ đều bị bịt phục. Tâm trí, tình cảm, ý chí của anh đều bị phá vỡ và đều phục; chúng không còn nđi dậy như trước. Khi gặp chuyện gì, anh sợ dùng tâm trí, anh sợ dùng tình cảm và anh sợ dùng ý chí. Không phải tâm trí tiến ra trước nhưng là linh. Không phải tình cảm tiến ra trước mà là linh. Ý chí không lãnh đạo nhưng là linh lãnh đạo. Nghĩa là chúng ta không nên để hñ hướng dẫn, nhưng hãy để linh đứng ở vị trí lãnh đạo; chúng ta không nên sống bởi hñ nhưng bởi linh. Đó là những người tăng trưởng trong sự sống. Như vậy sự sống tăng trưởng là để mọi phôn của hñ bị bịt phục.

Sau khi xem xét mười hai điếm về vñ đ th nào là sự tăng trưởng của sự sống, chúng ta biết về phương diện loài người, sự tăng trưởng thật của sự sống là làm gìm đi, phá vỡ, và bịt phục; về phương diện Đức Chúa Trời, đây là vñ đ gia tăng, lớn lên và mở rộng. Chúng ta có thể nói tất cả những điếu này là tri thức cơ bản mà chúng ta còn có khi theo đuổi sự sống. Điếu này có liên quan rất nhiều đến kinh nghiệm thuộc linh mà chúng tôi đã bàn đến trong một tác phẩm khác*. [Kinh Nghiệm Sự Sống, do Living Stream Ministry xuất bản]. Vì vậy, chúng ta phải thông hiểu một cách thấu đáo và nhận biết một cách chính xác về mọi điếm này.

CHƯƠNG MƯỜI BA

LÀI RA CẢ SỰ SỐNG

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét điểm chính yếu thứ mười ba liên quan đến vấn đề hiệu biết sự sống: đó là lai ra cả sự sống. Nếu muốn biết con đường sự sống và theo đuổi sự tăng trưởng sự sống, chúng ta phải sáng tỏ về lai ra cả sự sống, là cách sự sống tuôn tràn ra từ trong chúng ta.

Hầu hết các điểm chính trong chương này đã được đề cập trong những chương trước. Bây giờ chúng ta lại xem xét cụ thể từng điểm một.

I. NƠI Ờ CẢ SỰ SỐNG – LINH

Đức Chúa Trời tái sinh chúng ta qua Linh của Ngài nhờ đó sự sống của Ngài được đưa vào trong linh chúng ta; vì vậy linh chúng ta là nơi sự sống cư trú.

Khi sự sống của Đức Chúa Trời ờ trong Linh Ngài vào trong linh chúng ta thì cả ba hòa làm một và trở nên điều mà La Mã 8:2 gọi là “Linh sự sống”. Vậy, linh sự sống “ba-trong-một” này trong chúng ta là nơi ờ cả sự sống.

II. LÀI RA CẢ SỰ SỐNG – TÂM LÒNG

Trong chương Luật Sự Sống, chúng tôi có nói tâm lòng là lai vào và lai ra cả sự sống như là “công tác” của sự sống; vì vậy, tâm lòng có liên quan mật thiết đến sự tăng trưởng ra cả sự sống.

Trong Kinh Thánh, Ma-thi-ơ chương 13 nói rõ tâm lòng liên quan đến sự tăng trưởng ra ngoài cả sự sống. Chúa bở sự sống là hạt giống, và tâm lòng là mảnh đất; vì vậy tâm lòng là nơi sự sống tăng trưởng ra từ trong chúng ta. Sự sống có thể tăng trưởng ra từ bên trong hay không hoàn toàn tùy thuộc vào tình trạng tâm lòng chúng ta. Nếu tâm lòng đúng đắn và ngay thẳng, sự sống có thể tăng trưởng ra ngoài;

nhưng nếu tâm lòng không đúng đắn và cong queo, sự sống không thể tăng trưởng ra ngoài. Vì vậy nếu chúng ta muốn sự sống có thể tăng trưởng ra ngoài, chúng ta phải điểu chỉnh tâm lòng của mình.

Ma-thi-ơ 5:8 nói: “Phước cho kẻ có lòng thuần khiết vì sẽ thấy được Đức Chúa Trời”. Điểu chỉnh này cho thấy tâm lòng cần phải thuần khiết. Điểu chỉnh tâm lòng là làm sao cho lòng mình thuần khiết, tức là khiến lòng yên ao ước Đức Chúa Trời, yêu Ngài, hướng về Ngài trong sự đơn sơ, không yêu điểu gì hay ao ước điểu gì ngoài Đức Chúa Trời. Khi lòng chúng ta được điểu chỉnh và trở nên thuần khiết, đó là tình trạng đúng đắn và ngay thẳng. Qua đó sự sống có thể tăng trưởng ra ngoài.

III. LỢI ĐƠN CỦA SỰ SỐNG

Mặc dù tâm lòng là lợi ra của sự sống, là nơi sự sống tăng trưởng ra ngoài, nhưng muốn tăng trưởng ra ngoài, sự sống phải chảy qua lương tâm, tình cảm, tâm trí và ý chí, là bốn phần của tâm lòng. Vì vậy bốn phần này trở nên những nơi mà sự sống chảy qua. Như vậy chúng ta phải xem xét mối quan hệ giữa mỗi phần này với sự tăng trưởng ra bên ngoài của sự sống.

A. Lương Tâm

Khi sự sống tăng trưởng ra từ trong chúng ta, nó chảy qua lương tâm chúng ta. Lương tâm cần không bị cáo trách. Điểu chỉnh lương tâm là làm lương tâm khỏi sự cáo trách.

Trước khi được cứu, khi còn là tội nhân, chúng ta thường xúc phạm Đức Chúa Trời và đối xử sai quấy với loài người trong hành vi của chúng ta; lòng chúng ta dơ bẩn và dối trá; vì vậy, lương tâm tội tăm, đầy dẫy sự cáo trách và những chướng ngại, và cực kỳ ô uế. Vì lý do này, ngay sau khi được cứu, chúng ta nên điểu chỉnh lương tâm. Khi mới được cứu, phần lớn các bài học mà chúng ta học được như bài thường nợ nần trong quá khứ, làm sạch lợi sống cũ, là để khi chúng ta

điều chỉnh lương tâm một cách đúng mức để được tinh sạch và không bị cáo trách ngay từ bước khởi hành trên con đường theo Chúa. Sau đó trong suốt cuộc đời theo Chúa của mình, nhiều lúc chúng ta có thể thất bại và trở nên yếu đuối, do đó rơi vào tội lỗi, xác thịt, bị thế gian tiêm nhiễm và tràn lấn, làm cho lương tâm có nhiều sự cáo trách và có nhiều chướng ngại; vì vậy chúng ta phải liên tục điều chỉnh lương tâm được gìn giữ khỏi mọi sự cáo trách. 1 Ti-mô-thê 1:19 nói: “giữ... một lương tâm tốt. Có mấy kẻ vì đã bỏ lương tâm ấy, nên đức tin họ bị đắm chìm”. Điều này cho thấy việc điều chỉnh lương tâm có liên hệ rất nhiều đến sự tăng trưởng của sự sống. Khi nào chúng ta bỏ qua, không màng gì đến lương tâm, ngay lập tức sự sống bị ngăn chặn và tù hãm. Vì vậy, nếu muốn sự sống tăng trưởng, nếu muốn sự sống bên trong có lối ra và có thể tuôn tràn từ lòng mình, bắt buộc chúng ta phải điều chỉnh lương tâm.

Điều chỉnh lương tâm nghĩa là giải quyết mọi sự cáo trách và mọi cảm giác bất an, bắt rút của lương tâm. Trước mặt Đức Chúa Trời, khi chúng ta trở nên bất chính vì tội lỗi, bất khiết vì một điều gì trong thế gian chiễm chệ trong lòng mình, hay bắt rút vì tình trạng không hòa hợp nào khác, lương tâm sẽ lên án chúng ta ở bên trong, khi ấy chúng ta cảm biết được sự xúc phạm và bắt rút trước mặt Đức Chúa Trời. Nếu muốn điều chỉnh lương tâm, chúng ta phải lưu ý đến những cảm thức như vậy trong lương tâm. Vì vậy điều chỉnh lương tâm là đối phó với những cảm thức trong lương tâm. Khi chúng ta đã giải quyết một cách thấu đáo, lương tâm sẽ vô cùng tinh sạch và an ninh, không bị cáo trách và không bị buộc tội. Qua đó sự sống sẽ từ trong chúng ta tự nhiên tăng trưởng ra ngoài.

Trong kinh nghiệm thực tế của chúng ta, để điều chỉnh lương tâm cho thật hoàn toàn tinh sạch, tình trạng quá đáng thường xảy ra. Điều ấy nghĩa là lương tâm bị điều chỉnh đến nỗi trở nên quá nhạy, và gần như yếu đuối. Trong trường hợp này, người ta không dám hoạt động hay hành động gì cả; làm gì

cũng cảm thấy bị cáo trách và bất an. Đây dường như là một trường hợp đi quá xa; tuy nhiên điểu chỉnh lương tâm vốn là điểu cần thiết trong giai đoạn học tập đầu tiên.

Giai đoạn tôi điểu chỉnh lương tâm nghiêm ngặt nhất là vào năm 1935. Vào lúc ấy, trông tôi có vẻ như bị bệnh tâm thần. Chẳng hạn như, khi đến nhà người nào, nếu không ai ra mở cửa, tôi sẽ không dám mở cửa mà bước vào. Một khi đã vào phòng khách, nếu không ai mời, tôi không dám ngồi vì nếu ngồi, tôi cảm thấy mình xâm phạm quyền làm chủ cửa người khác. Nếu có tờ báo trước mặt mà không ai mời, tôi cũng không dám đọc: nếu đọc, tôi sẽ cảm thấy mình xâm phạm quyền làm chủ cửa người khác. Vào lúc ấy, khi viết thư, tôi phải viết đi viết lại ba bốn lần. Lần đầu, cảm thấy có vài chữ không chính xác nên tôi xé đi và viết lại. Sau khi viết lần thứ hai, cảm thấy một vài chữ không thích hợp, tôi lại xé và viết lần thứ ba. Tôi không dám nói chuyện với người khác vì nếu nói, tôi cảm thấy mình có lỗi lầm: hoặc do tôi nói không chính xác, hoặc do tôi nói quá nhiều; và nếu không giữ quy tắc, tôi không thể bình an.

Tôi từng sống với một anh em họ trong một căn phòng nhỏ tại Thượng Hải. Mỗi khi muốn rửa mặt, chúng tôi phải đem nước vào. Căn phòng ấy chật đến nỗi nếu không cẩn thận, chúng tôi không thể không làm văng một vài giọt nước trên giường người kia. Thời gian ấy, tôi thường làm văng nước lên giường anh ấy. Mặc dù sau một lúc, nước khô đi; và nói một cách nghiêm túc, điểu này không phải là tội. Tuy nhiên lương tâm tôi bứt rứt và tôi cảm thấy mình bị cáo trách. Tôi chỉ có thể thú nhận với anh và xin lỗi: "Xin anh tha lỗi cho tôi vì tôi đã làm văng nhiều giọt nước lên giường anh". Khi xưng ra như vậy, tôi lại bứt rứt. Rõ ràng chỉ có ba giọt nước; sao tôi nói "nhiều giọt nước?" Tôi lại phải xưng ra một lần nữa. Vào buổi chiều, tôi hơi cẩu thả: tôi đạp lên giày anh để dưới giường, và lương tâm tôi không được yên. Tôi lại xưng tội. Ngày nào cũng vậy, từ sáng đến tối, tôi cứ xếp lý những loại tội lỗi như vậy. Cuối cùng anh ấy trở nên thiều kiên nhẫn và

tôi thì ngại ngùng khi xưng nhận thêm các lỗi khác. Tuy nhiên, nếu không xưng ra, tôi không yên lòng. Một ngày kia, tôi phạm một lỗi khác; nếu xưng ra, tôi e rằng anh ấy sẽ nổi nóng; còn nếu không xưng ra, tôi cứ bị bứt rứt. Đêm đó, sau giờ cơm, anh ấy muốn đi dạo, tôi tự ý muốn đi cùng. Tôi tìm cơ hội và thưa với anh: “Tôi lại phạm lỗi, xin anh tha thứ cho”. Anh đáp: “Người xấu nhất là người làm lỗi mà không xưng nhận lỗi ấy. Người tốt nhất là người không phạm lỗi và không xưng ra lỗi phạm. Người không tốt mà cũng không xấu là người làm lỗi và lại xưng lỗi phạm ấy ra”. Sau khi nghe điếu đó, tôi nói trong lòng: “Chúa ôi, xin thương xót con, con không muốn làm người xấu nhất; con cũng không thể làm người tốt nhất; con chỉ có thể làm người không tốt cũng không xấu”.

Đó là thời gian tôi điếu chỉnh lương tâm một cách quá đáng. Tuy nhiên, bây giờ khi nhìn lại, tôi vẫn thấy đó là điếu cần thiết. Thật vậy, ai muốn thật sự tăng trưởng trong sự sống phải trải qua một giai đoạn điếu chỉnh lương tâm một cách nghiêm khắc như vậy. Nếu lương tâm không được điếu chỉnh đầy đủ, sự sống không thể phát triển đúng mức.

Khi lương tâm chúng ta đã trải qua những sự điếu chỉnh nghiêm khắc và triệt để như vậy, cảm thức của lương tâm càng ngày càng nhạy bén. Giống như một tấm kính của sổ, khi bị bụi đất bám vào, ánh sáng không thể chiếu xuyên qua được; nhưng nếu chúng ta lau nó một chút, nó sẽ trong trẻo hơn. Chúng ta càng lau, nó càng trong suốt, và ánh sáng chiếu qua càng nhiều. Việc điếu chỉnh lương tâm cũng giống như vậy. Càng được điếu chỉnh, lương tâm càng trong sáng và cảm thức càng nhạy bén.

Lương tâm càng nhạy bén, tấm lòng càng mềm mại, vì lương tâm của những tấm lòng mềm mại là lương tâm nhạy bén hơn hết. Khi có một cảm thức như nhất nào, lương tâm liền nhận biết. Chúng ta có thể nói một lương tâm nhạy bén chắc chắn thuộc về một tấm lòng mềm mại. Tất cả những tấm lòng cứng cỏi đều có một lương tâm chai lì. Lương tâm càng cứng cỏi, tấm lòng

càng chai lì. Vì vậy, khi Thánh Linh muốn làm cho lòng chúng ta mềm mại, Ngài sẽ lay động lương tâm của chúng ta trước hết. Khi rao giảng phúc âm, chúng ta luôn luôn nói về tội lỗi; vì chúng ta có ý định lay động lương tâm người ta để họ thấy mình có nhu cầu đi đâu sai quấy và lỗi lầm. Khi lương tâm một người đã được lay động, lòng người ấy cũng mềm mại; lúc đó người ấy sẽ muốn tiếp nhận sự cứu rỗi của Chúa.

Vì một lương tâm nhạy bén, tức là một lương tâm không bị cáo trách, có thể làm cho tâm lòng mềm mại, nên tự nhiên lương tâm ấy sẽ để cho sự sống tăng trưởng ra từ chúng ta. Như vậy, lương tâm là chỗ đầu tiên mà sự sống phải đi qua khi tăng trưởng ra bên ngoài, hay là phần đầu của lối ra để sự sống có thể tăng trưởng ra bên ngoài.

B. Tình Cảm

Khi tăng trưởng ra từ bên trong, nơi thứ hai sự sống phải đi qua là tình cảm của lòng chúng ta. Đối với tình cảm của tâm lòng, đây là vấn đề tình yêu. Xử lý tình cảm là làm cho tình cảm của chúng ta yêu Chúa nhiệt thành.

Chúng ta biết đâu một người có làm bất cứ điều gì chẳng nữa, điều quan trọng hơn hết là người ấy có thích điều đó không. Nếu thích, người ấy sẽ sẵn lòng và vui mừng làm điều đó. Nếu không, người ấy sẽ không bằng lòng mà cũng không vui vẻ làm điều ấy. Nếu muốn để sự sống của Chúa bên trong chúng ta tăng trưởng ra ngoài một cách tự do, điều ấy đòi hỏi chúng ta phải vui mừng cộng tác với Ngài và bằng lòng để Ngài tự do hành động. Vì vậy khi Đức Chúa Trời muốn hành động qua chúng ta, Ngài thường lay động tình cảm chúng ta trước để chúng ta bằng lòng cộng tác với Ngài. Nhiều chỗ trong Kinh Thánh nói về lòng yêu Chúa. Tất cả đều được nhắc đến với ý định lay chuyển tình cảm của chúng ta. Chẳng hạn như trong Giăng 21, Chúa nói với Phi-e-rơ: “Người yêu ta hơn những kẻ này chẳng?” Nghĩa là Chúa muốn lay động tình cảm của Phi-e-rơ; Ngài muốn Phi-e-rơ yêu Ngài hết lòng để sự sống của Ngài có lối ra từ trong ông. Một lần nữa, trong La Mã 12:1-2, sứ

đồ Phao-lô nói: “Tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời mà nài khuyên anh em hãy dâng thân thể của anh em làm sinh tế sống và thánh... để thể nghiệm ý chí... của Đức Chúa Trời”. Khi nói về sự thương xót của Đức Chúa Trời, ông cũng muốn lay động tình cảm của chúng ta, để làm cho chúng ta yêu Chúa, muốn Chúa, tìm kiếm Chúa và dâng chính mình cho Chúa; khi ấy chúng ta mới có thể hiểu được những gì thuộc về Đức Chúa Trời. Những ví dụ này cho chúng ta thấy nếu muốn sự sống của Đức Chúa Trời có thể tuôn ra từ lòng chúng ta, ngoài một lương tâm không bị cáo trách, chúng ta còn cần yêu Ngài một cách nhiệt thành.

Tình cảm nồng nàn dành cho Chúa có liên quan mật thiết đến tâm lòng và lương tâm. 1 Ti-mô-thê 1:5 nói: “Tội kết của mạng lệnh, ấy là sự yêu thương do lòng thuần khiết và một lương tâm tốt...” Phần Kinh Thánh này cũng nói về tình cảm, tâm lòng và lương tâm. Ở đây Phao-lô có ý định nói với Ti-mô-thê rằng loài người có nói nhiều đến đâu chăng nữa cũng không đáng kể, nhưng tình yêu thương và chế độ tình yêu thương mà thôi là kết cuộc của mọi sự. Vậy, tình yêu này đến từ đâu? Từ một tâm lòng thuần khiết và một lương tâm tốt. Như vậy, chúng ta cần có lòng thuần khiết và lương tâm tốt trước khi tình yêu có thể tuôn ra. Vì lý do này, khi giúp đỡ người khác, chúng ta phải giúp họ điểu chỉnh tâm lòng và lương tâm trước. Khi tâm lòng và lương tâm đã được điểu chỉnh, tình cảm có thể dễ dàng yêu Chúa và muốn Ngài. Khi tình cảm của chúng ta chứa đựng tình yêu, sự sống của Đức Chúa Trời có lẽ ra từ linh chúng ta. Như vậy, tình cảm là nơi thứ hai mà sự tăng trưởng ra ngoài của sự sống có thể chảy qua, hay là phần thứ hai của lẽ ra để sự sống có thể tăng trưởng ra ngoài.

C. Tâm Trí

Phần thứ ba mà sự sống tăng trưởng ra ngoài phải chảy qua là tâm trí. Tâm trí cần được điểu mới. Xả lý tâm trí nghĩa là phải có một tâm trí điểu mới và được điểu cứu khỏi mọi tư tưởng cũ. La Mã 12:2 chép: “Đừng rập khuôn theo đời này,

nhưng hãy biến hóa bởi sự đổi mới tâm trí của anh em, để thể nghiệm ý chí tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời là thế nào”. Điều này cho thấy chỉ khi nào có một tâm trí biến hóa và đổi mới, chúng ta mới có thể hiểu được ý muốn của Đức Chúa Trời, để sự sống Ngài chảy qua và tuôn ra một cách tự nhiên. Như vậy, tâm trí cũng liên hệ mật thiết đến sự việc tăng trưởng sự sống ra bên ngoài.

Mọi công tác đổi mới của con người đều do Thánh Linh thực hiện (Tít 3:5). Vì vậy, khi nói đến sự đổi mới tâm trí, chúng ta vẫn phải bắt đầu với công tác của Thánh Linh. Chúng ta biết, công tác đầu tiên của Thánh Linh làm gì trong chúng ta là tái sinh chúng ta. Sau đó, phần lớn công tác tiếp theo của Ngài trong chúng ta là đổi mới chúng ta. Thánh Linh tái sinh chúng ta khiến chúng ta nhận được sự sống của Đức Chúa Trời và có được bản chất của Đức Chúa Trời. Thánh Linh đổi mới chúng ta khiến chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời, hoặc hiểu được ý muốn của Ngài và có tâm trí của Ngài.

Các phần bên trong chúng ta mà Thánh Linh làm việc trong công tác đổi mới của Ngài là linh và tâm trí. Trong chương mang tựa đề Tri Thức Bên Trong, chúng tôi đã làm sáng tỏ rằng chúng ta hiểu biết Đức Chúa Trời là nhờ linh và tâm trí. Trước hết, chúng ta có được sự nhận biết của trực giác trong linh, sau đó chúng ta nhận được sự thông hiểu trong tâm trí; qua đó, chúng ta hiểu ý chí của Đức Chúa Trời và được biết Ngài. Vậy có thể nói linh và tâm trí là hai cơ quan đi đôi với nhau mà nhờ đó chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời. Chỉ có linh thôi thì chưa đủ; chỉ có tâm trí thôi cũng không đủ. Chúng ta phải vừa có linh vừa có tâm trí. Giống như một bóng đèn chiếu sáng do ánh điện; chỉ có sợi dây tóc kim loại nóng trong bóng đèn cũng không đủ. Cả hai phải hợp tác với nhau. Vì mục đích công tác đổi mới của Thánh Linh là để chúng ta được biết Đức Chúa Trời, tự nhiên Ngài sẽ đổi mới những cơ quan dành cho sự hiểu biết Đức Chúa Trời, tức là linh và trí của chúng ta.

Ê-phê-sô 4:22-23 nói: “Vậy, anh em phải lột bỏ người cũ và

cách ăn ở trước kia,... lại phải đổi mới trong linh của tâm trí mình". Khi nói đến vấn đề đổi mới, phân đoạn Kinh Thánh này kết hợp linh và tâm trí với nhau và gọi linh là "linh của tâm trí". Trong sự hiểu biết ý chí Đức Chúa Trời, dù đó là vấn đề thuộc tâm trí nhưng riêng tâm trí cũng không thể nào tiếp xúc trực tiếp và hiểu biết Ngài được. Để hiểu ý chí của Đức Chúa Trời, trước hết chúng ta phải dùng linh để đụng chạm và cảm nhận Ngài; sau đó chúng ta phải dùng tâm trí để thông hiểu ý nghĩa của trực giác trong linh. Như vậy, trong việc hiểu biết ý chí của Đức Chúa Trời, về phía tâm trí, thì tâm trí phải hiệp tác với linh, còn về phía linh, thì linh phải kết hợp với tâm trí và thuộc tâm trí. Cũng như dây tóc trong bóng đèn được kết hợp với bóng đèn và thuộc về bóng đèn. Như vậy, trong phân đoạn này, Kinh Thánh gọi linh của chúng ta "là linh của tâm trí". Khi Thánh Linh đổi mới "linh của tâm trí chúng ta", Ngài đổi mới linh và tâm trí của chúng ta. Thánh Linh đổi mới linh chúng ta vì trong vấn đề hiểu biết Đức Chúa Trời linh thuộc về tâm trí; vậy nên, sự đổi mới thật của tâm trí luôn luôn bắt đầu bằng sự đổi mới linh. Trước hết Thánh Linh đổi mới linh chúng ta, sau đó Ngài đổi mới tâm trí chúng ta; như vậy linh của tâm trí được đổi mới.

Thì khi linh của tâm trí được đổi mới bởi Thánh Linh, linh chúng ta trở nên sống động và nhạy bén. Mỗi khi Thánh Linh hành động và xúc động, linh này có thể cảm nhận và nhận biết. Đồng thời tâm trí chúng ta cũng sáng suốt và thông thạo, có thể thông hiểu ý nghĩa của trực giác trong linh ngay lập tức. Bằng cách này, chúng ta có thể hiểu biết ý muốn của Đức Chúa Trời. Khi ấy, bất cứ điều gì tâm trí suy nghĩ và cân nhắc cũng sẽ đứng về phía linh; không còn nhường chỗ cho xác thịt và bị xác thịt sử dụng nữa. Khi ấy tâm trí chúng ta không còn đặt vào xác thịt nữa, nhưng đặt vào linh. La Mã 8:6 gọi tâm trí ấy là "tâm trí của linh". Vì thường xuyên đặt vào linh và quan tâm đến linh, tâm trí của linh cho phép sự sống của Đức Chúa Trời liên tục tăng trưởng ra ngoài từ linh chúng ta.

Tóm lại, có ba điều liên quan đến sự đổi mới tâm trí: Trước hết, La Mã 12 nói rằng tâm trí cần phải được đổi mới và lột bỏ những tư tưởng cũ; thứ hai, Ê-phê-sô chương bốn nói tâm trí cần linh hợp tác, kết hợp làm một với tâm trí đấng linh có thể trở thành “linh của tâm trí”; thứ ba, La Mã chương 8 nói tâm trí cần phải đứng về phía linh, đầu phục linh, thuộc về linh, thường xuyên đặt vào linh, quan tâm đến linh và lắng nghe chuyển động và cảm thức của linh, qua đó trở thành “tâm trí của linh”. Vậy khi tâm trí được đổi mới, được linh hợp tác, và đứng về phía linh, tâm trí có thể mở cho sự sống chảy qua và tăng trưởng ra ngoài một cách thông suốt không bị ngăn trở. Như vậy, tâm trí là nơi thứ ba mà sự tăng trưởng ra ngoài của sự sống chảy qua, hay là phần thứ ba của lối ra đời sự sống tăng trưởng ra ngoài.

D. Ý Chí

Thứ tư, sự tăng trưởng ra ngoài của sự sống đi qua ý chí. Chúng ta đã thấy tâm lòng cần phải thuận khiết, lương tâm cần không chướng trách được, tình cảm cần đầy tình yêu, và tâm trí cần được đổi mới. Thế thì, ý chí cần gì? Theo Kinh Thánh, chúng ta thấy ý chí cần trở nên dõng dạc. Nói đến ý chí, chúng ta muốn nói đến tình trạng dõng dạc. Xương lý ý chí là làm cho ý chí trở nên dõng dạc.

Ý chí là cơ quan dự định và quyết định. Chúng ta muốn hay không, quyết định hay không, tất cả đều là chức năng của ý chí. Khi chúng ta nói: “Tôi muốn”, hay “Tôi quyết định” nghĩa là ý chí của chúng ta muốn, ý chí của chúng ta quyết định. Như vậy, ý chí là phần cốt yếu hơn hết của toàn thể con người chúng ta; nó quyết định các hành động và chuyển động của chúng ta. Có thể nói ý chí là bánh lái của cả con người chúng ta. Một chiếc thuyền xoay chuyển tùy theo bánh lái thế nào, thì một con người tiến hay thoái là tùy thuộc vào ý chí của mình thế nào.

Ý chí của con người hoàn toàn độc lập, hoàn toàn tự do. Không ai có thể ép buộc hay cưỡng bức ý chí làm những điều

nó chֿng đֿi hoặc không chֿp thuận. Đây là cách ý chí hành động đֿi với loài người và cũng là cách ý chí hành động với Đức Chúa Trời. Vì vậy, sự sֿng cֿa Đức Chúa Trời có thֿ tăng trưֿng ra ngoài từ trong chúng ta hay không liên hệ rֿt nhiֿu đֿn vֿn đֿ ý chí cֿa chúng ta có dֿ uֿn nֿn và đֿu phục không. Nֿu ý chí chúng ta cứng cֿi, cֿ chֿp, chֿng nghịch và hành động theo ý riêng trong mọi việc, sự sֿng cֿa Đức Chúa Trời không có cách nào có thֿ tăng trưֿng ra ngoài đưֿc. Nֿu ý chí cֿa chúng ta mֿm mại, dֿ uֿn nֿn và sֿn sàng hành động theo sự vận hành cֿa sự sֿng, sự sֿng cֿa Đức Chúa Trời mới có thֿ tăng trưֿng ra ngoài. Thֿ thì, ý chí cֿa chúng ta là nơi thứ tư mà sự sֿng tăng trưֿng ra ngoài chֿy qua, hay là phֿn thứ tư cֿa lֿi ra đֿ sự sֿng tăng trưֿng ra ngoài.

Chúng ta cֿn lưu ý bֿt cứ khi nào đֿ cập đֿn tֿm lòng, chúng ta nói đֿn những phֿn khác nhau này, hoặc lương tâm cֿa tֿm lòng, hoặc tình cֿm cֿa tֿm lòng, hoặc tâm trí cֿa tֿm lòng, hoặc ý chí cֿa tֿm lòng. Khi nói lòng không thuֿn khiֿt, chúng ta muֿn nói đֿn tֿm lòng một cách tֿng quát. Khi nói đֿn tֿm lòng không bị cáo trách (không bị lên án), chúng ta chֿ vֿ lương tâm. Khi nói đֿn lòng yêu Chúa, chúng ta chֿ vֿ tình cֿm. Khi nói đֿn tֿm lòng không hiֿu biֿt, chúng ta chֿ vֿ tâm trí. Khi nói đֿn một tֿm lòng cứng cֿi, ương ngạnh, chúng ta chֿ vֿ ý chí. Khi nói đֿn điֿu chֿnh tֿm lòng, chúng ta chֿ vֿ việc giֿi quyֿt năm khía cạnh trên cֿa tֿm lòng.

Nֿu điֿu chֿnh tֿm lòng mình đֿn mức thuֿn khiֿt, không bị cáo trách, yêu Chúa, sáng suֿt, thành thạo, và dֿ uֿn nֿn, khi ֿy chúng ta mới có một tֿm lòng hữu ích cho sự sֿng cֿa Đức Chúa Trời, và mới có thֿ cho phép sự sֿng cֿa Đức Chúa Trời có một lֿi ra thông suֿt từ bên trong chúng ta.

LỜI KֿT

Sau khi đã thֿy sự sֿng cư trú ֿ đâu, lֿi ra cֿa sự sֿng, đưֿng đֿn cֿa sự sֿng, chúng ta biֿt nֿu muֿn sự sֿng cֿa

Đức Chúa Trời có cách tăng trưởng ra ngoài từ trong mình, chúng ta phải điểu chỉnh linh, tâm lòng, lương tâm, tình cảm, tâm trí và ý chí độn khi không còn nan đở gì trong những phần này. Lý do là sự sáng của Đức Chúa Trời lờy linh chúng ta làm nơi ò và lờy lòng, lương tâm, tình cảm, tâm trí và ý chí chúng ta làm lời ra. Nếu một trong sáu cơ quan này có vấn đề trỏ ngại, sự sáng của Đức Chúa Trời bị ngăn trỏ và không thỏ biỏu lộ ra đợc. Vì vậy nếu chúng ta ao ước tìm kiếm sự tăng trưởng trong sự sáng thì điểu này thật sự cũng không phải là đơn giản. Không những chúng ta cần đụng chạm linh, và nhận biỏt linh; chúng ta cũng nên điểu chỉnh mỗi một phần của tâm lòng. Nếu thiỏu sót bỏt cứ một phương diện nào, chúng ta sẽ không thành công. Vì lý do này, ngày nay sỏ anh chị em tăng trưởng trong sự sáng thật là ít òi, và họ cũng tăng trưởng một cách chậm chạp!

Đôi lúc chúng ta thỏy có một anh em không thỏ nói là không yêu Chúa; thật ra anh khá tốt về mọi phương diện. Nhưng vì tâm trí anh kỳ dị, toàn cỏ tương lai thuộc linh của anh bị tê liệt. Có những chị em đã điểu chỉnh lương tâm của mình, và không có vấn đề gì về tâm trí, nhưng vì họ thiỏu hụt trong tình cảm, ngoài Chúa ra họ còn yêu những điểu khác, nên họ không tăng trưởng bao nhiêu trong sự sáng. Nhiều anh em có ý chí ương ngạnh trong mọi điểu; tâm trí họ khẳng khắng với quyỏt định của mình; họ không muốn bị sỏa sai, và họ không thỏ đợu phục sự soi sáng; do đó, sự sáng không thỏ tuôn tràn ra ngoài đợc. Vì vậy, giỏi quyỏt đúng mức mọi phần này trong đời sáng thực tế của chúng ta không phải là một việc dỏ dàng. Nếu anh chị em nào không có nan đở gì trong những điểu này thì đó thật là một phép lạ. Nguyên Đức Chúa Trời thương xót chúng ta!

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

SỰ SÁNG VÀ SỰ SÁNG

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét điỏm chính yếu cuối cùng liên

quan đ̣n v̄n đ̄ hīu bīt sự s̄ng, đó là ánh sáng và sự s̄ng. Theo Lời Đức Chúa Trời cũng như theo kinh nghiệm c̄a mình, chúng ta th̄y ánh sáng đặc biệt liên hệ đ̄n sự s̄ng. Có th̄ nói chúng ta nhận được sự s̄ng là do được soi sáng. Và mức độ sự s̄ng chúng ta nhận được hoàn toàn tương ứng với mức độ chúng ta được soi sáng. Ch̄ có sự chīu rọi c̄a ánh sáng mới đem lại sự s̄ng và ch̄ có ánh sáng chīu soi mới làm tăng trư̄ng sự s̄ng. Vì vậy, nếu muốn hīu bīt sự s̄ng, chúng ta c̄n th̄y m̄i quan hệ giữa sự sáng và sự s̄ng

I. SỰ S̄NG KHÁC VỚI PH̄M HẠNH

Chúng ta đã nh̄c đi nh̄c lại rằng ý định c̄a Đức Chúa Trời cứu chúng ta không ph̄i đ̄ chúng ta tr̄ thành người ác hay người lành mà là tr̄ nên một người có sự s̄ng hay một Th̄n-nhân. Vì vậy, sau khi được cứu chúng ta không nên ch̄ đạt đ̄n tiêu chūn đạo đức trong ph̄m hạnh c̄a mình và s̄ng-bày-t̄ sự t̄t lành c̄a loài người, nhưng chúng ta nên đạt đ̄n tiêu chūn sự s̄ng trong đời s̄ng mình và s̄ng-bày-t̄ sự s̄ng c̄a Đức Chúa Trời. Th̄ thì, con đường chúng ta đi hôm nay không ph̄i là con đường tự c̄i thiện mà là con đường sự s̄ng. Chúng ta không theo đ̄i sự c̄i thiện ph̄m hạnh mình nhưng theo đ̄i sự tăng trư̄ng trong sự s̄ng. Đ̄ có th̄ tiến tới trên con đường sự s̄ng, không lệch qua bên ph̄i hay bên trái, chúng ta ph̄i bīt phân biệt sự khác nhau giữa sự s̄ng và ph̄m hạnh.

Sự s̄ng và ph̄m hạnh thật là khác nhau. Ngay từ đ̄u, Kinh Thánh đ̄ cập đ̄n hai loại cây trong vườn Ê-đen: một là cây sự s̄ng, hai là cây kīn thức v̄ thiện và ác. Cây sự s̄ng ch̄ v̄ sự s̄ng c̄a Đức Chúa Trời, trong khi cây thiện và ác ch̄ v̄ ph̄m hạnh c̄a thiện và ác. Cây sự s̄ng và cây kīn thức v̄ thiện và ác không ph̄i là một cây, nhưng là hai cây. Đīu này cho chúng ta th̄y sự s̄ng và ph̄m hạnh thuộc hai th̄ loại thật khác nhau.

Chúng ta c̄n nhìn th̄y sự khác biệt cơ b̄n giữa sự s̄ng và ph̄m hạnh. Nói một cách đơn gīn, sự s̄ng là sự tăng trư̄ng

tự nhiên trong khi phàm hạnh là công việc của loài người. Chẳng hạn, hãy xem một căn nhà và một cái cây. Căn nhà là kết quả của việc làm, sản phẩm của công việc con người, trong khi cây bày tỏ sự sống, sự tăng trưởng tự nhiên. Các cánh cửa của căn nhà đã được gắn vào do công việc loài người trong khi hoa, lá của cây mọc ra do sự tăng trưởng. Căn nhà được dựng nên mô tả một phàm hạnh nào đó của con người trong khi cây mọc lên tỏ ra một loại sự sống. Điểm khác biệt ở đây rất rõ rệt. Đối với Cơ Đốc nhân chúng ta, điểm khác biệt giữa phàm hạnh và sự sống cũng giống như vậy. Điều gì sản sinh ra do nỗ lực con người của chúng ta là phàm hạnh, trong khi chỉ có điều gì nào phát sinh từ sự tăng trưởng của sự sống Đức Chúa Trời bên trong chúng ta mới là sự sống. Một số anh chị em rất dè mẫn, kiên nhẫn, khiêm nhường và nhu mì. Thoạt tiên trông có vẻ như họ thật có sự sống, nhưng thật ra những đức tính ấy chỉ là phàm hạnh do chính họ tạo ra chứ không phải là sự sống lớn lên và bày tỏ ra từ bên trong. Dù phàm hạnh của họ được cải thiện rất nhiều, sự sống của họ không tăng trưởng là bao.

Mặc dù sự sống và phàm hạnh thật là khác nhau, nhưng bên ngoài thường rất giống nhau và rất khó phân biệt. Làm sao chúng ta có thể phân biệt giữa sự sống và phàm hạnh được?

Trước hết, chúng ta có thể phân biệt bằng cách “nếm” hay “ngửi”. Một phàm hạnh có thể rất giống sự sống, nhưng rõ ràng không có hương vị hay mùi sự sống. Chẳng hạn như hai cây có bên ngoài trông giống hết nhau, nhưng một cây là cây có sự sống thật, trong khi cây kia là cây nhân tạo, không có sự sống. Cây “thật” kết quả nhiều và trên cây “nhân tạo” người ta cũng gắn một ít trái giả. Trái của cả hai cây đều giống nhau về hình dạng và màu sắc. Nhìn bên ngoài thì khó thấy sự khác biệt giữa hai cây nhưng chỉ cần ngửi hay nếm những trái ấy, chúng ta có thể phân biệt được ngay. Trái của cây “thật” thì ngon ngọt trong khi trái của cây “giả” thì vô vị. Trái giả dùng để ngậm thì được, nhưng không thể ăn được. Điều Cơ Đốc nhân chúng ta bày tỏ trong đời sống hằng ngày

cũng như vậy. Hình thức và lối sống hằng ngày của một số anh chị em tuồng chừng như có sự sống; nhưng nếu anh em “ngửi” một cách cẩn thận, thì chúng có mùi sự sống gì cả. Một số chị em bắt chước rất giống cách cầu nguyện và tương giao của Madame Guyon, nhưng mùi vị thì không giống. Một số anh em bắt chước cung cách khiêm nhường của Jesus người Na-xa-rét nhưng dù bên ngoài diễn xuất rất khá, họ không có mùi vị bên trong. Những điều đó là công việc loài người, không phải sự lớn lên của sự sống. Đó chỉ là sự phô diễn một phẩm hạnh, chứ không phải sống-bày-tỏ sự sống. Vì vậy, do hương vị hay mùi vị, chúng ta có thể biết đời sống của một Cơ Đốc nhân phát sinh từ sự sống hay chỉ là một hình thức phẩm hạnh mà thôi. Tất cả những gì sinh ra từ sự sống đều có hương vị hay mùi sự sống, hương vị hay mùi vị của Đức Chúa Trời; nhưng nếu là phẩm hạnh thì chỉ có hương vị và mùi vị của loài người.

Thứ hai, chúng ta có thể phân biệt giữa sự sống và phẩm hạnh qua sự thử nghiệm của những thăng trầm trong hoàn cảnh. Tất cả những gì phát xuất từ sự sống có thể chịu được sự thay đổi của môi trường; mặc dầu đau khổ trong bão tố, hoạn nạn, nhưng sự sống có thể tồn tại. Nhưng phẩm hạnh thì không như vậy. Khi có thể thách, phẩm hạnh sẽ thay đổi bần chệt hoặc biến mất. Chúng hạn như, nếu chúng ta chôn một hạt giống xuống đất, nó sẽ mọc và kết nhiều trái. Nhưng nếu chúng ta chôn một hòn đá xuống đất sẽ không có gì mọc lên cả. Nhiều lúc thật khó phân biệt điều một Cơ Đốc nhân bày tỏ là sự sống hay phẩm hạnh và nhiều lúc phân biệt bằng hương vị hay mùi vị lại càng khó hơn. Khi ấy, chúng ta chỉ có thể đợi chờ sự thay đổi môi trường làm công việc thử nghiệm. Khi Đức Chúa Trời cho phép mọi sự quyên rũ, cám dỗ, khó khăn hay hoạn nạn đến trên một Cơ Đốc nhân trong hoàn cảnh của mình, nếu những gì người ấy có đến từ sự sống của Đức Chúa Trời, những điều ấy không những sẽ tồn tại qua mọi tình cảnh mà còn được biếu lộ nhiều hơn. Lý do là vì sự sống của Đức Chúa Trời chứa đựng quyền năng phục sinh vĩ đại. Sự sống này không sợ hoạn nạn, hủy diệt, hay sự chết, không thể bị chèn

ép do bất cứ nghịch cảnh nào; trái lại, sự sống ấy khốc phục tốt cả, đức thiêng tốt cả, không bao giờ hư hoại mà cứ luôn nảy nở mãi. Tuy nhiên, nếu những gì người ấy có chỉ là phàm hạnh của con người, một khi gặp nghịch cảnh, hoạn nạn, sự tàn phá hay thử thách, nó sẽ thay đổi bản chất hoặc biến mất. Vì mọi phàm hạnh của con người đều ra từ nỗ lực của họ, chúng không chịu nổi hoạn nạn hay sự tàn phá; cũng không thiêng hơn cảm dục hoặc thử nghiệm; một khi môi trường thay đổi, chúng thật khó mà không đổi thay.

Có một chị em kia bất chước Madame Guyon đến mức dù gặp bất cứ chuyện gì đi nữa, chị vẫn không bao giờ bối rối mà luôn luôn bình tĩnh. Không những chị học cách hành xử giống Madame Guyon ở bên ngoài; ngay cả mùi vị lòng hương vị cũng giống nữa. Nhưng một ngày kia “con trai độc nhất Y-sác” yêu dấu của chị tình hình bị đau. Thử là tốt cả những gì chị học được đều biến đi cả và chị còn lo lắng hơn mọi người nữa. Điều này chứng tỏ sự không lo lắng trước kia của chị là nỗ lực của con người nên nó không chịu được sự thử nghiệm.

Như vậy, chúng ta không nên xét đoán tình trạng thuộc linh của anh chị em mình một cách vội vàng, cũng không nên vội khen sự bày tỏ của lòng sống họ. Nhận xét và cảm xúc của chúng ta thường không đáng tin cậy. Chỉ có điều gì Đức Chúa Trời minh chứng bằng thời gian thì mới chính xác. Những gì chỉ là phàm hạnh của con người sẽ sụp đổ theo thời gian, sẽ thay đổi trong bản chất hay sẽ bị hủy diệt. Tuy nhiên, những gì đến từ sự sống của Đức Chúa Trời sẽ tồn tại với thời gian. Sự thử nghiệm của thời gian thuộc về Đức Chúa Trời giúp chúng ta phân biệt được điều nào là sự sống và điều nào là phàm hạnh.

Tôi xin trưng ra một số vấn đề cá nhân để minh họa sự khác biệt giữa sự sống và phàm hạnh. Ngay sau khi tin Chúa, tôi nghe nói những người trong chủng viện có một nếp sống rất ngoan đạo. Phàm hạnh và thái độ của họ rất cung kính đối với Chúa. Khi nghe điều đó, tôi rất ngưỡng mộ họ. Về sau, tôi cũng nghe nói có người sau khi được cứu đã trở nên một con

người hoàn toàn khác với trước kia. Khi nghe như vậy, tôi lại càng cảm động. Từ đó, tôi quyết định sống một đời sống ngoan đạo như những sinh viên trong các chủng viện. Tôi cũng muốn trở nên một Cơ Đốc nhân hoàn toàn khác với con người trước kia của mình. Thế rồi hằng ngày, tôi nỗ lực cư xử tốt và học tập. Hành động và sự học tập ấy không đến từ sự sống, nhưng do ảnh hưởng bên ngoài và do sự ngưỡng mộ của lòng tôi. Tôi hết sức cố gắng dùng mọi nỗ lực của mình để bắt chước người khác; vì vậy đó hoàn toàn chỉ là một hình thức của phàm hạnh mà thôi.

Tôi xin nêu một ví dụ khác. Vào thời ấy, người Trung Hoa khắp nơi đều giữ phong tục mừng năm mới. Nhưng vì được Chúa giải cứu, những phong tục như vậy không chiếm hữu lòng tôi. Vào sáng mùng một Tết năm ấy, sau khi thức dậy tôi quỳ gối như thường lệ để cầu nguyện và đọc Kinh Thánh và được kinh nghiệm sự hiện diện của Chúa một cách trọn vẹn. Cầu nguyện xong, tôi đứng dậy, mẹ tôi báo tôi mặc chiếc áo mới mà bà đã chuồn bị sn cho tôi. Không suy nghĩ gì cả, tôi cảm thấy, mặc vào và cùng gia đình đi dự tiệc đầu năm. Khi trở về nhà, tôi lại vào phòng, quỳ gối xuống cầu nguyện, nhưng tôi mất sự hiện diện của Chúa một cách kỳ lạ. Tôi thấy dường như Đức Chúa Trời trong tôi đã lìa khỏi tôi. Sau đó, tôi có một cảm giác sâu xa bên trong là mình không nên mặc chiếc áo mới ấy. Ngay lập tức tôi cởi nó ra và mặc lại chiếc áo cũ. Tôi lại cầu nguyện, lần này tôi đụng chạm được sự hiện diện của Đức Chúa Trời; tôi cảm biết Ngài đã trở lại với tôi.

Các anh chị em ơi, đây là sự sống! Đây không phải là sự khích lệ bên ngoài, một giải pháp hay phàm hạnh; cũng không phải sự dạy dỗ, thực tập hay bắt chước. Ấy là sự sống của Đức Chúa Trời trong nơi sâu thẳm nhất của tôi đã ban cho tôi một cảm thức nào đó và bày tỏ rằng tôi không nên mặc chiếc áo mới ấy. Cảm thức bên trong này cũng là quyền năng sự sống đã giải cứu tôi. Từ đó về sau phong tục hội hè hoàn toàn rời khỏi tôi. Điều này thật khác với ví dụ trước là trường hợp thán phục và bắt chước. Đây là sự bày tỏ sự sống.

Vào năm 1940, tại Thượng Hải có một buổi huấn luyện dành cho các đồng công và nhiều người đôn dự. Một anh em nói với tôi: “Nếu mức độ tăng trưởng sự sống của anh chị em ở đây không đủ, họ phải cố gắng nỗ lực hơn nữa”. Câu nói này đầy ý nghĩa, vì trong tình huống này, tự nhiên người ta sẽ phải tỏ ra thiêng liêng hơn, thuộc linh hơn. Nhưng mọi hoạt động này không phải là sự sống.

Bất cứ khi nào do ảnh hưởng của môi trường, do sự thán phục hay sợ hãi, mà chúng ta có một lối sống nào đó; lối sống này chỉ là một sự trình diễn bề ngoài, một hình thức cư xử. Một ngày kia, khi hoàn cảnh thay đổi, điều này cũng thay đổi theo. Như vậy, nếp sống của chúng ta không nên chỉ là kết quả của ảnh hưởng môi trường, mà phải do cảm nhận sự sống bên trong. Khi môi trường bên ngoài phù hợp với tôi, tôi sống như vậy. Khi môi trường không phù hợp với tôi, tôi vẫn sống như vậy. Môi trường có thể thay đổi nhưng nếp sống của tôi không thay đổi. Đó là một nếp sống đôn từ sự sống.

Bây giờ, khi đã thấy sự khác biệt giữa sự sống và phàm hạnh, chúng ta nên xem xét chính đời sống mình và kiểm tra từng điếm một. Có bao nhiêu phần của đời sống tôi không phải là sự trình diễn bề ngoài? Bao nhiêu phần không do bất chước? Bao nhiêu phần bày tỏ sự sống ở bên trong. Một khi xem xét chính mình như vậy, ngay tức khắc chúng ta sẽ thấy phần lớn đời sống chúng ta chỉ là phàm hạnh, sự bất chước, sự phục tùng và thích ứng với những luật bên ngoài vì chịu ảnh hưởng bề ngoài; rất ít phần là sự bày tỏ sự sống ở bên trong. Điều này chứng tỏ chúng ta không hoàn toàn từ bỏ phàm hạnh thuộc nỗ lực con người.

Thì làm sao chúng ta từ bỏ phàm hạnh thuộc nỗ lực loài người và sống-bày-tỏ sự sống? Chúng ta cần ý thức phàm hạnh phát sinh từ sự khuyến khích và dạy dỗ của người khác, hay do sự bất chước và tập luyện của chính mình, trong khi sự sống phát sinh từ sự soi sáng của Đức Chúa Trời. Phàm hạnh không đòi hỏi một sự soi sáng nào cả, nhưng được thực hiện do nỗ lực loài người. Tuy nhiên, sự sống chỉ có thể phát

sinh do sự soi sáng mà thôi. Vì vậy, nếu muốn được giải cứu khỏi phàm hạnh của chúng ta và có thể sống-bày-tỏ sự sống, chúng ta phải được soi sáng. Nếu không được soi sáng thì chúng ta chỉ có thể đạt đến phàm hạnh bên ngoài là cùng; nhưng nếu được soi sáng, chúng ta có thể sống-bày-tỏ sự sống.

II. SỰ SỐNG ĐẾN TỪ SỰ SÁNG

Toàn bộ Kinh Thánh bày tỏ rằng sự sống đến từ sự chiếu rọi của ánh sáng. Khi ánh sáng tràn vào, sự sống sẽ theo sau. Nơi nào có ánh sáng, nơi đó có sự sống. Mức độ sự sống tỷ lệ thuận với mức độ ánh sáng. Sáng thế ký chương 1 và 2 nói rằng trước khi Đức Chúa Trời bắt đầu công tác phục hồi của Ngài, trái đất trống không và tối tăm, nghĩa là đầy dẫy sự chết, vì sự tối tăm tượng trưng cho sự chết. Vì vậy, bước đầu trong công tác của Ngài, Đức Chúa Trời truyền lệnh phải có sự sáng. Khi sự sáng đến, sự sáng hủy diệt bóng tối vốn thuộc về sự chết và đem sự sống vào. Như vậy, sự sống theo sau sự sáng, và sự sống bắt đầu từ sự sáng.

Ngày đầu tiên Đức Chúa Trời truyền lệnh cho sự sáng; sau đó sự sống theo một đã phát sinh vào ngày thứ ba. Sự sáng của ngày đầu tiên để cho sự sống theo một. Tuy nhiên, cần phải có ánh sáng mạnh hơn cho một sự sống cao hơn. Vì vậy, vào ngày thứ tư Đức Chúa Trời ra lệnh cho mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao phải chiếu sáng. Qua đó, sự sống cao hơn đã phát sinh. Không những có chim, cá, các loài thú và mọi loại sự sống loài vật, mà còn có sự sống của loài người, là loài được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời. Cuối cùng, vào ngày thứ bảy, Đức Chúa Trời, là Đấng mà cây sự sống tượng trưng đã xuất hiện. Đức Chúa Trời là sự sáng cao nhất đã đem đến sự sống cao nhất, là sự sống của Đức Chúa Trời. Tiến trình xuất hiện của các loại sự sống khác nhau cho chúng ta thấy sự sống luôn theo sau sự sáng. Sự sống bắt đầu bằng sự sáng, và sự sống tiếp tục phát triển cao hơn khi sự sáng mạnh mẽ hơn.

Ánh sáng của ngày đầu tiên không đủ mạnh; vì vậy chỉ đem đến sự sống của cây cỏ, là sự sống thấp nhất, một sự sống không có ý thức. Điều này tượng trưng cho sự soi sáng chúng ta nhận được khi mới được cứu (2 Cô. 4:6). Mặc dù ánh sáng này đem sự sống của Đức Chúa Trời vào trong chúng ta, ánh sáng này chỉ truyền đạt một sự sống ở giai đoạn đầu, một sự sống không có nhiều tổ chức và chưa thành hình.

Ánh sáng ngày thứ tư mạnh hơn ánh sáng ngày đầu tiên. Ánh sáng này mạnh mẽ hơn, trong suốt hơn, rõ rệt hơn và cụ thể hơn, vì vậy đem đến một sự sống cao hơn, là sự sống của loài vật. Vì ánh sáng lớn lao hơn và mạnh mẽ hơn, nên sự sống cũng trọng yếu hơn và cao hơn. Ánh sáng phát triển và theo sau ánh sáng, sự sống cũng phát triển. Điều này tượng trưng cho kinh nghiệm của chúng ta: khi chúng ta nhận được ánh sáng mạnh mẽ hơn, trong suốt hơn, rõ ràng hơn, thì sự sống bên trong chúng ta cũng tăng trưởng và xác định hơn về hình thể. Qua đó Đấng Christ thành hình trong chúng ta.

Ánh sáng vào ngày thứ bảy là ánh sáng cao nhất; vì vậy, ánh sáng này đem đến sự sống cao nhất là sự sống của Đức Chúa Trời, được tượng trưng bằng cây sự sống. Khi ánh sáng lên đến cực điểm, thì sự sống cũng đạt đến tốt đẹp nhất. Khi ánh sáng trọn vẹn, sự sống cũng hoàn toàn. Khi ánh sáng chúng ta nhận được bên trong gia tăng đến cực điểm, sự sống thuộc linh của chúng ta cũng trở nên đầy đủ và trưởng thành, và sẽ đạt đến tình trạng hoàn toàn giống Đức Chúa Trời.

Trong Sáng thế ký chương một và hai, Đức Thánh Linh tiếp tục bày tỏ cho chúng ta thấy sự sống theo sau ánh sáng. Ngài bày tỏ ánh sáng được chia làm ba giai đoạn: ngày thứ nhất, ngày thứ tư và ngày thứ bảy; vì vậy, sự sống cũng được chia làm ba giai đoạn. Ánh sáng đánh dấu bước đầu của mỗi giai đoạn. Ánh sáng của giai đoạn nào đem đến sự sống của giai đoạn ấy. Mức độ ánh sáng của một giai đoạn qui định mức độ sự sống giai đoạn ấy đem đến.

Mục đích của Đức Chúa Trời là con người, loài đã được tạo

dựng trong ánh sáng của ngày thứ tư, có thể tiếp xúc với cây sự sống, là cây đã được bày tỏ trong ánh sáng của ngày thứ bảy, và qua đó nhận được sự sống bất thối tạo của Đức Chúa Trời mà cây này tượng trưng. Thật đáng tiếc, trước khi con người nhận được sự sống này, Sa-tan đã độn cảm dỗ họ. Hơn thuyết phục con người nhận sự sống của Sa-tan, là sự sống được tượng trưng bởi cây thiện và ác, do đó loài người đã bị hư hoại. Sau đó vì loài người đã hư hoại, Đức Chúa Trời không thể làm gì khác hơn là ngăn chặn không cho loài người dựng độn cây sự sống (Sáng. 3:24). Qua đó, sự sống đem độn bởi ánh sáng của ngày thứ bảy bị cắt đi. Rồi một ngày kia, chính Đức Chúa Trời đã trở nên xác thịt, độn trên trái đất này để làm sự sáng và sự sống. Giăng nói về Ngài: "Trong Ngài có sự sống, sự sống là sự sáng của loài người" (Gi.1:4). Chính Ngài cũng nói: "Ta là sự sáng của thế gian, người nào theo ta... có ánh sáng của sự sống" (Gi. 8:12). Như vậy, sự kiện Chúa Jesus độn trên đất nghĩa là ánh sáng của ngày thứ bảy kèm với sự sống của ngày thứ bảy một lần nữa được bày tỏ giữa loài người hầu cho tất cả những ai tin và nhận Ngài có thể nhận lãnh sự sống này vào bên trong họ. Qua đó ý định nguyên thủy của Đức Chúa Trời được thành tựu.

Trong Khế Thị chương 21 và 22, thành Giê-ru-sa-lem Mới xuất hiện. Trong thành này có ánh sáng của vinh quang Đức Chúa Trời; vì vậy, không còn còn ánh sáng mặt trời và mặt trăng. Ban đêm không còn nữa. Đứng thời gian giữa con đường trong thành phố, có dòng sông nước sự sống, hai bên bờ sông có cây sự sống. Tất cả những người được cứu có thể tự do uống nước sông và ăn cây sự sống. Như vậy, bên trong thành đầy sự sáng và sự sống. Một mặt, ánh sáng đuổi bóng tối đi; mặt khác, sự sống vượt mặt sự chết. Đây là cảnh tượng vinh quang khi sự sống trong ánh sáng của ngày thứ bảy được loài người tiếp nhận và hòa lẫn với loài người. Điều này là sự hoàn thành tối hậu của sự việc Đức Chúa Trời được loài người tiếp nhận như sự sống trong sự sáng.

Tất cả những phân đoạn này cho thấy toàn bộ Kinh Thánh liên

tục nói đến sự sống và sự sáng chung với nhau. Nơi nào có sự sáng, nơi đó có sự sống. Đây là một nguyên tắc quan trọng trong Kinh Thánh. Thi Thiên 36:9 nói: “Vì nguồn sự sống ở nơi Chúa; trong ánh sáng Chúa, chúng tôi thấy sự sáng”. Điều này rõ ràng nói đến mối liên hệ giữa sự sống và sự sáng. Sự sống luôn luôn theo sau sự sáng và chỉ có ánh sáng mới có thể đem đến sự sống.

Vì vậy, nếu muốn biết tình trạng sự sống của một người, chúng ta phải biết mức độ người ấy được soi sáng. Chúng ta thường nghĩ khi một người trở nên nhiệt thành hơn, ấy là anh đã tăng trưởng trong sự sống; hoặc nếu anh kính kiêu hay thiêng liêng hơn, đó là sự sống của anh có tiến bộ. Những quan niệm ấy hoàn toàn sai lầm. Sự sống không ở trong sự nhiệt thành của con người; cũng không ở trong sự mộ đạo của họ. Chỉ có một lãnh vực và một nguồn của sự sống, đó là sự sáng. Sự sống tùy thuộc vào sự sáng và sự sống đến từ sự sáng. Để quyết định một người có tăng trưởng trong sự sống hay không, chúng ta phải xem tình trạng người ấy được soi sáng bên trong như thế nào.

Như vậy, nếu muốn giúp người khác tăng trưởng trong sự sống, chúng ta cần làm sao cho họ được soi sáng. Nếu người khác nhận được sự soi sáng từ chúng ta, họ có thể tăng trưởng trong sự sống. Chẳng hạn như, trong chức vụ cung ứng lời nói điều chúng ta nói chỉ là một sự khích lệ hay dạy dỗ, chúng ta chỉ kích động, ảnh hưởng người ta, khiến họ cải tiến và phàm hạnh chứ không thể có được thành quả cuối cùng là sự sống. Công tác của chúng ta chỉ có kết quả tạm thời không thể lâu bền. Nếu chính chúng ta được soi sáng và sống trong sự chiếu sáng, khi ấy lời chúng ta chia sẻ có thể đem lại sự sáng; qua đó nan đề thật của người ta sẽ được phơi bày ra. (Ê-phê-sô 5:13 bàn đến điều này nói rằng mọi sự khi chịu khiếm trách sẽ được tỏ bày bởi sự sáng). Sau khi nghe những lời như vậy, có thể người ta không nhớ rõ giáo lý, dù vậy sâu thẳm bên trong vẫn còn lại một điều sống động liên tục cảm động họ, đụng chạm họ, và kết quả là đời sống hằng ngày

của họ thay đổi. Những sự thay đổi ấy không phải là sự cải thiện bên ngoài do nỗ lực riêng, nhưng là sự bày tỏ sự sống do nhận lãnh sự soi sáng bên trong; vì vậy, kết quả sẽ vững bền và không thay đổi.

Khi rao giảng phúc âm, nguyên tắc cũng y như vậy. Một số người giảng Phúc âm có thể thuyết phục người ta bằng lời nói của mình; tuy nhiên họ không làm cho người ta được tiếp xúc với sự soi sáng của Phúc âm ở bên trong. Vì vậy, dù mỗi miệng một người nói rằng mình tin Chúa và ngay cả quyết định tin trong lòng, người ấy không thể nhận được sự sống từ bên trong để được sinh lại và được cứu. Tuy nhiên, có những người rao giảng Phúc âm giảng những lời đầy dẫy sự sáng. Trong khi người ta nghe, ánh sáng Phúc âm chiếu vào lòng họ. Họ có thể lúc đầu liên tục và nói: “Tôi không tin”. Dù vậy, sau khi trở về nhà, một điều gì đó ở bên trong cứ liên tục nói với họ: “Hãy tin, hãy tin!” Khi ấy, họ không thể không tin. Đây là kết quả của sự soi sáng, làm cho người ta nhận được sự sống từ bên trong, được sinh lại và được cứu. Tất cả những ví dụ này đều bày tỏ sự sống đến từ sự sáng. Sự sống phát sinh từ sự sáng; không có sự sáng, sự sống không thể có được. Sự sống thật sự phát sinh từ sự sáng.

III. ÁNH SÁNG Ở TRONG LỜI ĐỨC CHÚA TRỜI

Vì sự sống tùy thuộc vào sự sáng, sự sáng tùy thuộc vào điều gì? Từ Kinh Thánh, chúng ta biết sự sáng tùy thuộc vào Lời Đức Chúa Trời. Đây cũng là một nguyên tắc quan trọng trong Kinh Thánh. Thi Thiên 119:105 nói: “Lời Chúa là ngọn đèn cho chân tôi, ánh sáng cho đường lối tôi”. Và câu 130 nói: “Sự bày giảng lời Chúa soi sáng cho”. Những câu này cho thấy ánh sáng thật tùy thuộc vào Lời Đức Chúa Trời. Vì vậy, nếu muốn nhận được sự sáng, chúng ta phải nhận lấy Lời Đức Chúa Trời. Bất cứ khi nào tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời, ấy là chúng ta đã tiếp nhận sự sáng. Lý do chúng ta không có ánh sáng là vì chúng ta thiêu Lời Đức Chúa Trời.

Lời Đức Chúa Trời chúng tôi nói đây không phải là lời văn tự

trong Kinh Thánh, mà là lời Thánh Linh phán với chúng ta từ bên trong. Kinh Thánh là Lời thành văn của Đức Chúa Trời, dĩ nhiên rất chính xác. Nhưng Lời ấy được viết ra bằng những mẩu tự cố định, không có quy năng soi sáng và không thể là sự sáng của chúng ta. Tuy nhiên, khi Thánh Linh bày tỏ lời Kinh Thánh một cách mới mẻ cho chúng ta, Ngài khai mở và làm cho lời ấy trở nên sống động đối với chúng ta, khi ấy Lời có quy năng soi sáng và có thể là sự sáng cho chúng ta. Nếu chỉ đọc Kinh Thánh, dù đọc suốt cả Kinh Thánh, và ngay cả có thể học thuộc lòng, những gì chúng ta nhận được chỉ là những giáo lý bằng văn tự. Chúng ta chưa nhận được Lời của Đức Chúa Trời, và như vậy, chúng ta chưa nhận được sự sáng. Chỉ khi nào Thánh Linh ở trong linh chúng ta ban cho sự khải thị, khai mở lời trong Kinh Thánh cho chúng ta, lời ấy mới trở nên Lời hằng sống của Đức Chúa Trời, khiến chúng ta nhận được ánh sáng của Đức Chúa Trời.

Trong Giăng 6:63, Chúa phán: “Những lời ta phán cùng các ngươi đều là linh và sự sống”. Ở đây, Chúa nói về lời, linh và sự sống, ba điều chung với nhau. Vì cả sự sống và linh đều ở trong chúng ta, rõ ràng những lời mà Chúa phán ở đây chắc hẳn cũng liên quan đến những lời được phán bên trong chúng ta, không phải văn tự Kinh Thánh ở bên ngoài. Mọi lời bên ngoài chỉ là kiến thức suông, không phải sự sáng. Chỉ có những lời vào trong linh chúng ta mới là lời sống động, lời soi sáng của Đức Chúa Trời. Khi đọc Kinh Thánh, nếu chúng ta thường xuyên vận dụng linh trong sự tương giao để đọc và mở linh ra nhận lãnh, lời Kinh Thánh sẽ trở nên linh và sự sống cho chúng ta. Những lời ấy có thể vào trong linh chúng ta, trở nên lời hằng sống, đem ánh sáng của sự sống vào.

Vì sự sáng ở trong Lời Đức Chúa Trời, chúng ta phải tôn kính Lời Đức Chúa Trời. Khi Thánh Linh phán với chúng ta ở bên trong, chúng ta nên tuyệt đối vâng phục, không nên hờ hững và bất phục. Ê-sai 66:2 nói Đức Chúa Trời sẽ lưu ý đến những người run rẩy trước Lời Ngài. Và câu 5 nói những ai run rẩy trước Lời Đức Chúa Trời nên lắng nghe Lời Ngài. Nếu không

vâng theo Lời Đức Chúa Trời, chúng ta đã từ chối ánh sáng của Đức Chúa Trời. Bất cứ khi nào chúng ta từ chối ánh sáng, ánh sáng sẽ biến mất. Khi ánh sáng biến mất, sự sống cũng ra đi, sự hiện diện của Thánh Linh và Đức Chúa Trời cũng không còn, và mọi sự phong phú và phước hạnh thuộc linh đều mất. Đây thật là một sự mất mát lớn lao! Vì vậy, mỗi khi một người thật sự biết Đức Chúa Trời đụng chạm Lời Ngài, người ấy sợ sệt, run rẩy và không dám từ chối hoặc bất tuân.

Nếu Đức Chúa Trời phán với anh em một lần mà anh em không nghe, nếu Ngài phán lần thứ hai mà anh em lại không vâng theo, sau đó nếu Ngài phán với anh em lần thứ ba mà anh em vẫn không chú ý đến, thì anh em sẽ chẳng còn một chút ánh sáng nào ở bên trong, không còn một cánh cửa nào hé mở và sự sống không thể vào được. Nếu anh em vâng lời mỗi khi Ngài phán với mình, kinh nghiệm của anh em sẽ hoàn toàn khác: sự vâng phục đầu tiên đối với Lời Đức Chúa Trời tạo một cánh cửa mở ra bên trong để sự sáng có thể chiếu vào. Khi anh em lại vâng phục Lời Ngài trở lại thì có một cánh cửa khác được mở ra, qua đó thêm ánh sáng sẽ được chiếu vào nhiều hơn. Nếu tiếp tục vâng lời, anh em sẽ giống như bản sinh vật, đẩy những mất mát quanh thân mình (Khô. 4:8), trong suốt, đẩy đẩy ánh sáng và đẩy đẩy sự sống. Vậy chúng ta thấy sự sống ở trong sự sáng, và sự sáng ở trong Lời Đức Chúa Trời.

IV. ÁNH SÁNG LÀ CỬA NHẬN BÊN TRONG

Chúng ta đã thấy ánh sáng ở trong Lời Đức Chúa Trời và Lời Đức Chúa Trời ở đây nói về lời Thánh Linh phán với chúng ta từ bên trong; vì vậy, ánh sáng chúng ta nhận được không phải loại ánh sáng khách quan bên ngoài mà là ánh sáng chủ quan bên trong.

Giăng 1:4 báo chúng ta rằng sự sống của Đức Chúa Trời ở trong Chúa Jesus, và sự sống này là sự sáng của loài người. Khi chúng ta tiếp nhận Chúa Jesus làm Cứu Chúa, sự sống này vào trong chúng ta và trở nên “sự sáng của sự sống” (Gi. 8:12). Vì vậy, nói một cách nghiêm túc sự sáng này không

phải là ánh sáng khách quan chiếu từ bên ngoài mà là ánh sáng chủ quan soi sáng chúng ta từ bên trong.

Ê-phê-sô 1:17-18 nói rằng khi chúng ta nhận được linh của sự khải thị, một hiểu biết của chúng ta được soi sáng, cũng có nghĩa là chúng ta nhận được sự chiếu rọi của ánh sáng bên trong. Vì sự khải thị của Thánh Linh là vốn dĩ chủ quan, nên bên trong nên ánh sáng do sự khải thị đem đến chủ quan không phải ánh sáng khách quan ở bên ngoài chúng ta, mà là ánh sáng chủ quan ở bên trong chúng ta.

Vì sự sáng ở trong chúng ta, mỗi khi chiếu rọi sự sáng khi nào chúng ta có một cảm thức nào đó ở bên trong. Như vậy, chúng ta có thể nói ánh sáng là cảm nhận bên trong của mình. Xin xem lại ví dụ mặc áo mới vào dịp tết của tôi. Khi mặc chiếc áo mới, tôi không cảm thấy bình an bên trong. Cảm giác ấy là sự soi sáng bên trong. Như vậy ánh sáng bên trong là cảm nhận bên trong, và cảm nhận bên trong cũng là ánh sáng bên trong. Cách đây hơn mười năm, chúng ta ít khi nào dùng chữ cảm nhận này. Bây giờ chúng ta rất sáng tỏ, khi nào nói về sự sáng chúng ta không thể tránh nói về một cảm nhận, vì mọi cảm nhận chúng ta có bên trong là sự soi sáng chúng ta nhận được.

Ngày nay, chúng ta ở trong sự sáng hay bóng tối, và được soi sáng nhiều hay ít, tùy thuộc vào tình trạng của cảm thức bên trong mình. Ai không có cảm thức là người ở trong tối tăm và không để cho sự sáng của Đức Chúa Trời chiếu sáng trong mình. Người có cảm thức là người ở trong sự sáng và cho phép sự sáng của Đức Chúa Trời chiếu trong mình. Như vậy, người đậy dẫy cảm thức là người đậy dẫy sự sáng và trong suýt.

Một vài anh chị em có tình trạng như vậy ở trước mặt Chúa. Khi tiếp xúc với họ, người ta cảm thấy họ trong suýt và trong sáng như pha-lê. Tôi được nghe kể về một anh em, mỗi khi anh ấy nói đi đâu gì, người ta cảm thấy anh thật trong sáng. Nhận xét này đúng đắn. Có những người khi họ nói, anh em không thấy họ trong suýt. Những người khác thì anh em cảm

thấy họ có một chút ánh sáng bên trong, nhưng không thật trong suốt. Còn một số người khác nữa, ngay khi họ đứng lên và nói, họ tuyên đạt một cảm nhận là họ hoàn toàn trong suốt. Số dĩ có tình trạng này là vì họ thấy đầy cảm nhận bên trong. Luôn luôn một người càng có cảm thức nhiều bao nhiêu, người ấy càng trong suốt bấy nhiêu.

Làm thế nào chúng ta có thể thấy đầy cảm nhận này và trở nên trong suốt? Điều này tùy thuộc vào cách chúng ta đi xử với Thánh Linh khi Ngài soi sáng và ban cảm thức cho chúng ta. Nếu không vâng theo cảm thức Thánh Linh ban cho mình, chúng ta sẽ không trong suốt ở bên trong và cảm thức của chúng ta sẽ không tránh khỏi tình trạng chậm chạp và lu mờ. Nếu chúng ta tiếp tục không vâng lời nhiều lần, cảm thức trong chúng ta lại càng lu mờ, u ám, cho đến khi hoàn toàn tối tăm, không còn cảm biết gì cả. Nếu chúng ta bằng lòng liên tục vâng theo cảm thức mà Thánh Linh ban cho mình, Ngài sẽ chiếm hữu bên trong chúng ta nhiều hơn và càng có cơ hội hành động; sự soi sáng bên trong sẽ ngày càng sáng tỏ hơn, và cảm thức sẽ càng phong phú hơn và nhạy bén hơn.

V. SỰ SOI SÁNG TÙY THUỘC VÀO SỰ THƯƠNG XÓT CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Làm thế nào chúng ta có thể nhận được sự soi sáng? Sự soi sáng tùy thuộc vào điều gì? Nói từ phía Đức Chúa Trời, sự soi sáng hoàn toàn tùy thuộc vào sự thương xót của Đức Chúa Trời. Ngài sẽ làm ơn cho kẻ Ngài làm ơn, và Ngài thương xót kẻ Ngài thương xót (La. 8:15). Người nhận lãnh sự khải thị là người Đức Chúa Trời ban sự khải thị. Người nhận được sự soi sáng là người mà Đức Chúa Trời soi sáng. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào Đức Chúa Trời, không tùy thuộc vào chúng ta. Vì vậy, không ai có thể đòi hỏi sự sáng và không ai có thể kiếm chắt sự sáng. Khi sự sáng đến, thì sự sáng đến, dù anh em không tìm kiếm. Khi sự sáng không đến, dù anh em có tìm kiếm, sự sáng cũng vẫn không đến. Giống như mặt trời mọc lên. Khi mặt trời mọc, thì mọc. Có thể anh em không muốn nó mọc, nhưng nó không nghe theo anh em. Khi mặt trời không mọc

thì nó không mọc; dầu anh em muốn nó mọc, nó chẳng nghe theo anh em. Cũng vậy, nếu Đức Chúa Trời soi sáng chúng ta thì chúng ta được soi sáng. Nhưng nếu Ngài không soi sáng chúng ta, chúng ta không thể làm được gì cả. Một ngày kia trên đường đôn Đa-mách, Sau-lơ, người chẳng đời Chúa, chẳng có lòng tìm kiếm ánh sáng; nhưng ánh sáng từ trời đôn trên ông, làm cho ông ngã nhào xuống đất và được phước vô cùng (Công. 9:3-4). Đức Chúa Trời đã thương xót ông. Như vậy, ánh sáng của Đức Chúa Trời không bị kiểm soát bởi tay người ta, nhưng bởi tay Ngài. Ánh sáng hoàn toàn tùy thuộc vào sự thương xót của Đức Chúa Trời.

Vì vậy nếu muốn được soi sáng, chúng ta chỉ biết trông đợi Đức Chúa Trời, nhìn xem Ngài và tin cậy Ngài; chúng ta không thể làm điều gì khác hơn, dầu chỉ một chút. Đối với những điều khác, chúng ta có thể tự mình quyết định, nhưng chúng ta không thể quyết định rằng mình phải được soi sáng. Chúng ta không thể nói anh em này hay anh em kia biết cách đọc Kinh Thánh và tôi cũng biết cách đọc Kinh Thánh; anh ấy có thể nhận được ánh sáng trong Kinh Thánh và tôi cũng có thể nhận được ánh sáng trong Kinh Thánh. Những người nghĩ như vậy thật khó nhận được ánh sáng.

Có lẽ có người nói rằng mặc dầu chúng ta không thể kiểm soát ánh sáng thiên nhiên, chúng ta có thể tự tạo ánh sáng cho mình nhờ vào điện hoặc thắp đèn dầu hay đèn cầy. Tuy nhiên, chúng ta không thể làm điều này để được soi sáng trong các vấn đề thuộc linh. Chúng ta chỉ có thể trông đợi Đức Chúa Trời soi sáng. Nếu Ngài không soi sáng chúng ta, chắc chắn không nên tự tạo ra ánh sáng hay tự tìm kiếm ánh sáng. Vấn đề này, Ê-sai 50:10-11 nói: "Trong vòng các người, nào có ai kính sợ Đức Giê-hô-va và nghe tiếng của tôi tớ Ngài? Kìa nào đi trong tối tăm và không có sự sáng thì hãy trông cậy danh Đức Giê-hô-va, hãy nương nhờ Đức Chúa Trời mình. Kìa, hết thảy các người là kẻ thối lìa và đất được vây lấy mình, thì hãy đi giữa ngọn lửa mình và giữa những đống mình đã đốt! Ấy là sự tay ta đã làm cho các người, các người sẽ

nằm trong sự buon buc!" Trong co Kinh Thanh, đây là phan đoạn noi ro rang nhot von đo đuc soi sang. Vo mot mat, phan Kinh Thanh nay cho chung ta thay phuong cach đung đon: nou chung ta kinh so Đuc Chua Troi, vang theo tiong Ngai, va roi bot ngo bị roi vao su toi tam, khong co anh sang; trong truong hop oy, chung ta khong non lam gi co, cu tin cay danh Chua, nuong dua Đuc Chua Troi, trong đoi su soi sang ca Ngai. Vi cho mot minh Đuc Chua Troi la anh sang, mot minh Ngai la nguon ca sang, va cho trong anh sang ca Ngai chung ta moi thay sang. Mat khac, cau nay conh cao chung ta rang khi khong co anh sang, chung ta khong non tut tim loi thoat bang cach đot loa hoac tut tao anh sang. Vi nou chung ta khong cho đoi Đuc Chua Troi, nhung thay vao đo, lai đot đuc vay loy minh, mac du chung ta co tha đi trong sang ca chinh minh mot thoi gian, cui cung chung ta se nam trong su buon buc.

Đong thoi, chung ta cung khong tha vay muon anh sang ca nguoi khac, loy anh sang ma nguoi khac đa nhan đuc, so dung nhu anh sang ca minh. Vi du, mot nguoi nao đo trong mot buoi nhom tuong giao đa lam chung khi anh gap kho khan, anh đa chop nhan su xo loy ca thap tut gia; do đo, anh đa đuc Đuc Chua Troi ban phuoc. Mot anh em khac, sau khi nghe lam chung nhu vay, co le com đong rot nhiu, va khi tro vo nha, quyet đinh tut đo vo sau se chop nhan su xo loy ca thap tut gia. Mac du đay khong phoi la tut tim anh sang, cung khong phoi tut tao ra anh sang, nhung la vay muon anh sang ca nguoi khac; oy la loy anh sang nguoi khac đa nhan đuc lam anh sang ca chinh minh. Chong bao lau nguoi lam nhu vay choc chon se bo anh sang oy. Vi vay, anh sang vay muon khong ich loi gi, no khong tha thay tha cho sang that.

Giua vong chung ta, ai kinh so Đuc Chua Troi, long nghe tiong Ngai va gap su toi tam, hay nhot đung lam gi khac hon la tin cay Đuc Chua Troi, nuong dua Ngai, hot long nguong trong Ngai, yen lang cho đoi Ngai va tiop tuc tim kim su thuong xot ca Ngai mot lon nua. Khi Đuc Chua Troi đon, khi

Ngài ban sự thương xót, ánh sáng của dung mạo Ngài sẽ là ánh sáng của chúng ta, sự hiện ra của Ngài là hình tượng cho chúng ta và sự hiện diện của Ngài là phần thưởng của chúng ta. Chỉ cần đụng chạm Ngài, chúng ta sẽ thấy sự sáng. Ngay phút Ngài nhìn mặt hình chúng ta, chúng ta liền ở trong tối tăm. Dù chúng ta có nỗ lực tìm kiếm ánh sáng bao nhiêu đi nữa, cũng chẳng được gì; chúng ta có phần đau bao nhiêu cũng vô ích. Không phải vì anh em đã hơi lơ là nên không thấy ánh sáng, và vì tôi hơi thiêng liêng nên ánh sáng đến; hoặc vì anh em hơi bình nhác, nên không thể thấy ánh sáng, và vì tôi có siêng năng một chút, nên tôi thấy ánh sáng. Sự soi sáng không tùy thuộc vào sự phần đau và nỗ lực của chúng ta, nhưng do sự thương xót của Đức Chúa Trời. Than ôi, ngày nay bao nhiêu người tự tạo ánh sáng bằng cách thắp đèn và đốt lửa. Khi bóng tối đến, họ không chịu chờ đến bình minh, đến khi mặt trời mọc; họ tự đốt lửa, tạo ánh sáng riêng. Đức Chúa Trời nói tất cả những ai đốt lửa để tự soi sáng cuối cùng sẽ ở trong sự buồn rầu. Đây là mạng lịnh của Đức Chúa Trời. Vấn đề này nghiêm trọng biết bao! Nguyên chúng ta đều phục để kính sợ Chúa và trông đợi sự thương xót của Ngài.

VI. LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC SOI SÁNG

Vì sự soi sáng nằm trọn trong bàn tay điều động của Đức Chúa Trời và hoàn toàn tùy thuộc vào sự thương xót của Ngài; vậy thì chúng ta có nên chỉ giữ thái độ thụ động và thờ ơ không? Không, không bao giờ. Qua sự dạy dỗ của Kinh Thánh và kinh nghiệm của mình, chúng ta thấy mình vẫn có trách nhiệm. 2 Cô-rin-tô 4:6 nói: "Vì Đức Chúa Trời là Đấng có phán: 'Sự sáng phải từ sự tối tăm soi ra', cũng đã soi vào lòng chúng tôi..." Câu này cho chúng ta thấy Đức Chúa Trời đã thương xót chúng ta, đã chiếu sáng chúng ta. Đức Chúa Trời, Đấng đã chiếu sáng vào lòng chúng ta, là ánh sáng của chúng ta. Nếu đã được cứu, chúng ta đã có Đức Chúa Trời ở bên trong và đã có sự sáng rồi. Vì vậy, bây giờ vẫn đừng không phải là chúng ta xin sự sáng hay tìm kiếm sự sáng bằng cách nào nhưng làm thế nào để nhận được sự soi sáng hay làm thế nào chúng ta có

thì để cho sự sáng chiếu rọi. Khi mặt trời đã mọc rồi, chúng ta không cần tìm nó nữa; chúng ta chỉ cần nhận lấy sự chiếu sáng của nó. Chẳng có người khờ dại mới đi tìm mặt trời sau buổi bình minh. Ê-phê-sô 5:14 nói: “Hỡi kẻ đương ngủ kia, hãy thức, hãy vùng dậy khi kẻ chết, thì Đấng Christ sẽ chiếu sáng trên ngươi”. Anh em chỉ cần thức dậy thì sẽ được chiếu sáng. Sự soi sáng này là vâng để nhận lãnh, vâng để chấp nhận; không phải là vâng để đòi hỏi hay tìm kiếm. Trách nhiệm của chúng ta là cắt bỏ các màn che để nhận ánh sáng và trở nên một người được soi sáng. Điều này ít nhất bao hàm những điểm sau đây:

Trước hết, chúng ta phải muốn được soi sáng. Vì ánh sáng không tùy thuộc vào sự yêu cầu hay tìm kiếm của chúng ta, nhưng do sự chấp nhận và nhận lãnh của chúng ta, nên chúng ta có muốn chấp nhận hoặc nhận lãnh hay không là điều kiện đầu tiên để được soi sáng. Mặt trời đã mọc rồi; vì vậy anh em không cần tìm kiếm hay yêu cầu; anh em chỉ cần được ánh sáng chiếu rọi và tiếp nhận sự chiếu rọi của ánh sáng. Nếu anh em không muốn nhận lãnh sự soi sáng, nếu anh em không muốn được chiếu sáng mà cứ tiếp tục che phủ mình, khi ngày dài hàng ngày có mặt trời, nó vẫn không thể chiếu sáng anh em. Cũng vậy, sự sáng của sự sống đã chiếu sáng bên trong chúng ta. Ngày nay, chúng ta không chờ đợi ánh sáng, nhưng ánh sáng đang chờ đợi chúng ta. Ánh sáng ở trong chúng ta không ngừng chờ đợi chúng ta tiếp nhận sự soi sáng. Vì vậy, nếu chúng ta muốn và chấp nhận sự soi sáng, chúng ta sẽ được soi sáng. Nếu không muốn và cũng không chấp nhận, chúng ta rất khó được soi sáng.

Ngày nay có ít người thật sự muốn được soi sáng. Một số người không muốn vì lòng họ thờ ơ. Những người khác không muốn vì họ quyết định từ chối tiếp nhận ánh sáng. Hàng ngàn điều đã trở nên những bức màn ngăn trở sự sáng trong chúng ta. Nếu không muốn cắt những bức màn này đi, chúng ta là những người không muốn được soi sáng và từ chối sự soi sáng. Thế thì đương nhiên chúng ta không thể được soi sáng. Chẳng

hạn như vào buổi sáng khi đọc Kinh Thánh và cầu nguyện, nếu chúng ta thật sự muốn được soi sáng, sự sáng chắc chắn sẽ đến. Khi sự sáng đến, chúng ta sẽ thấy điều gì đó bên trong. Sự thấy này là cảm nhận bên trong. Khi nào chúng ta có một cảm thức sâu xa bên trong, đó là bằng chứng ánh sáng đã soi rọi. Bây giờ, vấn đề là chúng ta có vâng theo cảm thức của sự soi sáng này không. Nếu vâng phục cảm thức của sự soi sáng này và có vài sự x lý nào đó, khi ấy chúng ta sẽ cắt bỏ được những bức màn khỏi mình. Như vậy, những ai trong chúng ta chấp nhận và muốn được soi sáng sẽ liên tục được soi rọi. Nếu chúng ta không muốn gì quyết theo cảm nhận của sự soi sáng, nghĩa là chúng ta không muốn cắt bỏ những bức màn khỏi mình. Vậy chúng ta là những người không muốn được chiếu sáng, từ chối sự soi sáng và chúng ta không thể được soi sáng.

Thứ hai, chúng ta nên mở lòng mình cho Chúa. Chúa là ánh sáng, nên nếu tâm lòng chúng ta quay về Ngài, chúng ta chắc chắn sẽ có ánh sáng; nhưng nếu chúng ta xây dựng khỏi Ngài và hướng về những điều khác, chắc chắn chúng ta không có ánh sáng. 2 Cô-rin-tô 3:16 nói: “Nhưng h khi nào lòng đó quay về Chúa, thì bấy giờ màn ấy mới cắt khỏi”. Khi tâm lòng không quay về Chúa, cái màn vẫn còn đó; nhưng khi lòng quay về Chúa, màn sẽ được cắt đi. Rồi chúng ta được thấy Chúa mặt đối mặt và sẽ thấy ánh sáng. Vì vậy nếu muốn được soi sáng, chúng ta phải mở lòng mình cho Chúa và từ nơi sâu thẳm bên trong chúng ta phải buông mình ra, đặt chính mình trước mặt Chúa, không chút ngần ngại và không giữ mình lại chút nào. Như vậy, nhận lãnh sự sáng là điều rất dễ dàng.

Nhưng nan đề là chúng ta không mở lòng ra cho Chúa. Chúng ta vẫn thường che giấu chính mình; chúng ta vẫn muốn giữ mình lại. Không những chúng ta không dám mở lòng mình ra cho Chúa mà còn không dám cầu nguyện. Giống như một đứa bé thẹn thùng không dám nhìn mặt cha mẹ. Khi cha mẹ gọi, nó chỉ trả lời ngoài miệng; nhưng nó không muốn đến, vì nó không muốn khai ra những điều nó đã làm sau lưng cha mẹ. Ôi, tình trạng

của nhiều người trước mặt Chúa cũng giống như vậy. Vì họ có nhiều điếu và những chuyện không đẹp lòng Chúa, họ giữ mình và giữ mình cách xa Chúa. Họ sợ rằng Chúa sẽ đùng đùng những vụn đổ và những chuyện ôy, lúc đó, họ sẽ làm gì? Có thể Chúa muốn họ giữ quy tắc những vụn đổ ôy hay những chuyện ôy, rồi họ sẽ làm gì? Có thể Chúa muốn họ dâng cho Ngài một điếu gì đó họ rất quý báu, rồi họ sẽ làm gì? Vì sợ sự soi sáng của Chúa, họ không dám mở lòng ra cho Ngài. Vì vậy, họ giống như một miếng giấy cuộn chặt, không bao giờ muốn mở ra và cho Chúa viết lên những gì Ngài muốn.

Dẫu không muốn mở lòng ra cho Chúa, những người ôy vụn dùng tâm trí nghe các bài giảng và đọc Kinh Thánh. Những bài giảng họ nghe và Kinh Thánh họ đọc chỉ là sự tham khảo để họ xét đoán người khác, một dụng cụ để phê phán người khác, trong khi chính họ không nhận được chút ánh sáng nào. Tình trạng này giống như một người ở trong phòng vào ban đêm. Nếu căn phòng sáng, anh không thể thấy rõ những gì ở bên ngoài; nhưng nếu căn phòng tối, anh sẽ thấy rất rõ những gì ở bên ngoài. Cũng vậy, những người khép lòng mình với Chúa là những chuyên gia xét đoán và phê bình người khác. Họ rất sáng tỏ về tình trạng của người khác, nhưng họ không biết tí gì về tình trạng của chính mình. Điếu này chứng tỏ họ hoàn toàn ở trong tối tăm!

Thậm chí những người không muốn mở lòng cho Chúa vẫn có thể giảng dạy và làm việc cho Ngài. Mặc dù chính họ không muốn chấp nhận sự sáng, họ thuyết phục người khác tìm kiếm sự sáng. Mặc dù họ thường hi vọng Chúa sẽ nhân từ đối với họ và ban cho họ sự sống dư dật, trang bị họ và ban các ân tứ cho họ để có thể phục vụ và công tác, nhưng họ sợ sự soi sáng của Chúa và ngay cả từ chối sự soi sáng của Ngài. Do đó lời họ cung ứng và công việc họ làm chỉ là những lời khuyên chót chót không thể truyền đạt cho người khác sự sống động.

Khi người ta không muốn mở lòng cho Chúa, bên trong họ trở nên hoang vu và trống rỗng, tăm tối và không có ánh sáng.

Cũng như trong căn hòm, dù ánh sáng bên ngoài có mạnh mẽ bao nhiêu, vẫn không thể chiếu vào bên trong. Nhưng đối với một người mở lòng cho Chúa thì tình trạng hoàn toàn khác. Người ấy hoàn toàn buông chính mình ra, từ trong ra ngoài, người ấy trỗi dậy tất cả mọi điều ra trước mặt Chúa và không giữ lại chút nào, để cho ánh sáng của Chúa chiếu sáng. Một người như vậy chắc chắn sẽ thường xuyên được soi sáng. Mặc dù nghe chia sẻ lời Chúa hay đọc Kinh Thánh, ngay khi nhận được ánh sáng, người ấy khiêm nhường tiếp nhận, một mặt lòng người ấy buồn rầu, mặt khác người ấy thờ phượng Chúa. Người buồn rầu vì tình trạng thối nát và thất bại của mình; người ấy thờ phượng Chúa vì sự thương xót và soi sáng của Ngài. Người ấy ở trong ánh sáng nên không thấy lỗi lầm của người khác, mà chỉ thấy sự thiếu hụt của chính mình. Do đó người ấy không lên án người khác mà chỉ thấy mình là con người đáng thương hại hơn hết, giống như con sâu hay con giòi, không thể ngóc đầu lên trước mặt Chúa thánh. Người ấy cũng ngưỡng trông Chúa để được thương xót, xin Chúa cứu mình, và muốn nhận được sự soi sáng sâu xa hơn. Qua đó ánh sáng của Đức Chúa Trời liên tục soi sáng bên trong và sự sống của Ngài liên tục lớn lên trong người ấy. Khi đó, người ấy trở nên một con người trong sự thật, đầy dẫy cảm thức.

Thứ ba, chúng ta nên chấm dứt chính mình. Chấm dứt chính mình là gì? Nghĩa là chấm dứt quan điểm riêng, cách nhìn sự việc [của mình], cảm xúc, ý kiến và lời nói của mình v.v... Chúng ta đều biết "chấm dứt" không phải là chuyện dễ. Rất ít người thật sự chấm dứt như vậy. Tuy nhiên, không thể khuất liêu chính mình cũng là một bức màn, một bức màn nghiêm trọng, ngăn cản sự soi sáng của Chúa.

Ví dụ, khi đọc Kinh Thánh, một vài anh em luôn luôn đọc với cảm xúc riêng, ý kiến riêng, và đem tư tưởng riêng vào trong ý nghĩa của Kinh Thánh. Kinh Thánh nói rõ: "Si-môn Phi-e-rô" nhưng họ đọc thành ra: "Phi-e-rô Si-môn". Kinh Thánh nói rõ: "Phao-lô, sứ đồ của Jesus Christ" nhưng họ đọc thành ra: "Phao-lô, sứ đồ của Christ Jesus". Khi họ không đọc Lời Đức

Chúa Trời, ý ki□n họ không được rõ ràng, nhưng ngay khi họ đọc Lời Chúa, ý ki□n họ li□n ch□i dậy. Vì vậy, h□ khi nào đọc Kinh Thánh, không một ph□n nào mà họ không có ý ki□n và c□m xúc; nhưng họ không bi□t những ý ki□n và c□m xúc đó đ□u là g□, c□ khô và rom rạ, không có giá trị gì. Một vài anh em gi□ng như vậy trong chức vụ c□a họ. Khi họ gi□ng, lời họ bay trên trời, ch□ng có trọng tâm hay đi□m chính gì c□. Một vài anh chị em trong khi l□ng nghe lời dạy c□a chúng tôi lại b□ qua t□t c□ những đi□m quan trọng và c□n thi□t, mặc d□u đã nghe lập lại nhi□u l□n. Tuy nhiên họ lại nhớ rõ những ph□n vụn vặt, những lời không c□n thi□t, là đi□u mà người ta thường quên đi sau khi nói ra. Lý do là vì họ có nhi□u tư tư□ng và c□m xúc mà họ không th□ dừng lại được. Những anh chị em đó b□ ngoài thì vô cùng bận rộn còn bên trong lại buông mình vào những sự tư□ng tượng bông lung nên họ không th□ ngăn chặn sự hoạt động c□a b□t cứ ph□n nào trong toàn bộ con người họ. K□t qu□ là họ không nhận được một chút ánh sáng nào.

Trong Tân Ước có một ví dụ như vậy. Lu-ca chương 10 và Giăng chương 11 đ□u nói v□ một con người bận rộn nh□t và không ai chặn lại được, đó là Ma-thê. Lu-ca chương 10 ghi lại cô bận rộn bên ngoài bi□t bao nhiêu, trong khi Giăng chương 11 ghi lại cô h□t sức hoạt động □ bên trong. Chúng ta có th□ nói con người cô ta là c□ một sự náo động. Không những cô có nhi□u ý ki□n và c□m xúc, nhưng cũng l□m lời nữa; không giây phút nào cô dừng lại. Vì vậy, không một lời nào Chúa phán với cô có th□ đi vào lòng cô. Khi gặp Chúa, Ngài chưa kịp nói gì thì cô đã m□ miệng mình và trách móc Ngài: “Thưa Chúa, n□u Chúa có □ đây thì anh tôi không ch□t”. Chúa đáp: “Anh người sẽ s□ng lại”. Cô lập tức có một ý ki□n và đáp: “Tôi bi□t rằng trong cuộc s□ng lại ngày sau r□t thì người sẽ s□ng lại”. Cô gi□i thích lời Chúa một cách r□t tài tình rằng sự s□ng lại sẽ hoãn lại cho đ□n vài ngàn năm sau. Một l□n nữa, Chúa lại phán với cô: “Ta là sự s□ng lại và sự s□ng: k□ nào tin ta, d□u đã ch□t, cũng ch□c s□ng; còn h□ ai s□ng mà tin ta, thì đời đời h□n ch□ng h□ ch□t. Người tin đi□u đó

không?” Cô đáp: “Thưa Chúa, phải, tôi đã tin Ngài là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời...” Câu trả lời của cô không liên quan gì đến câu hỏi của Ngài. Cô không nghe những gì Ngài nói; cô rất nhiều ý kiến và làm lời. Vừa dứt lời, cô liền bỏ đi, và bí mật gọi Ma-ri, em gái của mình: “Thầy đến kia và gọi em”. Đây hoàn toàn là một sự thêu dệt; cô đã nghĩ giùm cho Chúa. Những người làm lời và nhiều ý kiến là những người có thể đã nghĩ và bày tỏ ý kiến. Những người như vậy không thể dừng lại một chút nào; như vậy, họ hoàn toàn bị che khuất khỏi ánh sáng và không có cách nào cho họ được soi sáng.

Điều khó khăn của việc không thể nào dừng lại hay chững dụt là ở trong con người. Nhiều người đọc Kinh Thánh nhưng không có ánh sáng và nghe giảng dạy nhưng không nắm được những điểm quan trọng không phải vì họ tội lỗi và thế gian, nhưng vì họ đầy ý kiến, cảm xúc, tư tưởng và lời. Nói cho đúng, tội lỗi và thế gian giống như những mảnh vụn cũ không khó vứt bỏ, nhưng không dể gì từ bỏ các ý kiến, cảm xúc, tư tưởng. Đó là lý do vì sao chúng là bức màn trùm trọng nhất trong chúng ta; chúng khiến chúng ta không thể nhận được sự soi sáng của Chúa.

Như vậy, nếu ao ước được soi sáng, chúng ta phải bắt mình yên lặng và bắt mình dừng lại. Không những các sinh hoạt bên ngoài phải dừng, mà cả ý kiến, cảm xúc, ý nghĩ, quan điểm và lời nói bên trong đều phải bị ngừng lại. Khi một người hoàn toàn chịu dừng lại, đứng trước mặt Chúa, người ấy trở nên vô cùng đơn sơ và đơn thuần để nhận lãnh lời Chúa. Bất cứ điều gì Ngài nói, người ấy lắng nghe và thông hiểu. Khi đọc Kinh Thánh, người ấy không đọc theo ý kiến của mình mà tự giác thích, trái lại người ấy đọc ý nghĩa trong Kinh Thánh cho mình. Ban đầu, dường như người ấy không hiểu những điều mình đọc. Nhưng khi ánh sáng đến, những điều quan trọng trong Kinh Thánh chiếu sáng trong người ấy và người ấy có sự khải thị. Khi người ấy nghe giảng dạy cũng vậy. Từ trong ra ngoài, cả con người của người ấy yên tĩnh chờ đợi trước mặt

Chúa, ao ước nghe Ngài nói. Do đó khi lời được ban ra, người ấy có thể nắm được điểm quan trọng của lời chia sẻ và nhận lãnh từ trong lời Chúa. Vì có thể ngừng chính mình lại, nên một người như vậy có khả năng nhận lãnh Lời hằng sống của Đức Chúa Trời không ngừng mà Lời này có nghĩa là ánh sáng của Đức Chúa Trời, vì ánh sáng của Đức Chúa Trời căn cứ trên Lời của Đức Chúa Trời. Do đó, điều kiện thứ ba để được soi sáng là biết ngừng chính mình lại.

Thứ tư, chúng ta không nên tranh luận với ánh sáng. Đây là một đòi hỏi cơ bản khác để được soi sáng. Ngay khi được soi sáng và có cảm nhận bên trong, lập tức chúng ta nên tiếp nhận, đầu phục và đi phó đúng đắn; chúng ta không thể tranh luận. Khi nào chúng ta tranh luận với sự sáng, sự sáng sẽ biến mất.

Khi Thánh Linh thực hiện công tác soi sáng của Ngài trong con người, đây là một hành động rất dịu dàng và tận nhị. Họ khi nào gặp sự chống đối của con người, Ngài liền rút lui. Làm cho Thánh Linh ra đi bằng cách chống đối Ngài là một điều tồi tệ vô cùng, nhưng xin Ngài trở lại là một điều khá khó khăn. Ngay cả chúng ta có xưng tội, ăn năn và nhận được sự tha thứ của Chúa, Thánh Linh vẫn không trở lại ngay. Chúng ta đọc thấy tình trạng ấy trong sách Nhã Ca. Khi Chúa gõ cửa nhà người Ngài yêu, nàng không mở. Sau đó, khi nàng nhận biết điếu mình làm và ra mở cửa, thì không thấy Ngài đâu cả. Khi Chúa nhìn mặt như vậy, đó là một hình phạt cho chúng ta.

Không chỉ Thánh Linh hành động như vậy; cả những người có chức vụ từ Thánh Linh cũng hành động như vậy. Một đấng tỏ biết Đức Chúa Trời và được Ngài dùng luôn luôn vui mừng giúp đỡ người khác. Tuy nhiên, nếu anh em phê phán người, cả tình chống đối người, người sẽ không tranh đấu, lý luận hay tranh luận đúng sai với anh em. Người chỉ có một cách là đơn giản rút lui, không còn gì để nói nữa và không giúp anh em được nữa. Như vậy, người thích tranh đấu là ngu dại và sự thiệt hại anh em phải gánh chịu thật nặng nề! Đi với một người có chức vụ từ Thánh Linh chúng ta phải thật cẩn thận! Anh em có

thì phê bình người đi ngoài đường một cách tự do, nhưng anh em không nên tự do phê bình cũng không nên cố ý tranh luận với một người có chức vụ từ Thánh Linh. Điều này không có nghĩa lời phê bình của anh em không đúng hay sự tranh luận của anh em không hợp lý; có lẽ mọi lời phê bình của anh em là đúng và mọi sự tranh luận của anh em là hợp lý; nhưng có một điều chắc chắn, đó là ngay khi anh em phê bình và tranh luận với người ấy như vậy, chức vụ của người ấy đối với anh em sẽ chấm dứt. Người ấy có thể giúp đỡ hàng ngàn người, nhưng không thể giúp anh em. Không phải người ấy không giúp anh em mà là không thể giúp anh em được. Ngay cả nếu người ấy muốn giúp anh em, anh em sẽ chẳng nhận được gì. Vấn đề nghiêm trọng biết bao! Chúng ta phải thật cẩn thận!

Như vậy, đối với Thánh Linh là Đấng phán bên trong chúng ta và với những người cung ứng lời Chúa ở bên ngoài, chúng ta không thể phê bình hay tranh luận. Chúng ta không nên phê bình sự soi sáng của Thánh Linh bên trong, vì một khi tranh luận với Ngài, anh em sẽ bị tụt tằm ít nhất vài ngày. Giai đoạn tụt tằm này vừa là một hình phạt, vừa là một sự nhắc nhở cho anh em. Anh em cho rằng phạm lỗi với Đức Chúa Trời một lần không sao vì anh em có thể xin Ngài tha thứ. Vâng, Ngài có thể tha thứ anh em, nhưng Đức Chúa Trời có sự cai trị của Ngài; anh em không thể thoát khỏi hình phạt Ngài dành cho anh em. Và nếu anh em phạm lỗi với Ngài nhiều lần, chắc chắn kết cục của anh em còn bi thảm hơn. Dân Israel trong đống vung liên tục tranh luận với Đức Chúa Trời và xúc phạm Ngài. Khi họ đến Ka-đê-ba-nê-a, Đức Chúa Trời đưa bàn tay chế ngự của Ngài ra: khi ấy, họ chỉ còn cách trơ lại đi lang thang trong đống vung. Mặc dù họ khóc lóc và ăn năn nhưng tình trạng không thể nào được hồi phục. Vì vậy, dù đó là sự soi sáng nhận được từ Thánh Linh hay từ những người rao giảng Lời Đức Chúa Trời, chúng ta nên vâng lời và đừng tranh cãi. Đây cũng là một nguyên tắc nghiêm trọng trong khi tìm kiếm những điều thuộc linh.

Khi Thánh Linh soi sáng chúng ta, nếu chúng ta thật sự yêu

đui và không th vâng phục, đi chúng ta ch có th thừa với Ngài là: “Ôi Đức Chúa Trời, con nên vâng lời trong v n đ này, nhưng con quá y u đui; xin Ngài thương xót con”. T m lòng có thái độ như vậy v n đ được Ngài thương xót. Nhưng t t nhất là khi được soi sáng, chúng ta vâng phục ngay, và đừng tranh luận gì c . Bằng cách này, chúng ta đ cho Đức Chúa Trời soi sáng mình một cách liên tục.

Thứ năm, chúng ta nên liên tục s ng trong ánh sáng. Sau khi chúng ta nhận được sự soi sáng và qua đó bi t được ý m n Chúa trong một v n đ nào đó, ch vâng phục Chúa một l n trong trường hợp này cũng không đ . Trái lại, chúng ta nên học tập liên tục giữ mình trong sự soi sáng mà mình đã nhận được. Đi u này có nghĩa là khi anh em nhận sự soi sáng trong một v n đ nào đó, không những anh em nên đ u phục vào thời đi m đó mà thôi, nhưng anh em nên liên tục đ u phục nguyên t c c a sự soi sáng y .

Năm đi m này là phương cách nhận được sự soi sáng. N u c n thận lưu ý đ n năm đi m này trước mặt Chúa, chúng ta sẽ thường xuyên được soi sáng và s ng trong sự sáng. Đ n giai đoạn này, khi chúng ta c n b t cứ sự d n d t nào ở bên trong, Đức Chúa Trời sẽ ban cho chúng ta sự d n d t y ; n u chúng ta c n b t cứ loại ánh sáng nào, Ngài sẽ ban cho chúng ta loại ánh sáng y và b t cứ sự tăng tr ng nào mà sự s ng chúng ta c n. B i sự soi sáng Đức Chúa Trời sẽ làm cho sự s ng chúng ta có được sự tăng tr ng y . Nguyện Chúa đ y ân đi n đ i với chúng ta!